

TNG

MỞ RỘNG PHÁT TRIỂN



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2019



CAM KẾT TÍNH TRUNG THỰC VÀ HỢP LÝ BÁO CÁO

Cam kết tính trung thực và hợp lý báo cáo thường niên niên độ 2019 (01/01/2019 – 31/12/2019), Ban KTNB Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG với mục tiêu đảm bảo các rủi ro trọng yếu được quản lý và kiểm soát, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao công tác quản trị rủi ro, cải tiến hệ thống cũng như quy trình quản trị, từ đó giúp Công ty hoạt động năng suất và hiệu quả hơn.

Trong vai trò, trách nhiệm của ban KTNB, chúng tôi cam kết:

Các nội dung được trình bày trong BCTN niên độ 2019 (01/01/2019 - 31/12/2019) đáp ứng các quy định về công bố thông tin cụ thể theo yêu cầu của TT 155/2015/TT-BTC trên thị trường chứng khoán. Chúng tôi nhận thấy Công ty đang nỗ lực hướng đến các thông lệ tốt trên thị trường cũng như các tiêu chuẩn quốc tế cao hơn như:

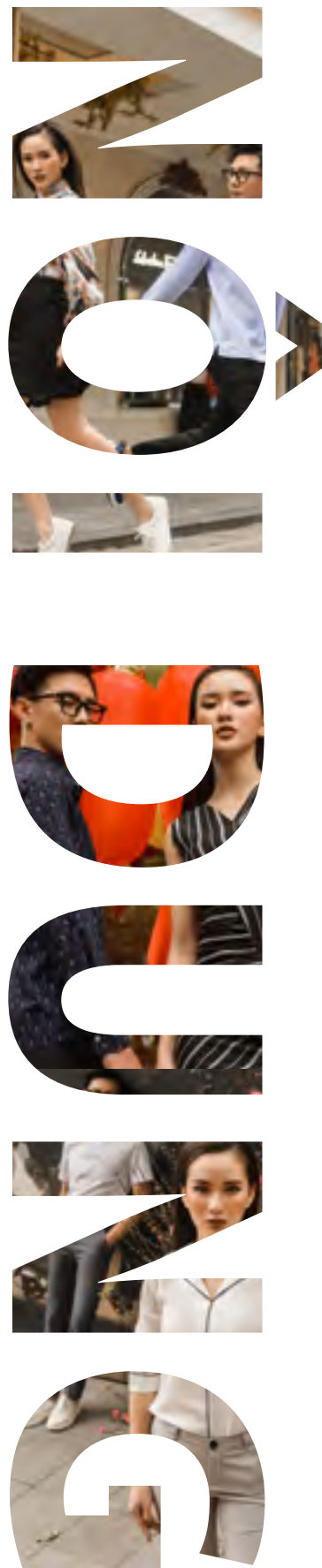
- ▣ Quy tắc quản trị công ty của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD
- ▣ Bộ tiêu chuẩn quốc tế về lập Báo cáo Phát triển bền vững toàn cầu GRI
- ▣ Thẻ điểm quản trị Công ty Khu vực ASEAN
- ▣ Báo cáo tích hợp theo chuẩn mực quốc tế IIRC

Ban Lãnh đạo Công ty đã thiết lập quy trình thực hiện và Ban KTNB đã thực hiện kiểm soát để đảm bảo sự hợp lý và chính xác của các chỉ số được lựa chọn và trình bày trong BCTN niên độ 2019 (01/01/2019-31/12/2019).

Ban KTNB nhận thấy BCTN niên độ 2019 (01/01/2019-31/12/2019) của Công ty đã trình bày một cách trung thực, hợp lý, nhằm phản ánh các thông tin về tình hình hoạt động SXKD trong niên độ, hướng tới mục tiêu bảo vệ quyền lợi của Cổ đông, Nhà đầu tư và các bên liên quan.

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN VĂN ĐỨC



Cam kết tính trung thực và hợp lý của Báo cáo	02
Những chỉ số tài chính nổi bật	06
Tầm nhìn - sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	08
Lời cam kết của TNG	09
Thông điệp của chủ tịch HĐQT	10

GIỚI THIỆU CHUNG 12

Thông tin tổng quan	14
Quá trình hình thành và phát triển	16
Lĩnh vực, ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Các công ty con, công ty liên doanh liên kết	20
Danh mục các sản phẩm tiêu biểu	24
Các sự kiện nổi bật trong năm	26
Danh hiệu, các giải thưởng	28
Phân tích SWOT	30
Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức	32
Sơ đồ tổ chức	34
Thông tin về cổ phiếu và cơ cấu cổ đông	36
Tổ chức và nhân sự	46

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 52

Định hướng phát triển	54
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	58
Giới thiệu HĐQT, Ban TGD và Tiểu ban KTNB	62
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	72

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 92

Báo cáo của HĐQT	94
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS	108
Quản trị rủi ro	112

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 118

Đánh giá của Ban Giám đốc liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, địa phương	120
Công bố thông tin về báo cáo phát triển bền vững	122
Tham vấn các bên liên quan	124
Xác định các lĩnh vực trọng yếu	126
Sự phát triển bền vững của TNG trong mối quan hệ với sự phát triển bền vững của ngành dệt may Việt Nam và toàn cầu	128
Nhà máy xanh – TNG Võ Nhai	136
Các vấn đề về xã hội	140
Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	160
Các vấn đề về môi trường	162
Thẻ điểm Quản trị Asian	182

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 204

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TNG	Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
ĐHDCĐ	Đại hội đồng Cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
Ban TGD	Ban Tổng Giám đốc
TGD	Tổng Giám đốc
KTNB	Kiểm toán nội bộ
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
NSNN	Ngân sách Nhà nước
VĐL	Vốn điều lệ
PTBV	Phát triển bền vững

NHỮNG CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT



Tổng tài sản

3.027 Tỷ đồng

Tăng 17% so với năm 2018



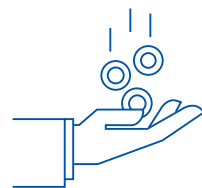
Vốn chủ sở hữu

1.066 Tỷ đồng



Tỷ lệ sinh lời từ tài sản

ROA: **8,2%**



Tăng trưởng doanh thu 2019

27,7 %



Tỷ lệ sinh lời từ vốn chủ sở hữu

ROE: **25%**

HOẠT ĐỘNG 2019

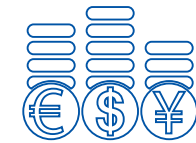
Năm 2019 là năm Công ty đạt được mức doanh thu và lợi nhuận kỷ lục kể từ thời điểm niêm yết trên sàn chứng khoán năm 2007.



Doanh thu 2019

4.617 Tỷ đồng

Tăng 28% so với cùng kỳ năm ngoái



Lợi nhuận sau thuế

230 Tỷ đồng

Tăng 28% so với cùng kỳ năm ngoái

NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG NĂM 2019

Báo cáo kết quả kinh doanh 11 tháng 2019, doanh thu lũy kế 4.336 tỷ VNĐ, vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 trước 31 ngày tương ứng 4,4%; lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 216 Tỷ VNĐ, vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 trước 31 ngày tương ứng 3,8%.



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI LỜI CAM KẾT CỦA TNG



TẦM NHÌN

- Là Công ty đại chúng trong TOP đầu minh bạch nhất, quản trị tốt nhất, phát triển bền vững nhất.
- Là Công ty sản xuất và bán lẻ từ thị trường trong nước đến thị trường toàn cầu có doanh thu tiêu thụ đạt TOP tỷ đô la Mỹ.



SỨ MỆNH

- Chịu trách nhiệm tuyệt đối cho tất cả các sản phẩm cung cấp đến tay người tiêu dùng.
- Mang lại hạnh phúc cho người lao động, khách hàng và cộng đồng dân cư.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **Trách nhiệm:** Thực hiện đạo đức kinh doanh trong công việc, đảm bảo mọi chế độ, quyền lợi của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.
- **Môi trường làm việc:** Nơi xứng đáng để cống hiến và làm việc.
- **Phát triển tương lai xanh:** Vì một màu xanh TNG, chúng tôi chú trọng mọi hoạt động liên quan đến đời sống người lao động, cộng đồng địa phương. Thực hiện phương châm hành động: "Phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường"
- **Phát triển bền vững:** Chúng tôi cam kết đảm bảo lợi ích dài hạn đa chiều trong hoạt động với khách hàng và các bên có liên quan.



LỜI CAM KẾT

Khách hàng

- Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn.
- Chất lượng sản phẩm tốt, giá cả cạnh tranh.
- Bảo vệ quyền lợi khách hàng về thương hiệu và nhãn hiệu hàng hóa.
- Đảm bảo uy tín, tôn trọng khách hàng.
- Cam kết thời gian sản xuất, năng lực với khách hàng.
- Cam kết thời gian giao hàng.
- Cam kết chống tiêu cực, hối lộ trong sản xuất kinh doanh.

Cổ đông

- Công khai, minh bạch, công bằng mọi thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh.
- Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho cổ đông.
- Phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và uy tín trên thị trường.
- Để cao tinh thần hợp tác cùng phát triển.

Cộng đồng

- Hòa hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội.
- Tham gia các hoạt động cộng đồng, an sinh xã hội.
- Sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường.
- Thể hiện trách nhiệm với cộng đồng.

Người lao động

- Người lao động làm việc tại TNG không bị vi phạm quyền lợi theo quy định của pháp luật.
- Mọi quyền lợi của người lao động làm việc tại TNG theo Bộ Luật Lao động đều được đảm bảo.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NĂM 2019 LÀ NĂM THỨ TƯ LIÊN TIẾP TNG ĐẠT DANH HIỆU DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SẢN XUẤT CHẠM MỐC NGOÀI MONG ĐỢI, THỂ HIỆN QUA DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN ĐẠT CAO NHẤT TRONG 40 NĂM QUA. LÀ DOANH NGHIỆP MAY MẶC ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM ĐƯỢC NHẬN CHỨNG CHỈ BÌNH ĐẲNG GIỚI TOÀN CẦU EDGE. ĐƯA VÀO HOẠT ĐỘNG CÁC NHÀ MÁY ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO TIÊU CHUẨN XANH, KẾT NỐI THIÊN NHIÊN VỚI CON NGƯỜI.

TRONG XU HƯỚNG CHUNG CỦA THẾ GIỚI VỀ XÂY DỰNG MỘT NỀN KINH TẾ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, TNG CŨNG KHÔNG NẴM NGOÀI QUY LUẬT ĐÓ, MÀ LUÔN CÙNG CÁC BÊN LIÊN QUAN NỖ LỰC XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ GẮN LIỀN VỚI PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.



KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN!

Năm 2019 là mốc thời gian TNG tròn 40 năm hành trình xây dựng thương hiệu và đạt nhiều thành tựu trên tất cả các lĩnh vực hoạt động. Trong chặng đường 40 năm xây dựng và phát triển, trở thành doanh nghiệp dệt may có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất Việt Nam, TNG đã có nhiều thay đổi về chiến lược, điều hành và cơ cấu tổ chức, nhưng định hướng cốt lõi vẫn luôn được TNG duy trì là phát triển bền vững trên cơ sở cân bằng các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường.

Năm 2019 là năm thứ tư liên tiếp TNG đạt danh hiệu Doanh nghiệp bền vững. Kết quả hoạt động kinh doanh sản xuất chạm mốc ngoài mong đợi, thể hiện qua doanh thu và lợi nhuận đạt cao nhất trong 40 năm qua. Là doanh nghiệp may mặc đầu tiên của Việt Nam được nhận Chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu EDGE. Đưa vào hoạt động các nhà máy được thiết kế theo tiêu chuẩn xanh, kết nối thiên nhiên với con người. Nhiều hoạt động đầu tư, phát triển cộng đồng, địa phương được Công ty thực hiện trên tinh thần “mang lại hạnh phúc” cho tất cả mọi người.

Với phương châm “Phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường”, TNG cam kết sẽ cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng, cùng các bên liên quan theo đuổi “tư duy kinh tế tuần hoàn” là nơi “không còn chất thải”, nhằm mang lại nhiều lợi thế cạnh tranh, giảm tiêu thụ năng lượng, tăng cường chuỗi cung ứng và bảo tồn thiên nhiên. Đồng thời sẵn sàng đổi mới, hoàn thiện để đáp ứng với xu thế phát triển của thời đại.

Tầm nhìn là trở thành Công ty đại chúng trong TOP đầu phát triển bền vững nhất, bước sang năm thứ 41 trong tiến trình xây dựng thương hiệu, TNG sẽ tiếp tục thực hiện định hướng cốt lõi đã lựa chọn, mang lại những giá trị cao nhất trên mục tiêu phát triển bền vững cho Cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng, CBCNV và Cộng đồng.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty, Tôi xin cảm ơn sự ủng hộ và đồng hành của toàn thể Quý vị trong suốt thời gian qua. Tôi tin tưởng rằng, với sự ủng hộ của Quý vị và sự đoàn kết của tập thể CBCNV Công ty, TNG sẽ tiếp tục tiến bước trên chặng đường phát triển bền vững, đưa dệt may Việt Nam vươn xa trên trường quốc tế.

Trân trọng cảm ơn Quý vị.

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN VĂN THỜI

HƯỚNG MỤC TIÊU TRỞ THÀNH CÔNG TY SẢN XUẤT VÀ BÁN LẺ LỚN TRÊN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA VÀ QUỐC TẾ. TNG ĐÃ CUNG ỨNG RA THỊ TRƯỜNG NHIỀU LOẠI SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO, ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG ĐÓN NHẬN. CÁC SẢN PHẨM PHỤC VỤ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CỦA TNG CŨNG ĐÃ GÓP MỘT PHẦN LỚN VÀO CƠ CẤU DOANH THU CỦA TNG, THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN NÓI RIÊNG VÀ CẢ NƯỚC NÓI CHUNG.

”

CHƯƠNG I GIỚI THIỆU CHUNG



THÔNG TIN TỔNG QUAN



TNG

THÔNG TIN TỔNG QUAN

Mã niêm yết : TNG

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

Tên tiếng Anh : TNG INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Vốn điều lệ : 652.114.760.000 đồng

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế : 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 09/01/2020.

Trụ sở chính : Số 434/1, Đường Bắc Kạn, Phường Hoàng Văn Thụ, Tp. Thái Nguyên

Điện thoại : 02083.858.508

Email : info@tng.vn

Website : <http://tng.vn>, <http://tngfashion.vn>

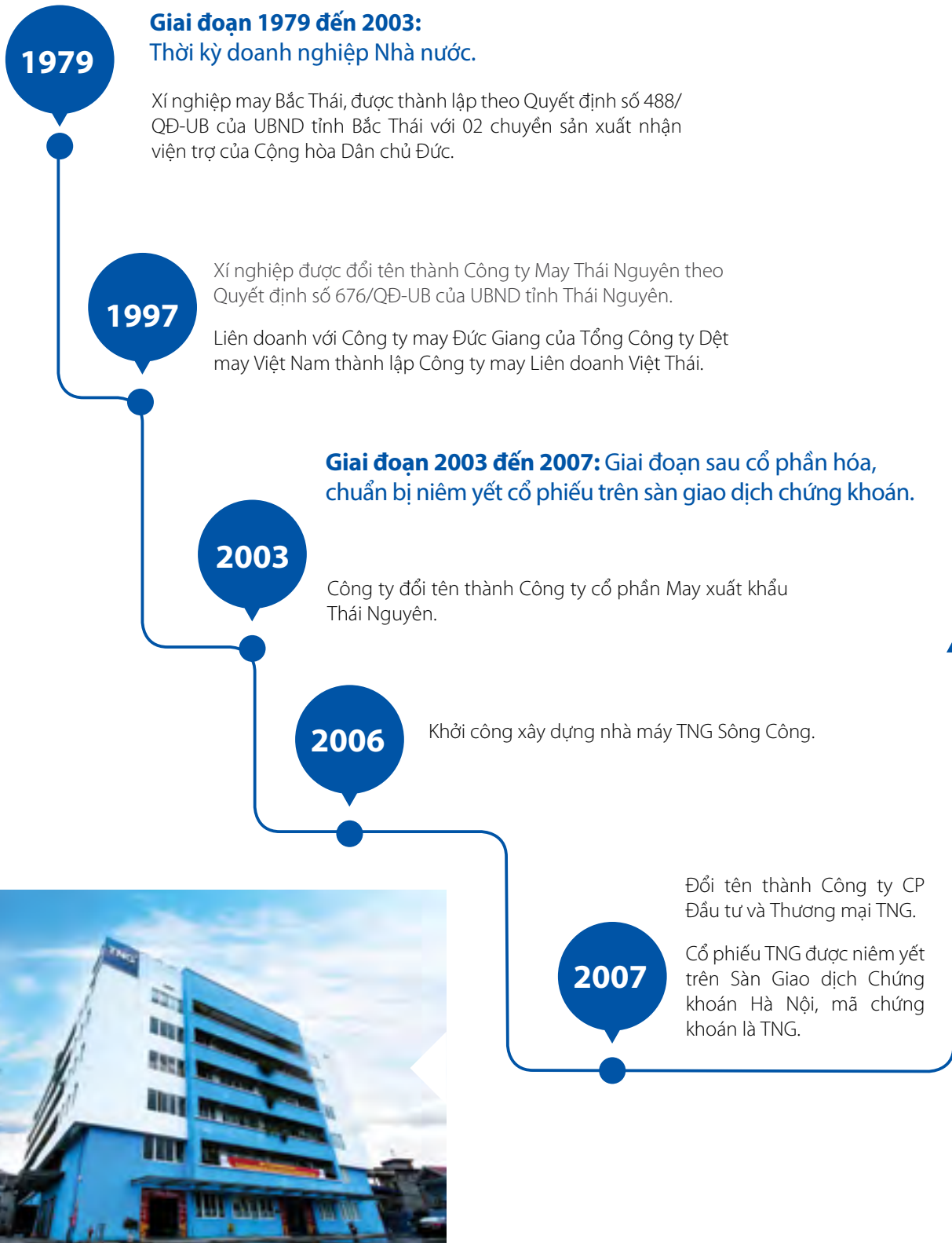
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI NEW YORK

Địa chỉ : 79 Madison street New York, NY 10016, Hoa Kỳ

Điện thoại : +1.732.406.4006

Email : linh@tng.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Giai đoạn 2008 đến 2018: Đầu tư công nghệ, khẳng định và phát triển thương hiệu.

Đây là giai đoạn đổi mới, đầu tư công nghệ tự động hóa một cách mạnh mẽ, là thời kỳ phát triển và khẳng định thương hiệu, tập trung phát triển, ứng dụng ERP trong việc quản lý sản xuất kinh doanh, đầu tư cải tạo tất cả các nhà máy TNG theo mô hình nhà máy xanh.



LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



VỚI SLOGAN “TNG – SỰ LỰA CHỌN CỦA TÔI”, TNG HƯỚNG ĐẾN NHỮNG SẢN PHẨM MAY MẶC ĐẸP MẮT VÀ KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM.



- TNG là đơn vị may công nghiệp xuất khẩu. Chuyên các sản phẩm chủ lực như áo Jacket bông, lông vũ, quần áo dán seam, quần sooc các loại, váy, hàng trẻ em, quần áo nữ, hàng dệt kim; sản xuất bông tấm, trần bông, thêu công nghiệp, thùng carton, túi PE các loại, giặt công nghiệp.
- Sản xuất hàng nội địa mang thương hiệu TNG: TNG đang trong quá trình xâm nhập thị trường nội địa. Hàng năm, TNG đều ra những bộ sưu tập độc đáo, đa dạng về màu sắc và kiểu dáng, bắt kịp với xu hướng thời trang thế giới.



Địa bàn sản xuất và kinh doanh

NHÀ MÁY MAY VIỆT ĐỨC

- Thành lập năm 1979
- Địa chỉ: Số 160 đường Minh Cầu, Tp. Thái Nguyên, Thái Nguyên

NHÀ MÁY MAY VIỆT THÁI

- Thành lập năm 1979
- Địa chỉ: Số 221 đường Thống Nhất, Tp. Thái Nguyên, Thái Nguyên

NHÀ MÁY MAY SÔNG CÔNG 1, 2, 3

- Thành lập năm 2006
- Địa chỉ: KCN Sông Công, Tp. Sông Công, Thái Nguyên

NHÀ MÁY MAY PHÚ BÌNH 1, 2, 3, 4

- Thành lập năm 2010
- Địa chỉ: Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

NHÀ MÁY MAY ĐẠI TỪ

- Thành lập năm 2015
- Địa chỉ: Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

NHÀ MÁY MAY ĐỒNG HỖ

- Thành lập năm 2018
- Địa chỉ: Xóm Ngòi Chèo, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên

NHÀ MÁY PHỤ TRỢ (Nhà máy bao bì, nhà máy bông)

- Thành lập năm 2006
- Địa chỉ: Khu B, KCN Sông Công, Tp. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

TRUNG TÂM THIẾT KẾ THỜI TRANG

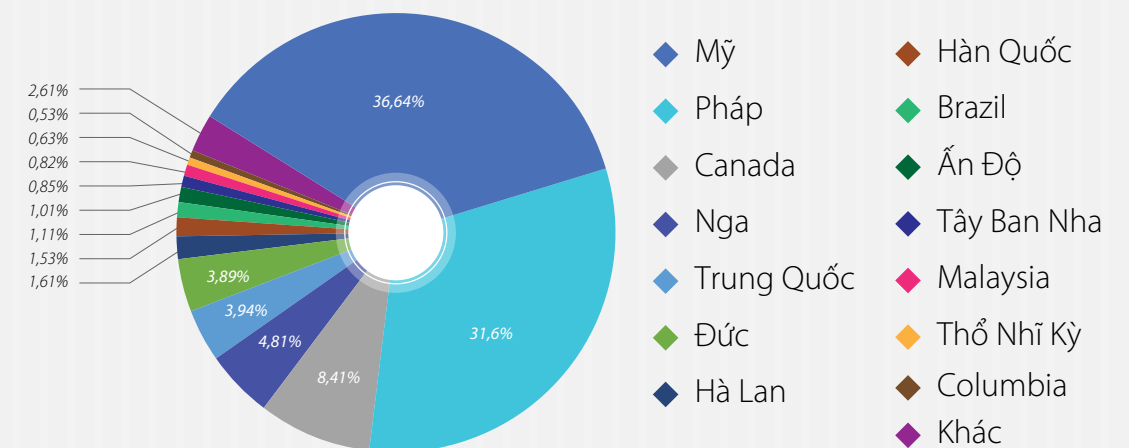
- Thành lập: 2016
- Địa chỉ: 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, Tp. Thái Nguyên
- Trung tâm thiết kế thời trang là trụ sở chính của chi nhánh thời trang, nơi có hàng chục cửa hàng thời trang công sở trải dài các tỉnh thành phố trên cả nước.

Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN BẮC THÁI

Địa chỉ: Phường Hoàng Văn Thụ, Tp. Thái Nguyên

CÁC ĐỊA BÀN XUẤT KHẨU CHỦ YẾU CỦA TNG



CÁC CÔNG TY CON CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

CÔNG TY ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH TẠI SỐ 434/1, ĐƯỜNG BẮC KẠN, TP. THÁI NGUYÊN; CÓ 11 CHI NHÁNH MAY XUẤT KHẨU NẸM TẠI ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN, 01 CHI NHÁNH MAY PHỤC VỤ SẢN XUẤT BÁN HÀNG TRONG NƯỚC, 02 CHI NHÁNH PHỤ TRỢ, 01 VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI NEW YORK – HOA KỲ VÀ 32 CỬA HÀNG THỜI TRANG HOẠT ĐỘNG TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC.



Các nhà máy hạch toán trực thuộc của TNG



NHÀ MÁY MAY VIỆT ĐỨC

Thành lập năm 1979
Địa chỉ: Số 160 đường Minh Cầu, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Diện tích nhà xưởng: 9.847 m²
Chuyển may: 25 chuyển
Lao động: 1.350 người
Năng lực sản xuất: 2,2 triệu áo jacket/ 1 năm



NHÀ MÁY MAY VIỆT THÁI

Thành lập năm 1979
Địa chỉ: Số 221 đường Thống Nhất, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Diện tích nhà xưởng: 12.691 m²
Chuyển may: 20 chuyển
Lao động: 1.080 người
Năng lực sản xuất: 1,8 triệu áo jacket/ 01 năm



NHÀ MÁY MAY SÔNG CÔNG 1, 2, 3

Thành lập năm 2006
Địa chỉ: KCN Sông Công, Tp. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Diện tích nhà xưởng: 14.000 m²
Chuyển may: 88 chuyển
Lao động: 4.288 người
Năng lực sản xuất: 7,7 triệu áo jacket/ 01 năm
Sản phẩm chính: Padding jacket, seam sealing jacket, cargo pants, bottom, leather jacket, kid items



NHÀ MÁY MAY PHÚ BÌNH 1, 2, 3, 4

Thành lập năm 2010
Địa chỉ: Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
Diện tích nhà xưởng: 93.131 m²
Chuyển may: 52 chuyển
Lao động: 3.780 người
Năng lực sản xuất: 4,5 triệu áo jacket/ 01 năm
Sản phẩm chính: Padding jacket, down jacket, bottom, denim pants, wool jacket, jumpsuit, dress



NHÀ MÁY MAY ĐẠI TỪ

Thành lập năm 2015
Địa chỉ: Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Diện tích nhà xưởng: 13.388 m²
Chuyển may: 35 chuyển
Lao động: 1.890 người
Năng lực sản xuất: 3 triệu áo jacket / 01 năm
Sản phẩm chính: Padding jacket, down jacket, bottom, denim pants, wool jacket, jumpsuit, dress



NHÀ MÁY MAY ĐỒNG HỖ

Thành lập năm 2018
Địa chỉ: Xóm Ngòi Chèo, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
Diện tích nhà xưởng: 12.760 m²
Chuyển may: 9 chuyển may
Lao động: 486 người
Năng lực sản xuất: 783 nghìn áo jacket/ 01 năm
Sản phẩm chính: Padding jacket, down jacket, bottom, denim pants, wool jacket, jumpsuit, dress

CÁC CÔNG TY CON CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT (tiếp theo)

CÁC NHÀ MÁY HẠCH TOÁN TRỰC THUỘC CỦA TNG



CHI NHÁNH THỜI TRANG TNGF

Thành lập: 2016
Địa chỉ: Số 434/1, đường Bắc Kạn,
phường Hoàng Văn Thụ, Tp.Thái Nguyên



NHÀ MÁY PHỤ TRỢ

Thành lập năm 2006
Địa chỉ: Khu B, KCN Sông Công, Tp. Sông Công,
tỉnh Thái Nguyên

Nhà máy bao bì

Hoạt động chính: Sản xuất bao bì từ giấy và nilon,
giặt là, in, thêu

Công suất: 16.000 m² carton/ 1 ngày,
600 kg túi PE/ 1 ngày

Nhà máy bông

Hoạt động chính: Sản xuất bông
Công suất: 20.000 yds bông/ 1 ngày



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CÔNG TY CON



CÔNG TY TNHH TNG FASHION

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng

Giá trị khoản cam kết góp vốn: 50.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh thời trang



CÔNG TY TNHH MTV TNG ECO GREEN

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng

Giá trị khoản cam kết góp vốn: 50.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản

CÔNG TY LIÊN KẾT



CÔNG TY TNHH GOLF YÊN BÌNH TNG

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 300.000.000.000 đồng

Giá trị khoản cam kết góp vốn: 147.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 49%

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh sân Golf



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN BẮC THÁI

Địa chỉ: 434/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ,
Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Giá trị vốn góp: 771.150.000 đồng

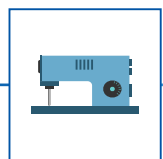
Tỷ lệ sở hữu: TNG góp 49% vốn điều lệ

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây lắp các công trình
về lưới điện

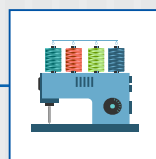
TNG hiện đang tham gia vào quá trình tái cơ cấu, hoàn
thiện bộ máy và chiến lược kinh doanh

DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

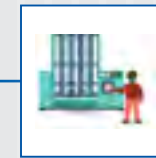
SAU HƠN 40 NĂM PHÁT TRIỂN, TNG ĐÃ CUNG ỨNG RA THỊ TRƯỜNG NHIỀU LOẠI SẢN PHẨM THỜI TRANG VỚI CHẤT LƯỢNG ĐẢM BẢO, ĐA DẠNG VỀ CHỦNG LOẠI, ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC ĐÓN NHẬN MỘT CÁCH TÍCH CỰC. CÁC SẢN PHẨM PHỤC VỤ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CỦA TNG CŨNG ĐÃ GÓP MỘT PHẦN LỚN VÀO CƠ CẤU DOANH THU CỦA TNG, THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP TÍNH THÁI NGUYÊN NÓI RIÊNG VÀ CẢ NƯỚC NÓI CHUNG.



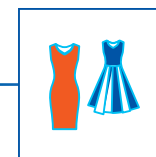
May công nghiệp xuất khẩu:
Áo jacket bông, lông vũ, quần áo dán seam, quần sooc, các loại váy, hàng trẻ em, hàng dệt kim,...



Bông tấm, trần bông, thêu công nghiệp, in công nghiệp,...



Thùng Cartoon, túi PE các loại, giặt công nghiệp,...



Sản xuất hàng thời trang công sở nội địa mang thương hiệu TNG,...



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT

TNG LÀ CÔNG TY ĐẦU TIÊN TRONG LĨNH VỰC MAY MẶC TẠI VIỆT NAM ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ BÌNH ĐẲNG GIỚI TOÀN CẦU EDGE CẤP ĐỘ ASSESS, CỦA TỔ CHỨC EDGE CERTIFIED FOUNDATION (THỤY SỸ).



Xây dựng TNG Võ Nhai

10 ha

theo tiêu chuẩn LEED và LOTUS.

- Vinh dự được trao Chứng nhận Doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất 2018, tại Lễ công bố và trao chứng nhận Doanh nghiệp có năng lực quản trị - năng lực tài chính tốt nhất sản chứng khoán Việt Nam- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), báo Diễn đàn Doanh nghiệp phối hợp với Viện Nghiên cứu và phát triển doanh nghiệp (INBUS), Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA) đồng tổ chức.
- Áp dụng các tiêu chuẩn theo thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean (ACMF) để đánh giá tình hình quản trị công ty 2019.
- Sử dụng tiêu chuẩn GRI trong việc lập và trình bày nội dung phát triển bền vững trong Báo cáo thường niên 2019.
- Phát hành thành công 136 tỷ VNĐ Trái phiếu không tài sản đảm bảo, không chuyển đổi, không chứng quyền cho quỹ Asam Vietnam Corporate Bond Hedge Fund 1.
- TNG đã sáng chế ra sản phẩm Bông Dowlike được Cục Bản quyền tác giả Bộ văn hóa thể và du lịch cấp chứng nhận quyền tác giả.
- Tháng 9/2019, Công ty đã chính thức đưa vào khai thác sử dụng Nhà máy sản xuất bông, được đầu tư hoàn toàn theo công nghệ mới hiện đại, thiết kế theo tiêu chuẩn nhà máy xanh trên tổng diện tích 12.600 m².
- Đạt doanh thu 4.617 tỷ VNĐ, lợi nhuận sau thuế 230 tỷ VNĐ, mức doanh thu và lợi nhuận kỷ lục kể từ khi TNG niêm yết trên sàn chứng khoán năm 2007.



SÁNG CHẾ RA SẢN PHẨM BÔNG DOWLIKE - CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ BỘ VĂN HÓA THỂ VÀ DU LỊCH CHỨNG NHẬN QUYỀN TÁC GIẢ.

- Dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh dương 410 tỷ VNĐ - mức cao nhất kể từ khi TNG niêm yết trên sàn chứng khoán năm 2007.
- Khởi công xây dựng Nhà máy TNG Võ Nhai - có quy mô 10ha, được xây dựng tại xóm Cây Bông, xã La Hiên, có tổng mức đầu tư 290 tỷ đồng. Bao gồm 2 nhà xưởng may rộng 27.000 m², nhà ăn ca, văn phòng, nhà phụ trợ, nhà để xe. Quy mô Dự án 32 chuyên may công nghiệp, tạo việc làm cho 2.000 lao động địa phương - Nhà máy xanh định hướng đạt tiêu chuẩn Leed đối với khu vực văn phòng, tiêu chuẩn Lotus đối với khu vực sản xuất. Định hướng tất cả các nhà máy xây dựng bởi TNG kể từ năm 2018 đều sẽ đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh, đảm bảo là một mắt xích trong toàn bộ chuỗi cung ứng toàn cầu đảm bảo không chỉ thu hút nhiều đơn hàng lớn từ những thương hiệu tên tuổi Nike, Adidas,... mà còn cân bằng giữa bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội giúp Công ty phát triển bền vững trong dài hạn.
- TNG đã chính thức mở rộng sang lĩnh vực bất động sản, với việc ra mắt Dự án chung cư thương mại TNG Village trong tháng 10/2019.
- TNG Village được xây dựng trên mục tiêu "vì hạnh phúc của người lao động" nhằm mang đến cho CBCNV TNG cuộc sống trọn vẹn nhất. Dự án là nằm trong chuỗi dự án tiện ích mà TNG phát triển với mong muốn nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động.

Chú thích

LEED (Leadership in Energy & Environmental Design) là một giấy chứng nhận cho các công trình xây dựng xanh được cấp bởi Hội đồng Xây dựng Xanh Mỹ ra đời năm 1995 tại Mỹ. Đây là tiêu chuẩn quốc tế tiên phong về vấn đề xây dựng các công trình tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường sống của con người.

LOTUS là hệ thống chứng nhận công trình xanh được phát triển bởi Hội đồng Công trình xanh Việt Nam (VGBC) – tổ chức phi lợi nhuận quốc tế, thành viên Hội đồng Công trình xanh Thế giới (WorldGBC).



Top 5

DOANH NGHIỆP QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT NHẤT –
NHÓM VỐN HÓA TRUNG BÌNH 2019

Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2018



DANH HIỆU VÀ CÁC GIẢI THƯỞNG



Ngày 06/01/2020: Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên trao Bằng khen đã có nhiều đóng góp trong thực hiện chương trình “Tuần cao điểm Tết vì người nghèo năm 2020” theo Quyết định số 3087/QĐ-TU ngày 06/01/2020.

Ngày 18/11/2019: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trao tặng danh hiệu **Doanh nghiệp bền vững năm 2019** theo Quyết định số 2733/QĐ-PTM ngày 18/11/2019.

Ngày 27/11/2019: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và Báo đầu tư trao tặng Giải thưởng “**Top 5 doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất – Nhóm vốn hóa trung bình 2019**” cuộc Bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2018.

Ngày 17/05/2019: Chủ tịch UBND Tỉnh Thái Nguyên trao tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện cuộc vận động “**Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam**” trên địa bàn Tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 17/05/2019.

Ngày 15/07/2019: Liên đoàn Lao động Tỉnh Thái Nguyên trao tặng Chứng nhận danh hiệu “**Doanh nghiệp vì người lao động**” năm 2019 theo Quyết định số 295/QĐ-LĐLĐ ngày 15/7/2019.

Ngày 13/11/2019: Chủ tịch Nước trao **Huân chương Lao động hạng Nhất** theo Quyết định số 1980/QĐ-CTN ngày 13/11/2019.

Ngày 30/12/2019: Giám đốc Công An tỉnh trao **Giấy khen có thành tích trong phòng trào toàn dân phòng cháy chữa cháy 2019** theo Quyết định số 2852/QĐ-CAT-PX03 ngày 30/12/2019.

VỊ THẾ VÀ ĐIỂM MẠNH CỦA TNG

- TNG nằm trong top 10 doanh nghiệp tiêu biểu toàn diện của ngành May Việt Nam.
- Đang chiếm những lợi thế lớn trong toàn ngành; sở hữu các hợp đồng gia công quốc tế cho các nhãn hiệu nổi tiếng như Adidas, Nike, Zara,... hướng đến bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới nhằm gia tăng lợi nhuận.
- Tận dụng thế mạnh, khai thác và củng cố vị thế của mình đối với thị trường thời trang trong nước.
- Thiết lập quan hệ đối tác lâu dài với các nhãn hiệu nổi tiếng, gia tăng năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Chủ động trong sản xuất, bước đầu xây dựng chuỗi cung ứng giúp khách hàng có sẵn nguồn cung, không phải đặt các nơi khác.
- Sở hữu hệ thống Nhà máy sản xuất hiện đại, được đầu tư thường xuyên, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu về số lượng cũng như chất lượng sản xuất sản phẩm.
- Có quy mô năng lực sản xuất lớn.
- Có mối quan hệ tốt với chính quyền, với người dân địa phương.
- Người lao động có tay nghề cao, kinh nghiệm lâu năm.

ĐIỂM YẾU

- Hàng FOB thực hiện theo FOB convert (khách hàng chỉ định nguồn nguyên phụ liệu).
- Các đơn hàng CMPT bị phụ thuộc về hàng đồng bộ để sản xuất, dẫn tới kế hoạch sản xuất nhiều khi thay đổi ngoài dự tính.
- Lợi thế về sức mạnh cạnh tranh còn một số hạn chế. Đặc biệt đối với các thương hiệu lớn từ nước ngoài vốn đa dạng về mẫu mã, chất lượng ưu việt, được sản xuất trên dây chuyền tiên tiến và liên tục được cập nhật xu hướng theo mùa.
 - Chưa phát huy được hết vai trò của thị trường nội địa trong mở rộng thị phần. Trong khi thị trường tiêu thụ hàng dệt may, quần áo may sẵn ở Việt Nam rất cao và không ngừng tăng lên.

CƠ HỘI

- Thị trường nội địa còn rộng và không ngừng tăng trưởng.
- Chính phủ có cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ và tăng tốc ngành dệt may.
- Sự ủng hộ và chia sẻ thông tin cũng như cơ hội kinh doanh từ các tổ chức hiệp hội và ngành nghề.
- TNG có các nhà máy tại các vùng có nhiều lao động.
- Được hưởng nhiều lợi ích do dịch chuyển đơn hàng từ Trung Quốc và các nước khác về Việt Nam.

THÁCH THỨC

- Cạnh tranh thu hút nhân lực trong vùng bởi dự án Nhà máy Sam Sung Thái Nguyên.
- Các đơn vị cùng dòng sản phẩm cạnh tranh về giá nhân công.
- Các thách thức liên quan đến vùng và nguồn nguyên liệu.
- Diễn biến thị trường dệt may thế giới và trong nước thường xuyên có nhiều thay đổi. Sự cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, đặc biệt là sự cạnh tranh đến từ các nước như Trung Quốc, Ấn Độ,...
- Yêu cầu của các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản,... ngày càng nhiều và khó.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

TNG hiện nay đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm b, khoản 1, điều 134 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trong đó có ĐHĐCĐ, HĐQT và Giám đốc hoặc TGD. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn áp dụng thông lệ tốt theo Nguyên tắc quản trị công ty G20/OECD trong đó HĐQT có các tiểu ban chuyên trách giúp việc gồm có: Tiểu ban kiểm toán, Tiểu ban chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự lương thưởng. Trong đó, Tiểu ban Phát triển bền vững có trách nhiệm định hướng và giám sát các hoạt động của bộ phận điều hành giúp Công ty không chỉ tăng trưởng về mặt tài chính mà còn đảm bảo hài hòa lợi ích với việc bảo vệ môi trường và tuân thủ trách nhiệm xã hội.



CƠ CẤU TỔ CHỨC

- HĐQT của TNG gồm có 09 người, 01 Chủ tịch kiêm TGD; 03 thành viên HĐQT độc lập.
- HĐQT bao gồm các tiểu ban chuyên trách: Tiểu ban Kiểm toán; Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban Nhân sự lương thưởng và Tiểu ban Phát triển bền vững.
- Ban TGD gồm có 01 TGD và 04 Phó TGD chuyên trách từng lĩnh vực riêng.
- Kế toán trưởng: 01 người.

Và các đơn vị, nhà máy sản xuất như sau

- Đơn vị nhà máy may xuất khẩu trực thuộc: 11 nhà máy.
- Đơn vị nhà máy may thời trang nội địa: 01 nhà máy.
- Đơn vị nhà máy phụ trợ: 02 nhà máy.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Giá trị vốn hóa thị trường tại ngày 31/12/2019	: 971.650.992.400 VNĐ
Vốn điều lệ Công ty	: 652.114.760.000 VNĐ
Mệnh giá 1 cổ phiếu	: 10.000 VNĐ
Số lượng cổ phiếu niêm yết	: 65.211.476 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 65.211.476 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	: 4.685.272 cổ phiếu
Giá trị cổ phiếu trên thị trường	: 14.900 VNĐ (giá đóng cửa ngày 31/12/2019)
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài	: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Tên gọi trái phiếu	: Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG năm 2019
Loại trái phiếu	: Trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền
Nhà đầu tư	: Asam Vietnam Corporate Bond Hedge Fund 1
Hình thức	: Phát hành riêng lẻ
Thời điểm phát hành	: 25/10/2019
Tổng giá trị trái phiếu phát hành	: 136.000.000.000 VNĐ (Một trăm ba mươi sáu tỷ đồng)
Kỳ hạn trái phiếu	: 3 năm kể từ ngày phát hành



VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY

652.114.760.000

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	TÊN CÁ NHÂN/ TỔ CHỨC	CHỨC VỤ TẠI CÔNG TY	SỐ CP SỞ HỮU CÁ NHÂN	TỶ LỆ SỞ HỮU CP CÁ NHÂN (%)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT	12.580.711	19,29%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	5.002.723	7,67%
3	Nguyễn Văn Đức	Phó Chủ tịch HĐQT không điều hành	145.989	0,22%
4	Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT	2.622.968	4,02%
5	Đỗ Thị Hà	Thành viên HĐQT	1.493.578	2,29%
6	Lương Thị Thúy Hà	Thành viên HĐQT	477.914	0,73%
7	Lê Quang Vinh	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	-	0,00%
8	Đình Lệ Hằng	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	-	0,00%
9	Hwan Kyoon Kim	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	14.400	0,02%
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Nguyễn Văn Thời	Tổng Giám đốc		
2	Đoàn Thị Thu	Phó TGD	169.928	0,26%
3	Trần Minh Hiếu	Phó TGD	59.945	0,09%
4	Lương Thị Thúy Hà	Phó TGD	477.914	0,73%
5	Lưu Đức Huy	Phó TGD	132.120	0,20%
KẾ TOÁN TRƯỞNG				
1	Trần Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	69.296	0,11%

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY

STT	CỔ ĐÔNG LỚN	SỐ ĐĂNG KÝ SỞ HỮU	ĐỊA CHỈ	SỐ CP NẴM GIỮ	TỶ LỆ (%)
1	Nguyễn Văn Thời	090117808	Phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	12.580.711	19,29%
2	Nguyễn Đức Mạnh	013680931	Phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	5.002.723	7,67%

DANH SÁCH SỞ HỮU CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN	SỐ ĐĂNG KÝ SỞ HỮU	MỐI QUAN HỆ	SỐ CP NẴM GIỮ	TỶ LỆ (%)
1	Nguyễn Thị Nhuận	091928825	Em gái Chủ tịch HĐQT Nguyễn Văn Thời	217.897	0,33%
2	Nguyễn Thị Miện	091902622	Em gái Chủ tịch HĐQT Nguyễn Văn Thời	242.107	0,37%
3	Nguyễn Thị Miên	090688967	Em gái Chủ tịch HĐQT Nguyễn Văn Thời	81.076	0,12%
4	Nguyễn Văn Thời	090784558	Em trai Chủ tịch HĐQT Nguyễn Văn Thời	566	0,00%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 14/06/2019

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG NGƯỜI/ TỔ CHỨC	SỐ CỔ PHẦN			TỶ LỆ (%)
			ĐÃ LƯU KÝ	CHƯA LƯU KÝ	TỔNG SỐ	
I	Cổ đông trong nước	4.131	48.959.490	3.053.992	52.013.482	83,67%
1	Cổ đông tổ chức	28	170.638		170.638	0,27%
2	Cổ đông cá nhân	4.103	48.788.852	3.053.992	51.842.844	83,39%
2.1	Trong đó cổ đông lớn: Nguyễn Văn Thời		11.405.061	575.650	11.980.711	19,27%
2.2	Trong đó cổ đông lớn: Nguyễn Đức Mạnh		3.218.370	1.579.353	4.797.723	7,72%
II	Cổ đông nước ngoài	68	10.154.516	0	10.154.516	16,33%
1	Cổ đông tổ chức	18	8.884.261		8.884.261	14,29%
2	Cổ đông cá nhân	50	1.270.255		1.270.255	2,04%
	Tổng cộng	4.199	59.114.006	3.053.992	62.167.998	100%

TẠI NGÀY 21/02/2020

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG NGƯỜI/ TỔ CHỨC	SỐ CỔ PHẦN			TỶ LỆ (%)
			ĐÃ LƯU KÝ	CHƯA LƯU KÝ	TỔNG SỐ	
I	Cổ đông trong nước	4.719	51.794.755	2.714.485	54.509.240	83,59%
1	Cổ đông tổ chức	29	297.651		297.651	0,46%
2	Cổ đông cá nhân	4.690	51.497.104	2.714.485	54.211.589	83,13%
2.1	Trong đó cổ đông lớn: Nguyễn Văn Thời		12.005.061	575.650	12.580.711	19,29%
2.2	Trong đó cổ đông lớn: Nguyễn Đức Mạnh		3.423.370	1.579.353	5.002.723	7,67%
II	Cổ đông nước ngoài	77	10.702.236	0	10.702.236	16,41%
1	Cổ đông tổ chức	18	9.150.781		9.150.781	14,03%
2	Cổ đông cá nhân	59	1.551.455		1.551.455	2,38%
	Tổng cộng	4.796	62.496.991	2.714.485	65.211.476	100%

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tiếp theo)



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2019 Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

Trong năm 2019 TNG có 3 đợt tăng vốn:

- Ngày 12/3/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2018 số 426/CV-TNG ngày 07/3/2019 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 2.467.009 cổ phiếu. Tăng vốn từ 493 tỷ VNĐ lên 518 tỷ VNĐ.
- Ngày 24/6/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 1346/CV-TNG ngày 20/6/2019 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 10.360.809 cổ phiếu. Tăng vốn từ 518 tỷ VNĐ lên 621 tỷ VNĐ.
- Ngày 13/12/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 1) số 2823CV/TNG ngày 12/12/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 35 trái phiếu thành 3.043.478 cổ phiếu. Tăng vốn từ 621 tỷ VNĐ lên 652 tỷ VNĐ.



GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẴM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Tỷ lệ sở hữu tối đa người nước ngoài đối với TNG là 49%.
- Tính đến ngày 26/02/2019 TNG có tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài là 18,94%.
- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ quy định về Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác hoặc thuộc các trường hợp quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP. Hiện tại, Công ty đang có một số hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, do đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa vẫn là 49%.
- Ngày 11/03/2016, HĐQT Công ty có Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT về việc: Thông qua chủ trương nâng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đến 100% vốn điều lệ và sáp nhập Công ty Cổ phần Thời trang TNG vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.
- Thông qua chủ trương nói room, nâng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài đến 100% vốn điều lệ.
- Sau khi tham khảo các đơn vị tư vấn và vụ trưởng vụ chào bán chứng khoán thì TNG có một số mã ngành trùng với 267 ngành nghề kinh doanh có điều kiện. TNG đang đợi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉnh sửa các ngành nghề có điều kiện để việc nói room hoàn thiện.



LỊCH SỬ TRẢ CỔ TỨC CỦA TNG QUA CÁC NĂM

NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG	LÝ DO VÀ MỤC ĐÍCH	TỶ LỆ THỰC HIỆN
21/02/2020	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 bằng tiền	Tỷ lệ thực hiện 8%/ 1 cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 800 đồng)
14/06/2019	Trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu	Tỷ lệ thực hiện: 5:1 (Cổ đông sở hữu 05 cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu mới)
26/06/2018	Trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu	Tỷ lệ thực hiện: 5:1 (Người sở hữu 05 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
30/06/2017	Trả cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu	Tỷ lệ thực hiện: 5:1 (Người sở hữu 05 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
16/08/2016	Trả cổ tức đợt 2 năm 2015 bằng cổ phiếu	Tỷ lệ thực hiện 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
11/11/2015	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng cổ phiếu	Tỷ lệ thực hiện 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
12/02/2015	Trả cổ tức đợt 2 năm 2014 bằng tiền	Tỷ lệ thực hiện 6%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 600 đồng)
18/12/2014	Trả cổ tức đợt 1 năm 2014 bằng cổ phiếu	Tỷ lệ thực hiện 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
04/06/2014	Trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu	Tỷ lệ thực hiện 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
05/04/2013	Tạm ứng cổ tức 2012 bằng tiền	Tỷ lệ thực hiện 10%/ 1 cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)
28/12/2011	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011 bằng tiền	Tỷ lệ thực hiện 10%/ 1 cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)
07/01/2011	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 bằng tiền	Tỷ lệ thực hiện 10%/ 1 cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)
24/11/2010	Chia cổ tức đợt 2 năm 2009 bằng tiền	Tỷ lệ thực hiện: 6%/ 1 cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận: 600 đồng)
27/01/2010	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2009 bằng cổ phiếu	Tỷ lệ thực hiện 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
06/03/2009	Trả cổ tức 2008 bằng tiền	Tỷ lệ thực hiện 16%/ 1 cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.600 đồng)
20/03/2008	Trả cổ tức 2007 bằng tiền	Tỷ lệ thực hiện 16%/ 1 cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.600 đồng)

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tiếp theo)



LỊCH SỬ TĂNG VỐN CỦA TNG QUA CÁC NĂM

NGÀY THÁNG	STT	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG (ĐỒNG)	SỐ LƯỢNG CP ĐANG LƯU HÀNH	SỐ LƯỢNG CP TĂNG	VỐN TĂNG (ĐỒNG)	NỘI DUNG
18/03/2007	Lần 1	54.300.000.000	5.430.000	3.630.000	36.300.000.000	Phát hành ra công chúng
27/01/2010	Lần 2	86.875.500.000	8.687.550	3.257.550	32.575.500.000	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2009 bằng cổ phiếu tỷ lệ thực hiện: 10% (10 cổ phiếu sẽ được nhận cổ tức 1 cổ phiếu mới) Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ thực hiện 2:1 (02 cổ phiếu sẽ có quyền mua 1 cổ phiếu mới)
10/12/2010	Lần 3	134.613.250.000	13.461.325	4.773.775	47.737.750.000	Ngày 10/12/2010, Chủ tịch UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 759/UBCK-GCN cho Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG chào bán 4.773.775 cổ phiếu ra công chúng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó: 4.343.775 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu; 430.000 cổ phiếu chào bán cho cán bộ quản lý trong Công ty.
12/06/2014	Lần 4	148.074.150.000	14.807.415	1.346.090	13.460.900.000	Ngày 12/6/2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, theo Báo cáo kết quả phát hành số 541/TNG-BC ngày 11/6/2014 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG. Theo đó, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG đã thực hiện phát hành thành công 1.346.090 cổ phần, chiếm 99,996% tổng số cổ phần được phép phát hành.
26/12/2014	Lần 5	162.879.460.000	16.287.946	1.480.531	14.805.310.000	Ngày 26/12/2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được Tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (theo báo cáo kết quả phát hành số 800/TNG-BC ngày 23/12/2014) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG đã thực hiện phát hành thành công 1.480.531 cổ phiếu (chiếm 99,98% tổng số cổ phần được phép phát hành).
09/02/2015	Lần 6	219.425.690.000	21.942.569	5.654.623	56.546.230.000	Ngày 09/02/2015: Phát hành cổ phiếu Esop cho người lao động: 718.813 cổ phần. Ngày 09/02/2015: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu số lượng: 4.935.819 cổ phần
20/11/2015	Lần 7	241.364.850.000	24.136.485	2.193.916	21.939.160.000	Ngày 20/11/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2015 (theo Báo cáo kết quả phát hành số 1703/TNG-BC ngày 16/11/2015) của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG. Theo đó, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG đã thực hiện phát hành thành công 2.193.916 cổ phiếu (chiếm 99,98% tổng số cổ phần được phép phát hành).
15/01/2016	Lần 8	296.221.270.000	29.622.127	5.485.642	54.856.420.000	Ngày 15/1/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2015 (theo Báo cáo kết quả phát hành ngày 7/1/2016) của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG. Theo đó, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG đã thực hiện phát hành thành công 5.485.642 cổ phiếu (chiếm 100% tổng số cổ phần được phép phát hành).

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tiếp theo)



LỊCH SỬ TĂNG VỐN CỦA TNG QUA CÁC NĂM (tiếp theo)

NGÀY THÁNG	STT	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG (ĐỒNG)	SỐ LƯỢNG CP ĐANG LƯU HÀNH	SỐ LƯỢNG CP TĂNG	VỐN TĂNG (ĐỒNG)	NỘI DUNG
06/09/2016	Lần 9	342.649.780.000	34.264.978	4.642.851	46.428.510.000	Ngày 6/9/2016 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 9051-TNG ngày 5/9/2016, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động số 826A-TNG ngày 26/8/2016, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi với CTCP Thời trang TNG số 9052-TNG ngày 5/9/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG. Theo đó kết quả phát hành của Công ty như sau: Số lượng cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu: 2.961.745 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động: 1.481.106 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành để hoán đổi với CTCP Thời trang TNG: 200.000 cổ phiếu.
12/07/2017	Lần 10	411.172.910.000	41.117.291	6.852.313	68.523.130.000	Ngày 12/7/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 số 1607/TNG-CBTT ngày 10/7/2017 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG đã phát hành thành công 6.852.313 cổ phiếu.
03/07/2018	Lần 11	493.401.800.000	49.340.180	8.222.889	82.228.890.000	Ngày 3/7/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 số 1462/CV-TNG ngày 2/7/2018 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 8.222.889 cổ phiếu.
12/03/2019	Lần 12	518.071.890.000	51.807.189	2.467.009	24.670.090.000	Ngày 12/3/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2018 số 426/CV-TNG ngày 07/3/2019 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 2.467.009 cổ phiếu.
24/06/2019	Lần 13	621.679.980.000	62.167.998	10.360.809	103.608.090.000	Ngày 24/6/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 1346/CV-TNG ngày 20/6/2019 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 10.360.809 cổ phiếu.
13/12/2019	Lần 14	652.114.760.000	65.211.476	3.043.478	30.434.780.000	Ngày 13/12/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 1) số 2823CV/TNG ngày 12/12/2019 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 35 trái phiếu thành 3.043.478 cổ phiếu.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Là một Công ty dệt may với 15.670 CBCNV, TNG đã xây dựng một chính sách nhân sự, tiền lương rất cụ thể trong “Chính sách về người lao động”, theo đó: “Người lao động làm việc tại TNG được hưởng đầy đủ mọi chế độ/quyền lợi theo quy định của Luật lao động, Luật bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quy định của Nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động”. Các chính sách lương, phụ cấp và tiền thưởng được quy định rõ ràng. Cụ thể:



Các chính sách lương, phụ cấp và tiền thưởng

“NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI TNG ĐƯỢC HƯỞNG ĐẦY ĐỦ MỌI CHẾ ĐỘ/QUYỀN LỢI THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT LAO ĐỘNG, LUẬT BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN CHẾ ĐỘ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG”. CÁC CHÍNH SÁCH LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ TIỀN THƯỞNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH RÕ RÀNG.



15.670
Cán bộ công nhân viên



3.883
Cán bộ công nhân viên nam



11.787
Cán bộ công nhân viên nữ

TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHỤ CẤP

Tiền lương: Theo chức danh công việc, được trả theo hệ số cấp bậc của người lao động nhân với tiền lương tối thiểu. (Tiền lương tối thiểu áp dụng cho CBCNV lao động tại TNG tăng 13% so với mức quy định của Nhà nước). Tiền lương sản phẩm: Trả theo đơn giá sản phẩm nhân với số lượng sản phẩm. Tiền lương thời gian theo chế độ: Trả cho những ngày nghỉ Lễ, phép, học tập, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ do tai nạn lao động, nghỉ khám sức khỏe định kỳ và chế độ lao động nữ.

Phụ cấp: Phụ cấp nuôi con nhỏ dưới 6 tuổi, phụ cấp kiêm nhiệm, chuyên cần, phụ cấp suất ăn ca.

Tiền thưởng: (Được tính theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty gồm): Thưởng thành tích hàng tháng, thành tích thi đua, tháng lương thứ 13, tiền thưởng tích lũy thành tích thi đua hàng tháng, Tết Nguyên Đán, thưởng phân chia nguồn kết dư tiền lương còn lại hàng năm. Bên cạnh đó về thời gian làm việc cũng như các



chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết được tuân thủ theo quy định của pháp luật. Làm việc ở TNG người lao động có cơ hội thăng tiến, được bổ nhiệm vào các chức vụ quản lý theo năng lực cá nhân. Công ty khuyến khích và tài trợ kinh phí cho CBCNV được học tập nâng cao nghiệp vụ, tay nghề trong và ngoài nước.

CÁC PHÚC LỢI CÁ NHÂN

- Bảo hiểm thân thể 100% mức đóng/ năm.
- Tham quan du lịch trong và ngoài nước.
- Nhà ở tập thể cho người lao động với giá ưu đãi.
- Học bổng cho con em có nguyện vọng học xong về làm việc tại TNG, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.
- Hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Có xe đưa đón CBCNV (có địa điểm gửi xe không mất phí), nhà trẻ tại khu tập thể cho CBCNV gửi con em.
- Lao động nữ sinh con được Công ty hỗ trợ 300.000đ/ lần sinh.
- Chế độ thai sản dành cho các ông bố: Người lao động là nam giới, mà cả hai vợ chồng là CBCNV của TNG, khi người vợ nghỉ sinh con, người chồng được Công ty cho nghỉ để chăm sóc vợ con. Thời gian được nghỉ là 05 ngày nếu vợ sinh thường, là 07 ngày nếu vợ sinh mổ và được thanh toán 100% tiền lương.
- Xây dựng, phát triển khu cây xanh trong khuôn viên Công ty để người lao động có môi trường xanh, sạch.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

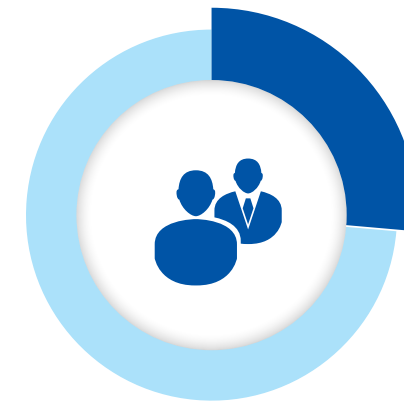
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tổng số lao động của Công ty: 15.670 (tính đến ngày 31/12/2019)



CƠ CẤU THEO NHÀ MÁY MAY

Việt Đức	1.592	10,16%	Phú Bình 2	1.138	7,26%
Việt Thái	1.204	7,68%	Phú Bình 3	1.116	7,12%
Đại Từ	2.230	14,23%	Phú Bình 4	1.138	7,26%
Sông Công 1	1.084	6,92%	Đồng Hỷ	601	3,83%
Sông công 2	1.926	12,29%	Văn phòng TNG	128	0,82%
Sông công 3	1.770	11,30%	Chi nhánh Thời trang TNGF	627	4,00%
Phú Bình 1	1.116	7,12%			



CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO GIỚI TÍNH

Nam	3.883	26,44%
Nữ	11.787	73,56%



CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO ĐỘ TUỔI

18 đến 20	1.363	8,70%
21 đến 25	3.579	22,84%
26 đến 35	7.489	47,79%
36 đến 45	2.860	18,25%
Trên 45	379	2,42%



CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO THỜI HẠN HĐLĐ

Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	1.967	12,55%
Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	7.878	50,28%
Hợp đồng không xác định thời hạn	5.825	37,17%



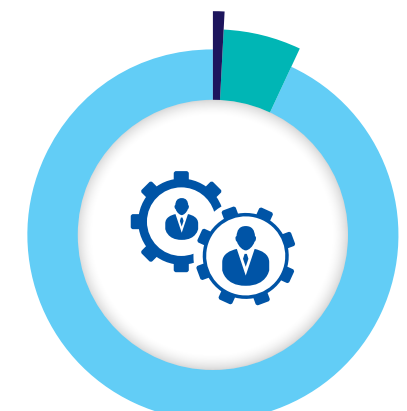
CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Trên Đại học	53	0,34%
Đại học	2.178	13,90%
Cao đẳng	1.739	11,10%
Lao động nghề	11.700	74,66%



CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO CẤP QUẢN LÝ

Quản lý cấp cao	18	0,11%
Quản lý cấp trung	50	0,32%
Quản lý cấp chi nhánh	116	0,74%
Chuyên viên nhân viên	15.486	98,83%



CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO KHỐI CHỨC NĂNG

Kinh doanh	140	0,89%
Sản xuất	14.584	93,07%
Hỗ trợ sản xuất	946	6,04%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

CÔNG TÁC CÁN BỘ

- Bổ nhiệm Ông Lưu Đức Huy giữ chức Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 11/02/2019.
- Bổ nhiệm Bà Lương Thị Thúy Hà giữ chức Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ kể từ ngày 02/04/2019.
- Bổ nhiệm thành viên HĐQT đối với Bà Lương Thị Thúy Hà từ ngày 21/4/2019.
- Bổ nhiệm thành viên HĐQT đối với Bà Đinh Lệ Hằng từ ngày 21/4/2019.
- Bổ nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Mạnh Linh từ ngày 21/4/2019.
- Bổ nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Hwan Kyoon Kim từ ngày 21/4/2019.
- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Bà Hà Thị Tuyết từ ngày 21/4/2019.
- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Rusdy Pranata từ ngày 21/4/2019.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Giáo dục và đào tạo là con đường vững chắc nhất đi đến thành công. Một nền kinh tế mạnh là nền kinh tế có những doanh nghiệp mạnh. Một doanh nghiệp mạnh là doanh nghiệp có lực lượng lao động mạnh. Muốn lực lượng lao động mạnh, thì công tác giáo dục, đào tạo là chìa khóa, là kim chỉ nam để các Doanh nghiệp đi theo.

TNG đã thấm nhuần tư tưởng này, chúng tôi coi “Giáo dục, đào tạo” chính là chìa khóa để phát triển con người và phát triển doanh nghiệp bởi chỉ có giáo dục, đào tạo mới đáp ứng sự thay đổi, sự tiến bộ của Công nghệ nhất là trong thời đại công nghệ 4.0, đáp ứng được các tiêu chuẩn ngày càng cao của khách hàng mà Công ty đang hợp tác cũng như để xây dựng Công ty ngày càng tiệm cận được với tiêu chuẩn Quốc tế.

CÁC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TẠI TNG

- Đào tạo định hướng
- Đào tạo định kỳ
- Đào tạo nghề
- Đào tạo phát triển
- Đào tạo nguồn
- Đào tạo chuyên đề
- Đào tạo ATVSLĐ



Ngoài ra là tham dự các cuộc hội thảo, nghe nói chuyện chuyên đề về các lĩnh vực liên quan. Toàn bộ chi phí cho các lớp đào tạo đều do Công ty chi trả. Người lao động ngoài được đào tạo miễn phí, còn được hưởng lương cho thời gian tham gia đào tạo, huấn luyện. Tổng chi phí chi cho đào tạo, tập huấn, huấn luyện tuyên truyền: 8,5 tỉ đồng.

Số liệu chi tiết như sau

TÊN CÁ NHÂN/TỔ CHỨC	SỐ LỚP	SỐ NGƯỜI THAM GIA
Đào tạo định hướng	190	9.810
Đào tạo định kỳ	16	16.722
Đào tạo nghề	39	1.915
ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN		
Đào tạo thiết kế chuyển	1	16
Đào tạo tổ trưởng	2	89
Đào tạo QA, QC	1	14
Đào tạo nhân viên phòng lab	1	11
Đào tạo đánh giá viên nội bộ	2	9
ĐÀO TẠO ATVSLĐ		
Đào tạo huấn luyện về PCCC và CNCH	9	705
Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 1	2	174
Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 2	1	33
Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3	3	116
Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 4	16	14.061
Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 6		359
Đào tạo về đánh giá rủi ro An toàn lao động, PCCC	1	33
ĐÀO TẠO KỸ NĂNG		
Đào tạo phòng chống quấy rối lạm dụng tình dục	2	334
Tuyên truyền về bệnh phụ khoa, cách phòng tránh	16	13.378
Đào tạo kỹ năng lập kế hoạch	1	33

Đánh giá hiệu quả đào tạo là một bước quan trọng sau mỗi chương trình đào tạo. Hoạt động này giúp doanh nghiệp đánh giá được tổng thể về sự phù hợp của nội dung đào tạo, giảng viên, chương trình đào tạo, và sự nắm bắt kiến thức của các học viên sau khi được đào tạo và áp dụng vào thực tế sản xuất.

Ngoài ra, Công ty còn ban hành chính sách hỗ trợ học phí cho con em CBCNV học tập tại các trường chuyên ngành Dệt may với mức hỗ trợ 100% học phí trong toàn thời gian học và hỗ trợ về việc làm khi ra trường. Đây vừa là chính sách hỗ trợ giáo dục cho CBCNV nhằm định hướng nghề nghiệp, hỗ trợ gánh nặng tài chính và cũng là chính sách đào tạo nguồn nhân lực từ sớm, giúp TNG có nguồn nhân lực tương lai đáp ứng kế hoạch phát triển chiến lược của Công ty.

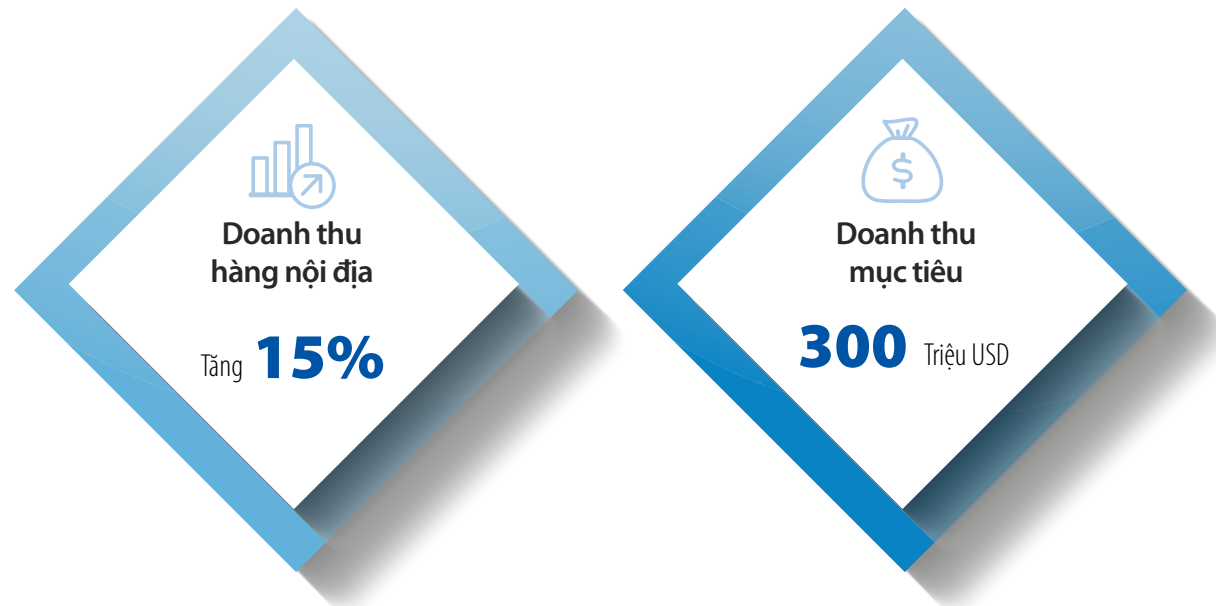
NĂM 2019, NGÀNH DỆT MAY CÓ NHIỀU TRẦM LẶNG, TUY NHIÊN TNG VẪN ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU THÀNH TỰU TRONG CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH, QUẢN TRỊ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC,... NĂM 2019 TNG ĐÃ VÀ ĐANG XÂY DỰNG HAI NHÀ MÁY ĐỒNG HỖ, VỖ NHAU ĐỂ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU MỞ RỘNG QUY MÔ HOẠT ĐỘNG TRONG THỜI GIAN TIẾP THEO.

”

CHƯƠNG II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG



GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

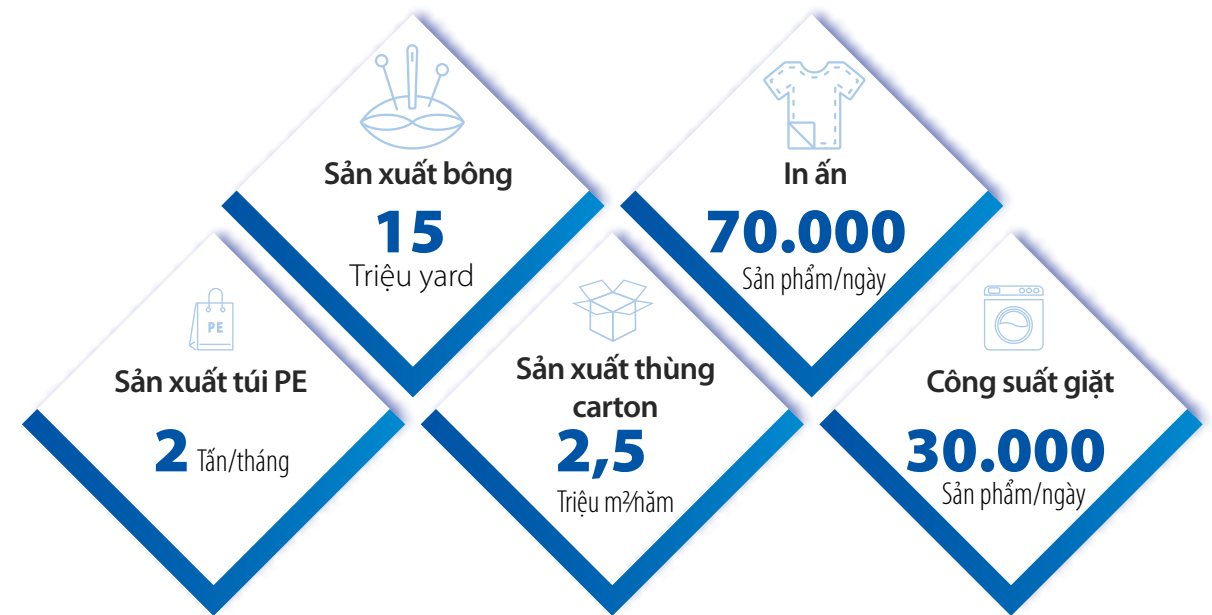


Chiến lược phát triển chung giai đoạn 2020 – 2025

- Phát triển, tìm kiếm thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới, may mặc vẫn giữ vai trò chủ đạo. Trước hết để phục vụ trực tiếp cho hàng may mặc, là giặt, bao bì, in, thêu, sau đó là bất động sản...
- Xác định thị trường xuất khẩu vẫn là chính. Bên cạnh đó từ nay đến hết năm 2019 sẽ từng bước tăng dần tỷ lệ doanh thu hàng nội địa lên 10% -15%.
- Tăng cường, thúc đẩy quan hệ với các khách hàng mới, mở rộng thị trường, tránh phụ thuộc.
- Liên tục phát triển sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu, phát huy tối đa công suất thiết kế để nâng cao năng suất lao động.
- Thường xuyên bổ sung, đổi mới máy móc thiết bị công nghệ mới để phục vụ sản xuất.
- Tập trung vào năng lực sản xuất may và dệt: Nắm bắt một cách tốt nhất các cơ hội từ Hiệp định CP TPP và VN-EU FTA.
- Ưu tiên thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững: Công khai minh bạch; cải tiến, đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tiên tiến, tránh giảm thải ra môi trường, tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận; nâng cao phúc lợi cho người lao động, đồng hành phát triển cùng địa phương và cộng đồng; ưu tiên gấp rút thực hiện dự án nhà máy xanh.

ĐẾN 2021

ĐẾN 2025



Chi tiết cho các năm cụ thể như sau

Năm 2020 - 2021

- Năm 2019, đầu tư giai đoạn một Nhà máy may TNG Đồng Hỷ với 16 chuyển may. Năm 2021, đầu tư tiếp giai đoạn hai 20 chuyển may.
- Năm 2020, đầu tư giai đoạn một Nhà máy may TNG Võ Nhai 18 chuyển may. Năm 2021, đầu tư tiếp giai đoạn hai 18 chuyển may.
- Năm 2020, đầu tư Nhà máy phụ trợ với 02 dây chuyền sản xuất bông với công suất 15 triệu yard/năm (1 yard = 0,9144 m); In ấn: 64 dây chuyền với công suất 70.000 sản phẩm/ngày; Sản xuất bao bì: Sản xuất thùng carton 2,5 triệu m²/năm, 2 tấn túi PE/tháng; Giặt: Công suất 7.000 sản phẩm jacket/ ngày hoặc 30.000 sản phẩm quần/ ngày.
- Làm công tác chuẩn bị đầu tư di chuyển 02 Nhà máy May Việt Đức và Việt Thái lên Cụm công nghiệp Sơn Cẩm.
- Làm công tác chuẩn bị đầu tư và công tác đầu tư Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 70 ha và khu tái định cư và nhà ở thương mại tại xã Sơn Cẩm Tp. Thái nguyên 20 ha.
- Đầu tư hoàn chỉnh 02 Nhà máy May TNG Việt Đức và Việt Thái tại khu công nghiệp Sơn Cẩm.
- Đầu tư kinh doanh bất động sản tại hai khu đất Việt Đức và Việt Thái.
- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp theo công nghệ ERP.
- Đầu tư cải tạo tất cả các nhà máy của TNG theo tiêu chuẩn nhà máy xanh và phát triển doanh nghiệp bền vững.
- Đầu tư ứng dụng công nghệ mới vào trong sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Tiếp tục mở rộng cửa hàng tiêu thụ sản phẩm thời trang TNG tới tất cả các tỉnh/ thành phố trong cả nước và tiến tới ở nước ngoài.
- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới vào: Quản lý kho thông minh, sử dụng phần mềm ERP để quản lý năng suất chuyển may, quản lý hiệu suất hoạt động của tất cả các máy móc thiết bị, sử dụng các máy móc hiện đại nhất vào sản xuất như: Máy cắt vải tự động, máy lập trình, trần bông, tra khóa, bổ tự động...

Năm 2021 - 2025

- Tiếp tục làm công tác đầu tư và đưa vào kinh doanh Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 70 ha và khu tái định cư và nhà ở thương mại tại xã Sơn Cẩm, Tp.Thái nguyên 20 ha.
- Đặc biệt, trong vòng 5 năm tới, TNG hướng mục tiêu tới doanh thu 300 triệu USD, lợi nhuận sau thuế khoảng 25 triệu USD.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

CÁC MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP CHO TỪNG VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU ĐƯỢC TNG ĐƯA RA NHƯ SAU

VẤN ĐỀ	MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP
Tăng trưởng	<ul style="list-style-type: none"> Tăng trưởng bình quân doanh thu thuần > 20% mỗi năm. Nâng cao và đảm bảo các chỉ tiêu tài chính hiệu quả: ROE > 20%; ROA > 10%. Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi. 	<ul style="list-style-type: none"> Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi: May mặc. Phát triển hệ thống kiểm toán nội bộ của Công ty. Tăng cường chức năng quản lý vốn và đầu tư. Xây dựng mối quan hệ với khách hàng, duy trì chất lượng hàng tốt.
Thị trường	<ul style="list-style-type: none"> Mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng thị phần tại các thị trường mới nổi. Mở rộng thị trường nội địa, thiết lập các kênh bán hàng trên toàn quốc. 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức nghiên cứu thị trường, làm việc trực tiếp với khách hàng nước ngoài. Đánh giá nhà cung cấp ở nước ngoài. Thiết lập thêm 20 kênh/ năm bán hàng trên thị trường nội địa.
Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Dẫn hoàn thiện mô hình quản trị tiếp cận với các thông lệ tốt trên thế giới 	<ul style="list-style-type: none"> Học hỏi, nghiên cứu phương pháp quản trị của Thái Lan, Mỹ,... Xây dựng mô hình quản trị hướng tới kiểm soát nội bộ tốt.

VẤN ĐỀ	MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP
Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Hướng tới hình ảnh một TNG xanh, thân thiện với môi trường. Thực hiện giảm thiểu tối đa các tác động xấu tới môi trường, giảm thiểu ô nhiễm. Xây dựng Nhà máy TNG đạt tiêu chuẩn Leed - (Leadership in Energy & Environmental Design) là một giấy chứng nhận cho các công trình xây dựng xanh được cấp bởi Hội đồng Xây dựng xanh Mỹ. 	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư xây dựng các dự án xử lý nước thải tốt nhất cho các nhà máy Thực hiện huấn luyện và nâng cao ý thức người lao động Tổ chức những ngày vì môi trường hằng năm.
Cộng đồng và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Đồng hành phát triển kinh tế địa phương. Thực hiện tốt trách nhiệm với môi trường địa phương trong sản xuất. Minh bạch trong công bố thông tin, sản xuất kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện các chương trình nhân văn, từ thiện với cộng đồng. Tham gia các hoạt động phát triển kinh tế với người dân địa phương. Thực hiện các chính sách chống tham nhũng, hối lộ, minh bạch thông tin, xây dựng niềm tin với khách hàng, nhà đầu tư.
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì các hoạt động khám sức khỏe, đời sống cho người lao động. Triển khai, nâng cao các chính sách về an toàn vệ sinh lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng chính sách về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp. Đầu tư máy móc, trang thiết bị an toàn, hiện đại để đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Tiến hành đánh giá môi trường lao động định kỳ, đảm bảo một môi trường lao động xanh sạch.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



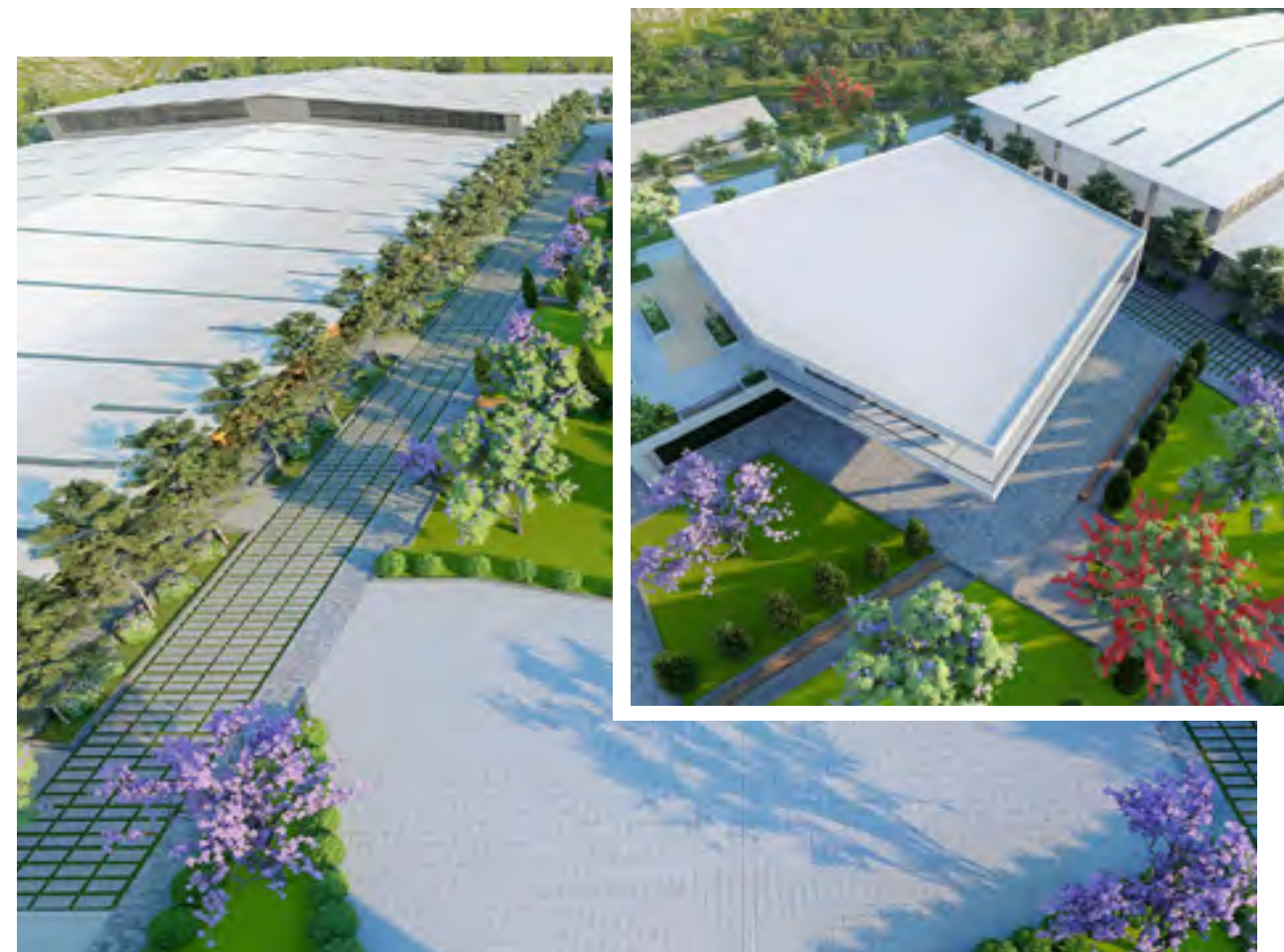
Dự án Nhà máy TNG Đồng Hỷ

Tên dự án	: Đầu tư xây dựng Nhà máy may TNG Đồng Hỷ.
Nhà đầu tư	: Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.
Hình thức	: 100% vốn đầu tư của doanh nghiệp trong nước.
Mục tiêu	: Đầu tư xây dựng nhà máy may nhằm tăng cường khả năng sản xuất các sản phẩm hàng hóa, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của huyện Đồng Hỷ và tỉnh Thái Nguyên.
Quy mô	: Đầu tư xây dựng nhà máy may khoảng 30 chuyền may trên tổng diện tích khoảng 4,58 ha.
Địa điểm	: Xóm Ngòi Chèo, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
Diện tích	: 4,58 ha.
Tổng mức đầu tư	: 250 tỷ VNĐ.
Thời gian và tiến độ	<ul style="list-style-type: none"> ▣ Quý III/2018 đến quý IV/2018 : Thực hiện chuẩn bị đầu tư. ▣ Quý I/2019 đến Quý III/2019: Thực hiện đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động sản xuất.

Dự án Nhà máy TNG Võ Nhai

(Nhà máy được xây dựng hướng tới đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh)

Tên dự án	: Đầu tư xây dựng Nhà máy may TNG Võ Nhai.
Nhà đầu tư	: Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.
Hình thức	: 100% vốn đầu tư của doanh nghiệp trong nước.
Mục tiêu	: Tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của huyện Võ Nhai và tỉnh Thái Nguyên
Quy mô	: 32 dây chuyền may, công suất 6 triệu sản phẩm/ năm.
Địa điểm	: Tại lô đất CN1 thuộc Cụm công nghiệp Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.
Diện tích	: 10 ha.
Tổng mức đầu tư	: 290 tỷ VNĐ.
Thời gian và tiến độ	<ul style="list-style-type: none"> ▣ Từ quý II/2019: Hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư. ▣ Từ quý III/2019 đến quý I/2020: Thi công các hạng mục đầu tư xây dựng công trình của dự án và đưa vào hoạt động.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp theo)



DỰ ÁN CỤM CÔNG NGHIỆP SƠN CẨM

Tên dự án	: Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 1, xã Sơn Cẩm, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
Nhà đầu tư	: Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.
Địa điểm	: Xã Sơn Cẩm, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, giáp đường tránh Quốc lộ 3.
Diện tích đất sử dụng	: 70,53 ha.
Tính chất ngành nghề sản xuất, kinh doanh trong CCN	Tính chất ngành nghề sản xuất, kinh doanh trong Cụm công nghiệp: Thu hút các doanh nghiệp vào sản xuất các ngành công nghiệp hỗ trợ (sản xuất cơ – kim khí, đúc, linh kiện điện tử,...) sản xuất bao bì, dệt may, dược phẩm, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng,...
Tổng mức đầu tư dự kiến	: 500 tỷ VNĐ.
Tiến độ thực hiện	: <ul style="list-style-type: none"> □ Từ quý II/2017 đến quý II/2020 thực hiện chuẩn bị đầu tư. □ Từ quý III/2020 đến quý II/2021 thực hiện đầu tư giai đoạn 1 với diện tích: 17,99 ha. □ Từ quý III/2021 đến quý I/2025 thực hiện đầu tư các hạng mục còn lại của dự án.



DỰ ÁN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI TNG VILLAGE

KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI TNG VILLAGE

Diện tích	: 2841 m ² , trong đó đầu tư xây dựng tòa nhà bao gồm 1 tầng hầm, 17 tầng nổi, 1 tầng tum mái phần trên phần diện tích xây dựng khoảng 1.117 m ² .
------------------	--

KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI THẤP TẦNG

Diện tích	: 848 m ² .
------------------	------------------------

Tổng mức đầu tư	: 170 tỷ VNĐ.
------------------------	---------------

Dự án được điều chỉnh từ Dự án nhà ở xã hội TNG do thay đổi mục tiêu đầu tư.

Tiến độ	: Hoàn thành và bắt đầu mở bán từ tháng 10/2019.
----------------	--

DỰ ÁN NHÀ MÁY PHỤ TRỢ SÔNG CÔNG

Tên dự án:	: Nhà máy Phụ trợ TNG Sông Công.
Nhà đầu tư	: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
Hình thức	: 100% vốn đầu tư của doanh nghiệp trong nước.
Địa điểm	: Khu B, Khu Công nghiệp Sông Công I, TP. Sông Công.
Diện tích đất sử dụng	: 26.400 m ² .
Tổng mức đầu tư	: 274 tỷ VNĐ.
Mục tiêu	: <ul style="list-style-type: none"> □ Sản xuất bông và các loại sản phẩm liên quan đến bông. □ Sản xuất bao bì và các mặt hàng liên quan về bao bì. □ Xưởng giặt và các hoạt động liên quan đến giặt. □ Xưởng in và các hoạt động liên quan.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN VĂN THỜI

Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Năm sinh: 1958

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2003

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư cơ điện mỏ, Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
- Hơn 20 năm kinh nghiệm làm TGD và hơn 14 năm kinh nghiệm ở vị trí Chủ tịch HĐQT

Quá trình công tác

- **1982 - 1992:** Đội trưởng Đội vật tư Công ty Xây lắp điện Bắc Thái
- **1993:** Phó Giám đốc Xí nghiệp may Bắc Thái
- **1993 - 2002:** Giám đốc Công ty may Thái Nguyên
- **2003 - Nay:** Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Các chức danh khác

- Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên
- Phó Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Tp. Thái Nguyên

Thành tích tiêu biểu

- Giải thưởng doanh nhân tiêu biểu
- Huân chương Lao động hạng ba năm 2007

Trách nhiệm

- Quyết định kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm.
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do ĐHQT thông qua.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.



Ông NGUYỄN ĐỨC MẠNH

Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân CNTT - USA
- Cử nhân ngoại ngữ: Shanghai, China
- Kinh nghiệm quản lý kinh doanh tại TNG từ năm 2007

Quá trình công tác

- **1995:** Ông làm việc tại Công ty may Thái Nguyên
- **2010 - 2011:** Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2011 - Nay:** Phó Chủ tịch HĐQT, Phó TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.

Các chức danh khác

- **Giám đốc Nhà máy Thời trang TNG**

Trách nhiệm

- Giám sát các hoạt động hàng hóa mang thương hiệu TNG tại thị trường trong nước.
- Đưa TNG làm việc các tập đoàn, các thương hiệu lớn của Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản.



Ông NGUYỄN VĂN ĐỨC

Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kế toán, Cử nhân ngoại ngữ
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 20 năm làm việc trong lĩnh vực dệt may.

Quá trình công tác

- **1999 - 2007:** Cán bộ - Công ty CP may Thái Nguyên
- **2008 - 2016:** Trưởng BKS - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2017 - Nay:** Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi hoạt động liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra BCTC hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty.



Bà LƯƠNG THỊ THUY HÀ

Phó TGD Phụ trách khối Nhân sự

Năm sinh: 1969

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2016

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân kế toán

Quá trình công tác

- **1992 - 2012:** Cán bộ Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2013 - 4/2016:** Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **04/2016 - 2017:** Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2018:** Phó TGD Phụ trách khối Nhân sự

Trách nhiệm

- Kiểm tra giám sát công tác thi đua, khen thưởng kỷ luật, tổ chức nhân sự, an toàn lao động, PCCC, dự án xây dựng cơ bản

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Bà ĐỖ THỊ HÀ

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1960
Quốc tịch: Việt Nam
Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân sư phạm, cử nhân kế toán tài chính

Quá trình công tác

- **2017 - Nay:** Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Đàm phán, kiểm tra, giám sát trong hoạt động mua bán.



Ông HWAN KYOON KIM

Thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Năm sinh: 1961
Quốc tịch: Hàn Quốc
Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2019

Trình độ chuyên môn: B.A., Economics, Sogang University in Korea

Quá trình công tác

- **1986 – 1994:** Fixed-income product development and fund management - Tong Yang Securities, Korea
- **1994 – 1996:** Institutional sales and client development - Tong Yang Securities, New York
- **1996 – nay:** CEO – Asam Asset Management
- **2004 – nay:** JSP Advisers/ASAM Plus Investment Advisory CEO in Thailand



Ông LÊ QUANG VINH

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1969
Quốc tịch: Việt Nam
Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân luật, luật sư
- Chứng chỉ hành nghề Luật sư

Quá trình công tác

- **1995 - 2010:** Giám đốc Công ty TNHH Thương mại An Vinh
- **2011 - Nay:** Giám đốc Công ty Luật TNHH Tích Thiện, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Du lịch Hải Âu
- **2017 - Nay:** Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Kiểm soát về mặt pháp lý, tuân thủ các Luật chứng khoán, Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp
- Giám sát các hoạt động liên quan đến phát hành cổ phiếu, trái phiếu của TNG
- Phân tích cổ phiếu TNG, định hướng các đợt phát hành để đạt được hiệu quả



Ông NGUYỄN MẠNH LINH

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1987
Quốc tịch: Việt Nam
Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2019

Trình độ chuyên môn

- Bachelor of Science - Fashion Institute of Technology, New York, NY
- Bachelor of Science, International Business - Pacific University, Forest Grove, Oregon

Quá trình công tác

- **2010 – 2011:** Assistant Production Manager - Amerex Group LLC, New York, NY
- **2011 – 2012:** Assistant Production Manager - Kenneth Cole Production, New York, NY
- **2013 – nay:** Trưởng Văn phòng Đại diện New York - Công ty TNG
- **2019 – nay:** Thành viên HĐQT Công ty TNG



Bà ĐINH LÊ HẰNG

Thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Năm sinh: 1973
Quốc tịch: Việt Nam
Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2019

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ kế toán – Swinburne University of Technology, CPA Australia, CPA Việt Nam

Quá trình công tác

- **Từ năm 1995 – 2013:** Bà phụ trách kế toán, chuyên viên tư vấn, quản lý tại các Trung Tâm Công nghệ quốc tế Hà Nội, Ernst & Young Việt Nam, Bảo hiểm HSBC Việt Nam; phụ trách kiểm soát tài chính của Quỹ Vina Capital và Standard Chartered Bank Indochina.
- **2013 – 2016:** Senior Finance Officer – Ensign Group
- 2016 -2018 : Senior Consultant – CGS Co.,Ltd
- **2018 – nay:** Phó Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc tài chính – Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Sản xuất Vinsmart.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông NGUYỄN VĂN THỜI

TGD phụ trách chung

Năm sinh: 1958
Quốc tịch: Việt Nam
Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2003

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư cơ điện mỏ, Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
- Hơn 20 năm kinh nghiệm làm TGD và hơn 14 năm kinh nghiệm ở vị trí Chủ tịch HĐQT

Quá trình công tác

- **1982 - 1992:** Đội trưởng Đội vật tư Công ty xây lắp điện Bắc Thái
- **1993:** Phó Giám đốc Xí nghiệp may Bắc Thái
- **1993 - 2002:** Giám đốc Công ty may Thái Nguyên
- **2003 - Nay:** Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Các chức danh khác

- Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên
- Phó Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Tp. Thái Nguyên

Thành tích tiêu biểu

- Giải thưởng doanh nhân tiêu biểu
- Huân chương Lao động Hạng ba năm 2007



Ông TRẦN MINH HIẾU

Phó TGD Phụ trách khối Kinh doanh

Năm sinh: 1979
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- MBA
- Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm quản lý: Gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh hàng dệt may

Quá trình công tác

- **2009 - 2011:** Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Nhà máy Việt Thái Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2011 - 2013:** Giám đốc chi nhánh Kinh doanh Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2017 - Nay:** Phó TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Giám sát các hoạt động kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Đưa doanh thu, lợi nhuận của TNG tăng trưởng cao



Bà ĐOÀN THỊ THU

Phó TGD Phụ trách khối Chất lượng, kỹ thuật, công nghệ

Năm sinh: 1972
Quốc tịch: Việt Nam
Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Kỹ sư may

Quá trình công tác

- **1994 - 1997:** Bà làm việc tại Xí nghiệp may Bắc Thái
- **1998 - 2002:** Bà làm việc tại Công ty may Thái Nguyên
- **2003 - 2007:** Công tác ở Công ty CP may Xuất khẩu Thái Nguyên
- **2007 - 2011:** Giám đốc Nhà máy may Việt Đức
- **2011 - 2014:** Phó TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2015 - 2016:** Giám đốc nhà máy may Việt Đức
- **2017 - Nay:** Phó TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm:

- Giám sát điều hành hoạt động kỹ thuật, chất lượng



Bà LUƠNG THỊ THUY HÀ

Phó TGD Phụ trách khối Nhân sự

Năm sinh: 1969
Quốc tịch: Việt Nam
Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2016

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân kế toán

Quá trình công tác

- **1992 - 2012:** Cán bộ Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2013 - 4/2016:** Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **04/2016 - 2017:** Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2018:** Phó TGD Phụ trách khối Nhân sự

Trách nhiệm

- Kiểm tra giám sát công tác thi đua, khen thưởng kỷ luật, tổ chức nhân sự, an toàn lao động, PCCC, dự án xây dựng cơ bản

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



Bà TRẦN THU HÀ

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1973
Quốc tịch: Việt Nam
Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2018

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân kế toán
- Gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu

Quá trình công tác

- **2009 - 2016:** Bà làm việc tại TNG với các chức vụ: Phó phòng kế toán, Kế toán trưởng chi nhánh, Trưởng phòng kế toán
- **2016 - 2017:** Phó Giám đốc Chi nhánh Thời trang TNGF của TNG
- **2018:** Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Tổ chức bộ máy kế toán Công ty và chi nhánh
- Đào tạo kế toán trưởng các chi nhánh
- Triển khai các quy định của pháp luật về kế toán tài chính, quản lý vốn và tài sản
- Xây dựng hạn mức tín dụng, xây dựng kế hoạch đầu tư



Ông LƯU ĐỨC HUY

Phó TGD Phụ trách Khối Sản xuất

Năm sinh: 1970
Quốc tịch: Việt Nam
Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2019

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- **1997 - 1998:** Phó Quản đốc phân xưởng cơ điện - Công ty may Thái Nguyên
- **1998 - 2003:** Phó Phòng kế hoạch - Công ty May Xuất khẩu Thái Nguyên
- **2007 - 2010:** Giám đốc nhà máy Giặt - TNG
- **2010 - 2014:** Giám đốc nhà máy Việt Đức - TNG
- **2015:** Giám đốc nhà máy Việt Thái - TNG
- **2016 - 2019:** Giám đốc nhà máy Đại Từ - TNG
- **2019 - nay:** Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Sản xuất - TNG

Trách nhiệm

- Giám sát điều hành hoạt động sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị, an toàn lao động.



Ông NGUYỄN ĐỨC MẠNH

Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1983
Quốc tịch: Việt Nam
Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân CNTT - USA
- Cử nhân ngoại ngữ: Shanghai, China
- Kinh nghiệm quản lý kinh doanh tại TNG từ năm 2007

Quá trình công tác

- **1995:** Ông làm việc tại Công ty may Thái Nguyên
- **2010 - 2011:** Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2011 - Nay:** Phó Chủ tịch HĐQT, Phó TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.

Các chức danh khác

- Giám đốc Nhà máy Thời trang TNG

Trách nhiệm

- Giám sát các hoạt động hàng hóa mang thương hiệu TNG tại thị trường trong nước.
- Đưa TNG làm việc các tập đoàn, các thương hiệu lớn của Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản.



GIỚI THIỆU TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ



Bà LƯƠNG THỊ THUÝ HÀ

Phó TGD Phụ trách khối Nhân sự
Chủ nhiệm Tiểu Ban KTNB

Năm sinh: 1969
Quốc tịch: Việt Nam
Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2016

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân kế toán

Quá trình công tác

- **1992 - 2012:** Cán bộ Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2013 - 4/2016:** Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **04/2016 - 2017:** Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2018:** Phó TGD Phụ trách khối Nhân sự

Trách nhiệm

- Kiểm tra giám sát công tác thi đua, khen thưởng kỷ luật, tổ chức nhân sự, an toàn lao động, PCCC, dự án xây dựng cơ bản



Ông NGUYỄN VĂN ĐỨC

Phó chủ tịch HĐQT
Thành viên Tiểu Ban KTNB

Năm sinh: 1977
Quốc tịch: Việt Nam
Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kế toán, Cử nhân ngoại ngữ
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 20 năm làm việc trong lĩnh vực dệt may.

Quá trình công tác

- **1999 - 2007:** Cán bộ - Công ty CP may Thái Nguyên
- **2008 - 2016:** Trưởng BKS – Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2017 - Nay:** Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi hoạt động liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra BCTC hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty.



Ông TRẦN MINH HIẾU

Phó TGD Phụ trách khối Kinh doanh
Thành viên Tiểu Ban KTNB

Năm sinh: 1979
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- MBA
- Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm quản lý: Gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh hàng dệt may

Quá trình công tác

- **2009 - 2011:** Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Nhà máy Việt Thái Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2011 - 2013:** Giám đốc chi nhánh Kinh doanh Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- **2017 - Nay:** Phó TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Giám sát các hoạt động kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu
- Đưa doanh thu, lợi nhuận của TNG tăng trưởng cao



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BAN GIÁM ĐỐC TẠI 31/12/2019

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	Nguyễn Văn Thời	Tổng Giám đốc	12.580.711	19,292%	Kiểm Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Đức Mạnh	Phó TGD	5.002.723	7,672%	Kiểm Phó Chủ tịch HĐQT
3	Lưu Đức Huy	Phó TGD phụ trách Khối Sản xuất	132.120	0,203%	
4	Lương Thị Thúy Hà	Phó TGD phụ trách Khối Nhân sự	477.914	0,733%	Kiểm thành viên HĐQT, Trưởng tiểu ban KTNB
5	Trần Minh Hiếu	Phó TGD phụ trách Khối Kinh doanh	59.945	0,092%	
6	Đoàn Thị Thu	Phó TGD phụ trách Khối Kỹ thuật Chất lượng	170.128	0,261%	

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN TGD TRONG NĂM

Ngày 11/01/2019: Bổ nhiệm chức vụ Phó TGD đối với ông Lưu Đức Huy.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Các yếu tố khách quan

- Thị trường tiêu thụ tốt (Mỹ)
- CP TPP được Quốc hội Việt Nam thông qua
- Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung
- Kiểm soát hạn mức lưu động của các nhà máy
- Áp dụng thanh toán điện tử tự động quốc tế đối với các khách hàng: Decathlon, TCP, Adidas, A&F, Comtextile
- Khách hàng mới: Nike, Puma trong năm 2019
- Tăng cường bộ chỉ số K kiểm soát quản trị công ty

Các yếu tố chủ quan

- Tổ chức các khóa đào tạo Giám đốc các nhà máy may của TNG
- Thành lập hội đồng đàm phán giá hàng xuất khẩu
- Số lượng lao động tuyển dụng lớn
- Đầu tư các hệ thống máy tự động: Máy trải vải tự động, máy cắt tự động,... hướng dẫn tới sử dụng trí tuệ nhân tạo trong việc điều hành máy trong quá trình sản xuất.

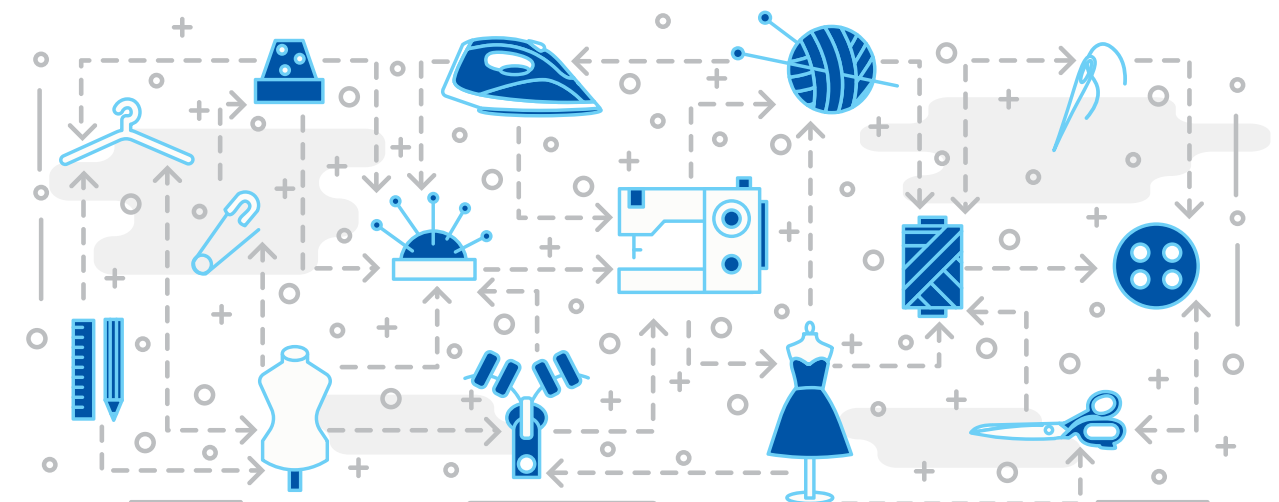
BÁO CÁO KẾT QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD 2019

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2018	NĂM 2019		TỶ LỆ SO SÁNH (%)	
				KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	4=3/2	5=3/1
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	207	238	251	105%	121%
2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	108	124	119	96%	110%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.612	4.154	4.617	111%	128%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	214	246	288	117%	135%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	180	208	230	111%	128%
6	Lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	5,00%	5,70%	4,98%	87%	100%
7	Nộp NSNN	Triệu đồng	47.382	54.489	70.963	130%	150%
8	Giá trị trị đầu tư mua sắm MMTB và các TSDH khác	Tỷ đồng	211	243	260	107%	123%
9	Lao động bình quân làm việc	Người	14.199	16.329	14.863	91%	105%
10	Số chuyển may	Chuyển	253	253	253	100%	100%
11	Số lượng sản phẩm tiêu thụ	Sản phẩm	30.044.797	34.551.517	37.055.730	107%	123%

Năm 2019 là năm Công ty đạt được mức doanh thu và lợi nhuận kỷ lục kể từ thời điểm niêm yết trên sàn chứng khoán năm 2007, cụ thể:

- Doanh thu năm 2019 đạt 4.617 tỷ VNĐ tăng 28% so với thực hiện cùng kỳ năm 2018
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 230 tỷ VNĐ tăng 28% so với thực hiện cùng kỳ năm 2018

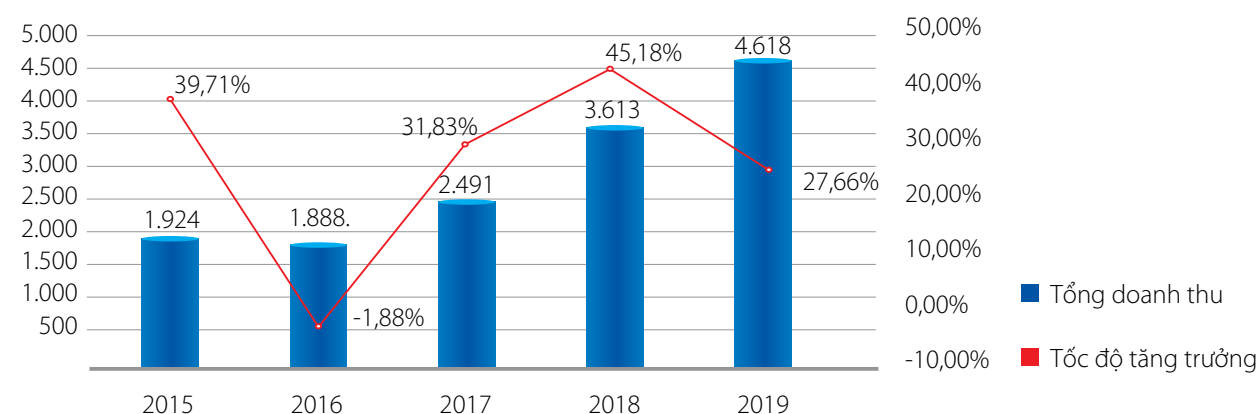


BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

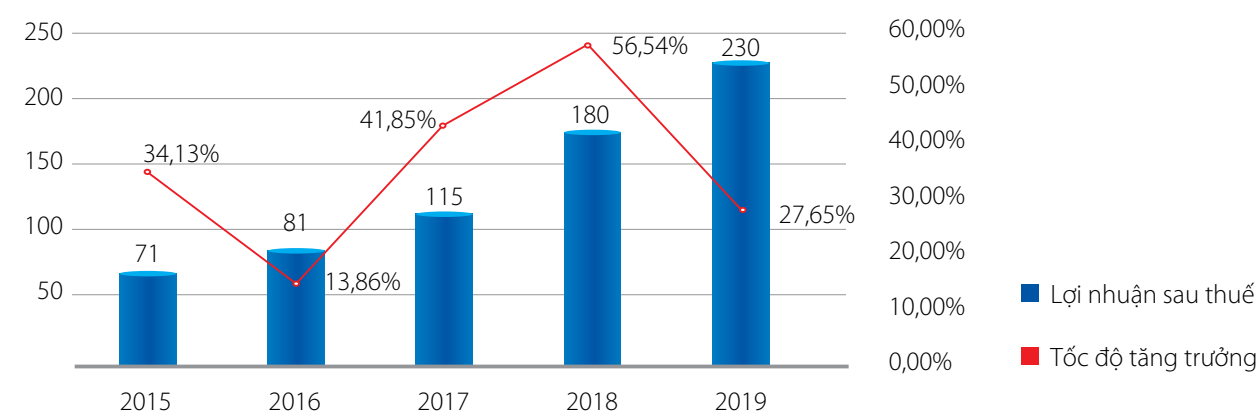
	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng doanh thu	1.924	1.888	2.491	3.613	4.618
Tốc độ tăng trưởng	39,71%	-1,88%	31,83%	45,18%	27,66%

Tổng doanh thu



	2015	2016	2017	2018	2019
Lợi nhuận sau thuế	71	81	115	180	230
Tốc độ tăng trưởng	34,13%	13,86%	41,85%	56,54%	27,65%

Lợi nhuận sau thuế



Báo cáo kết quả kinh doanh 11 tháng 2019, doanh thu lũy kế 4.336 tỷ VNĐ, vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 trước 31 ngày tương ứng 4,4%; lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 216 Tỷ VNĐ, vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 trước 31 ngày tương ứng 3,8%.



CÔNG TÁC VẬN HÀNH SẢN XUẤT

- Các nhà máy TNG vận hành hơn 290 ngày trong năm, góp phần quan trọng trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 2019 sớm hơn 31 ngày so với kế hoạch (Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 11 tháng, TNG đã vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà HĐQT và ĐHCĐ giao phó). Số lượng sản phẩm tiêu thụ đạt 37.055.730 sản phẩm, đạt 121% so với thực hiện cùng kỳ năm 2018.
- Tiêu hao bình quân nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất giảm từ 1,89% xuống còn 1,69%.
- Tiêu hao điện, nước, than trên 1 đơn vị sản phẩm đều giảm, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất chung, giúp gia tăng lợi nhuận.
- Các hệ thống máy tự động, cũng như máy vận hành thủ công đều được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, được kiểm tra, giám sát thường xuyên, thay thế công cụ dụng cụ ngay khi phát sinh giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, không bị gián đoạn.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GÓP VỐN

Trong năm 2019 TNG thực hiện một số hoạt động liên quan tới thành lập công ty mới và đầu tư góp vốn:

- Ngày 25/01/2019 thành lập Chi nhánh may Võ Nhai, ngành nghề sản xuất kinh doanh hàng may mặc
- Ngày 14/02/2019 thành lập Công ty TNHH MTV TNG Eco Green, vốn điều lệ dự kiến 30 tỷ, hoạt động trong lĩnh vực bất động sản, TNG cam kết góp vốn sở hữu 100% vốn điều lệ.
- Thành lập Công ty TNHH MTV TNG Fashion, vốn điều lệ dự kiến 30 tỷ VNĐ, hoạt động trong lĩnh vực: May trang phục, bán lẻ hàng may mặc, dày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh,... TNG cam kết góp vốn sở hữu 100% vốn điều lệ.
- Góp vốn thành lập Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG, vốn điều lệ dự kiến 300 tỷ VNĐ, hoạt động trong lĩnh vực sân golf, TNG cam kết góp vốn sở hữu 47% vốn điều lệ tương ứng với 147 tỷ VNĐ.



CÔNG TÁC KINH DOANH – TIẾP THỊ TRUYỀN THÔNG

- Tiếp tục khẳng định thương hiệu sản xuất của các nhà máy TNG thông qua việc hợp tác với khách hàng lớn như Wakiki, Zhiwa trading, Led Vina,...
- Duy trì hợp tác kinh doanh với những thương hiệu khách hàng truyền thống như: Adidas, Nike, Mango, Zara, Decathlon, Jordan, Tom Tailor, C&A, TCP, Mango, Columbia, Carhatt.
- Truyền thông về sản phẩm thời trang nội địa qua các kênh: Facebook, google +, youtube, trang web điện tử của Công ty. Các kênh báo như: Cafef, Báo đầu tư chứng khoán,...



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

- Khởi công xây dựng Nhà máy TNG Võ Nhai theo tiêu chuẩn nhà máy xanh (Leed và Lotus) với 32 chuyên may, công suất dự kiến đạt 6 triệu sản phẩm/ 1 năm.
- Hoàn thành và đưa vào sản xuất Nhà máy sản xuất bông với 02 dây chuyền công suất lớn nhất miền Bắc (15 triệu yard/ 1 năm, 1 yard = 0,9144m)
- Hoàn thiện và bắt đầu mở bán khu nhà TNG Village từ tháng 10 năm 2019 với gần 190 căn hộ cao cấp.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- Tích hợp các hệ thống cảnh báo cũng như hệ thống hỗ trợ đánh giá rủi ro và quản lý rủi ro với hệ thống quản trị ERP có sẵn.
- Cải tiến và nâng cấp, giúp kết nối tất cả phân hệ trên phần mềm quản trị ERP, phần mềm kế toán Bravo, phần mềm theo dõi bán hàng, phần mềm theo dõi công nợ giữa TNG và khách hàng, giúp cho số liệu được so sánh chéo tại một thời điểm bất kỳ, giúp phát hiện ra những sai sót một cách nhanh nhất và giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.
- Văn bản hóa các quy trình, đánh giá xây dựng quy trình làm việc đảm bảo rủi ro của từng quy trình được kiểm soát ở mức có thể chấp nhận được theo khung quản trị rủi ro Coso ERM.
- Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra 5S, Lean – sản xuất tinh gọn tại các nhà máy sản xuất.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ, VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn hóa doanh nghiệp luôn được duy trì và ứng xử tuân theo bộ quy tắc ứng xử của Công ty bao gồm các mục:

- **Văn hóa về công tác nhân sự:** Nhiệt tình, vui vẻ, quan tâm, giúp đỡ, hướng dẫn, thực hiện công tác hòa nhập cho nhân viên mới. Tạo môi trường thân thiện, hòa đồng.
- **Văn hóa về tiếp khách đón khách:** Đúng giờ, lịch sự, chu đáo, nhiệt tình. Niềm nở, chủ động chào hỏi.
- **Văn hóa sử dụng không gian chung:** Đi lại nhẹ nhàng, tránh đi giày dép tạo ra tiếng ồn quá lớn làm ảnh hưởng đến môi trường làm việc chung.
- **Văn hóa làm việc:** Cụ thể, đúng người, đúng việc, không giao việc chồng chéo.
- **Văn hóa tuyển dụng lao động:** Tận tình hướng dẫn ứng viên về hồ sơ tuyển dụng, quy trình tuyển dụng. Tư vấn và giải thích rõ ràng các chính sách, chế độ, quyền lợi đối với người lao động. Công tác tuyển dụng công khai, minh bạch.
- **Văn hóa về phân phối thu nhập:** Có tính ổn định, minh bạch, dân chủ. Trả lương đúng thời hạn quy định. Thông báo cho người lao động 1 tháng trước khi thực hiện.
- **Văn hóa về thực hiện nội quy lao động:** Nội quy lao động được phổ biến tới từng nhân viên. Thực hiện nghiêm túc, chủ động và tự giác.
- **Văn hóa kinh doanh:** Kinh doanh đúng pháp luật, công khai, minh bạch.
- **Văn hóa sử dụng điện thoại:** Trao đổi nội dung ngắn gọn, rõ ràng, cụ thể. Nói chuyện từ tốn, âm lượng vừa phải. Kết thúc trao đổi phải có lời cảm ơn, lời chào.
- **Văn hóa sử dụng tài sản chung của Công ty:** Có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn, tiết kiệm và sử dụng đúng mục đích. Không mang tài sản, phương tiện ra khỏi nơi làm việc nếu chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.
- **Văn hóa về thực hiện an toàn bảo hộ lao động:** Kiểm tra và sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân được cấp phát khi làm việc, kiểm tra tình trạng máy móc trước khi sử dụng, thực hiện đúng quy trình, thao tác làm việc an toàn, ngắt thiết bị nguồn điện trước khi ra về. Không để hàng hóa che lấp, xâm lấn thiết bị chữa cháy, tủ thuốc và lối thoát nạn, thoát hiểm. Không mang chất cấm, nguy hiểm cháy nổ vào Công ty.
- **Văn hóa chống tham nhũng:** Công khai minh bạch các thông tin đấu thầu qua website, báo chí... nhận diện các hành vi có nguy cơ tham nhũng để giáo dục tư tưởng và ngăn chặn.

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- Thành lập Phòng Nghiên cứu may mẫu với trách nhiệm nghiên cứu phát triển những sản phẩm mới, với tiêu chí đạt biên lợi nhuận cao nhất, tiện ích đối với người sử dụng, có thị trường tiêu thụ tiềm năng, vật liệu sử dụng thân thiện với môi trường.
- Trong năm 2019, đội ngũ may mẫu TNG đã nghiên cứu và phát triển thành công nhiều mẫu “Lều du lịch” – giúp đa dạng hóa sản phẩm của TNG, góp phần tăng năng lực cạnh tranh cũng như gia tăng doanh thu.
- Đội ngũ phát triển sản phẩm mới đã sáng chế ra sản phẩm Bông Dowlike được Cục Bản quyền tác giả Bộ văn hóa thể thao và du lịch cấp chứng nhận quyền tác giả.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ, TIẾT KIỆM/ TIẾT GIẢM

- Trong năm 2019 TNG tiết kiệm được 18.472.586.305 đồng, trong đó tiết kiệm/ tiết giảm từ chi cho nguyên liệu, vật liệu, năng lượng đưa vào sản xuất là 12.376.632.824 đồng, tiết kiệm được từ công tác quản lý và chi phí bán hàng là 6.095.953.481 đồng
- TNG thực hiện tiết giảm chi phí bằng cách từ đầu năm tài chính các bộ phận thống nhất xây dựng bản kế hoạch giao chi tiết về tỷ lệ chi phí cũng như các Kpis đi kèm, theo đó suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019, các bộ phận chịu trách nhiệm hoàn thành kế hoạch được giao của bộ phận mình về việc tự quản trị chi phí phát sinh.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

- Công ty xác định nguồn nhân lực là một trong những tài sản quan trọng nhất, góp phần tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Do vậy, phát triển nguồn lực được TNG thực sự chú trọng qua việc tổ chức đào tạo về kỹ năng, kiến thức và đặc biệt là thái độ để đảm bảo nguồn lực hiện có đủ về số lượng, chất lượng và có phẩm chất phù hợp nhằm đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Tổ chức đào tạo được 10.675 lượt người đạt 106% so với kế hoạch năm 2019.
- Những người lao động tại TNG luôn được đào tạo, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp tới công việc mà mình chịu trách nhiệm. Tại TNG người lao động ở tất cả các vị trí hàng năm đều được kiểm tra cả về mặt kiến thức cũng như kinh nghiệm làm việc, qua đó người quản lý chịu trách nhiệm giám sát sẽ có những đánh giá cụ thể để xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ NỢ

	01/01/2019 (VNĐ)	TỶ TRỌNG %	31/12/2019 (VNĐ)	TỶ TRỌNG %	TĂNG/GIẢM (VNĐ)	TỶ TRỌNG %
I - TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.374.586.811.751	53%	1.594.121.719.742	53%	219.534.907.991	16%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	12.701.137.291	0%	292.672.045.402	10%	279.970.908.111	22%
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		0%		0%	-	
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	478.042.278.651	18%	364.142.583.991	12%	(113.899.694.660)	-24%
4. Hàng tồn kho	822.431.006.423	32%	860.401.903.483	28%	37.970.897.060	5%
5. Tài sản ngắn hạn khác	61.412.389.386	2%	76.905.186.866	3%	15.492.797.480	25%
II - TÀI SẢN DÀI HẠN	1.220.848.391.443	47%	1.433.288.606.205	47%	212.440.214.762	17%
1. Các khoản phải thu dài hạn	18.829.818.987	1%	15.605.193.707	1%	(3.224.625.280)	-17%
2. Tài sản cố định	979.180.489.301	38%	1.115.764.762.310	37%	136.584.273.009	14%
3. Bất động sản đầu tư	-	0%	34.573.863.793	1%	34.573.863.793	
4. Tài sản dở dang dài hạn	131.895.136.874	5%	169.197.150.221	6%	37.302.013.347	28%
5. Đầu tư tài chính dài hạn		0%		0%	-	
6. Tài sản dài hạn khác	90.942.946.281	4%	98.147.636.174	3%	7.204.689.893	8%
Tổng cộng tài sản	2.595.435.203.194	100%	3.027.410.325.947	100%	431.975.122.753	17%
III - NỢ PHẢI TRẢ	1.801.370.803.699	69%	1.960.689.468.846	65%	159.318.665.147	9%
1. Nợ ngắn hạn	1.372.729.685.399	53%	1.414.614.342.278	47%	41.884.656.879	3%
1.1. Vay và nợ ngắn hạn	1.030.865.689.212	40%	1.050.792.460.988	35%	19.926.771.776	2%
2. Nợ dài hạn	428.641.118.300	17%	546.075.126.568	18%	117.434.008.268	27%
2.1. Vay và nợ dài hạn	228.641.118.300	9%	381.075.126.568	13%	152.434.008.268	67%
IV - VỐN CHỦ SỞ HỮU	794.064.399.495	31%	1.066.720.857.101	35%	272.656.457.606	34%
I. Vốn chủ sở hữu	794.064.399.495	31%	1.066.720.857.101	35%	272.656.457.606	34%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	493.401.800.000	19%	652.114.760.000	22%	158.712.960.000	32%
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	180.260.470.141	7%	230.129.918.270	8%	49.869.448.129	28%
3. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		0%		0%	-	
V - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		0%		0%		
Tổng cộng nguồn vốn	2.595.435.203.194	100%	3.027.410.325.947	100%	431.975.122.753	17%



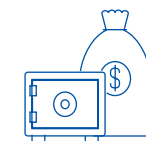
Tổng tài sản

3.027 Tỷ đồng
tại thời điểm 31/12/2019



Khoản mục tương đương tiền

292 Tỷ đồng
tăng 22 lần so với số liệu đầu năm



Vốn chủ sở hữu

1.066 Tỷ đồng

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2019 đạt 3.027 tỷ VNĐ, tăng so với đầu năm 432 tỷ VNĐ tương ứng 17%, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 53%, tài sản dài hạn chiếm 47%.
- Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2019 chiếm tỷ trọng 28,42% tổng tài sản tương đương 860 tỷ VNĐ, tăng 5% so với đầu năm.
- Các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng 12% trên tổng tài sản, tương ứng 364 tỷ VNĐ, giảm 113 tỷ VNĐ tương ứng giảm 24% so với đầu năm.
- Khoản mục tương và tương đương tiền trị giá 292 tỷ tương đương 10% tổng tài sản, tăng 22 lần so với số liệu đầu năm.
- Trong năm Công ty đã thực hiện xóa sổ khoản mục Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi đã được ghi nhận vào chi phí từ nhiều năm trước với giá trị 5 tỷ VNĐ.
- Tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định với tổng giá trị 1.115 tỷ VNĐ chiếm 37% tổng giá trị tài sản, tăng 137 tỷ VNĐ so với đầu năm.
- Khoản mục bất động sản đầu tư với giá trị hơn 34 tỷ VNĐ là một phần tài sản của dự án TNG Village được sử dụng với mục đích cho thuê.
- Tổng tài sản 3.027 tỷ VNĐ được tài trợ bởi 65% là nợ phải trả và 35% là vốn chủ sở hữu. Trong đó nợ ngắn hạn là 1.414 tỷ VNĐ, tương đương 47% nguồn vốn. Nợ ngắn hạn cuối năm tăng so với đầu năm 47% tuy nhiên tỷ trọng tài trợ nợ ngắn hạn cho tài sản giảm từ 53% xuống còn 47%. Vay và nợ dài hạn đạt 546 tỷ chiếm 18% tổng tài sản. Trong năm Công ty thực hiện phát hành thành công trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo, không chứng quyền cho quỹ Asam của Hàn Quốc với tổng giá trị 136 tỷ VNĐ, sự kiện này làm cho các khoản vay dài hạn tăng lên 136 tỷ VNĐ. Ngoài ra trong năm Công ty thực hiện thành công yêu cầu chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi năm 2018 thành cổ phần phổ thông, làm giảm tổng giá trị trái phiếu chuyển đổi 35 tỷ VNĐ, qua đó làm giảm khoản vay dài hạn 35 tỷ VNĐ.
- Khoản mục nợ phải trả ngắn hạn bằng 228 tỷ tăng nhẹ 9 tỷ so với đầu năm, không ảnh hưởng nhiều tới cơ cấu nợ trên tổng tài sản của Công ty.
- Vốn chủ sở hữu là 1.066 tỷ VNĐ, trong đó vốn góp của chủ sở hữu là 652 tỷ VNĐ, quỹ đầu tư phát triển hơn 107 tỷ VNĐ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 230 tỷ, ngoài ra bao gồm các khoản mục khác như thặng dư vốn cổ phần 35 tỷ VNĐ và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu 42 tỷ VNĐ. Vốn góp của chủ sở hữu cuối năm tăng 158 tỷ VNĐ so với đầu năm.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

	NĂM 2018 (VNĐ)	TỶ LỆ %	NĂM 2019 (VNĐ)	TỶ LỆ %	TỶ LỆ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.612.896.996.945		4.617.541.777.109		1.004.644.780.164 27,8%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			5.318.041.517		5.318.041.517
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.612.896.996.945		4.612.223.735.592		999.326.738.647 27,7%
4. Giá vốn hàng bán	2.971.920.362.309	82,3%	3.825.317.518.490	82,8%	853.397.156.181 28,7%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	640.976.634.636		786.906.217.102		145.929.582.466 22,8%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.707.563.015		21.074.741.162		(6.632.821.853) -23,9%
7. Chi phí tài chính	136.193.181.773	3,8%	136.400.434.805	3,0%	207.253.032 0,2%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	91.500.188.015	2,5%	101.227.715.040	2,2%	9.727.527.025 10,6%
8. Chi phí bán hàng	101.799.838.830	2,8%	130.112.095.994	2,8%	28.312.257.164 27,8%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	211.464.161.901	5,9%	249.327.669.254	5,4%	37.863.507.353 17,9%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	219.227.015.147		292.140.758.211		72.913.743.064 33,3%
11. Thu nhập khác	580.054.552		3.648.015.656		3.067.961.104 52,8%
12. Chi phí khác	5.500.050.380		7.180.662.833		1.680.612.453 30,6%
13. Lợi nhuận khác	(4.919.995.828)		(3.532.647.177)		1.387.348.651 -28,2%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	214.307.019.319		288.608.111.034		74.301.091.715 34,7%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.046.549.178		58.496.998.765		24.450.449.587 71,8%
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	180.260.470.141	5,0%	230.111.112.269	5,0%	49.850.642.128 27,7%
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.733		3.717		985 36,0%

- Tỷ lệ chi phí cho giá vốn hàng bán trên tổng doanh thu tiêu thụ năm 2019 vẫn giữ nguyên 82% bằng so với thực hiện năm 2018.
- Tỷ lệ chi phí tài chính trên tổng doanh thu tiêu thụ năm 2019 chiếm 2,2% giảm so với tỷ lệ của năm 2018 (2,5%).
- Tỷ lệ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu tiêu thụ năm 2019 vẫn được kiểm soát tốt với các tỷ lệ 2,8% và 5,4% tương đương và nhỏ hơn so với mức thực hiện năm 2018.

- Năm 2019 Công ty tiêu tốn chi phí lãi vay cho các khoản vay bằng 101 tỷ VNĐ bằng 44% lợi nhuận sau thuế, nếu Công ty không tiêu tốn chi phí lãi vay cho các khoản vay, lợi nhuận sau thuế có thể tăng lên một cách đáng kể.
- Năm 2019 chi phí lãi vay chiếm tỷ lệ 2,2% so với tổng doanh thu, tỷ lệ này của năm 2018 là 2,5%. Công ty đã tiết kiệm được 0,3% tỷ lệ này so với năm 2018.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 3.727 đồng/ 1 cổ phiếu tương ứng tăng 36% so với lãi cơ bản trên cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2018 là 2.733 đồng/ 1 cổ phiếu.
- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu vẫn được duy trì ở mức 5%.

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	NĂM 2019 (VNĐ)	NĂM 2018 (VNĐ)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	410.377.636.411	115.506.156.694
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(336.886.049.547)	(208.045.904.701)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	206.400.142.908	94.400.225.966
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	279.891.729.772	1.860.477.959

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 dương 410 tỷ VNĐ, đây là con số kỷ lục tính từ thời điểm TNG niêm yết trên sàn chứng khoán năm 2007. Là sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo trong việc kiểm soát chặt chẽ tiến độ thanh toán từ khách hàng thông qua các nền tảng công nghệ ERP và các phần mềm B2B giữa TNG và khách hàng. Ngoài ra hiệu quả này còn đến từ việc TNG chuyển hẳn từ phương thức thanh toán bình thường qua sử dụng phương tiện thanh toán nhanh đối với hầu hết các khách hàng Decathlon, TCP, Comtextile, Asmara dựa trên sự hỗ trợ từ các ngân hàng đa quốc gia như Standard Chartered, HSBC.

Bảng tóm tắt các chỉ số tài chính của TNG qua các năm (số liệu Báo cáo kiểm toán tài chính qua các niên độ):

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
HỆ SỐ QUẢN TRỊ CHI PHÍ									
GVHB/ DTT	83,7%	80,5%	81,5%	81,0%	81,9%	82,3%	82,4%	82,3%	82,9%
Chi phí lãi vay/ DTT	4,5%	6,4%	6,3%	4,5%	3,0%	3,6%	3,0%	2,5%	2,2%
Chi phí BH/ DTT	1,7%	2,2%	2,3%	2,0%	1,9%	1,5%	2,7%	2,8%	2,8%
Chi phí QLDN/ DTT	7,0%	9,2%	8,7%	7,8%	7,6%	7,4%	6,0%	5,9%	5,4%

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
KHẢ NĂNG SINH LỜI									
Tăng trưởng Doanh thu	84,1%	5,5%	-2,4%	16,7%	39,7%	-1,9%	31,8%	45,2%	27,7%
Tỷ lệ lãi gộp	16,3%	19,5%	18,5%	19,0%	18,1%	17,7%	17,6%	17,7%	17,1%
ROS	2,1%	1,8%	1,2%	3,9%	3,7%	4,3%	4,6%	5,0%	5,0%
ROE	14%	10%	7%	22%	21%	17%	20%	25%	25%
ROA	3,7%	2,5%	1,5%	4,9%	5,1%	4,7%	5,7%	7,5%	8,2%
HỆ SỐ CƠ CẤU NỢ									
Vay ngân hàng / VCSH	1,80	2,39	3,08	3,08	2,53	2,20	2,17	1,83	1,45
Tổng Nợ phải trả/ Tổng tài sản	72,74%	75,88%	77,80%	78,06%	75,45%	72,57%	71,75%	70,48%	66,91%
Tổng Nợ phải trả/ VCSH	2,67	3,15	3,50	3,56	3,07	2,65	2,54	2,38	2,02
HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ									
Doanh thu/ Tổng tài sản	1,72	1,36	1,23	1,28	1,37	1,09	1,22	1,50	1,64
Sức sản xuất của TSCĐ	7,31%	5,38%	4,29%	2,39%	7,72%	8,72%	8,97%	12,20%	17,21%
KHẢ NĂNG THANH TOÁN									
Khả năng thanh toán lãi vay	2,01	1,35	1,25	2,11	3,27	2,73	3,07	3,83	4,20
Khả năng thanh toán tổng quát	1,37	1,32	1,29	1,28	1,33	1,38	1,39	1,42	1,49
Khả năng thanh toán ngắn hạn	0,79	0,78	0,75	0,72	0,75	0,77	0,81	0,92	1,07
Khả năng thanh toán nhanh	0,40	0,37	0,30	0,27	0,34	0,35	0,35	0,39	0,46

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG									
Vòng quay hàng tồn kho	5,98	4,44	3,72	3,78	4,68	3,92	3,88	4,15	4,55
Vòng quay phải thu	14,80	10,31	9,01	9,99	9,19	7,47	7,57	8,39	12,16
Vòng quay phải trả	17,44	16,35	15,03	16,59	11,69	10,50	15,14	16,13	17,23
KHẢ NĂNG TẠO TIỀN									
Kỳ chuyển tiền hàng tồn kho	60	81	97	95	77	92	93	87	79
Kỳ chuyển tiền phải thu	24	35	40	36	39	48	48	43	30
Kỳ chuyển tiền phải trả	21	22	24	22	31	34	24	22	21
Kỳ chuyển tiền mặt	64	94	113	110	85	106	117	107	88

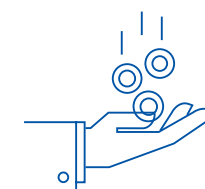
- Lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu năm 2019 vẫn được duy trì ổn định ở tỷ lệ 5%, tương đương so với tỷ lệ thực hiện năm 2018.
- Tỷ lệ sinh lời từ vốn chủ sở hữu (Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu) năm 2019 duy trì tốt ở mức 25% bằng với mức thực hiện của năm 2018.
- Tỷ lệ sinh lời từ tài sản (Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản) năm 2019 bằng 8,2%, tỷ lệ thực hiện này tăng gần 1% so với tỷ lệ sinh lời từ tài sản năm 2018 là 7,5%.
- Sức sinh lời từ tài sản cố định cũng cho thấy Công ty đang đầu tư vào tài sản cố định rất hiệu quả, tỷ lệ này năm 2018 là 12,2% tuy nhiên kết quả thực hiện năm 2019 tỷ lệ này tăng lên tới 17,21%.
- Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 4,15 vòng/1 năm (năm 2018) lên tới 4,55 vòng/1 năm (năm 2019).
- Vòng quay phải thu tăng từ 8,39 vòng/1 năm (năm 2018) lên tới 12,16 vòng/1 năm (năm 2019).
- Thời gian bình quân tính từ khi bắt đầu nhập nguyên phụ liệu cho tới khi thu được tiền của khách hàng giảm từ 117 ngày (2018) xuống còn 107 ngày (năm 2019). Điều này cũng phù hợp với việc dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính đạt 410 tỷ trong năm 2019 – mức kỷ lục trong hơn 10 năm gần đây.
- Các chỉ số về khả năng thanh toán năm 2019 so với năm 2018 đều được cải thiện. Khả năng thanh toán lãi vay tăng từ 3,83 lần lên 4,2 lần; khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,92 lần lên đến 1,07 lần; khả năng thanh toán nhanh tăng từ 0,39 lần lên 0,46 lần. Cho thấy sức khỏe tài chính của TNG đang dần phát triển theo chiều hướng tốt hơn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

Bảng so sánh các chỉ số tài chính của TNG so với các công ty cùng ngành may mặc năm 2019 (Số liệu của VGT và GMC là số liệu trước kiểm toán, số liệu của các công ty còn lại được lấy là số liệu sau kiểm toán)

MÃ CỔ PHIẾU	VGT	TDI	GMC	TCM	MSH	TNG	TRUNG BÌNH
	1	2	3	4	5	6	(1+2+3+4+5+6)/6
HỆ SỐ QUẢN TRỊ CHI PHÍ							
GVHB/ DTT	91,89%	77,95%	83,18%	84,12%	78,95%	82,94%	83,17%
Chi phí lãi vay/ DTT	2,80%	1,53%	0,45%	1,36%	0,51%	2,19%	1,47%
Chi phí BH/ DTT	2,93%	2,46%	1,31%	3,67%	4,09%	2,82%	2,88%
Chi phí QLDN/ DTT	4,30%	9,62%	7,46%	4,20%	5,34%	5,41%	6,05%
KHẢ NĂNG SINH LỜI							
Tăng trưởng Doanh thu	-3,49%	27,83%	-14,28%	-0,49%	11,65%	27,66%	8,15%
Tỷ lệ lãi gộp	8,11%	22,05%	16,82%	15,88%	21,05%	17,06%	16,83%
ROS	3,41%	7,17%	5,92%	5,95%	10,20%	4,99%	6,27%
ROE	8,00%	20,09%	23,97%	16,05%	41,47%	24,73%	22,39%
ROA	3,02%	8,85%	10,23%	7,03%	17,62%	8,18%	9,16%
HỆ SỐ CƠ CẤU NỢ							
Vay ngân hàng / VCSH	1,21	1,03	0,68	0,88	0,59	1,45	0,97
Tổng Nợ phải trả/ Tổng tài sản	62,21%	55,95%	58,21%	56,21%	57,52%	66,91%	59,50%
Tổng Nợ phải trả/ VCSH	1,65	1,27	1,36	1,28	1,35	2,02	1,49
HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ							
Doanh thu/ Tổng Tài Sản	0,89	1,24	1,73	1,18	1,73	1,64	1,40
Sức sản xuất của TSCĐ	9,92%	26,72%	71,75%	23,70%	62,45%	17,21%	35,29%
KHẢ NĂNG THANH TOÁN							
Khả năng thanh toán lãi vay	1,14	6,74	18,80	6,72	25,50	4,20	10,52
Khả năng thanh toán tổng quát	1,61	1,79	1,72	1,78	1,74	1,49	1,69
Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,24	1,29	1,40	1,16	1,38	1,07	1,26
Khả năng thanh toán nhanh	0,72	0,46	0,85	0,49	0,90	0,46	0,65
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG							
Vòng quay hàng tồn kho	4,05	2,33	4,68	3,02	5,20	4,55	3,97
Vòng quay phải thu	8,25	16,13	6,46	10,85	10,07	12,16	10,65
Vòng quay phải trả	12,31	14,82	9,87	11,58	19,82	17,23	14,27
KHẢ NĂNG TẠO TIỀN							
Kỳ chuyển tiền hàng tồn kho	89	154	77	119	69	79	98
Kỳ chuyển tiền phải thu	44	22	56	33	36	30	37
Kỳ chuyển tiền phải trả	29	24	36	31	18	21	27
Kỳ chuyển tiền mặt	103	152	96	121	87	88	108



Mức thu nhập bình quân

9.521.345

đồng
/01 người lao động/01 tháng

AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

- Thực hiện nhận diện và đánh giá rủi ro với 321 công đoạn sản xuất để tìm ra các mối nguy và đề ra các biện pháp phòng tránh và quản lý.
- Huấn luyện chuyên biệt cho các lao động nhóm 1,2,3,5: 512 người và huấn luyện định kỳ cho hơn 13.000 lao động nhóm 4 đang làm việc tại Công ty.
- Lập sổ theo dõi và kiểm định cho 159 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động theo quy định.
- Quan trắc 1.981 mẫu trong môi trường lao động của người lao động để đánh giá môi trường làm việc, các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của pháp luật.
- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và quần áo bảo hộ lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên với kinh phí hơn 3,7 tỉ đồng.
- Khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm đối với người lao động với kinh phí hơn 1,5 tỉ đồng.
- Năm 2018, Công ty đã thực hiện 02 số lần diễn tập PCCC, cứu hộ cứu nạn, với tổng số 1506 lượt người tham gia. Trong đó có 01 lần diễn tập nội bộ 01 lần phối hợp với cảnh sát phòng cháy và chữa cháy địa phương, diễn tập 07 phương án chữa cháy cơ sở.

CÔNG TÁC NHÂN SỰ, TIỀN LƯƠNG VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

- Lao động bình quân làm việc đạt 14.863 người, đạt 91% so với kế hoạch năm 2018, 105% so với thực hiện cùng kỳ năm 2018.
- Mức thu nhập bình quân đạt 9.521.345 đồng/01 người lao động/01 tháng tăng 2,8% so với năm 2018 (9.257.305 đồng/ 01 người lao động).
- Công tác tiền lương: Công ty tiếp tục xem xét và cải tiến các chế độ chính sách đối với người lao động. Luôn tạo môi trường làm việc năng động, bình đẳng, đồng thời thực hiện tốt chính sách về an toàn lao động, tiền lương, tiền thưởng, các loại bảo hiểm và các chế độ chính sách khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Số lượng sản phẩm tiêu thụ đạt 37.055.730 sản phẩm, đạt 107% so với kế hoạch năm 2019, 123% so với thực hiện cùng kỳ năm 2018.
- Tổng doanh thu đạt 4.617 tỷ đồng, đạt 111% so với kế hoạch năm 2019, 128% so với thực hiện cùng kỳ năm 2018.
- Kim ngạch xuất khẩu đạt 251 triệu USD, đạt 105% so với kế hoạch năm 2019, 121% so với thực hiện cùng kỳ năm 2018.
- Nộp ngân sách Nhà nước đạt 70.963 triệu đồng, đạt 130% so với kế hoạch năm 2019, 150% so với thực hiện cùng kỳ năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 288 tỷ đồng, đạt 111% so với kế hoạch năm 2019, 135% so với thực hiện cùng kỳ năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 230 tỷ đồng, đạt 111% so với kế hoạch năm 2019, 128% so với thực hiện cùng kỳ năm 2018.
- Giá trị đầu tư mua sắm MMTB và các TSDH khác 260 tỷ đồng, đạt 107% so với kế hoạch năm 2019, 123% so với thực hiện cùng kỳ năm 2018.
- Tất cả các chỉ tiêu sản xuất, tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận, số lượng lao động, giá trị đầu tư mua sắm MMTB tại TNG năm 2019 đều hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng trưởng rất lớn so với cùng kỳ năm 2018.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Lãnh đạo Công ty luôn đề cao ý thức trách nhiệm và yêu cầu người lao động tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan tới môi trường và trách nhiệm xã hội. Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về môi trường và không bị các khoản phạt hay bồi thường nào về các vấn đề liên quan đến môi trường.

Các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội mà các Nhà máy may TNG đạt được cụ thể như sau:

- ▣ Các Nhà máy TNG Việt Đức, TNG Việt Thái, TNG Đại Từ, TNG Sông Công 1: Đạt tiêu chuẩn Wrap, Better Work.
- ▣ Nhà máy TNG Sông Công 2, 3 và TNG Đồng Hỷ: Đạt tiêu chuẩn Wrap.
- ▣ Nhà máy TNG Phú Bình 1: Wrap, BSCI, Nhà máy TNG Phú Bình 4: Wrap, BSCI.
- ▣ Nhà máy TNG Phú Bình 2 và TNG Phú Bình 3: Đạt tiêu chuẩn Wrap, Better Work, BSCI.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2020

Năm 2019 là năm có tốc độ phát triển vượt bậc trong 04 năm gần đây, với tốc độ phát triển doanh thu lên tới 45%; để tiếp tục phát triển, vượt qua những khó khăn, thách thức trong thời gian tới, TNG đã đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2020 như sau:

- ▣ Tiếp tục xây dựng văn hóa Công ty, tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.
- ▣ Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ phù hợp với Luật, Nghị định và các văn bản pháp luật mới có hiệu lực của Nhà nước phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.
- ▣ Ứng dụng công nghệ giảm thao tác công đoạn nhập liệu phần mềm.
- ▣ Ứng dụng công nghệ internet kết nối vạn vật (IoT) kết nối giữa kho thông minh, đồng bộ hóa giữa các thiết bị di động kết nối với giữ liệu các thiết bị sản xuất.
- ▣ Không ngừng cải tiến ứng dụng sơ đồ chuỗi giá trị VSM tinh gọn hệ thống sản xuất.
- ▣ Nhà máy may TNG Võ Nhai (công suất: 06 triệu sản phẩm/ 01 năm).
- ▣ Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới đem lại giá trị gia tăng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của Công ty.
- ▣ Đẩy mạnh phát triển khách hàng ở các thị trường khác, cân đối tỷ lệ khách hàng ở các thị trường khác nhau một cách phù hợp.
- ▣ Tiếp tục giám sát và nâng cấp các quy trình kiểm soát, đánh giá chất lượng sản phẩm.
- ▣ Cải tiến, nâng cấp, tiếp tục phát triển hệ thống phần mềm quản trị ERP.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH TOÀN CÔNG TY

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2019
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	251
2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	119
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.617
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	288
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	230
6	Lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	%	4,98%
7	Nộp NSNN	Triệu đồng	70.963
8	Giá trị trị đầu tư mua sắm MMTB và các TSDH khác	Tỷ đồng	260
9	Lao động bình quân làm việc	Người	14.863
10	Số chuyền may	Chuyên	253
11	Số lượng sản phẩm tiêu thụ	Sản phẩm	37.055.730



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DÀI HẠN

Ngoài các dự án lớn trong năm 2019 như 02 dây chuyền sản xuất bông với công suất 15 triệu yard/năm (1 yard = 0,9144 m), TNG còn đẩy mạnh nghiên cứu phát triển theo định hướng dài hạn:

- ▣ In ấn: 64 dây chuyền với công suất 70.000 sản phẩm/ ngày.
- ▣ Sản xuất bao bì: Sản xuất thùng carton 2,5 triệu m²/ năm, 2 tấn túi PE/tháng.
- ▣ Giặt: Công suất 7.000 sản phẩm jacket/ ngày hoặc 30.000 sản phẩm quần/ ngày.
- ▣ Nhà máy mới TNG Võ Nhai với số lượng 32 chuyên may (Công suất: 06 triệu sản phẩm/ 01 năm).
- ▣ Xây dựng hệ thống kiểm soát và theo dõi chất lượng tới khi sản phẩm được cung cấp tới tay người tiêu dùng.
- ▣ Tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ căn hộ TNG Village tại số 3 phường Phan Đình Phùng, Tp. Thái Nguyên.
- ▣ Tiếp tục đầu tư và đưa vào kinh doanh cụm công nghiệp Sơn Cẩm và khu tái định cư nhà ở thương mại tại xã Sơn Cẩm, Tp. Thái Nguyên.
- ▣ Đầu tư hoàn chỉnh và di dời hai nhà máy may Việt Đức và Việt Thái tới KCN Sơn Cẩm.
- ▣ Đầu tư bất động sản tại hai khu đất Việt Đức và Việt Thái.
- ▣ Tiếp tục nâng cao quản trị doanh nghiệp.
- ▣ Tiếp tục đầu tư cải tạo tất cả các nhà máy TNG theo tiêu chuẩn nhà máy xanh và phát triển bền vững.
- ▣ Tiếp tục mở rộng cửa hàng tiêu thụ sản phẩm thời trang TNG fashion tới tất cả các tỉnh thành phố trong cả nước và tiến tới ở nước ngoài.





GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN

Về Công tác quản trị Công ty

- Xây dựng cơ cấu nhân sự độc lập, không điều hành trong HĐQT, đảm bảo việc đưa ra những quyết định độc lập, khách quan và hiệu quả.
- Kiện toàn hệ thống kiểm toán nội bộ theo tiêu chuẩn quy định của Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về hoạt động kiểm toán nội bộ.
- Vận hành hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn Coso, tiếp tục nâng cấp không ngừng hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP.

Vận hành sản xuất

- Tăng cường đầu tư máy và hệ thống tự động giúp nâng cao năng suất lao động, hướng tới áp dụng công nghệ 4.0.
- Triển khai dự án "Kho thông minh".

- Tiếp tục cải tiến và ứng dụng sơ đồ chuỗi giá trị tinh gọn (Value Stream Mapping) trong hệ thống sản xuất của nhà máy

Kinh doanh và phát triển thị trường

- Phát huy thế mạnh của Văn phòng đại diện của TNG tại New York, tìm kiếm những khách hàng mới, tiềm năng.
- Tận dụng lợi thế các hiệp định thương mại CT TPP, EVFTA phát triển thêm khách hàng ở các thị trường tiềm năng.
- Xây dựng hệ thống các nhà máy đạt tiêu chuẩn xanh (Leed, Lotus), đảm bảo được yêu cầu của các khách hàng về tiêu chuẩn nhà máy trong chuỗi giá trị cung ứng xanh, qua đó góp phần gia tăng khối lượng đơn hàng.

Nhân sự và đào tạo

- Hoàn thiện bộ từ điển đánh giá năng lực nhân sự, giao các chỉ số Kpis đến từng mắt xích nhỏ nhất trong chuỗi hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi ích về thu nhập cũng như tiến độ và năng suất lao động.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo dài hạn đối với các vị trí nhân sự cấp cao và vị trí nhân sự chủ chốt.
- Thực hiện giám sát năng lực nhân sự hàng năm, đào tạo hàng năm đảm bảo nhân sự có đủ năng lực đáp ứng cho các vị trí cần thiết.

Nghiên cứu khoa học công nghệ

- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu đa dạng các dòng sản phẩm mới, biên lợi nhuận hiệu quả thân thiện với môi trường, phù hợp với định hướng chiến lược.
- Xây dựng cơ chế khen thưởng phù hợp với các phát minh, sáng chế có tác động hiệu quả trực tiếp hoặc gián tiếp có lợi cho Công ty.

Quản trị vốn, tài sản và đầu tư

- Xây dựng kế hoạch dòng tiền từ đầu năm tài chính, luôn theo dõi bám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, cập nhật, thay đổi kế hoạch về dòng tiền khi hoạt động sản xuất kinh doanh thay đổi.
- Xây dựng và bám sát kế hoạch huy động các nguồn vốn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm soát tiến độ của dự án và tuân thủ pháp luật.

Môi trường, an toàn và sức khỏe

- Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật liên quan tới môi trường, an toàn lao động và sức khỏe.
- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng.

ĐỂ ĐẠT MỤC TIÊU TRỞ THÀNH MỘT CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TRONG TOP ĐẦU MINH BẠCH, QUẢN TRỊ PHÙ HỢP VỚI CÁC MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TIÊN TIẾN NHẤT TRÊN THẾ GIỚI, TNG HIỆN ĐANG ÁP DỤNG MÔ HÌNH QUẢN TRỊ MÀ Ở ĐÓ CÁC THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP THỰC HIỆN CHỨC NĂNG GIÁM SÁT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY. NGOÀI RA, CÔNG TY CÒN ÁP DỤNG THÔNG LỆ TỐT THEO NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY G20/OECD.

”

CHƯƠNG III QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN TGD

TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

Giám sát và kiểm soát chiến lược

- Quyết định về chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh thường niên.
- Quyết định về kế hoạch và các dự án đầu tư trong thẩm quyền.
- Quyết định về giải pháp mở rộng thị trường, marketing, và công nghệ.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, sa thải, ký kết và chấm dứt hợp đồng với TGD và các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.
- Giám sát và chỉ đạo và chỉ đạo TGD và các cán bộ quản lý khác.
- Quyết định về cơ cấu tổ chức của Công ty.
- Thành lập các ủy ban trực thuộc HĐQT.
- Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Thư ký công ty.
- Thông qua các tài liệu về quản lý nội bộ và Quy tắc quản trị Công ty.

Kiểm soát, công bố thông tin và đảm bảo tính minh bạch

- Nộp báo cáo tài chính thường niên lên ĐHCĐ.
- Đề xuất thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo quản lý, báo cáo kiểm toán (và báo cáo Quản trị công ty) gửi lên ĐHCĐ.
- Xây dựng cơ chế kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.

Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông

- Tham mưu cho ĐHCĐ về mức chi trả cổ tức, thời hạn và thủ tục chi cổ tức
- Giải quyết xung đột trong Công ty.
- Tổ chức ĐHCĐ.
- Tổ chức lấy ý kiến cổ đông để ĐHCĐ thông qua các quyết định.

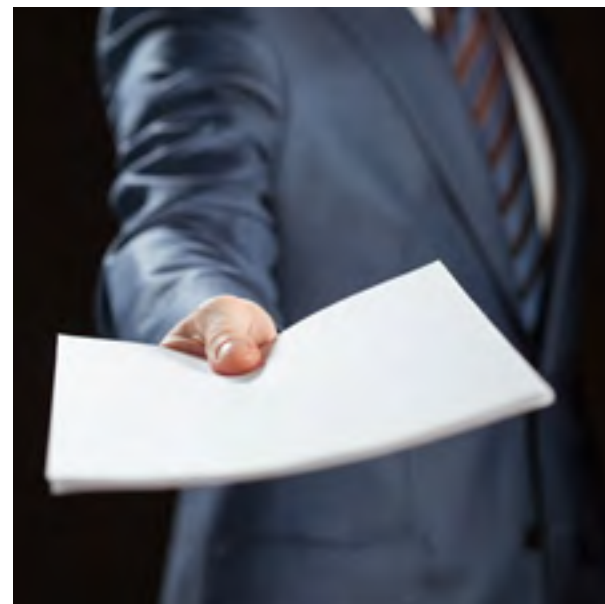
Đảm bảo vốn điều lệ và tài sản

- Đề xuất về các loại cổ phần và tổng số lượng cổ phần mỗi loại sẽ được chào bán.

- Quyết định việc phát hành cổ phần mới trong giới hạn tổng số cổ phần mỗi loại có thể được chào bán.
- Quyết định về việc huy động vốn bổ sung dưới các hình thức khác.
- Quyết định về giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.

PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT

- Giám sát quá trình lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và quá trình thực hiện đạt được kế hoạch mà ĐHCĐ 2018 giao phó.
- Phối hợp chặt chẽ với hoạt động của Tiểu ban KTNB - là cánh tay nối dài của HĐQT trong việc giúp đem lại giá trị cho Công ty bằng việc cung cấp cách dịch vụ tư vấn và đảm bảo bằng cách đánh giá hiệu quả, thiết kế của của hệ thống quản trị, kiểm soát và quản lý rủi ro.
- Tham gia các cuộc họp thường kỳ (hàng tuần, hàng tháng) của Ban TGD, qua đó nắm được các vấn đề phát sinh ngay khi xảy ra và có những chỉ đạo giám sát kịp thời giúp cho Ban TGD hoạt động hiệu quả nhất đảm bảo đạt được kế hoạch ĐHCĐ giao phó và phù hợp với định hướng phát triển chiến lược của Công ty.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA HĐQT

Chiến lược, kế hoạch

- Chủ tịch HĐQT không kiêm TGD, HĐQT có tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập chiếm tối thiểu là 1/3, chủ nhiệm các tiểu ban trực thuộc HĐQT đều là các thành viên HĐQT độc lập, đảm bảo tỷ lệ cơ cấu trong thành viên HĐQT nam và nữ là 50 : 50.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Đảm bảo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả với chi phí tiết kiệm nhất.
- Giám sát việc thực hiện xây dựng các nhà máy của TNG đảm bảo tiêu chuẩn nhà máy xanh (Leed, Lotus).
- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành viên HĐQT trị độc lập phát huy được lợi thế của mình với vai trò là thành viên HĐQT độc lập.
- Phát triển bền vững gắn liền với 17 tiêu chí phát triển bền vững của LHQ.
- Đẩy mạnh hoạt động R&D, phát triển các sản phẩm mới đem lại biên lợi nhuận cao.
- Tiếp tục hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, tạo ra một môi trường văn hóa cởi mở, năng động, sáng tạo, đáp ứng được các yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Giám sát việc triển khai mở rộng khách hàng ở những thị trường khác ngoài những thị trường truyền thống như Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Nam Mỹ.
- Giám sát đánh giá trong việc cải thiện dây chuyền sản xuất giúp làm giảm thời gian sản xuất, nâng cao năng suất từ đó giảm các bước lãng phí.

Về công tác quản trị

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao năng lực hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ, giúp bộ phận kiểm toán nội bộ phát huy được năng lực là bộ phận nội bộ trong doanh nghiệp, nhưng đứng dưới góc độ là một bên đưa ra những khuyến nghị khách quan, độc lập giúp tạo ra giá trị gia tăng cho doanh nghiệp.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU

HĐQT TNG tại thời điểm 31/12/2019 gồm có 09 thành viên bao gồm Chủ tịch HĐQT kiêm TGD, 6 thành viên chuyên trách và 3 thành viên HĐQT độc lập, không điều hành

STT	HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT	12.580.711	19,29%	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
2	Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên HĐQT	5.002.723	7,67%	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD
3	Ông Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT	2.622.968	4,02%	
4	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT	146.011	0,22%	Phó Chủ tịch HĐQT
5	Bà Lương Thị Thúy Hà	Thành viên HĐQT	477.914	0,73%	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD, Trưởng Tiểu ban KTNB
6	Bà Đinh Lệ Hằng	Thành viên HĐQT		0,00%	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành
7	Bà Đỗ Thị Hà	Thành viên HĐQT	1.493.578	2,29%	Thành viên HĐQT không điều hành
8	Ông Hwan Kyoon Kim	Thành viên HĐQT	14.400	0,02%	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành
9	Ông Lê Quang Vinh	Thành viên HĐQT		0,00%	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành

HĐQT đã tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên 2019 vào ngày 21/04/2019, với sự tham gia của toàn bộ thành viên HĐQT, Ban TGD và các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tại cuộc họp Ban Lãnh đạo Công ty đã trả lời thỏa đáng các câu hỏi chất vấn của cổ đông. Kết quả biểu quyết của mỗi nội dung được ghi nhận trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội và được công bố đầy đủ và đúng thời gian quy định.



BÁO CÁO THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 859/2019/NQ-ĐHĐCĐ NGÀY 21/04/2019

STT	NỘI DUNG CHÍNH THEO NGHỊ QUYẾT 859/2019/NQ-ĐHĐCĐ NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 2019	KẾT QUẢ
Phân phối lợi nhuận năm 2018		
1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 50.508.323.971 VNĐ	Đã thực hiện, tham khảo Thuyết minh số 21. Vốn chủ sở hữu Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
2	Trích quỹ dự phòng bổ sung vốn lưu động: 9.013.023.507 VNĐ	Đã thực hiện, tham khảo Thuyết minh số 21. Vốn chủ sở hữu Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 9.012.023.507 VNĐ	Đã thực hiện, tham khảo Thuyết minh số 21. Vốn chủ sở hữu Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi trả thù lao HĐQT năm 2018		
4	4,5% lợi nhuận sau thuế năm 2018 bằng tiền mặt tương đương 8.111.721.156 VNĐ	Đã thực hiện, tham khảo Thuyết minh số 21. Vốn chủ sở hữu Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Trả cổ tức năm 2018 cho cổ đông		
5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%: 103.614.378.000 VNĐ	Đã thực hiện, tham khảo Thuyết minh số 21. Vốn chủ sở hữu Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Thông qua kế hoạch SXKD năm 2019		
6	Doanh thu : 4.154 tỷ đồng	Doanh thu thực hiện năm 2019 đạt 4.617 tỷ VNĐ, vượt kế hoạch 11%
7	Lợi nhuận sau thuế: 208 tỷ đồng	Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 230 tỷ VNĐ, vượt kế hoạch 10,6%
Các vấn đề khác		
8	Lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính 2019	Tham khảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
9	Phê chuẩn Ông Nguyễn Văn Thời - Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm TGD Công ty	
10	Thay đổi thành viên HĐQT:	
11	Miễn nhiệm thành viên HĐQT Bà Hà Thị Tuyết, Ông Rusdy Pranata	
12	Bổ nhiệm thành viên HĐQT Bà Lương Thị Thúy Hà, Ông Nguyễn Mạnh Linh, Bà Đinh Lệ Hằng, Ông Hwan Kyoon Kim nhiệm kỳ 2019 - 2024	
Phương án phát hành		
13	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018, tỷ lệ thực hiện 20%	Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5:1 đưa vốn điều lệ của Công ty tăng thêm 103.608.090.000 VNĐ
14	Phát hành cổ phiếu cho người lao động trong TNG tỷ lệ 5%	Chưa thực hiện
15	Chào bán cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 10%	Chưa thực hiện
16	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo yêu cầu của trái chủ	Đã thực hiện theo yêu cầu chuyển đổi của trái chủ, chuyển đổi 35 tỷ VNĐ trái phiếu chuyển đổi, đưa vốn điều lệ Công ty tăng thêm 30.343.780.000 VNĐ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

TÌNH HÌNH THAM DỰ CÁC CUỘC HỌP CHÍNH THỨC CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019

Trong năm 2019 HĐQT đã tổ chức 18 cuộc họp chính thức với sự tham gia hầu như đầy đủ của các thành viên HĐQT, các cuộc họp tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng trong việc giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. HĐQT thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc chỉ đạo, giám sát và đôn đốc Ban Điều hành triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, đảm bảo hiệu quả trong công tác quản trị.

STT	HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT	18	100,00%	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
2	Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên HĐQT	18	100,00%	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD
3	Ông Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT	18	100,00%	
4	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT	18	100,00%	Phó Chủ tịch HĐQT
5	Bà Lương Thị Thúy Hà	Thành viên HĐQT	18	100,00%	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD, Trưởng Tiểu ban KTNB
6	Bà Đinh Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	-	0,00%	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành
7	Bà Đỗ Thị Hà	Thành viên HĐQT	18	100,00%	Thành viên HĐQT không điều hành
8	Ông Hwan Kyoon Kim	Thành viên HĐQT	18	100,00%	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành
9	Ông Lê Quang Vinh	Thành viên HĐQT	18	100,00%	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành

TÓM TẮT MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA CÁC CUỘC HỌP HĐQT TRONG NĂM 2019

STT	NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH
1	51/NQ-HĐQT	11/01/2019	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc với Ông Lưu Đức Huy
2	70/NQ-HĐQT-TNG	15/01/2019	Điều chỉnh nội dung Quy chế phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên TNG
3	155/NQ-HĐQT-TNG	24/01/2019	Thông qua danh sách cán bộ nhân viên TNG trong đợt phát hành Esop năm 2018
4	159/NQ-HĐQT-TNG	25/01/2019	Thành lập Chi nhánh may Võ Nhai
5	245/NQ-HĐQT-TNG	14/02/2019	Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Eco Green - TNG sở hữu 100%

STT	NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH
6	344/NQ-HĐQT-TNG	27/02/2019	Thông qua nguyên tắc xử lý không chào bán hết cho cán bộ công nhân viên TNG
7	581/NQ-HĐQT-TNG	27/03/2019	Sửa đổi điều lệ Công ty - thay đổi vốn điều lệ: 518.071.890.000 đồng
8	680/NQ-HĐQT-TNG	02/04/2019	Miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ đối với Bà Hà Thị Tuyết Bổ nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ đối với bà Lương Thị Thúy Hà
9	861/NQ-HĐQT-TNG	21/04/2019	Thành lập Công ty TNHH Một thành viên TNG Fashion - TNG sở hữu 100%
10	933/NQ-HĐQT-TNG	03/05/2019	Thông qua triển khai phương án chi trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu tỷ lệ 5:1
11	1034/NQ-HĐQT-TNG	14/05/2019	Đính chính nội dung Nghị quyết HĐQT số 933/NQ-HĐQT-TNG
12	1358/NQ-HĐQT-TNG	21/06/2019	Thông qua việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG
13	1410/NQ-HĐQT	28/06/2019	Sửa đổi điều lệ Công ty - thay đổi vốn điều lệ: 621.679.980.000 đồng
14	2181/TNG-NQHĐQT	03/10/2019	Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo, không chứng quyền
15	2433/TNG-NQHĐQT	30/10/2019	Thông qua phương án chuyển đổi 35 tỷ trái phiếu chuyển đổi năm 2018 thành cổ phiếu
16	2892/NQ-HĐQT	18/12/2019	Thông qua việc mua 6.200.000 cổ phiếu quỹ tương đương 9,97% vốn điều lệ
17	2937/NQHĐQT-TNG	23/12/2019	Triệu tập Đại hội cổ đông thường niên 2020
18	3992/NQ-HĐQT	30/12/2019	Sửa đổi điều lệ Công ty - thay đổi vốn điều lệ: 652.114.760.000 đồng

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN TRONG HĐQT

- ▣ Các thành viên hiểu rõ công việc của mình và vận hành công việc một cách chủ động.
- ▣ Hoạch định chiến lược cụ thể, rõ ràng, minh bạch.
- ▣ Cơ quan HĐQT phối hợp cùng với Bộ phận kiểm toán nội bộ và cơ quan điều hành hiệu quả trong quá trình quản trị và kiểm soát rủi ro.
- ▣ Tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, điều lệ hoạt động của HĐQT.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Thành viên

STT	TIỂU BAN KTNB	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ
1	Bà Lương Thị Thúy Hà	Trưởng TB KTNB	447.914	0,73%
2	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	146.011	0,22%
3	Ông Trần Minh Hiếu	Thành viên	59.945	0,09%

Tất cả các thành viên đều có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các nhiệm vụ được HĐQT giao và được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Tiểu ban KTNB.

Trách nhiệm của Tiểu Ban KTNB

- Đưa ra đề xuất hoặc soạn thảo một bản đề xuất trình lên HĐQT liên quan đến việc bổ nhiệm, tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các thành viên kiểm toán nội bộ.
- Góp ý kiến về ứng viên cho vị trí Kiểm toán độc lập.
- Góp ý kiến về bản dự thảo hợp đồng sẽ được ký với Kiểm toán độc lập.
- Giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn kế toán trong việc chuẩn trị các báo cáo tài chính.
- Đánh giá mức độ chính xác và mức độ hoàn thiện của những thông tin tài chính trước khi công bố.
- Đánh giá tính độc lập của Kiểm toán độc lập.
- Giám sát chức năng kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập.
- Rà soát những điều kiện có thể dẫn đến việc miễn nhiệm Kiểm toán độc lập, và đề xuất ý kiến trong những trường hợp như vậy.
- Thực thi những nhiệm vụ khác liên quan tới chức năng kiểm toán trong Công ty do HĐQT giao phó.



Hoạt động trong năm 2019

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019, Tiểu ban KTNB đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia trực tiếp của cả 03 thành viên (tháng 03; tháng 06; tháng 09 và tháng 12 năm 2019). Ngoài ra còn có nhiều cuộc họp khác theo các chủ đề riêng biệt với sự tham gia của các thành viên có liên quan. Sau mỗi cuộc họp cũng như kết thúc năm tài chính 2019, Tiểu ban KTNB đã thực hiện tổng hợp và báo cáo kết quả hoạt động lên HĐQT. Có thể tóm tắt kết quả hoạt động của Tiểu ban KTNB như sau:

Giám sát hoạt động Tiểu ban KTNB

KTNB trực thuộc về mặt chức năng và chịu sự giám sát độc lập của Tiểu ban KTNB thông qua việc phê duyệt kế hoạch kiểm toán năm, xem xét điều lệ hoạt động và phương pháp KTNB. Tiểu ban KTNB đánh giá chức năng KTNB hoạt động hiệu quả, mang lại giá trị tăng thêm đáng kể cho Công ty. Cụ thể:

- Bộ máy KTNB khá gọn nhẹ nhưng hoạt động dựa trên các thông lệ tốt nhất, đảm bảo tính độc lập và chất lượng kiểm toán.
- Điều lệ KTNB, sổ tay KTNB cũng như thực tế hoạt động KTNB cho thấy KTNB TNG đã đạt được những yêu cầu cơ bản của KTNB khi so sánh với cuốn Cẩm nang KTNB do Bộ Tài chính và Ngân hàng Thế Giới ("WB") đồng phát hành.

- Việc phối hợp giữa Ban TGD và Tiểu ban KTNB trong quản lý chức năng KTNB giúp KTNB phát huy tốt vai trò của mình không chỉ ở yêu cầu đảm bảo tuân thủ mà còn hỗ trợ các đơn vị trong QLRR và KSNB cả trước, trong và sau khi nghiệp vụ phát sinh.

- Dù còn khó khăn về nhân sự nhưng kế hoạch KTNB 2019 đã được hoàn thành trước thời hạn. Kết quả KTNB cho thấy việc tuân thủ quy trình ở các đơn vị được kiểm toán được thực hiện rất tốt. Việc chuyển từ kiểm toán tuân thủ sang hỗ trợ các đơn vị trong QLRR và KSNB đã có những kết quả tốt và sẽ là ưu tiên trong các năm tới.

- Vai trò của KTNB trong Công ty được ghi nhận và ngày càng nâng cao thông qua những phản hồi tích cực từ các đơn vị được kiểm toán.

Giám sát tuân thủ và chống gian lận

Tiểu ban KTNB thực hiện giám sát tính hiệu quả các hoạt động, biện pháp phòng chống gian lận, các vi phạm nội quy, điều lệ Công ty, đạo đức nghề nghiệp hoặc vi phạm pháp luật. Hiện nay Công ty đã thiết lập bộ máy để chỉ đạo và triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống gian lận.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT (tiếp theo)

Giám sát hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ

Định kỳ hàng quý, Tiểu ban KTNB giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thông qua báo cáo của KTNB, Kiểm toán độc lập, Bộ phận KSNB và QLRR. Kết quả giám sát cho thấy Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG có một khuôn khổ QLRR và KSNB hoạt động hữu hiệu:

- Tích hợp hệ thống QLRR và KSNB trực tiếp trên hệ thống phần mềm ERP giúp phát hiện rủi ro và kiểm soát kịp thời, đảm bảo rủi ro luôn ở mức có thể chấp nhận được.
- Có bộ máy chuyên trách QLRR và KSNB.
- Có quy trình và phương pháp QLRR.
- Rủi ro luôn được theo dõi và cập nhật để có biện pháp phù hợp.
- CBCNV Công ty ý thức và có trách nhiệm đối với vấn đề QLRR. Hệ thống tự đánh giá KSNB góp phần tích cực vào việc nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên đối với QLRR và KSNB.
- Các quy trình nghiệp vụ được ban hành, cập nhật và quản lý bởi bộ phận chuyên trách. Kết quả KTNB cho thấy việc tuân thủ các quy trình hiện hành được thực hiện rất tốt.

Giám sát báo cáo tài chính

Tiểu ban KTNB đã thực hiện giám sát báo cáo tài chính tháng, quý, sáu tháng, năm trước khi Ban TGD trình HĐQT, ĐHCĐ hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của pháp luật; có ý kiến về tính trung thực, đầy đủ, đúng hạn và tính phù hợp của báo cáo tài chính với chế độ, chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành. Kết quả giám sát cho thấy:

- Báo cáo tài chính quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Trong năm không có bất kỳ thay đổi nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu tới tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố.
- Không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch bên liên quan.



Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập

Kết quả giám sát cho thấy đề xuất kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch kiểm toán 2019 của Kiểm toán độc lập là phù hợp với yêu cầu của Công ty về phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian cũng như các yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của kiểm toán độc lập. Đối với việc lựa chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2019, HĐQT sẽ đề xuất để trình Đại hội Cổ đông biểu quyết lựa chọn.

Định hướng của Tiểu ban KTNB trong năm 2019

- Duy trì và phát huy các hoạt động sẵn có để đảm bảo hoạt động một cách hiệu quả, cũng như đưa ra những ý kiến khách quan, độc lập, cơ cấu nhân sự của Tiểu ban KTNB sẽ thay đổi hướng tới lựa chọn Trưởng Tiểu ban KTNB là thành viên HĐQT độc lập đảm bảo đầy đủ năng lực về chuyên môn, đạo đức để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của HĐQT.

- Truyền thông tầm quan trọng cũng như hiệu quả của việc áp dụng khung quản trị rủi ro tới từng đơn vị chức năng nhỏ nhất trong quá trình vận hành doanh nghiệp, giúp các đơn vị chức năng có một góc nhìn khác về cách vận hành hệ thống qua lăng kính quản trị rủi ro và kiểm soát.
- Xây dựng công cụ tích hợp trên phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP giúp đỡ cho Tiểu ban KTNB trong các hoạt động: Giám sát hoạt động KTNB, giám sát tuân thủ và chống gian lận, giám sát QLRR và KSNB, giám sát báo cáo tài chính gắn liền với định hướng và mục tiêu phát triển chiến lược.
- Giám sát chiến lược trong việc phát triển và đào tạo nguồn lực kiểm toán nội bộ.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

TIỂU BAN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Trong năm 2019 Tiểu ban thực hiện 12 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên trong tiểu ban.

THÀNH VIÊN

STT	TIỂU BAN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Văn Thời	Chủ nhiệm TB	12.580.711	19,29%	CT.HĐQT
2	Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên	5.002.723	7,67%	Phó CT. HĐQT
3	Ông Trần Minh Hiếu	Thành viên	59.945	0,09%	Phó TGD

TRÁCH NHIỆM CỦA TIỂU BAN

- Xác định các chiến lược phát triển, mục tiêu và kế hoạch, cũng như những chỉ tiêu thành tích cơ bản của Công ty.
- Xác định các ưu tiên hoạt động.
- Xây dựng chính sách tổ chức.
- Đánh giá năng suất dài hạn trong các hoạt động của Công ty.

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

- Giám sát hoạt động của Ban Điều hành đảm bảo đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019 ĐHCĐ giao phó và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.
- Cập nhật các thông tin về sự thay đổi, biến động của thị trường đảm bảo chiến lược phát triển của Công ty bắt kịp với tốc độ thay đổi của môi trường, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.



TIỂU BAN NHÂN SỰ, LƯƠNG THƯỜNG

Trong năm 2019, Tiểu ban đã thực hiện 06 cuộc họp liên quan tới các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm của tiểu ban, các thành viên tham dự họp đầy đủ 100%.

THÀNH VIÊN

STT	TIỂU BAN NHÂN SỰ, LƯƠNG THƯỜNG	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Bà Lương Thị Thúy Hà	Chủ nhiệm TB KTBN	477.914	0,73%	P.TGD
2	Lê Quang Vinh	Thành viên	0	0%	Thành viên HĐQT độc lập
3	Đỗ Thị Hà	Thành viên	1.493.578	2,29%	Thành viên HĐQT không điều hành

TRÁCH NHIỆM CỦA TIỂU BAN

- Soạn thảo bản đề xuất về chính sách lương thưởng để trình lên HĐQT hoặc góp ý đối với bản đề xuất về chính sách lương thưởng do HĐQT trị đưa ra.
- Soạn thảo bản đề xuất về định mức lương thưởng đối với các thành viên HĐQT, Ban TGD và Kiểm toán Độc lập, hoặc góp ý đối với nội dung bản đề xuất của HĐQT. Bản đề xuất đó sẽ kiến nghị về cơ cấu lương thưởng và định mức lương thưởng.
- Định kỳ (mỗi năm ít nhất hai lần) đánh giá quy mô và cơ cấu lương thưởng của từng thành viên HĐQT và Ban TGD điều hành, cũng như của Kiểm toán Độc lập và đưa ra khuyến nghị liên quan tới những thay đổi cần thiết để trình lên ĐHCĐ trong kỳ đại hội tiếp theo.
- Thực thi những nhiệm vụ khác liên quan tới chính sách lương thưởng của Công ty được HĐQT giao phó.

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

- Đưa ra chiến lược thu hút người lao động làm việc qua việc thay đổi các nội dung trong quy chế phân phối thu nhập.
- Tư vấn phát triển nguồn nhân lực có tay nghề kỹ thuật cao.
- Giám sát cách đánh giá năng lực từng nhân viên và đưa vào hệ thống đánh giá tự động trên phần mềm của từng cá nhân đối với công việc.
- Định hướng các cơ chế, chính sách tạo động lực cho người lao động thông qua cơ chế thưởng, thưởng sáng kiến,...

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

TIỂU BAN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong năm tiểu ban thực hiện 04 cuộc họp, có sự tham gia đầy đủ của các thành viên. Trao đổi các nội dung trong phạm vi quyền của Tiểu ban.

THÀNH VIÊN

STT	TIỂU BAN PTBV	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Văn Đức	Chủ nhiệm	146.011	0,22%	Phó CT. HĐQT
2	Ông Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên	2.622.968	4,02%	Thành viên HĐQT
3	Ông Hwan Kyoon Kim	Thành viên	0	0%	Thành viên HĐQT độc lập

TRÁCH NHIỆM CỦA TIỂU BAN

- Xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty theo định hướng phát triển bền vững.
- Kiểm tra, giám sát tất cả hoạt động Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, nhân sự, môi trường,... nhằm đảm bảo cho Công ty có được hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính bền vững, nhân sự bền vững và môi trường làm việc cải thiện.
- Giám sát và đánh giá hoạt động lập Báo cáo Doanh nghiệp bền vững hàng năm theo tiêu chuẩn GRI.
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện đánh giá Doanh nghiệp theo Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững CSI của VCCI.

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

- Hoạch định chiến lược phát triển chương trình phát triển bền vững của Công ty theo quy định.
- Giám sát thực hiện các chính sách đối với người lao động, giảm thiểu lãng phí về năng lượng, góp phần tích cực trong việc bảo vệ môi trường.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Ngoài các trách nhiệm được giao trong các tiểu ban, Thành viên HĐQT độc lập còn có những trách nhiệm như sau:

Ông Hwan Kyoon Kim

Trách nhiệm: Tham gia quá trình đàm phán giá thành cổ phần, hỗ trợ quản trị Công ty theo thông lệ quốc tế, phân tích tình hình ngành dệt may trên thế giới cũng như Việt Nam để có chính sách phù hợp.

Kết quả: Tham gia cùng HĐQT đàm phán với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Xúc tiến gỡ gạc các khách hàng tại Nhật Bản và Hàn Quốc. Đề xuất đưa ra các tư vấn để việc phát hành trái phiếu. Đánh giá về việc mở rộng thị trường kinh doanh.

Ông Lê Quang Vinh

Trách nhiệm: Giám sát các hoạt động liên quan tới IR.

Kết quả: Giải quyết mọi thắc mắc, khiếu nại về chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động của TNG hay liên quan đến quyền của của cổ đông phát sinh từ điều lệ hoặc bất cứ quyền và nghĩa vụ nào được pháp luật quy định theo hướng chủ động thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu.

Bà Đinh Lệ Hằng

Trách nhiệm: Giám sát thực hiện các thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính, Giám sát hệ thống kiểm toán nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro.

Kết quả: Đảm bảo tích hợp hệ thống QLRR và KSNB trực tiếp trên hệ thống phần mềm ERP giúp phát hiện rủi ro và kiểm soát kịp thời, đảm bảo rủi ro luôn ở mức có thể chấp nhận được. Rủi ro luôn được theo dõi và cập nhật để có biện pháp phù hợp.

THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019

- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Bà Hà Thị Tuyết từ ngày 21/4/2019.
- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Rusdy Pranata từ ngày 21/4/2019.
- Bổ nhiệm thành viên HĐQT đối với Bà Lương Thị Thúy Hà từ ngày 21/4/2019.
- Bổ nhiệm thành viên HĐQT đối với Bà Đinh Lệ Hằng từ ngày 21/4/2019.
- Bổ nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Mạnh Linh từ ngày 21/4/2019.
- Bổ nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Hwan Kyoon Kim từ ngày 21/4/2019.

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Các thành viên HĐQT thường xuyên làm việc tại Công ty và sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo,... theo Quy chế của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, Quy chế về chế độ công tác phí, Chính sách nhân viên,... và được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.



ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tất cả các thành viên HĐQT TNG đều đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Trong năm qua Thành viên HĐQT và Ban TGD đã tham dự các Chương trình đào tạo sau:

Tham dự Chương trình Director Certification Program DCP1 – Chứng nhận thành viên Hội đồng quản trị tại Hồ Chí Minh ngày 10 – 12/01/2019

Thành phần tham dự:

- Ông Nguyễn Văn Thời: Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Đức: Phó Chủ tịch HĐQT

Tham dự Chương trình Director Certification Program DCP2 – Chứng nhận thành viên Hội đồng quản trị tại Hà Nội ngày 09 – 11/05/2019

Thành phần tham dự:

- Ông Nguyễn Mạnh Linh: Thành viên HĐQT

Tham dự tập huấn “ Nghị định 05/2019/NĐ-CP về Kiểm toán nội bộ - Kỹ năng kiểm toán và xây dựng quy trình kiểm toán nội bộ” ngày 11-12/04/2019 tại Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam VCCI

Thành phần tham dự:

- Ông Nguyễn Văn Đức: Phó Chủ tịch HĐQT



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

STT	TÊN	CHỨC DANH	TIỀN LƯƠNG (VNĐ)		TỶ TRỌNG %	THÙ LAO (VNĐ)	TỶ TRỌNG %	TỔNG TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO (VNĐ)	TỶ TRỌNG %
HĐQT									
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.777.539.806		82%	840.000.000	18%	4.617.539.806	100%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Khối Nhân sự	1.736.093.716		74%	600.000.000	26%	2.336.093.716	100%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT	1.468.307.691		89%	180.000.000	11%	1.648.307.691	100%
4	Lương Thị Thúy Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.658.557.199		82%	360.000.000	18%	2.018.557.199	100%
5	Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT chuyên trách không điều hành			0%	1.563.737.543	100%	1.563.737.543	100%
6	Đinh Lệ Hằng	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành			0%	120.777.310	100%	120.777.310	100%
7	Đỗ Thị Hà	Thành viên HĐQT không điều hành			0%	160.576.914	100%	160.576.914	100%
8	Kim Hwan Kyoon	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành			0%	120.576.917	100%	120.576.917	100%
9	Lê Quang Vinh	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành			0%	160.576.914	100%	160.576.914	100%
BAN GIÁM ĐỐC									
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.777.539.806		82%	840.000.000	18%	4.617.539.806	100%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.736.093.716		74%	600.000.000	26%	2.336.093.716	100%
3	Lương Thị Thúy Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Khối Nhân sự	1.658.557.199		82%	360.000.000	18%	2.018.557.199	100%
4	Lưu Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc Khối Sản xuất	1.836.581.810		100%		0%	1.836.581.810	100%
5	Đoàn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc Khối Kỹ thuật, chất lượng	1.484.221.711		100%		0%	1.484.221.711	100%
6	Trần Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc Khối Kinh doanh	1.599.098.838		100%		0%	1.599.098.838	100%
KẾ TOÁN TRƯỞNG									
1	Trần Thu Hà	Kế Toán trưởng	1.045.663.152		100%		0%	1.045.663.152	100%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS (tiếp theo)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/ QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU 01/01/2018	TỶ LỆ SỞ HỮU 01/01/2018	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU 31/12/2018	TỶ LỆ SỞ HỮU 31/12/2019	TĂNG/GIẢM
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	9.539.265	19,33%	12.580.711	20,24%	3.041.446
2	Nguyễn Đức Mạnh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	3.998.103	8,10%	5.002.723	8,05%	1.004.620
3	Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT	1.836.385	3,72%	2.622.968	4,22%	786.583

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2019 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các thành viên HĐQT, Ban KTNB, Ban TGD và cán bộ quản lý.



VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết cụ thể:

- ▣ Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.
- ▣ Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- ▣ Thông tư số: 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ - CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- ▣ Luật Chứng Khoán số: 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoá XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006.
- ▣ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đồng thời áp dụng các tiêu chuẩn về quản trị công ty dựa trên các thông lệ tốt của quốc tế:

- ▣ Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực Asean.
- ▣ Nguyên tắc quản trị G20/OECD.



QUẢN TRỊ RỦI RO

ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG ĐỐI VỚI TỪNG KHÁCH HÀNG, TNG PHẢI ĐẢM BẢO ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG TIÊU CHUẨN ĐẶC BIỆT LIÊN QUAN TỚI ĐÁNH GIÁ VỀ MÔI TRƯỜNG CŨNG NHƯ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI. DO ĐÓ NHỮNG RỦI RO LIÊN QUAN TỚI MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI LUÔN ĐƯỢC CHÚ TRỌNG ĐỐI VỚI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY XUYẾN SUỐT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.

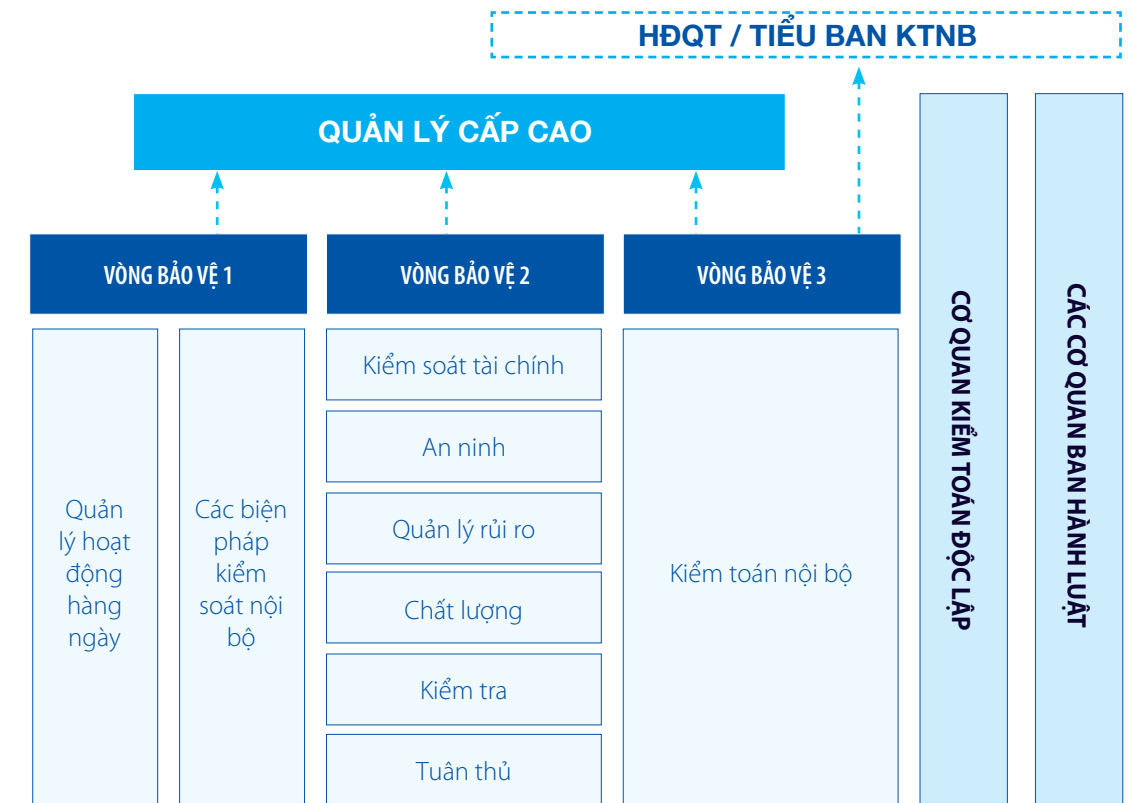


MÔ HÌNH KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI TNG

Mô hình khung quản trị rủi ro tại TNG gồm có 5 cấu phần chính



Vai trò trách nhiệm trong quản trị rủi ro được thể hiện qua nguyên tắc “3 vòng bảo vệ” đối với TNG, tách biệt rõ vai trò của 3 nhóm đối tượng liên quan đến quản trị rủi ro hiệu quả, đảm bảo sự thành công liên tục của các sáng kiến quản trị rủi ro và thích hợp với các quy mô đơn vị trong Công ty, giúp tăng cường hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro.



Nguyên tắc “3 vòng bảo vệ” được xây dựng nhằm hỗ trợ HĐQT và Ban TGD trong hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát.

VÒNG BẢO VỆ 1 Phát hiện và quản lý rủi ro

Vòng bảo vệ 1 gồm các bộ phận chức năng kinh doanh và bộ phận chức năng hỗ trợ (nhân sự, công nghệ thông tin, kế toán tài chính...).

Vòng bảo vệ 1 có trách nhiệm duy trì và thực hiện các quy trình kiểm soát, quy trình quản lý rủi ro. Tùy vào sự phân cấp phân quyền trong doanh nghiệp, các trưởng bộ phận thuộc vòng bảo vệ 1 có trách nhiệm xây dựng và triển khai quy trình chi tiết, kiểm soát và giám sát việc thực hiện quy trình của nhân viên.

VÒNG BẢO VỆ 2 Theo dõi, giám sát rủi ro

Vòng bảo vệ 2 có trách nhiệm quản lý rủi ro chung cho toàn doanh nghiệp và tuân thủ; được thiết lập để củng cố, xây dựng và giám sát vòng bảo vệ 1 và đảm bảo rằng vòng bảo vệ 1 đã được thiết kế phù hợp về quy trình, biện pháp kiểm soát và hoạt động đúng như định hướng. Vòng bảo vệ 2 có thể tham gia vào việc sửa đổi và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và tham gia vào hỗ trợ hoạt động của vòng bảo vệ 1.

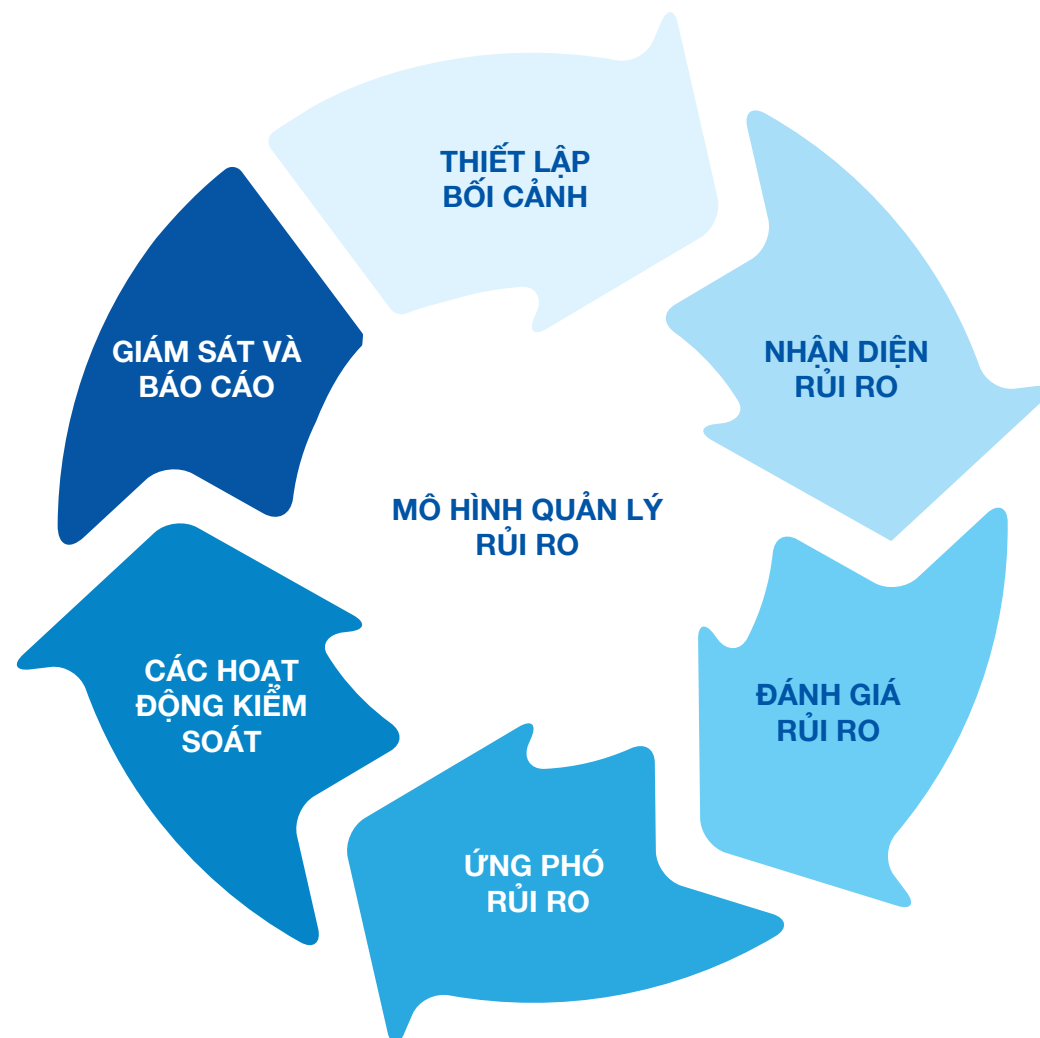
VÒNG BẢO VỆ 3 Đảm bảo kiểm tra, kiểm toán độc lập đối với Vòng bảo vệ 1 và 2

Bao gồm các bộ phận thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ, báo cáo trực tiếp cho HĐQT về tính hiệu quả của hoạt động quản lý và kiểm soát rủi ro.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

CẤU TRÚC QUẢN TRỊ RỦI RO

- ❑ **HĐQT:** Giám sát tổng thể hoạt động quản lý rủi ro; đưa ra định hướng về “khẩu vị” rủi ro.
- ❑ **Ban điều hành:** Chịu trách nhiệm triển khai quản lý rủi ro; quản lý và giám sát hồ sơ rủi ro; đóng vai trò tiên phong trong việc thúc đẩy văn hóa rủi ro, tăng cường nhận thức và chia sẻ; phân tích rủi ro trước khi đưa ra các quyết định quan trọng.
- ❑ **Đơn vị kinh doanh:** Tuân thủ chính sách quản lý rủi ro; đảm bảo các rủi ro trong đơn vị được xác định và giảm thiểu; chịu trách nhiệm cho các rủi ro trong các hoạt động của đơn vị.
- ❑ **Cán bộ nhân viên:** Quản lý rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ thuộc trách nhiệm của mình.
- ❑ **Tiểu ban KTNB:** Giám sát việc xây dựng, triển khai của mô hình và chính sách quản lý rủi ro; giám sát các hồ sơ rủi ro của Công ty. Giám sát độc lập đối với các rủi ro được lựa chọn và các hệ thống, quy trình quản lý rủi ro.
- ❑ **Bộ phận quản lý rủi ro:** Hỗ trợ về phương pháp tiếp cận quản lý rủi ro; duy trì mô hình và chính sách quản lý rủi ro; cung cấp các công cụ quản lý rủi ro, đào tạo, hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị.
- ❑ **Đầu mối quản lý rủi ro tại đơn vị:** Điều phối các hoạt động quản lý rủi ro và văn hóa quản lý rủi ro tại đơn vị.



QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỦI RO

Bước 1: Thiết lập bối cảnh, xây dựng bối cảnh môi trường kinh doanh trong việc thực hiện mục tiêu, chiến lược của doanh nghiệp để từ đó xác định được giới hạn xử lý rủi ro, mức độ quản lý rủi ro và liên kết các hoạt động với các bước công việc chính trong quản lý rủi ro.

Bước 2: Nhận diện rủi ro

Phát hiện các sự kiện có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp, công tác sản xuất kinh doanh, các dự án...; phân chia cấp rủi ro và phân nhóm rủi ro để quản lý, gồm có rủi ro cấp doanh nghiệp và rủi ro cấp đơn vị.

Bước 3: Đánh giá rủi ro

Đánh giá khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng của các rủi ro, xem xét các biện pháp kiểm soát rủi ro. Xếp hạng các rủi ro để xác định mức độ ưu tiên quản lý dựa trên bộ tiêu chí đo lường được lượng hóa gắn với giá trị cụ thể cho khả năng xảy ra của rủi ro và mức độ ảnh hưởng của rủi ro từ đó xác định mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp cho từng loại rủi ro.

Bước 4: Ứng phó rủi ro

Xác định các biện pháp, xây dựng các kế hoạch hành động và giám sát cụ thể nhằm giảm rủi ro xuống mức có thể chấp nhận được. Các phương án ứng phó rủi ro tương ứng với mức độ rủi ro và chi phí của từng phương án ứng phó:

- ❑ Chấp nhận rủi ro (ví dụ doanh nghiệp chấp nhận rủi ro biến động về lãi suất, huy động nguồn vốn kinh doanh chủ yếu từ nguồn vốn vay ngân hàng);
- ❑ Tránh rủi ro là việc quyết định không tiếp tục đầu tư, hoặc lựa chọn kế hoạch đầu tư thay thế với rủi ro có thể chấp nhận được mà vẫn đạt được mục tiêu về chiến lược kinh doanh (ví dụ doanh nghiệp quyết định không phát triển kinh doanh ở những khu vực doanh nghiệp không có lợi thế);
- ❑ Giảm khả năng xảy ra rủi ro và/hoặc giảm mức độ tác động của rủi ro (ví dụ sử dụng các thiết bị an toàn và đào tạo về an toàn cháy nổ trong môi trường hoạt động có nguy cơ cao về cháy nổ);
- ❑ Chuyển giao một phần hoặc toàn bộ rủi ro thường

được thực hiện thông qua các hợp đồng (như các hợp đồng bảo hiểm là hình thức chuyển giao rủi ro thường hay được sử dụng nhất; hợp đồng liên doanh...).

- ❑ Lựa chọn các phương án ứng phó rủi ro linh hoạt, trong một số trường hợp, có thể sử dụng kết hợp nhiều phương án ứng phó rủi ro để đạt được hiệu quả cao nhất.

Bước 5: Kiểm soát rủi ro

Thực hiện các quy trình, biện pháp để kiểm soát và ứng phó với rủi ro:

- ❑ Kiểm soát phòng ngừa: Các biện pháp xử lý để ngăn chặn các lỗi, sự cố hay hành động/giao dịch không mong muốn xảy ra;
- ❑ Kiểm soát phát hiện: Giám sát hoạt động/quy trình để xác định các biện pháp kiểm soát phòng ngừa còn thiếu sót và lỗi, sự cố hay hành động/giao dịch, từ đó có các biện pháp ứng phó phù hợp;
- ❑ Kiểm soát khắc phục: Các biện pháp xử lý để khôi phục về trạng thái ban đầu hoặc giảm hậu quả, thiệt hại của các lỗi, sự cố hay hành động/giao dịch đã xảy ra.

Bước 6: Giám sát và báo cáo - giám sát và báo cáo hoạt động quản lý rủi ro và những thay đổi có thể ảnh hưởng đến hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp.

Quy trình giám sát và báo cáo được thực hiện nhằm đánh giá tính hiệu quả và sự phù hợp của khung quản trị rủi ro doanh nghiệp. Bằng cách thường xuyên giám sát rủi ro và đánh giá hiệu quả của việc xử lý rủi ro, doanh nghiệp có thể điều chỉnh chương trình quản lý rủi ro phù hợp với tình hình cụ thể. Giám sát các rủi ro hiện tại, các rủi ro mới xuất hiện thông qua các chỉ số rủi ro chính KRI (Key Risk Indicator, là một chỉ số dự báo về các rủi ro hiện tại hoặc tương lai có thể quan sát hay đo lường được). Báo cáo các bên liên quan về quy trình quản lý rủi ro, gồm:

- ❑ Đánh giá hiệu quả của hoạt động kiểm soát (có thực hiện đúng không);
- ❑ Đánh giá hiệu quả của khung quản trị rủi ro doanh nghiệp;
- ❑ Các rủi ro còn lại sau khi đã áp dụng các giải pháp ứng phó.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

QUẢN LÝ CÁC RỦI RO Ở CẤP ĐỘ CAO TẠI TNG

STT	TÊN RỦI RO	MÔ TẢ RỦI RO	BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT
1	Rủi ro về kế hoạch chiến lược	Thiếu kế hoạch chiến lược thích đáng để đáp ứng các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty	Kế hoạch chiến lược đã được thiết lập, truyền thông đến các bên liên quan và giao cho Tiểu ban chính sách phát triển giám sát thực hiện. Danh mục các Dự án chiến lược cũng được phê duyệt, triển khai và giám sát tình hình thực hiện.
2	Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro trong việc đánh mất lợi thế cạnh tranh, khi mức độ tăng trưởng của ngành giảm và khi nhiều đối thủ cạnh tranh ngày càng cải tiến sự khác biệt của họ.	TNG tiến hành đa dạng hóa sản phẩm, giảm giá thành để có giá cạnh tranh nhất trên thị trường. Ngoài ra cũng không ngừng đầu tư máy móc thiết bị để nâng cao sản xuất và chất lượng sản phẩm
3	Rủi ro môi trường kinh tế toàn cầu	Việc không nhanh chóng thích nghi với những thay đổi về kinh tế và xã hội toàn cầu dẫn tới những ảnh hưởng bất ngờ cho Công ty trong việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh.	Thường xuyên cập nhật các thay đổi của môi trường kinh tế, đánh giá và phân tích các ảnh hưởng đến Công ty. Từ đó có các kế hoạch hành động kịp thời.
4	Rủi ro chính trị	Rủi ro xảy ra các thay đổi bất lợi về môi trường chính trị ở các nước - nơi hoạt động của các khách hàng chính TNG gây cản trở hoạt động và các quyết định kinh doanh.	Thực hiện đánh giá trước khi ký hợp đồng với khách hàng, theo dõi và giám sát khi đã cùng hợp tác kinh doanh. Thường xuyên cập nhật thông tin và có các đánh giá phù hợp.
5	Rủi ro truyền thông	Mất danh tiếng hoặc thiệt hại tài chính do không xử lý kịp thời, hợp lý các thông tin bất lợi bị phát tán trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Theo dõi và phản ánh kịp thời các thông tin truyền thông tiêu cực thông qua công cụ tự động và đội xử lý khủng hoảng phù hợp.
6	Rủi ro nhân sự kế thừa	Vị trí quan trọng bị trống do không thể tìm kiếm được người thích hợp trong một khoảng thời gian bắt buộc.	Tiếp tục triển khai công tác nhân sự kế thừa xuống các cấp độ thấp hơn, đảm bảo đội ngũ nhân sự cho tất cả các cấp độ. Có kế hoạch đào tạo nhân sự thay thế phù hợp đảm bảo với các thử nghiệm stress test.
7	Rủi ro mất khách hàng quan trọng	Mất các mối quan hệ với khách hàng quan trọng, dẫn đến mất doanh thu.	Theo dõi mối quan hệ với khách hàng, thường xuyên đánh giá doanh thu bán hàng, và có các chính sách tương ứng đối với các khách hàng quan trọng. Không ngừng mở rộng, phát triển kinh doanh với các khách hàng mới
8	Rủi ro biến động tỷ giá	Những biến động trong tỷ giá hối đoái gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động và lợi nhuận của doanh nghiệp.	Lập nhu cầu ngoại tệ, chuẩn bị ngoại tệ dự trữ, dự báo theo dõi và phân tích các biến động tỷ giá để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng.

STT	TÊN RỦI RO	MÔ TẢ RỦI RO	BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT
9	Rủi ro về môi trường	Chất thải rắn chưa được phân loại theo yêu cầu. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu khiến nhiều thiên tai, bão lũ gây ảnh hưởng tới sản xuất. CBCNV chưa có ý thức sử dụng tiết kiệm tài nguyên điện, nước.	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại tất cả các nhà máy. Thực hiện đo kiểm môi trường theo định kỳ. Tuân thủ luật pháp về bảo vệ tài nguyên môi trường. Thực hiện các biện pháp trồng cây gây rừng, hạn chế chất thải nhà kính giảm thiểu áp lực cho môi trường
10	Rủi ro về nguồn nhân lực	Thiếu lao động do cạnh tranh với các doanh nghiệp có nhà máy sản xuất trong cùng địa bàn	Nâng cao thu nhập cho người lao động, cải thiện các chính sách phúc lợi nhằm thu hút người lao động về TNG. Hỗ trợ chi phí di chuyển từ nơi ở của người lao động tới nhà máy. Có xe đưa đón CBCNV từ nơi ở tới chỗ làm.
11	Rủi ro nguyên vật liệu	Nguyên vật liệu tăng giá hoặc không đảm bảo chất lượng để phục vụ cho sản xuất	Chủ động trong quá trình mua nguyên vật liệu và có chính sách bán hàng phù hợp với khách hàng
12	Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào không đáp ứng kịp thời	Nguy cơ gián đoạn, không đủ nguyên vật liệu đầu vào cho quá trình sản xuất.	Quản lý tồn kho an toàn, đánh giá và quản lý nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng một cách hợp lý. Thực hiện xây dựng dự án quản lý kho thông minh.
13	Rủi ro sản phẩm không đạt chất lượng	Những mối nguy hại của sản phẩm làm cho sản phẩm không sử dụng được, hoặc gây hại cho người tiêu dùng, hoặc sản phẩm hư hỏng bị yêu cầu thu hồi nhằm tránh gây nguy hại cho người tiêu dùng.	Thiết lập và thường xuyên kiểm tra các kiểm soát theo yêu cầu của các tiêu chuẩn. Thiết lập các tiêu chuẩn đánh giá riêng hệ thống kiểm soát để đảm bảo luôn hiệu quả và tối ưu. Hệ thống cảnh báo được xác lập để nhận diện kịp thời các sự kiện và có hướng xử lý
14	Rủi ro an ninh thông tin	Nguy cơ gián đoạn hệ thống, bảo mật thông tin và bị tấn công từ các tội phạm công nghệ thông tin.	Bước đầu xây dựng hệ thống An ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27000, các hệ thống bảo vệ máy tính, người dùng. Thường xuyên đánh giá mối nguy an ninh thông tin từ bên trong và bên ngoài.

QUẢN LÝ RỦI RO NĂM 2019

Thực hiện hiệu quả, tiếp tục áp dụng khung quản trị rủi ro Coso – ERM tích hợp cùng với hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP cùng với hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Các đánh giá, đo lường, kế hoạch hành động của các rủi ro luôn được các chủ sở hữu xem xét trên nhiều yếu tố, đặc biệt là ý kiến từ các bên liên quan để đảm bảo rủi ro có cái nhìn đa chiều trong mối quan hệ của các chuỗi hoạt động. Hoạt động QLRR tại các nhà máy cũng sẽ được tiếp tục đẩy mạnh và chuyên sâu hơn. Hệ thống báo cáo rủi ro đến từ các nhà máy sẽ được thống nhất, xác định các phương pháp tích hợp lên rủi ro của toàn Công ty một

cách hợp lý. Việc theo dõi giám sát các chỉ số cảnh báo rủi ro được thực hiện liên tục và chặt chẽ hơn để đảm bảo bất kỳ yếu tố thay đổi hoặc khác thường nào cũng được phát hiện kịp thời.

Để ký hợp đồng đối với từng khách hàng, TNG phải đảm bảo đạt được những tiêu chuẩn đặc biệt liên quan tới đánh giá về môi trường cũng như trách nhiệm xã hội. Do đó những rủi ro liên quan tới môi trường và trách nhiệm xã hội luôn được chú trọng đối với chiến lược phát triển của công ty xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển.

CHƯƠNG IV PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NĂM 2019, TNG ĐẠT 230 TỶ LỢI NHUẬN SAU THUẾ, TĂNG KHOẢNG 28% SO VỚI NĂM 2018, VƯỢT 11% KẾ HOẠCH. TIẾP THÊM ĐÀ PHÁT TRIỂN, NĂM 2020 TNG SẼ TẬP TRUNG TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG VÀ GIẢM CHI PHÍ VỐN ĐỒNG THỜI ÁP DỤNG CÁC GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI THÚC ĐẨY NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP TRÊN MỌI PHƯƠNG DIỆN, ĐẶC BIỆT LÀ TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ XUẤT KHẨU.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐỊA PHƯƠNG

VỚI SỨ MỆNH HOẠT ĐỘNG “MANG LẠI HẠNH PHÚC CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, KHÁCH HÀNG VÀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ”, TNG LUÔN COI TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐỊA PHƯƠNG LÀ MỘT TRONG NHỮNG YẾU TỐ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH HÀNG ĐẦU CỦA DOANH NGHIỆP.



Một trong những yếu tố giúp doanh nghiệp phát triển bền vững chính là trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương. Điều đó được hiểu là doanh nghiệp cần phải có trách nhiệm đối với các hoạt động của mình, là biểu hiện của đạo đức kinh doanh thành những hành động thực tế đối với xã hội và môi trường tự nhiên.

Trong suốt chặng đường hơn 40 năm xây dựng thương hiệu TNG, chúng tôi luôn xác định chiến lược kinh doanh phải đảm bảo hài hòa lợi ích giữa kinh tế - xã hội - môi trường. Bởi 3 yếu tố này bổ sung, tác động lẫn nhau, thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội sẽ giúp kinh doanh tốt hơn. Ngược lại kinh doanh chỉ phát triển nếu ở trong một xã hội văn minh, môi trường tốt. Và điều này đã được TNG thể hiện rõ nét qua các hoạt động:

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Hiểu rõ môi trường sống tốt lành là nhu cầu đầu tiên và quan trọng nhất của con người. Trên tinh thần trách nhiệm và tự nguyện, chúng tôi đã và đang xây dựng các nhà máy theo tiêu chuẩn xanh, sử dụng nguyên vật liệu và sản xuất ra những sản phẩm thân thiện với môi trường, vì lợi ích cộng đồng.

ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Mỗi chúng ta đều không thể sống mà tách rời khỏi xã hội. Vì vậy, chúng tôi luôn tham gia vào những nỗ lực nhằm nâng cao đời sống xã hội nơi mà chúng tôi hoạt động, bằng việc thực hiện các hoạt động đầu tư, phát triển cộng đồng, mang đến cho mọi người những điều tốt đẹp nhất.



BẢO ĐẢM AN TOÀN VÀ LỢI ÍCH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

Có thể nói, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay là sự cam kết về chất lượng sản phẩm, bảo đảm an toàn cho người sử dụng. TNG cam kết chịu trách nhiệm tuyệt đối cho tất cả các sản phẩm cung cấp đến tay người tiêu dùng. Xã hội có bao nhiêu người sử dụng sản phẩm do TNG làm ra, TNG sẽ chịu trách nhiệm với bấy nhiêu người tiêu dùng.

CHÍNH SÁCH DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chủ tịch HĐQT Công ty đã cam kết trước Hội nghị Người lao động “tất cả người lao động làm việc tại TNG sẽ được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi theo quy định pháp luật”. Điều này đã được minh chứng qua các chính sách, chế độ TNG dành cho người lao động luôn được thực hiện đầy đủ và không có khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến vấn đề này.

Với những nỗ lực vì một nền kinh tế phát triển bền vững, xã hội văn minh, cộng đồng hạnh phúc, TNG đã nhận được nhiều giải thưởng cao quý của Nhà nước Việt Nam, chứng nhận danh giá của các tổ chức trong nước và quốc tế. TNG tự hào luôn là sự lựa chọn hàng đầu của các tổ chức, tập đoàn lớn trên thế giới, là người bạn đồng hành với khách hàng và đối tác.

Kiên định với sứ mệnh đã lựa chọn, trong vận hội mới của kỷ nguyên công nghệ, với tư thế sẵn sàng đổi mới, hoàn thiện, vì một tương lai xanh, chúng tôi tin tưởng TNG sẽ luôn là thương hiệu tin cậy với các tập đoàn lớn trong khu vực và thế giới.

Trân trọng!

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÁO CÁO PTBV ĐƯỢC LẬP THEO TIÊU CHUẨN CỦA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐƯỢC TNG XÂY DỰNG DỰA TRÊN CÁC TIÊU CHUẨN VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN, HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG. TỪ NHỮNG GIÁ TRỊ NỘI TẠI CỦA DOANH NGHIỆP, NHẪM THỰC HIỆN MỤC TIÊU DÀI HẠN, BỀN VỮNG, TNG XÁC ĐỊNH CÔNG TY CHỈ THÀNH CÔNG VÀ DUY TRÌ ĐƯỢC THÀNH CÔNG KHI CÓ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ ĐI ĐÔI VỚI ĐẢM BẢO QUYỀN CON NGƯỜI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO THẾ HỆ MAI SAU.



Nội dung báo cáo sẽ chia sẻ các hoạt động của Công ty về phát triển bền vững, các hoạt động liên quan đến lợi ích các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên liên quan quan tâm. Đồng thời, cũng phác họa bức tranh bền vững của Công ty thông qua các mục tiêu, định hướng dài hạn về môi trường, cộng đồng và xã hội trong những năm tới.



PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo được lập tại Việt Nam, lĩnh vực ngành dệt may, đối với hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.



CHU KỲ BÁO CÁO

Báo cáo được lập định kỳ hàng năm.



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Để gửi các câu hỏi, các khuyến nghị liên quan đến hoạt động phát triển bền vững của TNG như nội dung báo cáo, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo thông tin sau :

Ông Lưu Thanh Tùng – Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư TNG

Điện thoại : +84 969 699 971

Email : tungluu@tng.vn

Website : <http://tng.vn>

Địa chỉ : Số 434/1, Đường Bắc Kạn, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Tiêu chuẩn quốc tế về lập Báo cáo phát triển bền vững GRI.

Hướng dẫn báo cáo phát triển bền vững G4 – Global reporting Initiative – Các nguyên tắc báo cáo và công bố thông tin theo tiêu chuẩn.

Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững – của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và IFC.

Bộ chỉ số Bền vững Doanh nghiệp (CSI) – Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam (VBCSD).

Hướng dẫn công bố thông tin về Môi trường, xã hội và quản trị (ESG).

CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

Dựa trên các tiêu chuẩn, tài liệu hướng dẫn kể trên, áp dụng phù hợp với thực tế hoạt động hiện tại của TNG, xác định rõ các nội dung báo cáo, lĩnh vực trọng yếu trong mối tương quan của các bên liên quan và bối cảnh kinh doanh của Công ty.

Đường link tra cứu Báo cáo phát triển bền vững trên Website TNG

Năm 2016: <http://www.tng.vn/quan-he-co-dong-chi-tiet/1298/552/Bao-cao-phat-trien-ben-vung-2016-ban-Tieng-Viet-va-Tieng-Anh.html>

Năm 2017: <http://www.tng.vn/quan-he-co-dong-chi-tiet/1468/552/Bao-cao-Phat-trien-ben-vung-2017.html>

Năm 2018: <http://www.tng.vn/quan-he-co-dong-chi-tiet/161893/552/Bao-cao-phat-trien-ben-vung-nam-2018.html>

Đường link tra cứu Báo cáo thường niên trên Website TNG

Năm 2016: <http://www.tng.vn/quan-he-co-dong-chi-tiet/1299/128/Bao-cao-thuong-nien-2016-ban-Tieng-Viet-va-tieng-Anh.html>

Năm 2017: <http://www.tng.vn/quan-he-co-dong-chi-tiet/1467/128/Bao-cao-thuong-nien-2017.html>

Năm 2018: <http://www.tng.vn/quan-he-co-dong-chi-tiet/121823/128/Bao-cao-thuong-nien-nam-2018.html>

CÁC SÁNG KIẾN QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Ứng dụng TNG Office chạy trên nền tảng di động: Là ứng dụng mỗi nhân viên của TNG đều có thể sử dụng được dễ dàng bằng cách download ứng dụng trực tiếp từ Google Play hoặc Appstore. Ứng dụng cho phép nhân viên nội bộ TNG có thể tra cứu các thông tin về quy tắc ứng xử, sổ tay văn hóa, các thông báo mới của TNG, tra cứu mức lương, thưởng xuyên suốt quá trình làm việc, các thông tin liên quan tới quyền lợi của người lao động, tóm tắt kết quả sản xuất kinh doanh, đăng ký sáng kiến kỹ thuật, là một kênh để đưa những nội dung góp ý của nhân viên đến trực tiếp với lãnh đạo doanh nghiệp.

Phần mềm hành chính TNG chạy trên nền tảng máy tính: Phần mềm hành chính do chính các kỹ sư phần mềm làm việc trực tiếp tại TNG thiết kế ra các module phù hợp theo yêu cầu quản trị các văn bản nội bộ trong và ngoài Công ty, giúp cho việc truyền đạt thông tin xuyên suốt giữa các bộ phận trong Công ty, nhân viên nhận được thông tin một cách nhanh nhất, đồng thời gián tiếp giúp tiết kiệm giấy, tiết kiệm không gian lưu trữ.

Phần mềm Quản trị doanh nghiệp TNG ERP

Phần mềm ERP tạo ra quy trình làm việc tự động của công ty, cho phép thành lập hệ thống công ty phức tạp với các chuỗi các văn phòng khác nhau có đầy đủ chức năng như quản trị công ty, kinh doanh, sản xuất, kỹ thuật, công nghệ, nhân sự, thiết bị, xây dựng cơ bản, kiểm soát giao việc. Tất cả kết nối trong một cơ sở dữ liệu duy nhất đồng bộ toàn diện cho doanh nghiệp.

Mọi nhân viên khi cần và có đủ quyền hạn đều có thể xem được thông tin mình cần, và quan trọng hơn, Ban Lãnh đạo dù không ở công ty vẫn có thể nắm bắt tình hình doanh nghiệp một cách nhanh chóng mà không phải đợi nhiều báo cáo từ nhiều bộ phận gửi lên trong một thời gian dài.



THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN

NĂM 2019, TNG TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN MỘT CÁCH BỀN VỮNG. TNG HIỂU RÕ SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN LÀ MỘT TIẾN TRÌNH QUAN TRỌNG GIÚP CÔNG TY XÁC ĐỊNH ĐÚNG, ĐỦ NỘI DUNG CŨNG NHƯ SỰ KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN, TỪ ĐÓ GIÚP TNG XÁC ĐỊNH VÀ ĐƯA RA CÁC CHÍNH SÁCH, HOẠT ĐỘNG PHÙ HỢP ĐỂ CÓ SỰ ĐÁP ỨNG TỐI ƯU NHẤT ĐỐI VỚI CÁC KỶ VỌNG ĐÓ.



CÁC BÊN LIÊN QUAN	PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN	CHỦ ĐỀ VÀ MỐI QUAN NGẠI	PHẢN ỨNG CỦA TNG	CÁC GIÁ TRỊ MANG LẠI
Khách hàng	Cuộc họp hàng tuần/tháng	<ul style="list-style-type: none"> Môi trường làm việc an toàn, bảo đảm quyền lợi cho người lao động Chất lượng sản phẩm - dịch vụ, giá cả, kỹ thuật, công nghệ 	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì môi trường làm việc an toàn Liên tục cải tiến kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ Hỗ trợ khách hàng giải quyết các phát sinh 	<ul style="list-style-type: none"> Cung cấp hàng triệu sản phẩm quần áo đến các thị trường trên thế giới. Chất lượng sản phẩm luôn đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn của những thị trường khó tính Đảm bảo chất lượng dịch vụ, thời gian giao hàng và đơn giá cạnh tranh nhất Hợp tác cùng phát triển Doanh thu thuần đạt 4.617 tỷ đồng
Nhà cung cấp	Cuộc gặp mặt trao đổi, trực tiếp tại cơ sở của nhà cung cấp	Uy tín, thanh toán đúng hạn, hợp tác lâu dài	Đến thăm quan thực tế, gặp mặt tại cơ sở của các nhà cung cấp, trao đổi, thống nhất quy trình thực hiện hợp đồng, hợp tác	<ul style="list-style-type: none"> Có quan hệ hợp tác lâu dài, uy tín, thiện chí với trên 400 nhà cung cấp Giá trị thanh toán trong năm 2019 cho nhà cung cấp: 3.146 tỷ đồng
Cổ đông và các nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Đại hội cổ đông thường niên Công bố thông tin định kỳ qua website Email tiếp nhận thông tin Gặp gỡ nhà đầu tư 	<ul style="list-style-type: none"> Minh bạch thông tin Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ số tài chính Hệ thống quản trị doanh nghiệp - Kiểm soát xung đột lợi ích 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức ĐHCĐ năm 2017 Công bố minh bạch, kịp thời tất cả các thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh Tổ chức, tham gia gặp gỡ các nhà đầu tư, tìm kiếm thị trường, đối tác 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đã đề ra trong ĐHCĐ năm 2019 Công bố minh bạch, kịp thời Đem lại mức cổ tức hấp dẫn cho các nhà đầu tư Hệ thống quản trị cập nhật, tiên tiến Đấu thầu cạnh tranh, công khai tất cả các thông tin Trả cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%

CÁC BÊN LIÊN QUAN	PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN	CHỦ ĐỀ VÀ MỐI QUAN NGẠI	PHẢN ỨNG CỦA TNG	CÁC GIÁ TRỊ MANG LẠI
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> Cuộc họp giao ban thường kỳ Hội nghị người lao động thường niên Công đoàn 	<ul style="list-style-type: none"> Lương thưởng phúc lợi Môi trường làm việc an toàn, thân thiện - Đào tạo 	<ul style="list-style-type: none"> Ban hành các chính sách thu nhập, phúc lợi, hỗ trợ an sinh, xã hội Tuân thủ quy định, đảm bảo quyền lợi của người lao động - Không ngừng cải thiện môi trường làm việc, tạo cơ hội thăng tiến, gắn bó cho người lao động 	<ul style="list-style-type: none"> Tạo việc làm cho hơn 15 nghìn người lao động Tuân thủ pháp luật về quyền con người Duy trì môi trường làm việc an toàn, tỷ lệ bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động được kiểm soát và giảm thiểu Xây dựng cơ chế phân phối thu nhập phù hợp Nâng cao chất lượng các chính sách phúc lợi xã hội Thu nhập bình quân 9.521.345 VNĐ/người/tháng (so với mức lương tối thiểu vùng I là 4.258.600 VNĐ/tháng) Tổ chức đào tạo được hơn 420.000 giờ với 10.675 người lao động Không phát sinh khiếu nại về cách đối xử với người lao động
Cơ quan quản lý Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo định kỳ Thanh kiểm tra định kỳ Các cuộc họp, gặp mặt 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ các chính sách, văn bản pháp luật Hỗ trợ, phối hợp phát triển Đóng góp cho ngân sách Nhà nước 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ các văn bản, quy định của pháp luật Tham gia đóng góp ý kiến, tiên phong thực thi các chính sách của pháp luật 	<ul style="list-style-type: none"> Không vi phạm các quy định pháp luật Doanh nghiệp địa phương tiêu biểu, dẫn đầu về đóng góp ngân sách Nhà nước Tổng nộp ngân sách 71 tỷ đồng.
Hiệp hội ngành	Các cuộc họp, gặp mặt, hội thảo	Đóng góp tích cực, chia sẻ thông tin, hỗ trợ các thành viên trong Hiệp hội	Tham gia tích cực các Hiệp hội, ban ngành	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên tích cực trong Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên, Hiệp hội Dệt may Việt Nam và các hội khác
Cộng đồng địa phương	Các cuộc họp, gặp mặt thông qua các cơ quan đoàn thể tại địa phương	Chia sẻ, chung tay đóng góp xây dựng cộng đồng	Tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp địa phương tiêu biểu, dẫn đầu về đóng góp ngân sách Nhà nước Tổ chức các hoạt động cộng đồng, chung tay giúp sức gia đình khó khăn Tạo công ăn việc làm cho hơn 15.000 lao động

XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Dựa trên thực trạng thị trường dệt may thế giới và ngành dệt may Việt Nam, thông tin phản hồi và mối quan tâm của các bên liên quan, TNG xác định các vấn đề trọng yếu trong mối tương quan giữa kinh tế, xã hội và môi trường trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Quy trình xác định các lĩnh vực trọng yếu của TNG được thực hiện theo các bước sau:



Bước 1: Khảo sát các vấn đề có tầm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty và các bên liên quan.

- Khảo sát, nghiên cứu thông tin trên thị trường về các vấn đề có thể gây ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh ngành dệt may.
- Đọc, phân tích các báo cáo đánh giá, khảo sát ý kiến của khách hàng.
- Tham vấn các bên liên quan và dựa vào ý kiến phản hồi, đặc biệt là những ý kiến đến từ Chính phủ, cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và cộng đồng địa phương.



Bước 2: Phân tích, đánh giá các vấn đề trọng yếu được các bên liên quan quan tâm

- Lựa chọn các vấn đề trọng yếu.
- Đánh giá của CBCNV, Ban Lãnh đạo về các vấn đề trọng yếu đã được lựa chọn.
- Xác định lại vấn đề trọng yếu dựa trên nguyên tắc hài hòa lợi ích của các bên liên quan trong sự phát triển bền vững của môi trường.



Bước 3: Đánh giá các vấn đề trọng yếu trong mối quan hệ bền vững với các bên liên quan

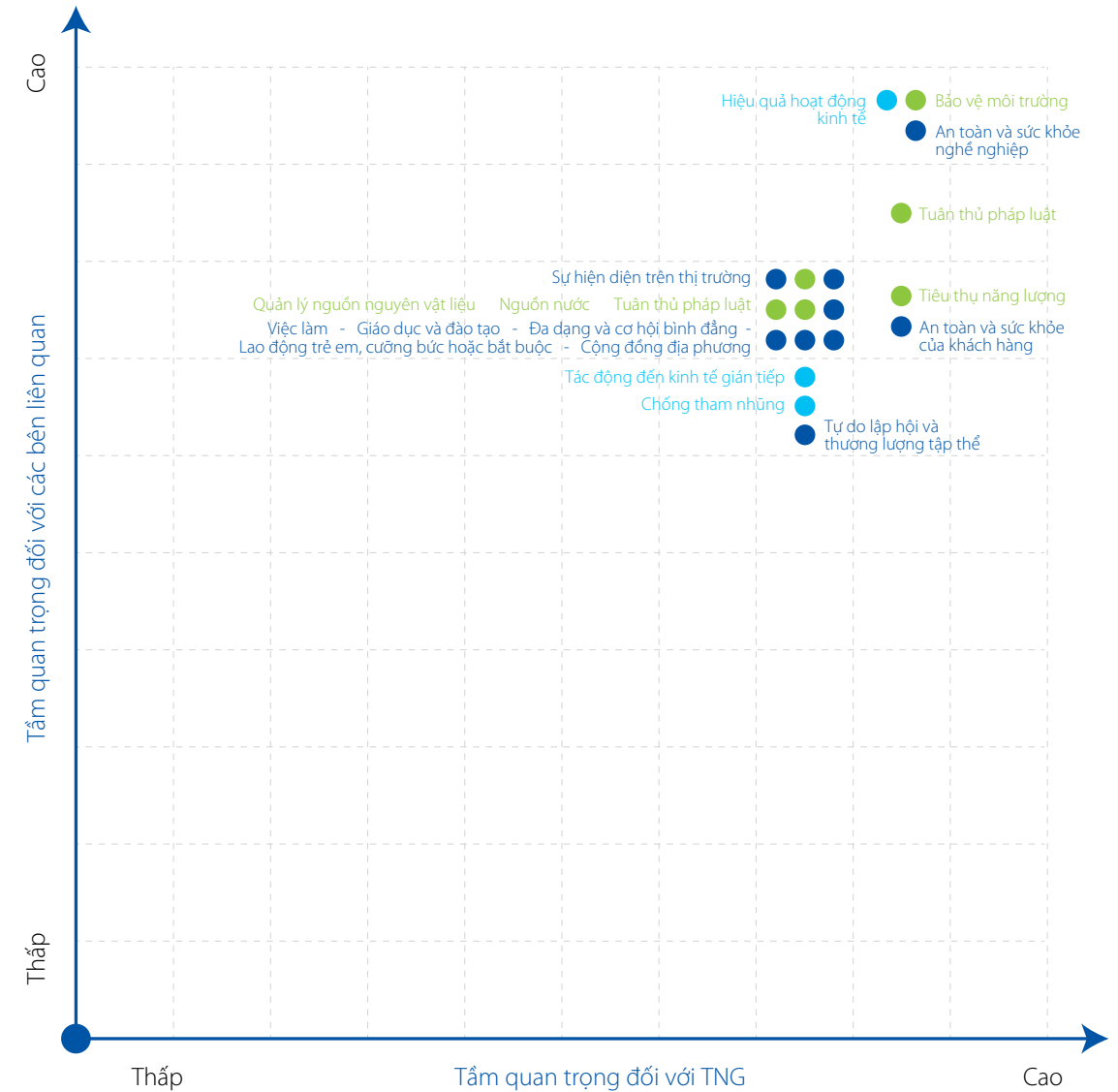
- Xây dựng ma trận các vấn đề trọng yếu.



Bước 4: Rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm

- Rà soát lại các vấn đề trọng yếu sau khi đã phát hành báo cáo; thu thập các ý kiến đóng góp hoàn thiện của các bên liên quan để tiếp tục chỉnh sửa cho các báo cáo sau.

MA TRẬN CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU



CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

DANH MỤC KINH TẾ

- Hiệu quả hoạt động kinh tế
- Sự hiện diện trên thị trường
- Tác động kinh tế gián tiếp
- Chống tham nhũng

DANH MỤC MÔI TRƯỜNG

- Bảo vệ môi trường
- Quản lý nguồn nguyên vật liệu
- Tiêu thụ năng lượng
- Nguồn nước
- Chất thải, phát thải và nước thải
- Tuân thủ pháp luật

DANH MỤC XÃ HỘI

- Việc làm
- An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- Giáo dục và đào tạo
- Đa dạng và cơ hội bình đẳng
- Tự do lập hội và thương lượng tập thể
- Lao động trẻ em, cưỡng bức hoặc bắt buộc
- Cộng đồng địa phương
- An toàn và sức khỏe của khách hàng

SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TNG TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM VÀ TOÀN CẦU

DIỄN BIẾN NGÀNH: TÌNH HÌNH THẾ GIỚI

XU HƯỚNG DỊCH CHUYỂN ĐƠN HÀNG RA KHỎI TRUNG QUỐC TIẾP TỤC

Theo số liệu của WTO, giá trị xuất khẩu hàng dệt và quần áo của thế giới năm 2018 lần lượt đạt 315 tỷ USD và 505 tỷ USD với mức tăng trưởng lần lượt 6,4% và 11,1% so với 2017. Trong khi đó, giá trị xuất khẩu hàng quần áo của Trung Quốc năm 2018 chỉ đạt xấp xỉ năm 2017 là 158 tỷ USD.

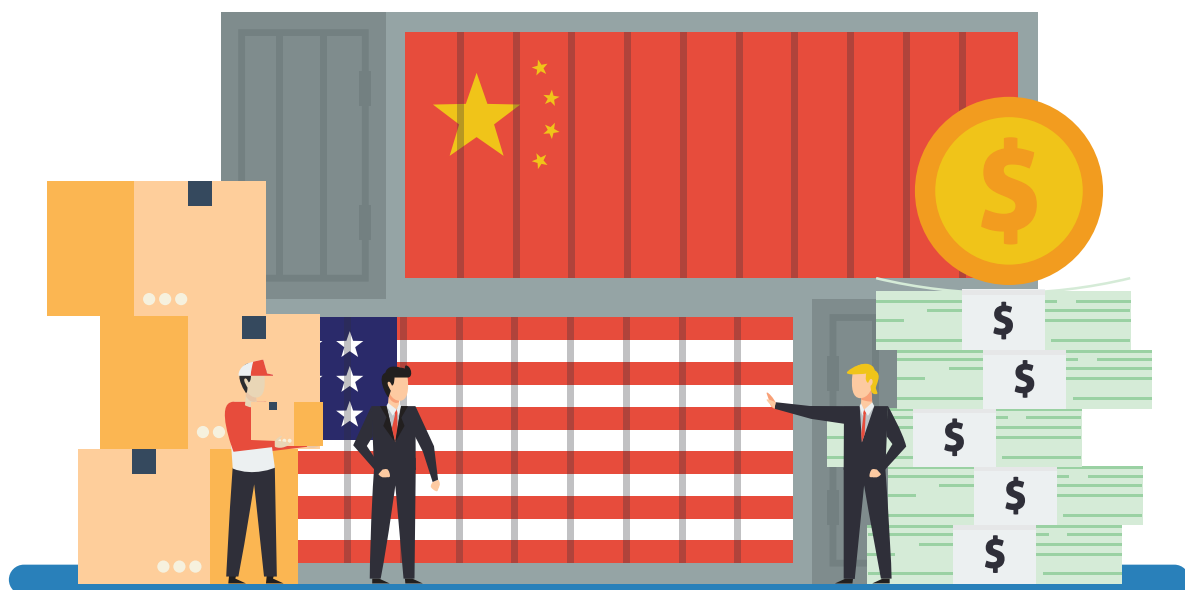
Đơn hàng dịch chuyển dần sang một số nước để hạn chế rủi ro khi tập trung địa điểm sản xuất tại một chỗ và có mặt bằng chi phí nhân công thấp hơn.

Mặc dù đơn hàng dịch chuyển khỏi Trung Quốc, nhưng ngành công nghiệp phụ trợ vẫn phụ thuộc chính vào Trung Quốc, EU với tổng thị phần xuất khẩu năm 2018 đạt 61,1% với tốc độ tăng lần lượt là 8% và 7% so với cùng kỳ năm 2017.

Trung Quốc vẫn là nước có giá trị xuất khẩu hàng dệt may lớn nhất thế giới.

CĂNG THẲNG THƯƠNG MẠI MỸ - TRUNG LÀ CHẤT XÚC TÁC ĐẨY NHANH QUÁ TRÌNH NÀY

Năm 2019, tỷ trọng giá trị hàng quần áo từ Trung Quốc xuất khẩu vào Mỹ đã giảm mạnh từ 33,2% cùng kỳ còn 30,9%, đạt 22,1 tỷ USD (-5,6% so với cùng kỳ năm 2017). Ngành dệt may Việt Nam đã tăng 1,2% thị phần lên 16,1% trong 9 tháng đầu năm 2019. Giá trị quần áo xuất khẩu của Bangladesh tăng 10% so với cùng kỳ năm 2017 và đạt thêm 0,4% thị phần lên 7%. Campuchia cũng đạt thêm 0,3% thị phần nhờ mức tăng trưởng 10,3% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 2,3 tỷ USD.



LO NGẠI VỀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI SẼ ẢNH HƯỞNG TỚI NHU CẦU TIÊU DÙNG HÀNG DỆT MAY

GDP châu Âu năm 2019 được EC dự đoán chỉ tăng 1,2% so với 1,8% năm 2018. Trung Quốc đã có quý tăng trưởng thấp nhất trong vòng 30 năm trở lại đây với GDP quý 3 chỉ tăng 6%. Sự giảm tốc của các nền kinh tế tiêu thụ hàng dệt may lớn trên thế giới giảm tốc ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng hàng dệt may. Chính vì vậy, các nhà bán lẻ đã cẩn trọng hơn trong việc đặt hàng với số lượng và giá trị nhỏ hơn so với thời gian trước để nhanh chóng thích ứng với điều kiện thị trường.

Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc là bốn thị trường quan trọng nhất của ngành dệt may Việt Nam, đặc biệt là Mỹ chiếm tới 45,2% tổng giá trị xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam.

Theo số liệu của Tổng cục Hải Quan, xuất khẩu Dệt may Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2019 chỉ tăng 8%, khá thấp so với 16% của năm 2018.

Xuất khẩu vào Mỹ chứng kiến sự giảm tốc, tăng trưởng 8% so với 11% năm 2018 nhưng thị phần vẫn gia tăng do chủ yếu là các nước như Trung Quốc, Mexico giảm giá trị xuất khẩu vào Mỹ.

Theo số liệu của Tổng cục Hải Quan, xuất khẩu dệt may vào EU, Nhật Bản, Hàn Quốc giảm tốc, lần lượt tăng 5%, 4,2%, 5,2% sau khi tăng trưởng mức tốt năm 2018 lần lượt với 9,8%, 22,5% và 24,9%. Điểm sáng là thị trường Canada tăng trưởng mạnh nhất với 22,9% với hiệu ứng từ CPTPP (sẽ giảm toàn bộ thuế từ năm 2023) nhưng quy mô xuất khẩu vẫn còn khá nhỏ.

Xuất khẩu của doanh nghiệp FDI chiếm khoảng 60% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may mặc dù số lượng doanh nghiệp chỉ khoảng 20% do quy mô lớn hơn các doanh nghiệp nội địa.

Trung Quốc chiếm 37,6% thị phần xuất khẩu dệt, sợi toàn thế giới.



Giá sợi tổng hợp tại thị trường Trung Quốc đã giảm 19%-24% trong năm 2019 nguyên nhân do:

- Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung: Mặt hàng sợi, vải của nước này đã bị đánh thuế lên tới 25% từ tháng 5/2019 (Mỹ nhập khoảng 10% tổng xuất khẩu dệt, sợi của Trung Quốc).
- Tháng 5/2019, Mỹ áp tiếp thuế chống trợ cấp tạm thời đối với sợi Polyester từ 32% lên 46%. Tháng 7/2019, Mỹ áp thêm thuế chống bán phá giá tạm thời đối với sợi Polyester ở mức 65%.
- Chính phủ Trung Quốc đóng cửa các nhà máy dệt nhuộm đã ảnh hưởng tới môi trường. Theo đó, các nhà sản xuất sợi Việt Nam buộc phải giảm giá sợi tương ứng (giảm 15%-25% so với cùng kỳ) để cạnh tranh với các nhà sản xuất Trung Quốc.
- Giá sợi vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi do Trung Quốc tiếp tục bán phá giá và trợ cấp cho sợi của Trung Quốc.

Nguồn: Tổng hợp

SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TNG TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM VÀ TOÀN CẦU (tiếp theo)

TRIỂN VỌNG NGÀNH

- Xu hướng dịch chuyển hợp đồng sản xuất may mặc khỏi Trung Quốc tiếp diễn sẽ đem lại nguồn đơn hàng dồi dào hơn cho năm 2020.
- Kỳ vọng sự phục hồi của giá sợi khi Trung Quốc giảm bán phá giá trong năm 2020.
- Xu hướng thời trang thân thiện với môi trường.
- Đầu tư hoàn thiện chuỗi giá trị để hưởng lợi từ các FTA như CPTPP hay EVFTA,...








GIẢI PHÁP CỦA DỆT MAY VIỆT NAM VÀ TNG

Đối mặt với những cơ hội và thách thức đó dệt may Việt Nam nói chung và TNG nói riêng đã có những chiến lược nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững gắn liền với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Cụ thể:

- Chủ động trong công tác phát triển thị trường mới thuộc hiệp định CP TPP.
- Đẩy mạnh nâng cao năng lực sản xuất cốt lõi, năng lực quản trị doanh nghiệp, quản lý hồ sơ, chứng từ liên quan tới chứng minh xuất xứ.
- Có chiến lược cụ thể theo từng mặt hàng với định hướng phát triển hợp lý được hưởng ưu tiên từ các hiệp định thương mại tự do khác nói chung và CP TPP nói riêng.
- Tích hợp sâu rộng các nội dung phát triển bền vững vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng lộ trình phát triển dài hạn theo các chỉ tiêu GRI cho báo cáo phát triển bền vững cũng như theo hướng dẫn của tiêu chuẩn ISO 26000:2010.





TNG VÀ 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LHQ






Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên mọi mặt của các phương diện về kinh tế, xã hội và môi trường. Tính đến năm 2019, TNG đã phát triển và đạt một số thành tựu gắn liền với mục tiêu cụ thể của TNG cũng như 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc giai đoạn 2015 - 2030:

STT	17 MỤC TIÊU CỦA LHQ SDGS	MỤC TIÊU TNG	THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC 2019
MT1	 Xóa nghèo	Tạo việc làm ổn định, cải thiện thu nhập cho người lao động. Phát triển kinh tế địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> Thu nhập bình quân đầu người trong tại TNG gấp 2,8 lần so với lương tối thiểu vùng Năm 2019 tổng quỹ lương tăng 1,2 lần so với năm 2018 Số lượng lao động tăng tuyệt đối trong năm là tăng 1.6412.946 lao động trong năm
MT2	 Xóa đói	Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> Đã mở thêm 1 nhà máy sản xuất bông với công suất lớn nhất miền Bắc góp phần giải quyết việc làm cho hơn 600 lao động, đóng góp vào sự thay đổi kết cấu hạ tầng ở các địa điểm nhà máy hoạt động.
MT3	 Sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc	Không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần, nâng cao đời sống thể chất của nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Bảo hiểm sức khỏe cho 100% nhân viên làm việc tại TNG Khám sức khỏe định kỳ cho 100% nhân viên làm việc tại TNG Tổ chức thi đấu các giải thể thao giữa các đơn vị trong Công ty Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, múa hát, thi nấu ăn,... Triển khai dự án "Hạnh phúc cho người lao động"
MT4	 Giáo dục chất lượng	Xây dựng đội ngũ nhân viên hoàn thiện về kỹ năng, đảm bảo về năng lực và đáp ứng nguyên tắc văn hóa.	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức đào tạo được 10.675 lượt người với ngân sách 3 tỷ đồng Công ty có chính sách hỗ trợ 100% cho con em CBCNV công tác tại TNG theo học các chuyên ngành liên quan tới dệt may
MT5	 Bình đẳng giới	Bình đẳng, không phân biệt đối xử.	<ul style="list-style-type: none"> Tại TNG tỷ lệ nữ giới chiếm 73,56% Thành viên HĐQT nữ giới chiếm 33,33% Lãnh đạo quản lý chủ chốt là nữ giới chiếm tỷ lệ 53,33%

SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TNG TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM VÀ TOÀN CẦU (tiếp theo)

TNG VÀ 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LHQ (tiếp theo)

STT	17 MỤC TIÊU CỦA LHQ SDGS	MỤC TIÊU TNG	THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC 2019
MT6	 Nước sạch và điều kiện vệ sinh	Tuân thủ yêu cầu của pháp luật. Sử dụng nguồn nước hiệu quả và có trách nhiệm. 100% nước thải nguy hại được xử lý; tăng cường tái sử dụng nước an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> 100% nước thải nguy hại được xử lý 100% đơn vị khai thác nước theo đúng công suất cho phép Giảm tỷ lệ sử dụng nước / 1 đồng giá vốn so với năm 2018 là: 4,41%
MT7	 Năng lượng sạch và giá hợp lý	Ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo, ánh sáng tự nhiên. Tiết kiệm điện, nước, than	<ul style="list-style-type: none"> Thiết kế nhà máy thông minh tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, sử dụng các tấm che mưa trong suốt Giảm tỷ lệ sử dụng điện / 1 đồng giá vốn so với năm 2018 là: 5,2 % Giảm tỷ lệ sử dụng than/ 1 đồng giá vốn so với năm 2018 là : 3,89%
MT8	 Việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế	Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm. Phát triển kinh tế địa phương. Thực hiện giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải. Cải tiến quy trình quản lý, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ sạch. Tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu, năng lượng tái tạo, sản phẩm thân thiện môi trường. Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> Tăng 1.641 lao động, tăng 11,67% so với số lao động của năm 2018. Thu nhập bình quân đầu người/1 tháng tăng từ 9,2 triệu đồng lên đến 9,5 triệu đồng Không sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em 0 tai nạn lao động Đóng góp hơn 71 tỷ đồng cho NSNN
MT9	 Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, khuyến khích quá trình công nghiệp hóa toàn diện và bền vững, thúc đẩy sự đổi mới	Đi đầu trong ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm tạo sự đột phá về công nghệ trong sản xuất. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và thực hành tác nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> Thiết kế của nhà xưởng đáp ứng tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, hướng gió và hướng nắng được đặt phù hợp với vị trí cụ thể của từng nhà máy Đầu tư mới hệ thống cảnh báo độ ồn, đo nồng độ CO₂ Đầu tư mới hệ thống xử lý chất thải chuyên biệt Sử dụng các hệ thống cảm biến ánh sáng tự động

STT	17 MỤC TIÊU CỦA LHQ SDGS	MỤC TIÊU TNG	THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC 2019
MT10	 Giảm bất bình đẳng	Bình đẳng, không phân biệt đối xử trong tất cả mọi lĩnh vực.	<ul style="list-style-type: none"> Không có khiếu nại về bất bình đẳng và phân biệt đối xử trong tổ chức
MT11	 Xây dựng các đô thị và cộng đồng dân cư hiệu quả, an toàn, đồng bộ và bền vững	Quản lý chất thải và rác thải hiệu quả, tuân thủ pháp luật.	<ul style="list-style-type: none"> 100% nước thải đầu ra được xử lý đạt chuẩn Xây dựng nhà máy xanh đáp ứng tiêu chuẩn xanh, góp phần thay đổi cảnh quan địa phương nơi có nhà máy sản xuất, đóng góp gián tiếp vào thay đổi các yếu tố liên quan tới môi trường và xã hội
MT12	 Đảm bảo các hình mẫu sản xuất và tiêu dùng bền vững	Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống, nhất là nguồn nhiên liệu hóa thạch. Quản lý chất thải hiệu quả. Tuân thủ yêu cầu của pháp luật. Đưa phát triển bền vững vào chiến lược. Báo cáo phát triển bền vững được ban hành hàng năm.	<ul style="list-style-type: none"> 100% các nhà máy của TNG đạt tiêu chuẩn đánh giá trách nhiệm xã hội BSCI, Wrap, Betterwork Xuất khẩu sản phẩm đến 53 quốc gia (năm 2019) - năm 2018 là 47 quốc gia và đang tiếp tục mở rộng thị trường Top 10 Doanh nghiệp bền vững 4 năm 2016, 2017, 2018, 2019 trong lĩnh vực sản xuất do VCCI tổ chức
MT13	 Triển khai các hành động khẩn cấp để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và các tác động của nó	Chủ động các phương án cho khả năng phục hồi và khả năng thích ứng với các hiểm họa từ khí hậu và thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> Mua bảo hiểm công trình, hàng hóa cho những sự kiện bất khả kháng Huấn luyện, đào tạo nhân viên cách ứng xử, đối phó trong các trường hợp mưa, bão
MT14	 Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và tài nguyên biển cho phát triển bền vững		

SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TNG TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM VÀ TOÀN CẦU (tiếp theo)

TNG VÀ 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LHQ (tiếp theo)

STT	17 MỤC TIÊU CỦA LHQ SDGS	MỤC TIÊU TNG	THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC 2019
-----	--------------------------	--------------	-------------------------



MT15 Bảo vệ, khôi phục và khuyến khích sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên bề mặt trái đất, quản lý bền vững tài nguyên rừng, chống sa mạc hóa, chống xói mòn đất và ngăn chặn sự mất đa dạng sinh học

Sử dụng phù hợp hệ sinh thái nước ngọt trên đất liền

- Khai thác nguồn nước tại các khu vực nhà máy trong khối lượng cho phép
- Giảm tỷ lệ sử dụng nước / 1 đồng giá vốn so với năm 2019 là: 4,41%



MT16 Thúc đẩy các mục tiêu xã hội hài hòa và hiệu quả cho phát triển bền vững, tạo ra cơ hội về công bằng và công lý cho tất cả mọi người và xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình ở tất cả các cấp

- Không xảy ra bạo lực trong phạm vi văn phòng làm việc và các nhà máy sản xuất
- Nghiêm cấm tham nhũng, hối lộ
- Xây dựng tổ chức hiệu quả, minh bạch, trách nhiệm ở tất cả các cấp

- Không xảy ra bạo lực trong phạm vi văn phòng làm việc và các nhà máy sản xuất
- Tăng cường truyền thông về quy tắc ứng xử của Công ty, thực hiện các cuộc đánh giá quy trình phòng chống tham nhũng, hối lộ trong Công ty



MT17 Nâng cao khả năng thực hiện và làm mới mối quan hệ đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững

- Khuyến khích nhận các nguồn vốn đầu tư tài chính từ các doanh nghiệp nước ngoài
- Tăng cường xuất khẩu tới những thị trường phát triển

- Phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo, không chứng quyền cho Quỹ Asam Vietnam Corporate Bond Hedge Fund 1
- Năm 2019 các thị trường xuất khẩu chủ yếu của TNG là: Pháp, Mỹ, Đức, Canada, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Nga
- Tuân thủ pháp luật về tiêu chuẩn của sản phẩm của nước nhập khẩu

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TNG	2016	2017	2018	2019
Vốn đăng ký kinh doanh, triệu VNĐ	342.649	411.172	493.401	652.114
Tổng số vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh đã thực hiện, triệu VNĐ	1.846.222	2.225.689	2.595.435	3.027.410
Tổng doanh thu, tỷ VNĐ	1.887	2.491	3.612	4.617
Lợi nhuận trước thuế, tỷ VNĐ	94.799	136.660	214.307	288.608
Khả năng sinh lời trên mỗi đồng vốn của doanh nghiệp (ROE)	17,1%	20,02%	25,37%	24,73%
Khả năng sinh lời trên mỗi đồng tài sản của doanh nghiệp (ROA)	4,7%	5,7%	7,5%	8,2%
Đóng góp cho ngân sách (các loại thuế, phí), triệu VNĐ	15.487	16.398	47.342	70.963
Đóng góp cho xã hội (các chương trình cộng đồng, xã hội nếu có), triệu VNĐ	712	1.587	6.646	2.989
Thu nhập bình quân của người lao động / 1 năm	79.008.445	100.547.697	124.091.887	128.538.158
Kim ngạch xuất khẩu, USD	86.410.325	163.873.347	207.501.019	251.177.389
Kim ngạch nhập khẩu, USD	40.324.997	83.927.444	107.402.330	119.951.434
Tổng số lao động (người)	9.544	11.110	14.056	15.670
Số lao động nam/nữ	2.234/7.310	3.110/8.000	3.716/10.340	3.883/11.787
Số lao động vị thành niên (nếu có) - là lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi	145	247	252	262
Tổng số cán bộ quản lý từ cấp trung trở lên (người)	139	150	162	182

NHÀ MÁY XANH – TNG VÕ NHAİ

HƯỚNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TOÀN DIỆN TRÊN CÁC LĨNH VỰC VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG, TNG ĐÃ LIÊN TỤC CÓ NHỮNG ĐẦU TƯ, CẢI TIẾN, ĐỔI MỚI ĐỂ NGÀY CÀNG TIỆM CẬN HƠN VỚI CÁC TIÊU CHUẨN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HIỆP QUỐC VÀ VIỆT NAM.



TÍNH KHOA HỌC

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Để xây dựng thành công nhà máy xanh, TNG đã tập trung sâu vào công tác nghiên cứu và phát triển nhằm phát triển phương án tối ưu nhất, đáp ứng các tiêu chuẩn xanh sau khi hoàn thiện và đưa vào vận hành.

Sử dụng các phần mềm mô phỏng, tính toán hiện đại

- Mô phỏng năng lượng tiêu thụ của công trình.
- Mô phỏng ánh sáng tự nhiên.
- Mô phỏng gió và nắng.

Thực hiện các phân tích, đánh giá

- Phân tích biểu đồ sinh khí hậu tại khu vực.
- Phân tích hiện trạng khu đất, vì khí hậu tại khu vực, các yếu tố tác động đến khu đất và các yếu tố tác động đến người sử dụng công trình.
- Phân tích các dòng chảy năng lượng tự nhiên tại khu vực để đưa ra các giải pháp hình khối ngay từ đầu để tận dụng tối đa nguồn năng lượng đó, tránh các điều kiện bất lợi.

Nghiên cứu, lựa chọn các thiết bị, vật liệu phù hợp, hiệu quả và thân thiện với môi trường

- Vật liệu bao che (tường, kính, mái, vật liệu cách nhiệt) có khả năng cách nhiệt, cách âm tốt và bền vững.
- Sử dụng các thiết bị điều hòa, thông gió có hiệu suất cao, tiết kiệm điện.
- Lựa chọn và sử dụng thiết bị vệ sinh có lưu lượng tiêu thụ nước thấp.



- Lựa chọn và sử dụng các loại vật liệu tái sử dụng hoặc có thành phần tái chế cao.
- Lựa chọn và sử dụng các loại vật liệu địa phương (được khai thác, sản xuất trong vòng bán kính 500m của Dự án).
- Lựa chọn và sử dụng các sản phẩm có hàm lượng formaldehyde và VOC thấp giúp hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực của các chất hữu cơ dễ bay hơi đến sức khỏe con người.
- Lựa chọn các loại vật liệu lát có khả năng thấm nước bề mặt tốt, và các loại vật liệu, mái có chỉ số phản xạ bức xạ cao nhằm giảm hiệu ứng đảo nhiệt.

TNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN THEO MÔ HÌNH NHÀ MÁY XANH, TNG VÕ NHAİ LÀ MỘT TRONG NHỮNG DỰ ÁN ĐẶC BIỆT CỦA CHÚNG TÔI.



Thực hiện thiết kế tích hợp

Phối hợp làm việc giữa các bên trong team dự án (Chủ đầu tư, thiết kế, thi công, tư vấn) liên tục từ giai đoạn thiết kế tới xây dựng đến khi hoàn thiện và vận hành.

Quá trình nghiên cứu, phát triển chứa nhiều đặc điểm rất khác biệt mà các nhà máy thông thường không có.

- Áp dụng các phần mềm mô phỏng, tính toán hiện đại.
- Tiến hành các phân tích, đánh giá phục vụ cho thiết kế dự án.
- Nghiên cứu, lựa chọn các thiết bị, vật liệu phù hợp, hiệu quả và thân thiện với môi trường.
- Thực hiện thiết kế tích hợp.
- Việc phân tích biểu đồ sinh khí hậu, phân tích dòng chảy năng lượng tự nhiên và các yếu tố tác động đến công trình giúp có những cái nhìn tổng quan hơn về khu đất. Từ đó sẽ cho ra những giải pháp thiết kế kiến trúc tận dụng tối đa nguồn năng lượng tự nhiên và tăng tính thụ động trong thiết kế.
- Việc chạy mô phỏng năng lượng sẽ giúp ước lượng chi phí vận hành hàng năm, đánh giá tính hiệu quả của hệ thống tiêu thụ năng lượng (chiếu sáng, HVAC, v.v...) của công trình. Từ đó sẽ có lựa chọn tối ưu về hệ thống và vật liệu bao che phù hợp với điều kiện khí hậu tại nơi đặt công trình.
- Việc tiến hành đánh giá thông gió giúp đảm bảo cấp đầy đủ gió tươi cho các không gian có người làm việc, hút khí thải độc hại ra khỏi không gian đồng thời ngăn lây nhiễm chéo giữa các khu vực.
- Việc tiến hành mô phỏng ánh sáng tự nhiên giúp đưa ra giải pháp tối ưu về ánh sáng tự nhiên cho công trình, đảm bảo cung cấp đầy đủ ánh sáng tự nhiên mà không gây cảm giác chói lóa cho người sử dụng, cắt giảm đáng kể phần năng lượng phục vụ cho chiếu sáng nhân tạo.



NHÀ MÁY XANH – TNG VÕ NHAI (tiếp theo)



CÁC CÔNG NGHỆ MỚI ĐƯỢC ÁP DỤNG

Nhà máy may Võ Nhai áp dụng các hệ thống và máy móc hiện đại, tân tiến của công trình xanh, cụ thể:

- Lắp cảm biến CO₂ để giám sát và đảm bảo chất lượng không khí cho các không gian kín và có đông người làm việc.
- Sử dụng các tấm lấy sáng (sunoptics skylight) có chất lượng, hiệu quả cao: Mang đến ánh sáng tự nhiên dồi dào, thoải mái, không chói, có khả năng chống tia UV.
- Hệ thống đèn tích hợp cảm biến ánh sáng, có khả năng điều chỉnh độ sáng đèn theo điều kiện thời tiết bên ngoài.
- Lắp đặt tấm pin năng lượng mặt trời để giảm sử dụng điện lưới.
- Hệ thống cấp gió tươi cho khu vực có người hoạt động, giúp nâng cao sức khỏe cho người làm việc, tăng năng suất lao động.
- Hệ thống chiếu sáng sử dụng đèn LED: Tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, độ bền cao, tỏa ít nhiệt, không gây tiếng ồn, chất lượng ánh sáng tốt.
- Cảm biến người ở các phòng họp, phòng hội nghị, hành lang, nhà vệ sinh: Tự động bật đèn khi có người, tự động tắt đèn khi không có người hoạt động, giúp tăng sự thoải mái, tiện nghi cho người sử dụng, tiết kiệm điện.
- Lắp đặt tấm lấy sáng trên mái (sunoptics skylight): Cung cấp đầy đủ ánh sáng tự nhiên cho người làm việc, không gây cảm giác chói và nóng bức, vùng chiếu sáng rộng, cắt giảm đáng kể năng lượng dùng cho chiếu sáng nhân tạo.

- Lắp đặt các thiết bị vệ sinh có lưu lượng thấp, tiết kiệm nước: Giảm tiêu thụ nước.
- Lắp cảm biến CO₂: Đảm bảo chất lượng không khí cho các không gian kín và có đông người làm việc.
- Lắp đặt pin năng lượng mặt trời: Tiết kiệm tiền điện hàng tháng, thân thiện với môi trường.
- Hệ thống giám sát tiêu thụ năng lượng: Kiểm soát và quản lý được tất cả các hệ thống tiêu thụ năng lượng của công trình.

CÁC TIỆN ÍCH KHÁC CỦA NHÀ MÁY

- Thiết kế các tiện ích cho người làm việc: Sân thể thao, nhà y tế, nhà vệ sinh,...
- Quá trình xây dựng:
 - Thực hiện quản lý rác trong quá trình xây dựng (tối thiểu 70% rác được tái chế/tái sử dụng).
 - Thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động tới môi trường: Chống xói mòn, lắng cặn, ...
 - Quản lý chất lượng không khí trong nhà trong quá trình xây dựng: Quy định khu vực hút thuốc, hạn chế bụi, ...
- Lên kế hoạch và triển khai quản lý xanh trong nhà máy: Nâng cao nhận thức của người làm việc về tiết kiệm điện, nước, phân loại rác.
- Lên kế hoạch và triển khai nghiệm thu các hệ thống thông gió, làm mát, điện và nước. Đảm bảo các hệ thống này được xây dựng và lắp đặt đúng với yêu cầu thiết kế.

ỨNG DỤNG VÀO THỰC TẾ

Hệ cấp gió tươi

Trong quá trình sản xuất và sinh hoạt của con người trong không gian điều hoà thường sinh ra các chất độc hại và nhiệt thừa, ứ đọng làm cho các thông số khí hậu trong đó thay đổi. Mặt khác, nồng độ O₂ cần thiết cho con người suy giảm, sinh ra mệt mỏi và ảnh hưởng lâu dài về sức khỏe.

Do đó, cần thiết phải thải không khí đã bị ô nhiễm (bởi các chất độc hại và nhiệt) ra bên ngoài, đồng thời thay thế vào đó là không khí đã được xử lý, không có các chất độc hại, có nhiệt độ phù hợp và lượng O₂ đảm bảo.

Lợi ích của ánh sáng tự nhiên

Ánh sáng tự nhiên được chứng minh có khả năng cải thiện tâm trạng, giúp cơ thể sản sinh ra vitamin D, giúp tăng cường hệ miễn dịch và giảm viêm. Ánh sáng tự nhiên cũng giúp cân bằng nhịp sinh học – yếu tố đóng vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh thói quen ăn uống, thời gian ngủ, và mức năng lượng của mỗi người. Ngoài ra, ánh sáng tự nhiên còn đem lại cảm giác rộng rãi thoáng đãng hơn so với các không gian chỉ sử dụng ánh sáng nhân tạo và có tác dụng diệt khuẩn, giúp không khí trở nên trong lành hơn.

Lợi ích của việc sử dụng sản phẩm có hàm lượng VOC và formaldehyde thấp

Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) là các chất khí gốc hữu cơ thoát ra từ một số loại vật liệu rắn hoặc lỏng nhất định. VOC có trong nhiều chất hóa học, bao gồm một số chất có ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe con người trong thời gian ngắn hay lâu dài. Hàm lượng một số chất VOC trong công trình luôn cao hơn đáng kể (lên tới khoảng 10 lần) so với bên ngoài và có thể gây ra các vấn đề sức khỏe nghiêm trọng đối với người sử dụng công trình thường xuyên. Các chất VOC được thoát ra từ các sản phẩm như: Các loại sơn và sơn mài, các chất tẩy rửa, các chất tẩy rửa, các vật liệu xây dựng và nội thất công trình, các thiết bị văn phòng như máy photocopy và máy in, các chất tẩy xóa và các loại giấy photocopy không chứa carbon, các chất liệu làm đồ họa và mỹ nghệ như keo dán và chất kết dính, các loại mực không phai và các chất tráng phim.



CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI

SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG

CUNG CẤP THÔNG TIN ĐẾN KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG

TNG luôn cam kết cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chất lượng tốt nhất cho khách hàng. Cam kết bảo vệ quyền lợi của khách hàng về thương hiệu và nhãn hiệu hàng hóa: Mỗi mặt hàng của TNG đều được gắn nhãn mác trên sản phẩm có mã vạch và số seri riêng. Khách hàng và người tiêu dùng tới mua hàng tại các cửa hàng TNG đều được cung cấp túi bao bì mang nhãn hiệu TNG để đựng quần áo dễ dàng, thuận tiện. Thông tin hướng dẫn sử dụng: Được in kèm theo nhãn mác của Công ty, cung cấp cho khách hàng và người tiêu dùng hướng dẫn cách sử dụng sản phẩm tốt nhất. Ngoài ra, khách hàng và người tiêu dùng có thể liên hệ với hotline: +84 964 920 222 để được tư vấn trực tiếp về sản phẩm của TNG.

Ngoài ra TNG cũng thông tin cho khách hàng về thông tin trực tuyến liên quan tới chọn size, màu quần áo trên trang web: tngfashion.vn.

Quần áo TNG luôn được đảm bảo về chất lượng, nếu có bất cứ sai sót gì về sản phẩm, khách hàng và người tiêu dùng có thể đem đổi hàng miễn phí trong 7 ngày.

TNG áp dụng chính sách miễn phí vận chuyển cho tất cả các đơn hàng và chỉ hỗ trợ gửi hàng cho các đơn hàng có giá trị trên 200.000 VNĐ. Quy định đổi hàng áp dụng cho các trường hợp: Sản phẩm do lỗi sản xuất, nhầm lẫn trong quá trình xử lý của nhân viên đơn hàng, miễn phí 100% phí đổi hàng; Khách hàng có nhu cầu đổi sang sản phẩm khác, khách hàng sẽ chịu chi phí vận chuyển. Nếu sản phẩm muốn đổi có giá trị thấp hơn sản phẩm đã mua thì TNG không bù lại tiền, nếu sản phẩm muốn đổi có giá trị cao hơn sản phẩm đã mua, khách hàng sẽ phải trả thêm số tiền chênh lệch.



LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA KHÁCH HÀNG

Đối với mảng sản phẩm dệt may xuất khẩu, TNG thường xuyên tổ chức họp và trao đổi với khách hàng. Các cuộc họp diễn ra thường xuyên theo tuần, tháng, mùa và năm, nhằm có cái nhìn chi tiết, tổng thể nhất về mối quan hệ hợp tác hoạt động sản xuất kinh doanh của hai bên.

Đối với mảng thời trang nội địa, nhằm tiếp cận với cách thức bán hàng hiện đại, ngoài kênh phản ánh và xử lý thông tin trực tiếp từ khách hàng, hoặc ngay tại các cửa hàng bán lẻ trên toàn quốc, TNG đã xây dựng địa chỉ tiếp nhận các thông tin của khách hàng trên Website: www.tngfashion.vn thay cho việc tổ chức hội nghị khách hàng thường xuyên.

TNG hiện đang có gần 50 đại lý bán lẻ trên toàn quốc. TNG áp dụng hình thức marketing trực tiếp với việc các nhân viên bán hàng đều được đào tạo về đạo đức kinh doanh, am hiểu rõ về sản phẩm. Các nhân viên bán hàng luôn có trách nhiệm tư vấn về sản phẩm. Các nhân viên bán hàng luôn có trách nhiệm tư vấn về sản phẩm, chính sách bảo hành, giảm giá của Công ty một cách nhiệt tình và trung thực nhất tới khách hàng và người tiêu dùng.

Kênh thông tin tiếp nhận ý kiến phản hồi của khách hàng trên Website: <http://tngfashion.Vn/feedback>.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện quảng cáo sản phẩm, làm rõ thông tin sản phẩm thông qua kênh thông tin facebook. Fanpage của TNG với hơn 700.000 lượt follow. Mọi thông tin về sản phẩm mới đều được Công ty cập nhật lên fanpage để khách hàng được biết.

Nhằm đem lại sự hài lòng nhất đối với khách hàng, TNG tiến hành kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm nhằm mong muốn không một sản phẩm nào đến tay khách hàng bị lỗi. Nguyên liệu từ khi nhập kho tới khi xuất hàng thành phẩm được kiểm tra chất lượng xuyên suốt quá trình. Để đảm bảo sản phẩm may mặc không bị nhiễm kim loại lạ, mảnh kim gãy hay những vật sắc nhọn khác, TNG luôn cho sản phẩm hoàn thiện chạy qua máy dò kim loại tự động trước khi sản phẩm đến với tay người tiêu dùng.



CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

Khi có thông tin khiếu nại từ phía khách hàng, Phòng Quản lý chất lượng có trách nhiệm xem xét và đề xuất một cuộc đánh giá đột xuất hoặc xem lại lưu hồ sơ phục vụ cho đợt giám sát, đánh giá tiếp theo. Bộ phận Quản lý chất lượng tiếp nhận tất cả các khiếu nại liên quan đến chất lượng sản phẩm, cập nhật vào sổ theo dõi khiếu nại khách hàng và thông báo cho Phó Tổng Giám đốc chất lượng xem xét và phân công người giải quyết khiếu nại.



Người được phân công có trách nhiệm thông báo cho bên khiếu nại về việc xác nhận khiếu nại, thời gian giải quyết khiếu nại và các thủ tục xử lý liên quan trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, nếu thông tin do bên khách hàng cấp chưa đủ để thực hiện giải quyết khiếu nại thì có thể yêu cầu họ cung cấp thêm thông tin, bằng chứng cần thiết.

Người được phân công có trách nhiệm xử lý khiếu nại và có thể tham vấn ý kiến của Ban Lãnh đạo để đưa ra hướng xử lý có hiệu quả.

Nhận thấy việc khiếu nại cần thực hiện hành động khắc phục để tránh tái diễn khiếu nại, yêu cầu có hành động khắc phục và báo cáo cho lãnh đạo xem xét và tiến hành khắc phục. Báo cáo Lãnh đạo về kết quả thực hiện.

Kết quả xử lý khiếu nại báo cáo cho Tổng Giám đốc xem xét và phê duyệt.

Bộ phận giải quyết khiếu nại khách hàng có thông báo cho khách hàng bằng văn bản về kết quả giải quyết khiếu nại.

Bộ phận quản lý khiếu nại có trách nhiệm cập nhật và theo dõi hồ sơ giải quyết khiếu nại khách hàng. Tổng hợp khiếu nại và báo cáo cho Lãnh đạo trong cuộc họp theo định kỳ hoặc theo yêu cầu.

Bộ phận quản lý khiếu nại có trách nhiệm cập nhật và theo dõi hồ sơ giải quyết khiếu nại cho khách hàng. Tổng hợp khiếu nại và báo cáo cho lãnh đạo trong cuộc họp định kỳ hoặc theo yêu cầu.

CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, HÀNH VI CẢN TRỞ CẠNH TRANH VÀ THÔNG LỆ MUA SẮM

SỔ TAY VĂN HÓA CHỐNG THAM NHŨNG

Nguyên tắc chống tham nhũng: Công khai, minh bạch các thông tin đấu thầu tại các cuộc họp thông qua các văn bản, qua website, báo chí, ... ngăn chặn trước khi xử lý; Nhận diện các hành vi các đối tượng có nguy cơ tham nhũng để giáo dục tư tưởng và ngăn chặn.

- Nguyên tắc xử lý tham nhũng: Không khoan nhượng, người có hành vi tham nhũng ở bất kỳ cương vị, chức vụ nào đều bị xử lý theo quy định của pháp luật và nội quy của Công ty. Tài sản tham nhũng phải được thu hồi, tịch thu; người có hành vi tham nhũng gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của Công ty.
- Mỗi cán bộ CBCNV là một đại diện của TNG có trách nhiệm tuyên truyền, chuyển tải đến các đối tác, các nhà cung cấp, khách hàng về chính sách chống tham nhũng của TNG.

Kênh thông tin giữa TNG và người lao động được xác lập dưới nhiều hình thức, được công khai trên website: tng.vn tại mục <http://www.tng.vn/lien-he>.

CHÍNH SÁCH CHỐNG THAM NHŨNG VÀ ĐỘC QUYỀN

Mọi hoạt động mua sắm nguyên liệu đầu vào, đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty đều được thực hiện dưới hình thức đấu thầu công khai, minh bạch. Thông tin về các gói thầu được gửi trực tiếp đến ngân hàng danh sách các nhà cung cấp TNG theo dõi và được đăng tải trên Website TNG.

Đối với đối tác kinh doanh

- Các đối tác cam kết không cho cán bộ, nhân viên (CBNV) của TNG vay tiền, tài sản vì bất cứ lý do nào.
- Các đối tác cam kết cùng hợp tác với Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG không thực hiện chính sách gửi giá, chuyển tiền cho cá nhân, mà phải chuyển tiền vào tài khoản của TNG quản lý.
- Các đối tác cam kết không chiết khấu % hoa hồng trong quá trình cộng tác với TNG cho cá nhân. Nếu có, sẽ chiết khấu, phải công khai và thông báo trực tiếp với Lãnh đạo của TNG.

Đối với nhân viên TNG

- Nghiêm cấm nhân viên TNG nhận tiền hoa hồng, chiết khấu của nhà cung cấp mà không nhập vào quỹ hoặc tài khoản chung của TNG, gửi giá vào giá của khách hàng, của nhà cung cấp.
- Nghiêm cấm việc tiết lộ thông tin trong kinh doanh của Công ty.
- Không chấp nhận bất kỳ hành vi hối lộ, tham nhũng trong bất kỳ trường hợp nào như: Tìm nhà cung ứng, phát triển, tiếp thị, mua, bán hàng hóa.



CÔNG BẰNG VỚI CÁC NHÀ CUNG ỨNG

Quy tắc ứng xử dành cho nhà cung cấp của TNG

Giới thiệu

Bộ Quy tắc Ứng xử Nhà cung cấp (gọi tắt là CoC) nhằm nêu rõ các tiêu chuẩn tối thiểu mà TNG yêu cầu các Nhà cung cấp (xem định nghĩa Nhà cung cấp bên dưới) phải tuân thủ khi giao dịch với TNG ngoài việc tuân thủ mọi luật lệ và quy định áp dụng cho các hoạt động của họ. Các giải thích và hướng dẫn thực hiện CoC này được cung cấp trong tài liệu Hướng dẫn thực hiện cho Nhà cung cấp của TNG. CoC này là một phần không thể tách rời của mọi hợp đồng giữa TNG với Nhà cung cấp.

Đạo đức kinh doanh

Nhà cung cấp sẽ tiến hành kinh doanh theo cách thức có đạo đức và hành động với sự chính trực.

Sự chính trực trong kinh doanh

Nghiêm cấm tất cả hành động hối lộ, tham nhũng, tống tiền và biển thủ. Nhà cung cấp không được đem lại lợi ích, để nghị và thanh toán hoặc chấp nhận hối lộ hay tham gia vào những hành vi xui khiến bất hợp pháp khác trong các mối quan hệ kinh doanh hoặc Chính phủ. Nhà cung cấp phải hành động chống lại hối lộ và tham nhũng dưới mọi hình thức.

Nhà cung cấp phải thực hiện các chương trình báo cáo và phòng chống gian lận mạnh mẽ. Nhà cung cấp phải báo cáo cho TNG mọi trường hợp gian lận (thực tế hoặc đang điều tra) liên quan đến hoạt động kinh doanh của TNG, bất kể mức độ nghiêm trọng của hành động đó.



Quà tặng, ăn uống, chiêu đãi

Mặc dù quà tặng, ăn uống và chiêu đãi thường được trao đổi như những phép xã giao kinh doanh phổ biến nhưng TNG có những quy định khắt khe đối với hoạt động này. Điều quan trọng là phải nhận thức được điều gì đúng và sai khi trao đổi những phép xã giao đó.

Các nhà cung cấp không được cung cấp bất kỳ quà tặng, tiền boa, dịch vụ khách sạn, ăn uống hoặc chiêu đãi nào cho nhân viên của TNG, quan chức Chính phủ/nhà chức trách hoặc bất kỳ đối tác kinh doanh nào khác trong mọi tình huống có thể gây ảnh hưởng, hoặc có khả năng gây ảnh hưởng, đến quyết định của nhân viên hoặc nhà chức trách đó đối với đối tác kinh doanh. Trong những tình huống khác, quà tặng, ăn uống hoặc chiêu đãi có giá trị nhỏ có thể được cung cấp cho nhân viên của TNG nếu chúng không phải là tiền mặt hoặc vật phẩm tương đương tiền mặt, phù hợp với tập quán kinh doanh, không thường xuyên hoặc đắt tiền và không vi phạm pháp luật.

Một trong những cách phổ biến nhất khiến xung đột lợi ích phát sinh đến từ việc nhận quà tặng hoặc chiêu đãi (tức là, bất cứ thứ gì có giá trị, bao gồm nhưng không giới hạn ở ưu đãi, vé và tiền boa khác) từ các nhà cung cấp đang hợp tác kinh doanh hoặc tìm cách hợp tác kinh doanh với TNG. Do những rủi ro này, những hạn chế sau đây đã được thiết lập:

- Nghiêm cấm nhân viên của TNG gạ gẫm hoặc yêu cầu, dù trực tiếp hay gián tiếp, bất cứ thứ gì có giá trị từ bất kỳ nhà cung cấp nào đang hợp tác kinh doanh hoặc tìm cách hợp tác kinh doanh với Công ty.
- Tương tự, nhà cung cấp không được để nghị bất cứ thứ gì có giá trị cho bất kỳ nhân viên nào của TNG nếu người khác có lý do hợp lý để nhìn nhận quà tặng, ăn uống hoặc chiêu đãi đó là có ảnh hưởng đến tính khách quan của nhân viên. Tóm lại, việc để nghị quà tặng, ăn uống và chiêu đãi không được phát sinh bất kỳ nghi vấn nào về nghĩa vụ hay xung đột lợi ích.

CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, HÀNH VI CẢN TRỞ CẠNH TRANH VÀ THÔNG LỆ MUA SẮM (tiếp theo)

CẠNH TRANH CÔNG BẰNG

Nhà cung cấp phải tiến hành kinh doanh phù hợp với sự cạnh tranh công bằng và mạnh mẽ cũng như tuân thủ luật chống độc quyền hiện hành. Nhà cung cấp phải áp dụng các hoạt động kinh doanh công bằng, bao gồm cả quảng cáo chính xác và trung thực.

XÁC ĐỊNH CÁC MỐI LO NGẠI

Nhà cung cấp phải khuyến khích tất cả người lao động và nhà thầu phụ báo cáo những mối lo ngại hoặc hoạt động bất hợp pháp mà không sợ trả thù, đe dọa hoặc quấy rối, đồng thời tiến hành điều tra và có hành động khắc phục nếu cần.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhà cung cấp cần tránh mọi tương tác với bất kỳ nhân viên nào của TNG mà có thể gây xung đột, hoặc có khả năng gây xung đột, với vai trò của nhân viên đó khi hành động vì lợi ích tốt nhất của TNG. Ví dụ: Đối tác không nên tuyển dụng hoặc bằng cách khác thanh toán cho bất kỳ nhân viên nào của TNG trong bất kỳ tương tác nào giữa nhà cung cấp và TNG, ngoại trừ theo hợp đồng với TNG. Nếu nhân viên của nhà cung cấp có quan hệ gia đình với bất kỳ nhân viên nào của TNG hoặc nếu nhà cung cấp có bất kỳ mối quan hệ nào khác với nhân viên của TNG mà có thể làm phát sinh xung đột lợi ích, nhà cung cấp đó cần tiết lộ thông tin này cho TNG.



BẢO MẬT

Nhà cung cấp cần trao đổi thông tin mật với TNG phải thực hiện thỏa thuận bảo mật với TNG trước. Trừ khi được TNG cho phép, nhà cung cấp không được chia sẻ thông tin mật của TNG hoặc các thông tin khác mà họ có được liên quan đến hoạt động kinh doanh của TNG. Nhà cung cấp phải đảm bảo và cần chuẩn bị sẵn sàng để chứng minh rằng họ có biện pháp bảo vệ thích hợp để bảo vệ thông tin cá nhân và các thông tin mật khác. Việc sử dụng, tiết lộ trái phép hoặc làm mất thông tin mật của TNG phải được báo cáo ngay cho Phòng Pháp chế - TNG.

TÍNH CHÍNH XÁC CỦA HỒ SƠ KINH DOANH

Tất cả sổ sách và hồ sơ tài chính phải phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung. Hồ sơ phải chính xác ở tất cả các khía cạnh quan trọng. Hồ sơ phải rõ ràng, minh bạch, phản ánh các giao dịch và khoản thanh toán thực tế.

SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Quyền sở hữu trí tuệ phải được tôn trọng; chuyển giao công nghệ và bí quyết phải được thực hiện theo cách thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

TUÂN THỦ THƯƠNG MẠI

Nhà cung cấp phải tuân thủ tất cả các luật kiểm soát xuất nhập khẩu hiện hành, các quy định và chế tài của quốc gia tại đó nhà cung cấp cư trú, của bất kỳ quốc gia nào khác nơi tiến hành giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn ở giao dịch nhập khẩu, xuất khẩu, tái xuất khẩu, chuyển giao hoặc tiết lộ. Quy định này bao gồm mọi loại giao dịch hàng hóa, phần mềm, công nghệ hoặc hỗ trợ kỹ thuật có thể bị hạn chế thương mại, không phụ thuộc vào cách thức chuyển giao. Nhà cung cấp phải phối hợp với TNG liên quan đến việc xác định các giới hạn kiểm soát xuất khẩu hiện hành. Ngoài ra, nhà cung cấp phải hoạt động với sự tuân thủ đầy đủ các luật hải quan và thương mại hiện hành khác.

SỰ CHÍNH TRỰC VỀ CHUỖI CUNG ỨNG & CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Nhà cung cấp tham gia vào việc cung ứng, sản xuất, đóng gói, đóng gói lại, kiểm tra, bảo quản và phân phối nguyên liệu/sản phẩm đại diện cho TNG phải đảm bảo tuân thủ các quy định chất lượng hiện hành và các yêu cầu của hoạt động sản xuất tốt, hoạt động phân phối tốt và hoạt động thí nghiệm tốt đối với các thị trường mà tại đó sản phẩm được sản xuất, đăng ký và phân phối.

QUY TRÌNH

Nhân viên của TNG tuân theo bộ hướng dẫn khi mua hàng hóa hoặc dịch vụ. Phòng Mua hàng sẽ điều phối mọi vấn đề kinh doanh và/hoặc đàm phán liên quan đến việc mua hàng và nhân viên của TNG sẽ cung cấp thông tin đầu vào và hỗ trợ kỹ thuật khi cần thiết. Điều quan trọng cần lưu ý là công việc chỉ nên bắt đầu sau khi nhà cung cấp đã nhận được đơn đặt hàng hoặc hợp đồng đã ký. Nhà cung cấp phải tự chịu rủi ro nếu bắt đầu công việc khi không có đơn đặt hàng hoặc hợp đồng. Khi đơn đặt hàng được xuất, mọi hóa đơn đi kèm phải bao gồm số đơn đặt hàng có liên quan trên hóa đơn. Ngoài ra còn có những trường hợp cần thẩm định chính thức trước khi sử dụng nguyên liệu và dịch vụ.

SỬ DỤNG TÊN, THƯƠNG HIỆU HOẶC LOGO CỦA TNG

Nghiêm cấm sử dụng tên, thương hiệu hoặc các thông tin tương tự khác của TNG trong các ấn phẩm quảng cáo, truyền thông hoặc xác nhận sản phẩm của nhà cung cấp khi không có văn bản chấp thuận trước của TNG.

TRUYỀN THÔNG VÀ QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

TNG đã thiết lập các chính sách và quy trình về truyền thông bên ngoài. Chỉ những nhân viên được phép của TNG mới có thể đưa ra tuyên bố trước truyền thông hoặc công chúng về TNG hoặc sản phẩm của TNG.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Nhà cung cấp phải sử dụng các hệ thống quản lý để tạo điều kiện cải tiến liên tục và phù hợp với kỳ vọng của những nguyên tắc này

CAM KẾT VÀ TRÁCH NHIỆM

Nhà cung cấp phải chứng minh cam kết đối với các khái niệm được mô tả trong tài liệu này bằng cách phân bổ nguồn lực phù hợp.

YÊU CẦU PHÁP LÝ VÀ KHÁCH HÀNG

Nhà cung cấp phải xác định và tuân thủ các luật, quy định, hướng dẫn và các tiêu chuẩn hiện hành cũng như các yêu cầu của khách hàng có liên quan, đồng thời xử lý những lỗ hổng được xác định một cách có trách nhiệm, kịp thời và được lập tài liệu.



CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, HÀNH VI CẢN TRỞ CẠNH TRANH VÀ THÔNG LỆ MUA SẮM (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ RỦI RO & QUẢN LÝ RỦI RO

Nhà cung cấp phải có các cơ chế để đánh giá và quản lý rủi ro trong tất cả lĩnh vực được đề cập đến trong tài liệu này.

LẬP TÀI LIỆU

Nhà cung cấp phải duy trì việc lập tài liệu cần thiết để chứng minh sự phù hợp với những kỳ vọng này cũng như sự tuân thủ với các quy định và hướng dẫn hiện hành.

ĐÀO TẠO VÀ NĂNG LỰC

Nhà cung cấp phải có chương trình đào tạo đạt được mức độ thích hợp về kiến thức, kỹ năng và khả năng dành cho ban quản lý và người lao động để giải quyết những kỳ vọng này

TÍNH LIÊN TỤC TRONG KINH DOANH

Nhà cung cấp chịu trách nhiệm phát triển và thực hiện các kế hoạch kinh doanh liên tục thích hợp đối với các hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của TNG.

CẢI TIẾN LIÊN TỤC

Nhà cung cấp được kỳ vọng sẽ không ngừng cải tiến bằng cách đặt ra các mục tiêu hiệu suất, thực hiện các kế hoạch triển khai và tiến hành các hành động khắc phục và phòng ngừa thiếu hụt cần thiết được xác định thông qua các đánh giá, kiểm tra và đánh giá quản lý nội bộ và/hoặc bên ngoài.



QUYỀN LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN CON NGƯỜI

Nhà cung cấp phải hỗ trợ và tôn trọng việc bảo vệ quyền con người đã được công bố trên phạm vi quốc tế và đảm bảo rằng họ không đồng lõa trong các vụ vi phạm nhân quyền.

Tự do lựa chọn việc làm

Nhà cung cấp không được sử dụng lao động cưỡng bức, lao động ràng buộc hoặc lao động giao kèo hoặc lao động tù nhân không tự nguyện hoặc loại hình lao động cưỡng bức khác. Nhân viên không bắt buộc phải giao nộp hộ chiếu hoặc các giấy tờ pháp lý khác hay trả một khoản phí cho người sử dụng lao động trước khi bắt đầu công việc.

Đối xử công bằng

Nhà cung cấp phải cung cấp một nơi làm việc không đối xử khắc nghiệt và vô nhân đạo, hoặc không có đe dọa về một nơi làm việc như vậy, bao gồm mọi sự quấy rối tình dục, lạm dụng tình dục, nhục hình, ép buộc về tâm thần hoặc thể chất hoặc lạm dụng bằng lời đối với người lao động.

Lao động trẻ em và lao động nhỏ tuổi

Nhà cung cấp không được sử dụng lao động trẻ em. Chỉ được phép sử dụng lao động dưới 18 tuổi cho công việc không nguy hại (theo quy định tại Công ước ILO số 138 + 182) và khi lao động nhỏ tuổi ở trên độ tuổi lao động hợp pháp của một quốc gia hoặc độ tuổi được quy định để hoàn thành giáo dục bắt buộc.

Tiền lương, phúc lợi và giờ làm việc

Nhà cung cấp phải thanh toán cho người lao động theo các luật về tiền lương hiện hành, bao gồm cả tiền lương tối thiểu, giờ làm thêm và phúc lợi bắt buộc.

Không phân biệt đối xử

Nhà cung cấp phải cung cấp một nơi làm việc không bị quấy rối và phân biệt đối xử. Hành vi phân biệt đối xử vì những lý do như chủng tộc, màu da, tuổi tác, giới tính, khuynh hướng tình dục, dân tộc, tình trạng khuyết tật, thông tin di truyền, tôn giáo, tình trạng cựu chiến binh, quan điểm chính trị, thành viên công đoàn hoặc tình trạng hôn nhân sẽ không được tha thứ.

Quyền tự do lập hội

Nhà cung cấp được khuyến khích giao tiếp cởi mở và tham gia trực tiếp với người lao động (và/hoặc cán bộ công đoàn được chỉ định, nếu có) để giải quyết các vấn đề về tiền lương và nơi làm việc. Nhà cung cấp phải tôn trọng quyền của người lao động đối với việc tự do hội họp, tham gia hoặc không tham gia công đoàn lao động, tìm kiếm đại diện và tham gia hội đồng của người lao động, như được quy định trong các luật địa phương. Người lao động phải có khả năng giao tiếp cởi mở với ban quản lý về điều kiện làm việc mà không sợ bị trả thù, đe dọa hoặc quấy rối.



CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP



VỚI MỤC TIÊU BẢO VỆ AN TOÀN, TRÁNH KHỎI NHỮNG ẢNH HƯỞNG CỦA NHỮNG YẾU TỐ NGUY HIỂM CÓ HẠI VÀ TẠO RA ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC THUẬN LỢI NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ GÓP PHẦN THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA ĐẤT NƯỚC, VIỆC ĐẢM BẢO AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG LÀ MỘT CHÍNH SÁCH KINH TẾ - XÃ HỘI LỚN CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC, LÀ MỘT PHẦN QUAN TRỌNG, LÀ BỘ PHẬN KHÔNG THỂ TÁCH RỜI CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA NƯỚC TA.



Thực hiện tốt an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) nhằm bảo đảm sức khỏe và tính mạng của người lao động, góp phần quan trọng vào việc phát triển sản xuất và đời sống xã hội. Đây là hoạt động mang ý nghĩa rộng lớn, nhân văn gắn với thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn bảo hộ lao động với bảo vệ môi trường và văn hóa trong sản xuất. TNG có Phòng Bảo hộ Lao động - chịu trách nhiệm chính về công tác an toàn vệ sinh lao động đảm nhiệm công tác phòng chống cháy nổ, quản lý hệ thống thiết bị báo cháy an toàn vệ sinh thực phẩm, công tác môi trường làm việc, chăm sóc sức khỏe và sơ cấp cứu, duy trì 5S quản, chữa cháy và đào tạo và quản lý mạng lưới an toàn vệ sinh viên. Trong năm 2019 Phòng đã thực hiện nghiêm túc chức năng nhiệm vụ, đảm bảo công tác an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho CBCNV TNG.



CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

TNG đã tổ chức huấn luyện chuyên biệt cho các lao động nhóm 1, 2, 3, 5, 6: 535 người và huấn luyện định kỳ cho 12.739 lao động nhóm 4 đang làm việc tại Công ty. Với tổng chi phí huấn luyện lên tới 197 triệu đồng.



TRANG BỊ BẢO HỘ ĐẦY ĐỦ THEO QUY ĐỊNH

Với 18 chức danh công việc khác nhau, mỗi chức danh và vị trí công việc đã được quy định rõ ràng về các loại phương tiện bảo vệ cá nhân.



KIỂM SOÁT CÁC YẾU TỐ NGUY HIỂM, CÓ HẠI TẠI NƠI LÀM VIỆC

Lập sổ theo dõi và kiểm định cho 137 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động theo quy định.

Quan trắc 1899 mẫu trong môi trường lao động của người lao động để đánh giá môi trường làm việc. Kết quả thu được là các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của pháp luật.

CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (tiếp theo)



CÔNG TÁC CỨU NẠN CỨU HỘ PCCC, TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN ĐỊNH KỲ TẠI DOANH NGHIỆP

Công ty đã xây dựng và thực hiện kế hoạch an toàn vệ sinh lao động bao gồm có nội dung về triển khai thực hiện những nhiệm vụ về công tác PCCC&CNCH, công tác kiểm tra an toàn đối với các chi nhánh.

Triển khai thực hiện kế hoạch phát động phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy năm 2019; Kế hoạch thực hiện công tác PCCC&CNCH tại TNG năm 2019.

Tại các trụ sở đã xây dựng phương án chữa cháy cơ sở và được Cảnh sát PC&CC tỉnh Thái Nguyên phê duyệt.

- Trụ sở 1: Trung tâm thiết kế thời trang TNG: Phê duyệt tháng 08/2017
- Trụ sở 2: Nhà máy may Việt Đức: Phê duyệt tháng 03/2016
- Trụ sở 3: Nhà máy may Việt Thái: Phê duyệt ngày 09/03/2016
- Trụ sở 4: Nhà máy TNG Sông Công: Phê duyệt ngày 23/03/2016
- Trụ sở 5: Nhà máy TNG Phú Bình: Phê duyệt ngày 22/03/2016
- Trụ sở 6: Nhà máy may Đại Từ: Phê duyệt ngày 22/03/2016
- Trụ sở 7: Nhà máy may TNG Đồng Hỷ: Phê duyệt ngày 18/07/2019

Thường xuyên tuyên truyền phổ biến kiến thức và hướng dẫn thực hiện công tác PCCC&CNCH cho toàn thể cán bộ công nhân viên như: Luật PCCC, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật PCCC; Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/07/2014 của Chính phủ; Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an, Nghị định số 83/2017NĐ-CP ngày 18/07/2017 của Chính Phủ; Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/03/2018 của Bộ Công an,...

Trong năm 2019 Công ty đã ban hành Kế hoạch phát động phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy năm 2019 (Kế hoạch số 687B/2019/KH-PCCC, ngày 05/04/2019); Kế hoạch thực hiện công tác PCCC&CNCH tại TNG năm 2019 (Kế hoạch số 687A/2019/KH-PCCC, ngày 05/04/2019).

Thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ của Công ty và đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho Ban chỉ đạo.

Tại các chi nhánh đều có quyết định bổ nhiệm cán bộ an toàn có phân công phụ trách đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, PCCC&CNCH. Hàng ngày cán bộ an toàn thực hiện công tác kiểm tra nhà xưởng, các khu vực sản xuất... để phát hiện và loại trừ những nguy cơ có thể xảy ra đảm bảo an toàn trong sản xuất

Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2019 và đến thời điểm hiện tại Công ty nói chung và các trụ sở nói riêng không để xảy ra sự cố gây mất an toàn về cháy nổ.

Đã phối hợp với phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên thực hiện huấn luyện nghiệp vụ cho 05 đội PCCC&CNCH cơ sở gồm 559 người trực thuộc CBCNV của 05 trụ sở và cấp mới 251 giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH; Thực hiện triển khai thực tập phương án chữa cháy cơ sở tại 05 trụ sở với tổng số CBCNV tham gia là 12.852 người.

Phối hợp với Công đoàn của Công ty tổ chức cuộc thi Kiến thức, kỹ thuật chữa cháy và cứu nạn cứu hộ 2019 vào ngày 26/5/2019 với sự tham gia của 13 đội thi đến từ các nhà máy và chi nhánh trực thuộc.

Tổ chức Cuộc thi "Góc bảo hộ lao động" năm 2019 từ ngày 04/05/2019 đến hết ngày 29/05/2019 với sự tham gia của toàn bộ các nhà máy và chi nhánh trực thuộc Công ty. Trong đó có các nội dung tuyên truyền, hướng dẫn đến CBCNV bằng hình thức văn bản, hình ảnh về công tác an toàn vệ sinh lao động, PCCC&CNCH,...



CÔNG TÁC Y TẾ, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ SỨC KHỎE

Đào tạo cá nhân phụ trách thực hiện quy trình cấp cứu, điều tra, báo cáo, giám định tai nạn lao động số QT.ĐTTNLD ngày 23/11/2018. Đảm bảo chính sách, quy trình điều tra và thực hiện điều tra theo thẩm quyền.

CBCNV của TNG được trang bị các kiến thức, các trang thiết bị bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn; được mua bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

Thực hiện thăm khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV hàng năm. Năm 2019, có 14.022 người được thăm khám bệnh nghề nghiệp; 14.022 người được khám sức khỏe định kỳ. Năm 2019, người lao động ở TNG không ghi nhận trường hợp nào bị bệnh do những tác động trong khi làm việc tại Công ty.

Thực hiện đo lường các yếu tố có hại và quan trắc môi trường lao động định kỳ tại các nhà máy định kỳ 12 tháng/lần.

TNG có 07 phòng cấp cứu sơ cấp, phòng y tế tại các nhà máy để chăm sóc cho người lao động trong trường hợp cấp thiết.

Quy định và kiểm soát nghiêm ngặt về việc không được tự ý sử dụng máy móc, thiết bị sản xuất ngoài chức năng nhiệm vụ nhằm phòng tránh các sự cố bất ngờ có thể xảy ra.

Hệ thống chiếu sáng, thông gió đảm bảo điều kiện cho người lao động làm việc.



CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (tiếp theo)

SỨC KHỎE, AN TOÀN, MÔI TRƯỜNG

Nhà cung cấp phải cung cấp một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, bao gồm mọi khu sinh hoạt do công ty cung cấp.

Bảo vệ người lao động

Nhà cung cấp phải bảo vệ người lao động (chăm sóc đặc biệt cho phụ nữ mang thai), không để tiếp xúc quá nhiều với hóa chất, các mối nguy hiểm sinh học và vật lý cũng như các nhiệm vụ đòi hỏi hoạt động thể chất tại nơi làm việc và trong mọi khu sinh hoạt do công ty cung cấp. Nhà cung cấp phải có một chương trình cải tiến liên tục để xác định, đo lường và thực hiện hành động nhằm ngăn chặn tai nạn/sự cố.

An toàn quy trình

Nhà cung cấp phải có sẵn các chương trình ngăn chặn hoặc giảm thiểu rò rỉ hóa chất ngoài ý muốn liên quan đến các hoạt động và quy trình. Các chương trình phải tương xứng với những rủi ro tại cơ sở.

PHÒNG BỊ & ỨNG PHÓ KHẨN CẤP

Nhà cung cấp phải xác định và đánh giá các tình huống khẩn cấp tại nơi làm việc và mọi khu sinh hoạt do công ty cung cấp, đồng thời giảm thiểu tác động của chúng thông qua việc phòng ngừa cũng như thực hiện các kế hoạch khẩn cấp và quy trình ứng phó.

Thông tin cảnh báo nguy hiểm

Nhà cung cấp phải có sẵn thông tin an toàn liên quan đến các nguyên liệu nguy hiểm, bao gồm các hợp chất và nguyên liệu trung gian, để giáo dục, đào tạo và bảo vệ người lao động trước các mối nguy hiểm.

Nhà cung cấp phải hoạt động một cách hiệu quả và có trách nhiệm với môi trường để giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường. Nhà cung cấp được khuyến khích bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, tránh sử dụng các nguyên liệu nguy hiểm khi có thể và tham gia vào các hoạt động tái sử dụng và tái chế.



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Nhà cung cấp phải tuân thủ tất cả các quy định về môi trường hiện hành. Nhà cung cấp phải có tất cả giấy phép, bằng cấp, đăng ký thông tin và những hạn chế về môi trường cần thiết, đồng thời tuân thủ các yêu cầu về hoạt động và báo cáo.

Rác và chất thải

Nhà cung cấp phải có sẵn các hệ thống giúp đảm bảo xử lý, vận chuyển, lưu trữ, tái chế, tái sử dụng hoặc quản lý rác, khí thải và nước thải một cách an toàn. Rác, nước thải hoặc khí thải có khả năng tác động xấu đến sức khỏe con người hoặc môi trường phải được quản lý, kiểm soát và xử lý phù hợp trước khi thải vào môi trường.

Tràn và rò rỉ

Nhà cung cấp phải có sẵn các hệ thống ngăn chặn và giảm thiểu sự cố tràn và rò rỉ ra môi trường.

NÊU THẮC MẮC HOẶC LO NGẠI

Nhân viên của nhà cung cấp nên liên hệ với bộ phận Pháp chế để giải quyết những mối lo ngại về đạo đức và tuân thủ nội bộ. Trong trường hợp lo ngại này cũng có thể ảnh hưởng đến TNG với tư cách là đối tác hợp đồng của nhà cung cấp, Phòng Pháp chế của TNG phải được thông báo ngay lập tức.

Trong trường hợp nhân viên của nhà cung cấp tin rằng một nhân viên của TNG hay bất kỳ ai đại diện cho TNG đã tham gia vào hành vi bất hợp pháp hoặc không phù hợp theo cách khác, nhân viên đó nên kịp thời báo cáo sự việc cho TNG.

Nếu TNG phát hiện CBNV nào có hành vi vi phạm tham nhũng sẽ xử lý kỷ luật với CBNV và ngưng hợp tác với nhà cung cấp. Nếu đơn vị nghi ngờ một điều gì đó về bất kỳ nhân viên, đối tác kinh doanh, nhà cung cấp hay nhà thầu nào để nghị thông tin qua địa chỉ email: thoiha@tng.vn. Điện thoại: 0913.286.014. Thông tin của quý đơn vị sẽ được bảo mật một cách tuyệt đối.

CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG



TNG LÀ CÔNG TY ĐẦU TIÊN TRONG LĨNH VỰC MAY MẶC TẠI VIỆT NAM ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ BÌNH ĐẲNG GIỚI TOÀN CẦU EDGE



Với nỗ lực xây dựng môi trường làm việc bình đẳng và chính sách nhân sự đảm bảo sự phát triển công bằng cho cả nam và nữ. TNG đã được cấp Chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu EDGE, cấp độ ASSESS, của tổ chức EDGE Certified Foundation (Thụy Sĩ)

Chứng chỉ EDGE có thời hạn trong 2 năm, từ ngày 18/12/2019 đến 17/12/2021, sẽ giúp TNG có cơ hội hợp tác và thu hút được sự đầu tư của các doanh nghiệp lớn trên thế giới, mang lại nhiều lợi thế cạnh tranh. Đồng thời thể hiện cam kết xây dựng môi trường làm việc bình đẳng hơn cho cả lao động nam và nữ tại Công ty, trong phát triển sự nghiệp cũng như cuộc sống gia đình

ĐỒNG HÀNH CÙNG ĐỊA PHƯƠNG PHÁT TRIỂN

Các hoạt động đầu tư phát triển cộng đồng của TNG trong năm 2019 được thể hiện theo bảng sau:

STT	NỘI DUNG	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Hỗ trợ xây dựng Ngôi nhà đoàn kết cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn	Các huyện, thành phố, thị xã	13 nhà	540.000.000
2	Tặng quà các gia đình khó khăn	TP. Sông Công		35.000.000
3	Tặng quà các gia đình khó khăn	Huyện Phú Bình	750 suất	150.000.000
4	Tặng quà các hộ dân và học sinh có hoàn cảnh khó khăn	Huyện Đồng Hỷ	600 suất	180.000.000
5	Tặng quà người lao động và bà con có hoàn cảnh khó khăn	TX. Phổ Yên	160 suất	130.000.000
6	Hỗ trợ xây dựng đình làng	Huyện Võ Nhai		10.000.000
7	Tặng áo ấm cho học sinh nghèo	Huyện Võ Nhai	200 suất	40.000.000
8	Tặng áo ấm cho học sinh	Huyện Đại Từ	150 suất	30.000.000
9	Tặng quà các cháu thiếu niên nhi Đồng Nhân dịp Tết Thiếu nhi	Khu tập thể Công ty		3.000.000
10	Tặng quà con CBCNV nhân dịp Tết Trung thu		14.000 suất	850.000.000
11	Tặng quà con CBCNV có thành tích học tập cao		2.694 suất	281.400.000
12	Tặng quà cho CBCNV là con Liệt sỹ, thương bệnh binh và người có công với cách mạng nhân dịp 27/7		477 suất	144.900.000
13	Tặng quà CBCNV có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên Đán		689 suất	445.000.000
14	Hỗ trợ xây dựng thấp sáng làng quê xã Nam Hòa (Đồng Hỷ) và xã Khôi Kỳ (Đại Từ)			10.750.000
15	Tổ chức Chương trình ra quân vệ sinh môi trường "Keep Thái Nguyên Green" với các hoạt động vệ sinh đường phố + tặng túi vải thân thiện môi trường	TP. Thái Nguyên	877 túi vải	131.550.000
16	Tặng túi vải cho các cơ quan hưởng ứng phong trào Phòng chống rác thải nhựa	TP. Thái Nguyên	50 túi vải	7.500.000
Tổng cộng:				2.989.100.000

CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ

CÔNG ĐOÀN CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG ĐƯỢC THÀNH LẬP NĂM 1979 TRÁI QUA HƠN 40 NĂM THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN, HIỆN NAY BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN CÓ 18 ĐỒNG CHÍ TRONG ĐÓ CÓ 1 CHỦ TỊCH, 02 PHÓ CHỦ TỊCH VÀ 15 ĐỒNG CHÍ LÀ UỶ VIÊN BAN CHẤP HÀNH.



Các đồng chí trong ban chấp hành được phân công phụ trách các vấn đề:

- Tuyên truyền, phổ biến, vận động người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn và nội quy, quy chế Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật có liên quan đến quyền nghĩa vụ người lao động và công đoàn. Tham gia giám sát việc thực hiện thang bảng lương, định mức lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng, Nội quy, thỏa ước lao động.
- Phối hợp với Người sử dụng lao động thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức hội nghị người lao động, đối thoại tại nơi làm việc.
- Phối hợp với Người sử dụng lao động tổ chức các phong trào thi đua, phát triển sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người lao động.
- Phối hợp với Người sử dụng lao động tổ chức các hoạt động đẩy mạnh phong trào đảm bảo An toàn vệ sinh lao động, chỉ đạo mạng lưới ATVSV hoạt động đúng quy định của Pháp luật.
- Vận động người lao động tham gia các hoạt động xã hội, giúp đỡ nhau trong nghề nghiệp, trong cuộc sống, giúp đỡ nhau ngăn chặn tệ nạn xã hội.

CHÍNH SÁCH TỰ DO HỘI ĐOÀN CỦA TNG

LÃNH ĐẠO CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG CAM KẾT

TẤT CẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀO LÀM VIỆC TẠI TNG ĐƯỢC QUYỀN TỰ DO: LỰA CHỌN, THAM GIA, TỪ CHỐI THAM GIA, RỜI BỎ CÁC HIỆP HỘI/ TỔ CHỨC/ TẬP THỂ CÔNG ĐOÀN, CÔNG NHÂN TRONG CÔNG TY VÀ ĐƯỢC QUYỀN TỰ DO THÀNH LẬP CÁC HIỆP HỘI/ TỔ CHỨC HAY TẬP THỂ KHÁC MÀ KHÔNG VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, CÁC NỘI QUY, CHÍNH SÁCH CỦA CÔNG TY, KHÔNG GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ VĂN HÓA ỨNG XỬ CỦA CÔNG TY

- Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG nghiêm cấm tất cả các tổ chức và cá nhân trong phạm vi các nhà máy có những hành vi ngăn cản việc tự do đi lại, hội họp hoặc tham gia các tổ chức do Nhà nước công nhận.
- Nghiêm cấm các cá nhân lôi kéo, kích động hoặc đe dọa người khác tham gia vào tổ chức do mình hoặc do người khác thành lập.
- Các nhà máy bảo đảm cho người lao động được phép tự do đi lại trong khuôn các nhà máy để giải quyết nhu cầu cá nhân hoặc rời khỏi các nhà máy vì lý do bất khả kháng.
- Quản lý các cấp tại đơn vị phải tôn trọng quyền tự do sinh hoạt và thương thảo tập thể của người lao động.
- Để đảm bảo có một môi trường làm việc tốt đẹp, các nhà máy không được sử dụng quyền lực cũng như sự hiện diện của công an hay quân đội để đe dọa người lao động trong thời gian làm việc, trong khuôn viên nhà máy.
- Các nhà máy không có quyền sa thải trừng phạt hoặc áp dụng các hình thức đe dọa hay bắt buộc người lao động khi tham gia hoặc từ chối tham gia các hoạt động của các tổ chức công đoàn.
- Đoàn viên công đoàn có quyền tự do tham gia bầu cử đại diện công đoàn của mình tại nhà máy và tham gia các hoạt động công đoàn. Các nhà máy không có quyền can thiệp vào các quyền tự do này của đoàn viên.
- Đoàn viên công đoàn được tham gia vào các cuộc đối thoại tập thể. Được tự do đưa ra ý kiến, kiến nghị theo các nội dung đối thoại và được đảm bảo không có bất kỳ hành vi trù dập, đe dọa hoặc trả thù.
- Tất cả mọi người lao động đều được trải qua huấn luyện giáo dục để nắm bắt được các quyền lợi của mình liên quan đến chính sách này, các nhà máy luôn coi đây là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo huấn luyện hàng năm cho người lao động.



CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ (tiếp theo)



Cơ chế khiếu nại của TNG được xây dựng chi tiết, rõ ràng và rất dễ hiểu. Quy chế này được phổ biến rộng rãi đến người lao động đảm bảo rằng người lao động hiểu rõ mình cần làm gì khi có vấn đề cần khiếu nại.

Các số hotline được dán tại tất cả các cửa xưởng, các khu vực người lao động thường xuyên qua lại, các hòm thư góp ý được treo tại các khu vực công nhân thường xuyên qua lại, không có camera như: Nhà vệ sinh, nhà ăn ca,...

CÁC PHƯƠNG THỨC KHIẾU NẠI



Gửi thư góp ý vào hòm thư góp ý



Khiếu nại trực tiếp đến đại diện Công đoàn



Gọi điện đến số HOTLINE

Hòm thư góp ý được mở định kỳ 2 lần/tuần nhằm kịp thời nắm bắt được các thông tin từ người lao động và kịp thời giải quyết.

Tất cả các thông tin khiếu nại của người lao động được bảo mật, ghi chép cụ thể.

Chính sách của Công ty trong giải quyết khiếu nại là: Minh bạch và không trả đũa. Chúng tôi xây dựng quy trình giải quyết khiếu nại và kiên quyết thực hiện nhằm mang đến cho người lao động một môi trường làm việc bình đẳng và an toàn.

LAO ĐỘNG TRẺ EM, CƯỠNG BỨC LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM

TNG cam kết: Không sử dụng lao động chưa đủ 15 tuổi tại tất cả các công đoạn, các bộ phận tại tất cả các chi nhánh TNG. Không sử dụng lao động chưa thành niên làm các công việc nặng nhọc độc hại, không làm việc quá 40 tiếng/tuần.

Công ty xây dựng quy trình nhằm phát hiện và ngăn chặn trẻ em vào khu vực sản xuất với mục tiêu không có trẻ em dưới 15 tuổi xuất hiện trong khu vực sản xuất và tránh các rủi ro về an toàn lao động, các rủi ro về pháp lý. Mọi ứng viên khi ứng tuyển vào tất cả các vị trí công việc, đều được nhân viên tuyển dụng kiểm tra hồ sơ kỹ càng, so sánh với hồ sơ gốc hoặc đối chiếu, điều tra thông qua cơ quan địa phương để xác định chính xác độ tuổi của người lao động trước khi tiếp nhận.

Đối với lao động chưa đủ tuổi vị thành niên, Công ty có quy trình quản lý, theo dõi.



CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI



Thành tựu nổi bật trong năm 2019: Tác phẩm Bông Downlike – Cục Bản quyền tác giả cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả số 3880/2019/QTG ngày 28 tháng 06 năm 2019

Thành tựu nổi bật trong năm 2018: Sản phẩm đường may không chỉ - kiểu dáng thời trang, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường – được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả số 2773/2018/QTG ngày 04/06/2018 cho “Bài viết về quá trình sản xuất áo sơ mi đường may không chỉ theo công nghệ ép seam”.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA PHÒNG BAN PHỤ TRÁCH R&D

1 Xây dựng quy trình công nghệ của : Cắt, may, hoàn thiện

2 Nghiên cứu, áp dụng ke cỡ gá

3 Nghiên cứu, phân tích và đào tạo thao tác chuẩn cho công nhân cắt, may, hoàn thiện

4 Tính năng lực công nhân cân bằng chuyển để tăng hiệu suất chuyển

5 Nghiên cứu ứng dụng thiết bị công nghệ mới

6 Đào tạo tổ trưởng, nhân viên công nghệ

HIỆU CỦA VIỆC TRIỂN KHAI R&D

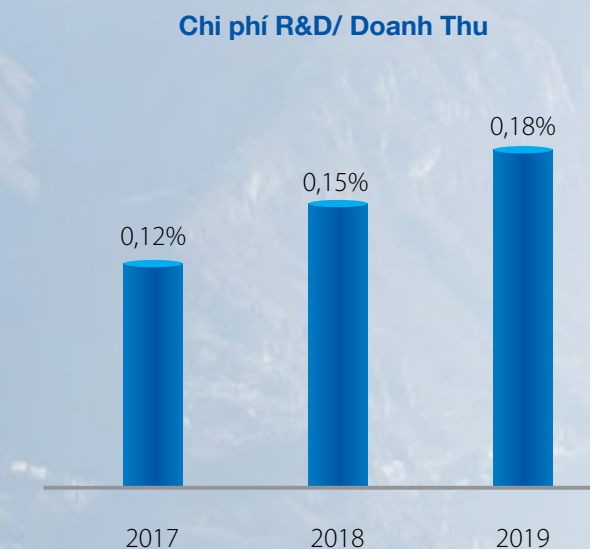
HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI

- Tạo ra dòng sản phẩm mới, lựa chọn mới cho khách hàng;
- Đáp ứng nhu cầu thị yếu ở trong nước theo kịp với nước ngoài;
- Nâng cao giá trị sản phẩm: Giá trị của mỗi sản phẩm giữa sản phẩm may bằng chỉ và ứng dụng công nghệ may không chỉ tăng từ 20% – 50%.

HIỆU QUẢ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được tiếp cận, sử dụng công nghệ mới.
- Tạo ra các sản phẩm có giá trị bằng công nghệ cao.
- Tạo ra sản phẩm mang thương hiệu riêng của Công ty.
- Tạo ra sản phẩm thân thiện với môi trường.

TỶ LỆ ĐẦU TƯ CHO R&D/ DOANH THU 3 NĂM GẦN NHẤT (%)



CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG

VẬT LIỆU

NGUYÊN LIỆU ĐƯỢC TNG MUA TỪ CÁC NHÀ CUNG CẤP TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC, ĐƯỢC SẢN XUẤT BẰNG CÁC CÔNG NGHỆ TIÊN TRÊN THẾ GIỚI; AN TOÀN CHO MÔI TRƯỜNG VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG. TNG LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP DỰA TRÊN CÁC YẾU TỐ: GIÁ CẢ CẠNH TRANH, NHÀ CUNG CẤP CÒN PHẢI TUÂN THỦ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI, ĐÁP ỨNG ĐƯỢC CÁC TIÊU CHÍ VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THEO KHUYẾN CÁO, ĐÁNH GIÁ CỦA TNG.

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP



Việc tiết kiệm nguyên liệu cũng là tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm chi phí. Do vậy, TNG đã chỉ đạo sử dụng tối đa nguyên liệu nhập về, đồng thời các nguyên liệu không sử dụng được lại được thu gom làm nguyên liệu cho các sản phẩm khác (bông vụn, sản phẩm vải dờ dang được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào làm thú nhồi bông; giấy vụn, bìa carton được thu gom sử dụng tạo ra các loại sản phẩm giấy khác; nilon, lõi cuộn chỉ bằng nhựa được thu thập lại tái chế các loại nhựa, ...) tạo nên vòng đời sản phẩm mới.

CHI TIẾT CÁC LOẠI PHẾ LIỆU, PHẾ PHẨM ĐƯỢC THU GOM XỬ LÝ TÁI CHẾ LÀM NGUYÊN LIỆU CHO CÁC SẢN PHẨM KHÁC

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	NĂM 2019	NĂM 2018	NĂM 2017	NĂM 2016
1	Giấy vụn	Kg	242.596	92.465	75.653	56.619
2	Bông vụn	Kg	67.861	19.451	15.914	6.641
3	Vải thừa	Kg	21.701	20.467	16.746	5.214
4	Nylon	Kg	2.203	2.203	1.803	406
5	Chỉ dờ	Kg	2.983	2.333	1.909	859
6	Thành phẩm vải dờ dang	Kg	4.635	1.617	1.323	2.589

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU SỬ DỤNG TỪ NĂM 2017 - 2019

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG					
			NĂM 2019	%/SP	NĂM 2018	%/SP	NĂM 2017	%/SP
1.	Vải các loại	Yard	25.939.011	70%	21.323.656	71%	14.246.777	54%
2.	Bông	Yard	5.187.802	14%	5.524.426	18%	3.825.371	14%
3.	Chỉ	Cuộn	1.482.229	4%	1.370.881	5%	1.203.359	5%
4.	Cúc	Chiếc	41.131.860	111%	34.574.493	115%	23.472.715	89%
5.	Khóa	Chiếc	27.791.798	75%	26.048.506	87%	30.154.630	114%
6.	Túi nilon	Chiếc	11.116.719	30%	9.710.062	32%	6.741.655	25%
7.	Thùng carton	Chiếc	1.111.672	3%	1.021.190	3%	661.703	2%
8.	Mực in các loại	Kg	29.645	0%	24.583	0,08%	13.358,30	0,05%
9.	Số lượng sản phẩm tạo ra	Chiếc	37.055.730		30.044.797		26.471.700	

CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

NĂNG LƯỢNG

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRƯỚC HẾT LÀ HOẠT ĐỘNG TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG, SAU ĐÓ MỚI ĐẾN CÁC HOẠT ĐỘNG TÁI TẠO VÀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG. CHÍNH NHỜ HÀNH ĐỘNG TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG MÀ TỪ ĐÓ GIẢM CHI PHÍ TIÊU HAO DẪN ĐẾN GIẢM GIÁ THÀNH SẢN PHẨM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHO TNG.

CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG

Tuyên truyền sử dụng điện tiết kiệm cho cán bộ công nhân viên bằng phát thanh trên hệ thống phát thanh của Công ty, pano, áp phích.

Sử dụng điều hòa vào những ngày nóng, được giới hạn nhiệt độ và quy định thời gian bật tắt (trước 60 phút khi rời khỏi Công ty).

Sử dụng các bóng đèn tiết kiệm điện (Led thay thế huỳnh quang cũ).



NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ TẠI TNG QUA CÁC NĂM

Nguồn năng lượng không tái tạo

TT	TÊN	ĐV TÍNH	MỨC SỬ DỤNG/NĂM				NHIỆT LƯỢNG TỎA RA NĂM 2019 (MJ)
			2019	2018	2017	2016	
1.	Ga phục vụ sản xuất	Kg	230.746	195.620	164.660	168.670	12.806.403
	Tỷ lệ	Kg/chiếc	0,0062	0,0065	0,0062	0,0090	
2.	Dầu DO phục vụ máy phát điện	Lít	26.984	29.420	38.000	67.181	991.284
	Tỷ lệ	Lít/chiếc	0,0007	0,0010	0,0014	0,0036	
3.	Than	Tấn	2.734	2.510	2.223	2.826	54.680.000
	Tỷ lệ	Tấn/chiếc	0,00007	0,00008	0,00008	0,00015	
	Số lượng sản phẩm	Chiếc	37.055.730	30.044.797	26.471.700	18.703.654	

(Nguồn chuyển đổi: https://vi.wikipedia.org/wiki/Năng_suất_tỏa_nhiệt)

- Ga phục vụ sản xuất năm 2019 tiết kiệm được 0,0003 kg/ 1 sản phẩm tương ứng tiết kiệm được 4,6%.
- Dầu DO phục vụ máy phát điện năm 2019 tiết kiệm được 0,0003 lít/ 1 sản phẩm tương ứng tiết kiệm được 3%.
- Than phục vụ sản xuất năm 2019 tiết kiệm được 0,00001 tấn/ 1 sản phẩm tương ứng tiết kiệm được 5%.

Sử dụng năng lượng tái tạo

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG				NHIỆT LƯỢNG TỎA RA NĂM 2019 (MJ)
			2019	2018	2017	2016	
1.	Tổng lượng điện tiêu thụ	1000. kWh	11.487	10.000	9.500	7.814	41.354.194
2.	Tổng sản phẩm	Chiếc	37.055.730	30.044.797	26.471.700	18.703.654	
3.	Tỷ lệ/sản phẩm	kW/sp	0,31	0,33	0,36	0,42	

- Như vậy so với năm 2017, năm 2018 TNG đã tiết kiệm 8,33% điện năng trên 1 sản phẩm. Tương tự năm 2019 đã tiết kiệm 6% điện năng tiêu hao trên cùng một sản phẩm so với năm 2018.
- Tổng năng lượng sử dụng trong tổ chức năm 2019 (MJ) = Năng lượng tái tạo + Năng lượng không tái tạo = 12.896.493 + 991.284 + 54.680.000 + 41.354.194 = 109.831.881 MJ

(Nguồn chuyển đổi: <https://www.convertworld.com/vi/nang-luong/kwh.html>)

GIẢI PHÁP HẠN CHẾ SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU HOÁ THẠCH, GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH, TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG, SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Tiết kiệm điện năng trong chiếu sáng

Tận dụng nguồn ánh sáng tự nhiên

Ngay từ khi xây dựng các phương án thiết kế nhà xưởng, TNG đã đặc biệt chú trọng đến việc thiết kế các hệ thống chiếu sáng tự nhiên, giảm chiếu sáng cưỡng bức (sử dụng năng lượng điện). Đó là sử dụng các tấm nhựa lắp đặt ở trên mái xưởng, xung quanh xưởng, nhằm lấy ánh sáng tự nhiên, tăng cường nguồn ánh sáng cho các xưởng may. Từ đó tiết giảm nguồn năng lượng điện để chiếu sáng trong các xưởng sản xuất.

Tiết kiệm điện năng chiếu sáng vị trí làm việc

Tại TNG, thông điệp “Tắt điện khi rời khỏi vị trí làm việc hoặc không sử dụng đến” được tuyên truyền rộng rãi đến người lao động cũng như các cán bộ công nhân viên trong Công ty. Các thiết bị điện, đặc biệt là hệ thống bóng đèn chiếu sáng và máy may sử dụng trong xưởng là những thiết bị hao tổn điện năng nhất. Người lao động phải tự tắt công tắc điện, ngắt các thiết bị điện ngay tại chỗ ngồi của mình hoặc các vị trí lân cận khi nghỉ giải lao, khi ra về hoặc khi nghỉ ăn cơm ca. Chỉ một hành động nhỏ của mỗi người lao động, cũng là sự đóng góp, đoàn kết và gắn bó với TNG.

CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)

NHÀ MÁY MAY SỬ DỤNG HỆ THỐNG ĐÈN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Vị trí văn phòng, nhà xưởng sử dụng loại đèn T5 (28W) thay cho đèn huỳnh quang thông thường (bóng tuýp T10 - 40W), có độ sáng như nhau và giảm được 30% điện năng cho mỗi giờ cho mỗi bóng. Với 164 chuyển may hàng ngày sẽ tiết kiệm được:

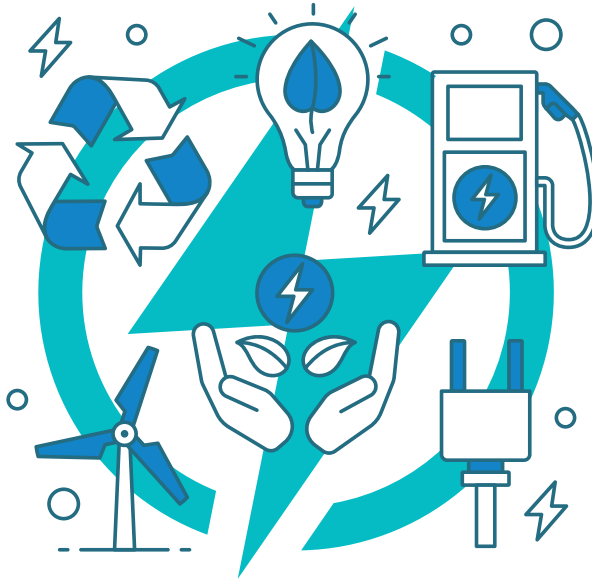
$164 * 100 * (40 - 28) * 8 = 1.574.400 \text{ W (1.574KW/ngày)}$
với mức tính 931.000.000đ/ năm.

Mức chi phí bỏ ra : 100.000.000đ.

Mức tiết kiệm được: 831.000.000đ/ năm.

Sử dụng phần mềm theo dõi lượng điện tiêu thụ hàng tháng. Từ đó chỉ ra các tháng tiêu thụ nhiều, ít từ đó đưa được ra kết luận mức tiêu hao năng lượng theo tháng và tiêu hao năng lượng nào nhiều nhất. Từ đó sẽ có những giải pháp cụ thể nhất.

MỨC NĂNG LƯỢNG
TIẾT KIỆM ĐƯỢC
831.000.000 VNĐ/năm



TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG TRONG LÀM MÁT, THÔNG GIÓ

Do đặc điểm của khí hậu miền Bắc là có hai mùa nóng lạnh rõ rệt. Vào mùa hè nhiệt độ ngoài trời thường xuyên cao (35 - 38°C) nên Công ty đã chú trọng đến thiết kế nhà xưởng theo kiểu thông gió tự nhiên bằng hệ thống cửa trời và cửa mái. Việc sử dụng các cửa trời này đã làm cho nhà xưởng mát mẻ dẫn đến tiết kiệm được điện năng cho việc làm mát cho công nhân vào mùa hè.



THAN

Những giải pháp tiết kiệm về năng lượng hóa thạch

Hiện nay phần lớn các lò hơi đang được sử dụng là lò sử dụng năng lượng hóa thạch, đốt bằng than, có hiệu suất sử dụng năng lượng thấp, làm gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường và kém hiệu quả về mặt kinh tế. Tình hình này đặt ra yêu cầu TNG phải có các giải pháp giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu suất, tiết kiệm năng lượng trong sử dụng và vận hành các lò hơi của cơ sở mình.

Có nhiều biện pháp nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng trong hệ thống lò hơi liên quan đến quá trình đốt, truyền nhiệt, hao hụt năng lượng, giảm mức tiêu thụ điện của thiết bị phụ trợ. Bằng việc kiểm tra một số yếu tố sau có thể giúp doanh nghiệp đánh giá được thiết bị lò hơi của đơn vị mình có được vận hành với hiệu suất tối đa hay không:



Đề xuất giải pháp tiết kiệm năng lượng lò hơi

- Kiểm soát nhiệt độ khói lò
- Đun nóng sơ bộ nước cấp sử dụng thiết bị trao đổi nhiệt
- Sấy nóng sơ bộ không khí cấp cho lò
- Quá trình cháy không hoàn tất
- Kiểm soát khí dư
- Giảm thiểu tổn thất nhiệt do bức xạ và đối lưu
- Kiểm soát xả đáy tự động
- Giảm tổn thất do cặn và muội
- Giảm áp suất lò hơi
- Thiết bị kiểm soát tốc độ vô cấp lắp cho quạt, quạt thổi và máy bơm
- Kiểm soát tải lò hơi

CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

NƯỚC

NGUỒN NƯỚC CỦA TNG SỬ DỤNG TỪ NGUỒN NƯỚC SẠCH ĐƯỢC CUNG CẤP BỞI CÔNG TY NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN VÀ NGUỒN NƯỚC GIẾNG KHOAN TỪ CÁC GIẾNG KHAI THÁC TRONG NHÀ MÁY (ĐƯỢC LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG KHAI THÁC TẠI MỖI GIẾNG).

Đối với việc sử dụng tài nguyên nước Công ty đều xin giấy phép cho các giếng khoan.

Việc sử dụng nước cho nhu cầu vệ sinh cá nhân đều lắp đặt các thiết bị tiết kiệm như: Xả nước vệ sinh ở 2 mức khác nhau khi CVCNV xả nước và huấn luyện cho người lao động cách thực hiện và tự giác chấp hành khi sử dụng.

Đối với các bếp ăn tập thể TNG áp dụng quy trình 1 chiều nhưng để tiết kiệm nước các bếp trưởng phải thực hiện quy trình vo gạo vào nước rửa rau thứ 3 để tiết kiệm nước,...

Đối với các nhà máy chuẩn bị xây dựng Công ty đã tính toán xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt chất lượng quy chuẩn A để tái sử dụng cho mục đích thoát bồn cầu và tưới cây rửa đường để tuần hoàn nước và tiết kiệm triệt để tài nguyên nước có thể.



TT	TÊN	ĐV TÍNH	MỨC SỬ DỤNG/NĂM			
			2019	2018	2017	2016
1.	Tổng lượng nước tiêu thụ	m ³	366.852	322.105	318.287	271.680
2.	Nước sạch	m ³	362.981	318.706	315.470	269.513
3.	Nước ngầm	m ³	3.871	3.399	2.817	2.167
4.	Tổng sản phẩm	Chiếc	37.055.730	30.044.797	26.471.700	18.703.654
5.	Tỷ lệ	m ³ /sp	0,0099	0,011	0,012	0,015

Từ bản thống kê trên cho thấy theo thời gian từ năm 2016 đến năm 2019, tỷ lệ số lượng m³ sử dụng nước trên một sản phẩm giảm từ 0,015 m³/sp xuống còn 0,0099 m³/sp. Năm 2019 so với năm 2018 giảm từ 0,011 m³/sp xuống còn 0,0099m³/sp tương ứng tiết kiệm được khối lượng nước khoảng 10% so với thực tế sử dụng năm 2018.

ĐA DẠNG SINH HỌC

ĐA DẠNG SINH HỌC LÀ SẢN PHẨM CỦA SỰ TƯƠNG TÁC GIỮA HỆ THỐNG TỰ NHIÊN VÀ HỆ THỐNG XÃ HỘI. TNG VỚI NHẬN THỨC SÂU SẮC RẰNG LỢI ÍCH CỦA TNG GẮN LIỀN VỚI LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG ĐẶC BIỆT LÀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ XUNG QUANH CÁC TRỤ SỞ CỦA CÔNG TY.

Do vậy, với mỗi dự án nhà máy Công ty đều khảo sát địa chất, địa lý và môi trường nền để làm cơ sở đánh giá mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất đến cộng đồng xung quanh. Các nhà máy đều đảm bảo khoảng cách tới khu dân cư lân cận theo quy định pháp luật, các dự án trước khi khởi công đều được phê duyệt đánh giá tác

động môi trường và khi đi vào hoạt động đều quan trắc định kỳ (4 lần/năm) các yếu tố vi khí hậu, nồng độ bụi, khí thải, nước thải để có biện pháp duy trì cũng như kiểm soát để các chỉ tiêu ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của pháp luật.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC NĂM 2019 CỦA CÔNG TY NHƯ SAU

Kết quả chất lượng không khí trong khu vực sản xuất

VỊ TRÍ	KẾT QUẢ			
	TIẾNG ỒN (DBA)	TỔNG BỤI TSP (MG/M ³)	NO ₂ (MG/M ³)	SO ₂ (MG/M ³)
KK-11.19-16	64	0,18	<0,08	<0,026
KK-11.19-17	61,8	0,1	<0,08	<0,026
KK-11.19-18	59,7	0,36	<0,08	<0,026
KK-11.19-19	62,6	0,1	<0,08	<0,026
KK-11.19-20	64,3	0,16	<0,08	<0,026
KK-11.19-21	63,2	0,29	<0,08	<0,026
Giới hạn cho phép theo: 3733/2002/QĐBYT QCVN 24:2016/BYT	85	4	10	10

Như vậy ta thấy chất lượng không khí trong TNG đều nằm trong giới hạn cho phép của các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về chất lượng không khí.



CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

ĐA DẠNG SINH HỌC (tiếp theo)

Kết quả phân tích mẫu khí thải ống khói

VỊ TRÍ	KẾT QUẢ TRUNG BÌNH						
	NHIỆT ĐỘ (°C)	LƯU LƯỢNG (M ³ /P)	BỤI TỔNG (MG/NM ³)	VẬN TỐC (M/S)	NOX (MG/NM ³)	SO ₂ (MG/NM ³)	CO (MG/NM ³)
KTOK-11.19-1.1 KTOK-11.19-1.2	112	56	36,83	4,7	62,19	36,23	134,50
KTOK-11.19-2.1 KTOK-11.19-2.2	108,10	20,00	39,67	4,8	70,13	51,27	366,33
KTOK-11.19-3.1 KTOK-11.19-3.2	111,1	142	44,23	4,7	95,30	35,47	205,73
Giới hạn cho phép: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)	-	-	200	-	850	500	1000

Ta thấy chất lượng khí thải của TNG nằm trong quy chuẩn Việt Nam cho phép.

Kết quả đo phân tích chất lượng nước thải sinh hoạt

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT	
				A	B
1	pH	-	6,3	5,0-9,0	5,0-9,0
2	BOD5	mg/l	16,3	30	50
3	COD	mg/l	40,5	-	-
4	TSS	mg/l	30,8	50	100
5	TDS	mg/l	305,5	500	1000
6	S ²⁻	mg/l	<0,1	1	4
7	As	mg/l	0,0014	-	-
8	Cd	mg/l	<0,0005	-	-
9	Pb	mg/l	0,0017	-	-
10	Hg	mg/l	0,0007	-	-
11	NO ₃ -N	mg/l	25,08	30	50
12	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	4,1	5	10
13	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	1,15	6	10
14	Dầu mỡ	mg/l	<0,3	10	20
15	Coliform	MNP/100ml	2600	3000	5000

Kết quả đo và phân tích chất lượng nước thải sản xuất

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	MỨC SỬ DỤNG/NĂM	
				A	B
1	pH	-	7	5,0-9,0	5,0-9,0
2	Lưu lượng	M ³ /ngày đêm	-	-	-
3	Mùi	-	Không mùi	-	-
4	Độ màu	Pt/Co	30	50	150
5	Nhiệt độ	°C	26,5	40	40
6	BOD5	mg/l	13,3	30	50
7	COD	mg/l	22,17	-	-
8	TSS	mg/l	28	50	100
9	As	mg/l	0,0027	-	-
10	Cd	mg/l	<0,0005	-	-
11	Pb	mg/l	0,0036	-	-
12	Tổng Cr	mg/l	0,0012	-	-
13	Co	mg/l	<0,0005	-	-
14	Cu	mg/l	0,0037	2	2
15	Hg	mg/l	0,0008	0,005	0,01
16	Ni	mg/l	0,0035	0,2	0,5
17	Sb	mg/l	0,0019	-	-
18	Zn	mg/l	<0,01	3	3
19	Fe	mg/l	0,584	1	5
20	Cl ⁻	mg/l	63,6	500	1000
21	S ²⁻	mg/l	<0,1	0,2	0,5
22	CN ⁻	mg/l	<0,1	0,07	0,1
23	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	<1,5	5	10
24	Tổng P	mg/l	<0,3	4	6
25	Dầu mỡ	mg/l	<0,3	5	10

Các chỉ tiêu ô nhiễm trong nước thải sản xuất của Công ty luôn nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

PHÁT THẢI, NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

Các phát thải từ hoạt động sản xuất kinh doanh của TNG bao gồm: Phát thải từ sử dụng điện, than, dầu chạy máy phát điện (khi mất điện).

PHÁT THẢI

Lượng nhiên liệu mà TNG sử dụng được thống kê theo bảng dưới đây

TT	TÊN	ĐV TÍNH	MỨC SỬ DỤNG/NĂM				GHI CHÚ
			2019	2018	2017	2016	
			NHIỆT LƯỢNG TỎA RA NĂM 2019 (MJ)				
1.	Ga phục vụ sản xuất	Kg	230.746	195.620	164.660	168.670	12.806.403
2.	Dầu DO phục vụ máy phát điện	Lít	26.984	29.420	38.000	67.181	991.284
3.	Than	Tấn	2.734	2.510	2.223	2.826	54.680.000

(Nguồn chuyển đổi: https://vi.wikipedia.org/wiki/Năng_suất_tỏa_nhiệt)

Vậy với hệ số phát thải CO₂ của mỗi nhiên liệu ta có lượng phát thải CO₂ cho năm 2018 như sau:

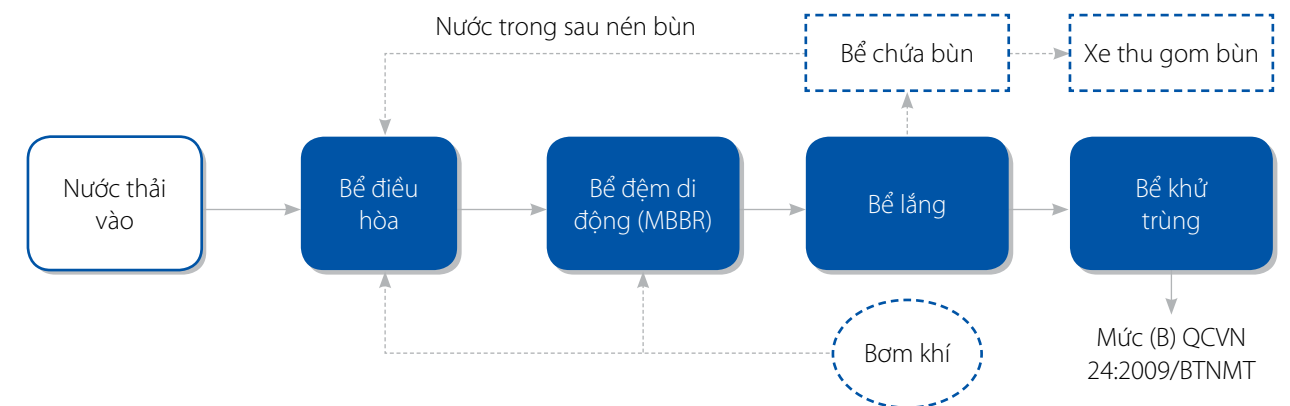
- Khối lượng CO₂ = Năng lượng tiêu thụ của nhiên liệu * Hệ số phát thải
- Theo bảng hệ số phát thải CO₂ theo IPCC (<http://itvc-global.com/tin-tuc-kiem-toan-nang-luong/bang-he-so-phat-thai-co2-n62.htm>)
- Gas: = 12.806.403 * 56.100/1.000.000= 718.439 kg CO₂
- Dầu DO = 991.284 * 74.100/1.000.000 = 73.454 kg CO₂
- Than = 54.680.000 * 98.300/1.000.000 = 5.375.044 kg CO₂
- Với bảng thống kê điện năng tiêu thụ của TNG như sau:

TT	TÊN	ĐV TÍNH	MỨC SỬ DỤNG/NĂM				GHI CHÚ
			2019	2018	2017	2016	
			NHIỆT LƯỢNG TỎA RA NĂM 2019 (MJ)				
1.	Tổng lượng điện tiêu thụ	1000. kWh	11.487	10.000	9.500	7.814	41.354.194
2.	Tổng sản phẩm	Chiếc	37.055.730	30.044.797	26.471.700	18.703.654	
3.	Tỷ lệ/sản phẩm	kW/sp	0,31	0,33	0,36	0,42	

NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

Nước thải của TNG phát sinh từ nhu cầu sinh hoạt tại nhà máy (ăn ca và vệ sinh cá nhân của CBCNV) và nước thải của quá trình giặt sản phẩm, in bán thành phẩm. Ứng với mỗi loại nước thải trên Công ty đều xây dựng hệ thống xử lý tập trung trước khi thải ra môi trường để đảm bảo các chỉ số ô nhiễm khi đổ vào nguồn tiếp nhận luôn đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt



Mỗi hệ thống xử lý của TNG đều bố trí nhân sự vận hành theo đúng chuyển giao công nghệ của nhà thầu để đạt được chất lượng nước đầu ra tuân thủ pháp luật hiện hành.

Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý

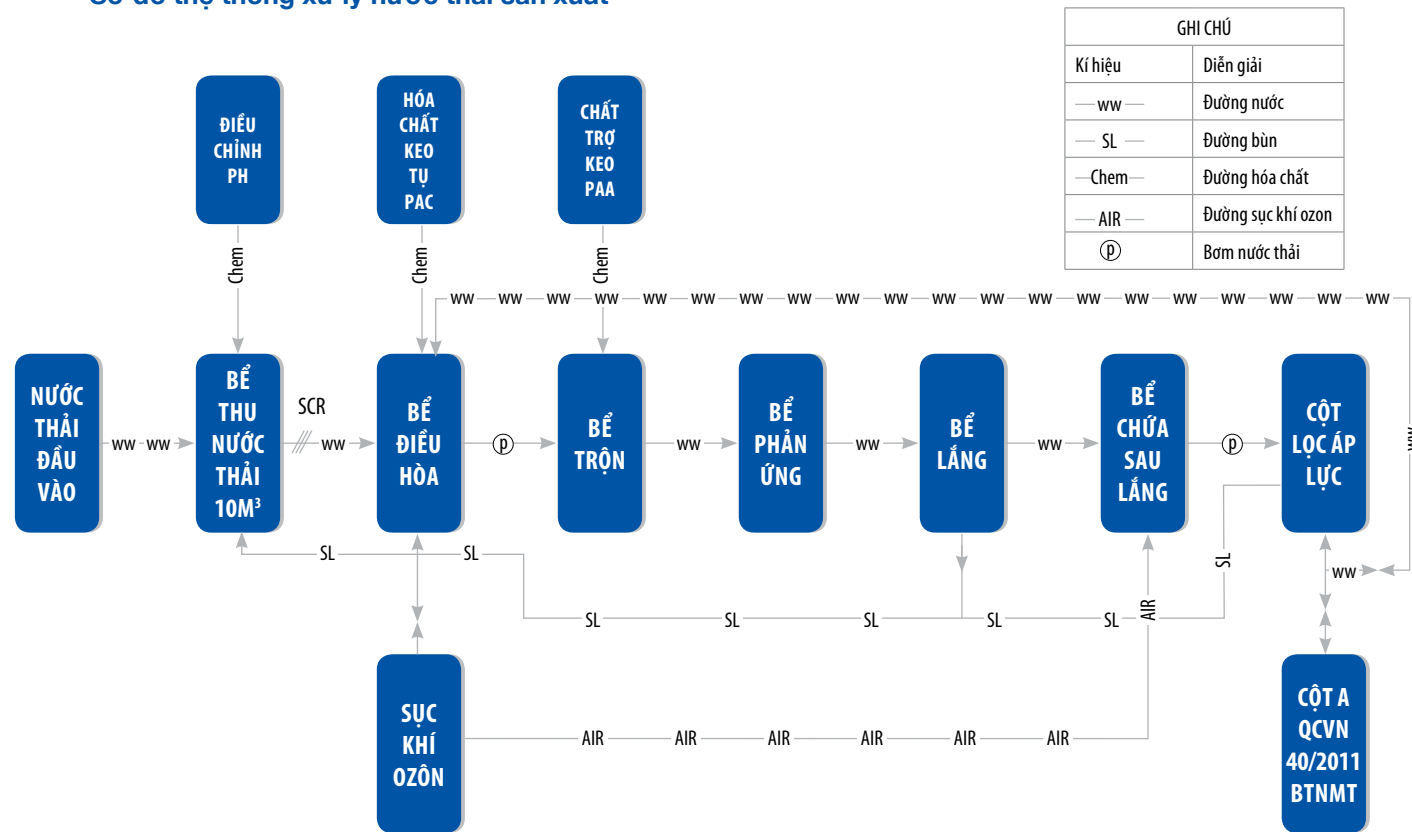
TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	QCVN 14:2008/ BTNMT(B)	KẾT QUẢ QUAN TRẮC NĂM		
				2017	2018	2019
1	pH	-	5,0-9,0	7,1	6,9	6,8
2	DO	mg/l	-	5	4,5	3
3	BOD5	mg/l	50	45	40	26,4
4	COD	mg/l	-	84	81	79
5	TSS	mg/l	100	55	48	36,1
6	TDS	mg/l	1000	468	321	262,5
7	As	mg/l	-	0,002	0,0019	0,0019
8	Cd	mg/l	-	Kph	Kph	Kph
9	Pb	mg/l	-	0,007	0,007	0,0007
10	Hg	mg/l	-	Kph	Kph	Kph
11	* S ²⁻	mg/l	4	<0,1	<0,1	<0,1
12	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	50	0,8	0,72	0,71
13	* NH ₄ ⁺ -N	mg/l	10	8,4	7,1	4,6
14	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	10	4,2	2,9	1,12
15	* Dầu mỡ	mg/l	20	<0,3	<0,3	<0,3
16	* Coliform	MPN/100ml	5000	4800	4000	2500

CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

PHÁT THẢI, NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI (tiếp theo)

NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI (tiếp theo)

Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sản xuất



Qua kết quả dưới cho thấy hệ thống xử lý nước thải và phương pháp vận hành hệ thống đạt yêu cầu, luôn đảm bảo các chỉ tiêu ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép.

Chất thải phát sinh trong TNG bao gồm chất thải sinh hoạt (phát sinh từ nhà ăn ca) được Công ty ký hợp đồng thu gom xử lý với đơn vị đủ chức năng thu gom xử lý theo ngày – Chi nhánh vệ sinh môi trường – Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thái Nguyên.

Chất thải sản xuất (vải vụn, bông vụn, giấy vụn,...) được Công ty ký với đơn vị có chức năng xử lý và có nhu cầu tái sử dụng để làm các thú nhồi bông và vật dụng khác như Công ty môi trường xanh Hồng Ngọc.

Chất thải nguy hại được Sở tài nguyên và môi trường cấp sổ chủ nguồn thải mã số QLCTNH 19.000024.T, cấp lần 4 ngày 01/12/2016 và TNG thu gom lưu trữ tạm thời theo quy định được vận chuyển và xử lý bởi đơn vị chức năng định kỳ - Công ty TNHH Dịch vụ môi trường Anh Đăng.

Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý các năm

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	QCVN 14:2008/ BTNMT(B)	KẾT QUẢ QUAN TRẮC NĂM		
				2017	2018	2019
1	pH	-	5,5-9,0	6,8	6,6	6,4
2	*Lưu lượng	m3/ngày đêm	-	-	-	-
3	DO	mg/l	-	3,2	3,1	3,1
4	* Độ màu	Pt/Co	150	80	40	20,5
5	* Nhiệt độ	oC	40	28	25	24,4
6	BOD5	mg/l	50	45	35	26,1
7	COD	mg/l	150	101	82	65,5
8	TSS	mg/l	100	89	56	41,6
9	As	mg/l	0,1	0,002	0,0019	0,0018
10	Cd	mg/l	0,1	Kph	Kph	Kph
11	Pb	mg/l	0,5	0,0007	0,006	0,0006
12	Tổng Cr	mg/l	-	0,00112	0,00111	0,0111
13	* Co	mg/l	-	0,0016	0,0015	0,0015
14	Cu	mg/l	2	0,013	0,00129	0,0127
15	Hg	mg/l	0,01	Kph	Kph	Kph
16	Ni	mg/l	0,5	0,002	0,0018	0,0016
17	* Sb	mg/l	-	0,003	0,0026	0,0025
18	Zn	mg/l	3	0,2	0,15	0,109
19	Fe	mg/l	5	<0,3	<0,3	<0,3
20	* S2-	mg/l	0,5	<0,1	<0,1	<0,1
21	*CN-	mg/l	0,1	<0,01	<0,01	<0,01
22	*NH4+-N	mg/l	10	3,5	3,1	2,1
23	Tổng P	mg/l	6	1,4	1,2	1,1
24	* Clo dư	mg/l	2	<0,2	<0,15	<0,15
25	* Dầu mỡ	mg/l	10	<0,3	<0,3	<0,3

- Giá trị sau dấu "<" thể hiện giới hạn phát hiện của phép đo
- Dấu (-) là không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2005
- KPH: Không phát hiện



CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

PHÁT THẢI, NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI (tiếp theo)

NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI (tiếp theo)

Bản tổng lượng chất thải công nghiệp của TNG năm 2018 như sau

NỘI DUNG	ĐVT	KHỐI LƯỢNG/NĂM 2018	KHỐI LƯỢNG/NĂM 2019
Nước thải	m ³	658.173	723.990

Năm 2019 tổng tiền phí xử lý nước thải thứ cấp của TNG là: 2.875.381.665 đồng.

Bảng tổng lượng rác thải nguy hại của TNG năm 2019 như sau

STT	TÊN CHẤT THẢI	TRẠNG THÁI TỒN TẠI	SỐ LƯỢNG (KG)	MÃ CHẤT THẢI NGUY HẠI
1	Chất hấp thụ, giẻ lau	Rắn	18.983	18 02 01
2	Bóng đèn thải	Rắn	1.705	16 01 06
3	Hộp mực in	Rắn	2.651	08 02 04
4	Dầu thải	Lỏng	355	17 02 03
5	Bùn thải	Rắn	25.890	06 05 02

- Định kỳ 6 tháng/lần Phòng chức năng của Công ty thực hiện báo cáo quản lý chất thải nguy hại theo thông tư 36/2015/TT-BTNMT
- Bằng việc tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường trên, TNG luôn là đơn vị thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam cũng như yêu cầu từ đối tác trong lĩnh vực môi trường. TNG không bị xử lý vi phạm về môi trường trong các năm gần đây, số lần vi phạm về môi trường: 0 và số tiền xử phạt về môi trường: 0 đồng.

Chất thải này được Công ty TNHH môi trường Anh Đăng vận chuyển và xử lý đúng theo quy định của pháp luật Việt Nam.



QUY TRÌNH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Công ty đã lập quy trình ứng phó sự cố về môi trường và quy trình thông báo với cơ quan chức năng địa phương về sự cố môi trường. Cụ thể:

BƯỚC CV	LƯU ĐỒ	THỰC HIỆN/TRÁCH NHIỆM	GHI CHÚ/BIỂU MẪU
Bước 1	SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	Toàn thể CBCNV	
Bước 2	THÔNG BÁO SỰ CỐ	Người phát hiện	Bảo quản lý Gọi điện phòng BHLĐ
Bước 3	ỨNG PHÓ SỰ CỐ	Giám đốc Đội trưởng đội ứng phó sự cố	
Bước 4	ĐIỀU TRA NGUYÊN NHÂN	Giám đốc Cán bộ môi trường Cán bộ phụ trách MT tại chi nhánh	
Bước 5	LƯU HỒ SƠ	Cán bộ môi trường	Cơ sở Công ty

CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

PHÁT THẢI, NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI (tiếp theo)

Quy trình thông báo sự cố về môi trường với cơ quan địa phương

Bước CV	Lưu đồ	Thực hiện/ trách nhiệm	Ghi chú/ Biểu mẫu
Bước 1	PHÁT HIỆN SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	CBCNV	
Bước 2	XÁC NHẬN SỰ CỐ	Quản lý các cấp	
Bước 3	HUY ĐỘNG BAN ỨNG CỨU SỰ CỐ	Giám đốc chi nhánh Trưởng phòng BHLĐ	
Bước 4	ỨNG PHÓ SỰ CỐ	Đội ứng phó chi nhánh, khu vực	
Bước 5	THÔNG BÁO CƠ QUAN ĐỊA PHƯƠNG	Lãnh đạo CN Trưởng phòng BHLĐ	
Bước 6	ĐIỀU TRA NGUYÊN NHÂN	Lãnh đạo CN Trưởng phòng BHLĐ	
Bước 7	LƯU HỒ SƠ	Phòng BHLĐ	

Thông qua đây cũng nhằm nhận diện các khía cạnh môi trường và đánh giá các khía cạnh môi trường có ý nghĩa để đề ra các biện pháp kiểm soát và quản lý từ đó huấn luyện cho người lao động cách giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và ứng phó khi có sự cố. TNG chưa có sự cố về môi trường nào xảy ra.

Các cửa xả của Công ty chảy ra cống thoát nước thải của thành phố, khu công nghiệp (có hệ thống xử lý thứ cấp) do vậy mà nước thải của TNG ít bị ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

TNG có những biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường cụ thể như sau



Đối với các nhà máy của TNG thì sự cố cháy dễ xảy ra nhất và sẽ gây ra sự cố về môi trường do cháy, tràn dầu và sự cố đối với nổi, hơi, trạm xử lý nước thải

Nguy cơ tràn dầu lớn nhất là khi xảy ra sự cố đối với trạm biến áp. Do vậy, nhà máy sẽ lập phương án phòng ngừa ứng phó đối với sự cố tràn dầu trạm biến áp. Khi xảy ra sự cố, công nhân sẽ nhanh chóng sử dụng các vật dụng như xô, chậu, can,... để thu gom lại dầu tràn. Sử dụng các vật liệu khác để ngăn không cho dầu chảy lan rộng (Gạch, ghè lau,...). Thu hồi tối đa lượng dầu thải bị tràn ra ngoài, kịp thời phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý sự cố. Dầu thải được thu gom và xử lý là chất thải nguy hại.



Đối với sự cố hỏa hoạn, ngập lũ

Các phương tiện, thiết bị chữa cháy cụ thể ở chi nhánh Sông Công như sau:

- Nguồn nước trong nhà máy cho chữa cháy: Sử dụng nguồn nước từ bể chứa nước của nhà máy có dung tích 400 m³, 12 trụ nước chữa cháy.
- Nguồn nước ngoài nhà máy: 06 trụ nước chữa cháy của khu công nghiệp Sông Công (1471/s/trụ).
- 53 họng nước chữa cháy, 250 bình chữa cháy xách tay, thang, câu liềm chữa cháy, nội quy và tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy.

Ở chi nhánh Phú Bình:

- Hệ thống báo cháy tách tường, hệ thống báo cháy tự động (Đầu báo cháy), khoảng 270 bình xịt (MFZ4), máy bơm chữa cháy: 02MB điện (P=11 kw/máy), vòi chữa cháy D51 (57 cuộn, lăng phun 57), nội quy tiêu lệnh PCCC 51 bộ; Bố trí các họng lấy nước chữa cháy và đảm bảo khoảng cách tối đa giữa các họng và các tường nhà, xưởng là 5m.
- Bể chứa nước dùng cho dập tắt đám cháy trong 3 giờ: 15 lít/s x 3h x 3600 s = 162 m³.



Đối với sự cố lũ lụt

- Xây dựng hệ thống thoát nước quy mô lớn tại từng chi nhánh, đảm bảo không gây ngập úng, tràn nước vào xưởng.
- Thực hiện huấn luyện sơ tán người lao động khi có sự cố báo lũ, lụt xảy ra.
- Luôn sẵn sàng các phương tiện phòng chống bão lũ, lụt như: Cột chống, thang, dây buộc, bao tải đất, áp mưa, đèn pin, ủng,... khi sự cố xảy ra.



Đối với sự cố chống sét

- Đầu tư hệ thống thu lôi, thu sét và tiến hành kiểm tra, sửa chữa hệ thống thu lôi, tiếp đất tại các khu vực có khả năng bị sét đánh trước mùa mưa (tháng 6 hàng năm).

CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY ĐÃ THÀNH LẬP PHÒNG CHUYÊN MÔN VÀ BỐ TRÍ CÁN BỘ ĐÚNG CHUYÊN NGÀNH PHỤ TRÁCH CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG, TÀI NGUYÊN NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP. ĐỒNG THỜI HÀNG THÁNG CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH KIỂM TRA LẠI CÁC CÁN BỘ BÁN CHUYÊN TRÁCH Ở MỖI NHÀ MÁY VỀ VIỆC DUY TRÌ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ CÔNG TY VỀ CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN NƯỚC NHẪM NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ Ý THỨC TUÂN THỦ CỦA MỖI CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN TNG.



Với các nhà máy xây dựng trước năm 2013, Công ty đã lập các đề án bảo vệ môi trường đúng với quy định; các nhà máy xây dựng sau năm 2013 trước khi thi công đều được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt đánh giá tác động môi trường theo pháp luật.

Hàng năm Công ty tổ chức thuê đơn vị chức năng (Trung tâm Quan trắc và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường) lấy mẫu phân tích và lập các báo cáo kết quả quan trắc môi trường, mỗi năm 4 lần với kinh phí 349 triệu đồng (năm 2018).

Hưởng ứng ngày môi trường thế giới, Công ty tổ chức treo băng rôn và làm bài hưởng ứng để phát thanh trên hệ thống loa nội bộ nhằm nâng cao nhận thức của người lao động. Ngoài ra vào ngày môi trường thế giới 5/6 Công ty ủng hộ quỹ bảo vệ môi trường tỉnh để tổ chức và chi cho các hoạt động môi trường trong tỉnh 10 triệu đồng.

Để nâng cao nhận thức của CBCNV về công tác bảo vệ môi trường Công ty đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường, giảm thiểu tối đa lượng phát thải, khí thải và chất thải ra môi trường. Phân loại rác thải trước khi chuyển đơn vị chức năng thu gom, xử lý.



PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

- Thông qua các buổi họp giao Ban Lãnh đạo Công ty và nhà máy, phát thanh trên hệ thống loa nội bộ.
- Xây dựng quy trình quản lý và vận hành các công trình bảo vệ môi trường hiệu quả.
- Sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng, điện, nước...
- Giảm các phát thải tại khu vực văn phòng bằng việc xây dựng phần mềm hành chính để luân chuyển văn bản điện tử vừa góp phần giảm chi phí vừa không sử dụng nhiên liệu giấy tránh rác thải phát sinh từ giấy bỏ.
- Trang bị các thùng rác tái chế, rác vô cơ, rác hữu cơ để phân loại rác trước khi đem đi xử lý.
- Phát động phong trào xanh – sạch – đẹp thông qua việc xây dựng góc bảo hộ lao động trong mỗi nhà máy. Thực hành 5S tại nơi làm việc: Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Săn sóc và Sẵn sàng.
- Bằng việc tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường trên mà TNG luôn là đơn vị thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam cũng như yêu cầu từ đối tác trong lĩnh vực môi trường. TNG chưa bị xử lý vi phạm về môi trường các năm gần đây, số lần vi phạm về môi trường: 0 và số tiền xử phạt về môi trường: 0 đồng.

CÁC GIẢI PHÁP HÀNH ĐỘNG ĐỂ TNG NGÀY Càng THÂN THIỆN HƠN VỚI MÔI TRƯỜNG

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình công nghệ và thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT và QCVN 14:2008/BTNMT.
- Tăng cường vệ sinh công nghiệp trong khu vực sản xuất, phương tiện vận chuyển và sân đường nội bộ; chăm sóc khuôn viên nhà máy để luôn có cảnh quan xanh – sạch - đẹp.
- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và giám sát thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của toàn thể CBCNV.
- Thu gom, phân loại, lưu trữ tạm thời (nếu có) để xử lý tốt các chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện đầy đủ các chương trình quan trắc môi trường định kỳ để kiểm soát các yếu tố ô nhiễm trong giới hạn cho phép.
- Tăng cường trồng thêm cây xanh trong khuôn viên nhà máy.
- Xây dựng lộ trình thực hiện nhà máy xanh theo tiêu chuẩn LOTUS.

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN

THẺ ĐIỂM		HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
A QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG					
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả Cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được Cổ đông thông qua tại các đại hội Cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	100%			Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 859/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2019, ĐHĐCĐ phê duyệt chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ chi trả 20% bằng cổ phiếu. Công ty thực hiện các thủ tục chi trả cổ tức ngay sau ngày tổ chức ĐHĐCĐ 2019. Các văn bản công bố thông tin có liên quan tới chi trả cổ tức bằng cổ phiếu được upload tại trang Website: tng.vn đường dẫn Quan hệ Cổ đông/ Công bố thông tin/ Chào bán cổ phiếu. Hoặc tra cứu tại Website: hnx.vn (tìm kiếm mã TNG).
A.2.1	Sửa đổi qui chế công ty?	100%			TNG tiến hành lấy ý kiến cổ đông về việc sửa đổi quy chế Công ty tại ĐHCĐ. Quyền này cũng được quy định tại: - Điều 14.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	100%			TNG tiến hành lấy ý kiến cổ đông về việc phát hành thêm cổ phiếu tại ĐHCĐ thường niên. Quyền này cũng được quy định tại: - Điều 14.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG. - Điều 4 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 859/2019/ NQ- ĐHĐCĐ ngày 21/4/2019.
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	100%			Tại TNG chưa xảy ra trường hợp này. Tuy nhiên, quyền này đã được quy định tại Điều 14.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG.
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản tặng thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành?	100%			Quyền này được quy định tại Điều 14.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG. Điều 1.3 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 859/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2019, ĐHĐCĐ nhất trí mức chi trả thù lao cho HĐQT cho năm 2018 là 4,5% lợi nhuận sau thuế năm 2018 bằng tiền mặt.
A.3.2	Công ty có cho phép Cổ đông không có quyền kiểm soát quyền để cử thành viên/ủy viên HĐQT?	100%			Quy định tại Điều 24.3 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty
A.3.3	Công ty có cho phép Cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên HĐQT?	100%			ĐHĐCĐ năm 2019: TNG cho phép Cổ đông bầu chọn từng thành viên HĐQT Quy định tại Điều 20.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG.
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành?	100%			Quy chế Đại hội Cổ đông các năm được đính kèm trong Tài liệu tổ chức Đại hội Cổ đông các năm, tra cứu tại Website: tng.vn theo đường dẫn Quan hệ cổ đông/ Góc cổ đông/ ĐHCĐ.
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng Cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	70%			Biên bản họp ĐHĐCĐ các năm được đăng trên Website điện tử: tng.vn đường dẫn Quan hệ cổ đông/ Nghị quyết/ Nghị quyết ĐHĐCĐ
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phần đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	100%			ĐHĐCĐ năm 2019: - Biên bản kiểm phiếu biểu quyết số 857/TNG-ĐHĐCĐ2019 ngày 21/4/2019 thể hiện Tổng số phiếu có quyền biểu quyết và tỷ lệ tán thành cho từng nội dung nghị sự. - Biên bản kiểm phiếu biểu quyết được đăng tại website: http://tng.vn mục Quan hệ cổ đông/Nghị quyết/Nghị quyết ĐHĐCĐ.
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	100%			Biên bản ĐHĐCĐ 2019 số 858/TNG-ĐHĐCĐ 2019 ngày 21 tháng 04 năm 2019.
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGD/Giám đốc Điều hành (nếu TGD/Giám đốc Điều hành không phải là thành viên HĐQT) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	90%			Biên bản ĐHĐCĐ 2019 số 858/TNG-ĐHĐCĐ 2019 ngày 21 tháng 04 năm 2019.
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	100%			Quy định tại Điều 19 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG.
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của Cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	100%			Quy định tại mục II: Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội trong Quy chế làm việc của Đại hội Cổ đông, được công bố kèm theo tài liệu họp ĐHĐCĐ, truy cập tại Website điện tử: tng.vn theo đường dẫn Quan hệ cổ đông/ Góc cổ đông/ ĐHCĐ.

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN (tiếp theo)

THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	✓		TNG sẽ thực hiện tại ĐHĐCĐ thường niên 2020.
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	100%		Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 859/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2019 được công bố vào ngày 22/4/2019.
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	100%		Theo quy định tại Thông tư 155: ĐHCĐ thường niên và bất thường được công bố 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHCĐ. ĐHCĐ năm 2018: TNG thực hiện công bố thông tin họp ĐHĐCĐ 2019 vào ngày 28/02/2019 trên trang chủ: http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Góc cổ đông/ĐHĐCĐ trước 51 ngày (Biên bản họp ĐHĐCĐ số 858/TNG-ĐHĐCĐ 2019 ngày 21/4/2019).
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	100%		ĐHĐCĐ năm 2019: - Cung cấp thông tin cụ thể trong từng báo cáo. - Các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ đều có tờ trình phương án chi tiết. Các báo cáo và tờ trình đều nằm trong tài liệu được gửi tới Cổ đông trước khi họp và công bố trên website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Góc cổ đông/ĐHĐCĐ.
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	100%		Quy định tại Điều 17.4 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: Đề xuất phải được làm bằng văn bản và gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHCĐ.
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thu tóm cần được Cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	100%		Không xảy ra tại TNG.
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của Cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	✓		Công ty sẽ thực hiện chương trình khuyến khích sự tham gia của Cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ vào những năm tới.
B	ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG			
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	100%		Điều 11.1 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: Cổ đông có quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu - ĐHĐCĐ năm 2019: Mỗi thẻ biểu quyết có ghi rõ tổng số cổ phần biểu quyết của Cổ đông. - Mục II.3 Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên, nội dung được gửi tới cổ đông, HNX, UBCKNN, trang Web: tng.vn theo đường dẫn Quan hệ cổ đông/ Góc cổ đông/ ĐHĐCĐ.
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)?	100%		TNG chỉ có 1 loại cổ phiếu.
B.2.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	✓		Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019: Tờ trình theo từng vấn đề, và ra Nghị quyết phê duyệt chung. Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020: Mỗi tờ trình sẽ ra 1 Nghị quyết riêng.
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	100%		ĐHCĐ năm 2019: TNG thực hiện công bố thông tin trên trang chủ: http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Góc cổ đông/ĐHĐCĐ bằng 2 thứ tiếng: Tiếng Việt và tiếng Anh vào ngày 5/3/2019 (47 ngày) trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 (21/4/2019).
B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/ bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên HĐQT đang tại vị trong các công ty niêm yết khác)?	100%		Năm 2019: TNG bầu bổ sung 4 thành viên HĐQT. Các thông tin liên quan tới họp bầu/chọn lại thành viên HĐQT thì sơ yếu lý lịch của từng thành viên HĐQT được kèm theo Tờ trình và được công bố trên website http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Góc cổ đông/ĐHĐCĐ.

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN (tiếp theo)

THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH	
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	100%			Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018: Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 859/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2019. Tờ trình phê duyệt đơn vị kiểm toán nằm trong tài liệu dự họp. ĐHĐCĐ được gửi tới quý Cổ đông, đăng tải trên Website: tng.vn theo đường dẫn Quan hệ cổ đông/ Góc cổ đông / ĐHĐCĐ.
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	100%			ĐHĐCĐ 2018: Thư mời tham dự Đại hội và mẫu giấy ủy quyền được Công ty TNG: - Gửi thư chuyển phát nhanh tới địa chỉ từng Cổ đông. - Gửi email theo thông tin cổ đông đã đăng ký. - Gửi SMS theo số điện thoại Cổ đông. - Cung cấp trên website http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Góc cổ đông/ĐHĐCĐ.
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	100%			Thông tin được công bố tại Website điện tử: tng.vn theo đường dẫn Trang chủ/ Giới thiệu/ Quy tắc ứng xử dành cho nhân viên TNG: Ban hành kèm theo Quyết định số 600A/QĐ-TNG ngày 25/04/2017.
B.3.2	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	100%			Thực hiện theo quy định tại Thông tư 155: Trước ngày giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc.
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	100%			Điều 22, Điều 30 Quy chế Quản trị công ty: TV HĐQT phải công khai các lợi ích liên quan.
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?		✓		Báo cáo thường niên 2019: - TNG đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ.
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	100%			Điều 22.4 Quy chế Quản trị công ty: Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó qui định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	100%			Điều 24.4 Quy chế Quản trị công ty
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	100%			TNG Công bố đầy đủ các giao dịch của các bên liên quan trong Báo cáo tình hình quản trị, được công khai trên website http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Công bố thông tin/Giao dịch cổ phiếu.
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các Cổ đông không liên quan lợi ích.	100%			Quy định tại Điều 35.4 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG.
C	VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN				
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	100%			Báo cáo thường niên 2019.
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	100%			Được công bố trên Website điện tử tng.vn theo đường dẫn: Trang chủ/ Tin tức/ Thông tin khác/ Thông báo chào thầu các gói thầu cụ thể.
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững ?	100%			Định hướng chiến lược của Công ty thể hiện trong Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo 17 tiêu chí PTBV của Liên Hiệp Quốc.
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	100%			Định hướng chiến lược của Công ty thể hiện trong Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo phát triển hướng tới 17 tiêu chí PTBV của Liên Hiệp Quốc.

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN (tiếp theo)

THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH	
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	100%			Gửi tới tận tay các bên liên quan và công bố trên website điện tử: tng.vn theo đường dẫn Trang chủ/ Giới thiệu/ Quy tắc ứng xử dành cho nhà cung cấp.
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	100%			Thể hiện rõ ràng bằng các điều khoản trên các hợp đồng vay, tài trợ vốn.
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	100%			Được trình bày tại mục Phát triển bền vững của Báo cáo thường niên 2019, đảm bảo phát triển hướng tới 17 tiêu chí của Liên Hiệp Quốc.
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng,...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	100%			Trên website: http://tng.vn - Mục Quan hệ cổ đông/Góc cổ đông/Ban quan hệ cổ đông - Mục Trang chủ/ Liên hệ. - Ngoài ra Công ty có cung cấp email, số điện thoại liên lạc trực tiếp tới người chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan trên BCTN và BCPTBV.
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	100%			Công bố tại mục An toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Giáo dục và đào tạo, Báo cáo thường niên 2019
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	100%			Mục Tổ chức nhân sự trong BCTN 2019.
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	100%			Quy định rõ trong quy chế phân phối thu nhập số 190 QĐ-HĐQT/2019 ban hành mới nhất ngày 28/01/2019.
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được để cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên?	100%			TNG có Quy định số 2411/QĐ-HĐQT ngày 5/10/2018 về hệ thống cảnh báo sai phạm, trong đó chỉ định phòng ban/người chịu trách nhiệm tiếp nhận Báo cáo cảnh báo sai phạm từ CBCNV. Đối tác kinh doanh và giải quyết tất cả các trường hợp đã được báo cáo. Công bố trên Web tng.vn mục Trang chủ/ Giới thiệu/ Hệ thống cảnh báo sai phạm.
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức?	100%			TNG có Quy định số 2411/QĐ-HĐQT ngày 5/10/2018 về hệ thống cảnh báo sai phạm, trong đó cam kết không sa thải, đe dọa, làm phiền hoặc có bất cứ hành vi phân biệt đối xử nào đối với CBCNV, đối tác kinh doanh đã gửi Báo cáo cảnh báo hành vi sai phạm cho Công ty.
D	CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH				
D.1.1	Thông tin về Cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	100%			Thông tin về cổ đông lớn nắm giữ 5% cổ phần trở lên được trình bày tại mục thông tin cổ phiếu Báo cáo thường niên 2019
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của Cổ đông lớn?	100%			Các cổ đông lớn tại TNG chỉ sở hữu cổ phần trực tiếp, không sở hữu cổ phần gián tiếp
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT?	100%			Tại TNG thành viên HĐQT chỉ sở hữu cổ phần trực tiếp, không sở hữu cổ phần gián tiếp
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của Ban Điều hành?	100%			Tại TNG Ban Điều hành chỉ sở hữu cổ phần trực tiếp, không sở hữu cổ phần gián tiếp
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/ (SPV)?	100%			Báo cáo thường niên 2019: Mục Thông tin chung Thuyết minh báo cáo tài chính các niên độ
D.2.1	BCTN: Mục tiêu của công ty	100%			Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi, Thông điệp của Chủ tịch HĐQT, Định hướng chiến lược của HĐQT
D.2.2	BCTN: Chỉ số hiệu quả tài chính.	100%			Tình hình tài chính Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Các sự kiện nổi bật trong năm
D.2.3	BCTN: Chỉ số hiệu quả phi tài chính.	100%			Sự kiện nổi bật trong năm, danh hiệu giải thưởng đã đạt được trong năm, Báo cáo HĐQT

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN (tiếp theo)

THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
D.2.4 BCTN: Chính sách cổ tức	100%			Báo cáo HĐQT
D.2.5 BCTN: Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT.	100%			Mục Giới thiệu Hội đồng Quản trị
D.2.6 BCTN: Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm.	100%			Mục Báo cáo của HĐQT
D.2.7 BCTN: Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT.	100%			Mục các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKTNB
D.2.8 Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	100%			Mục Báo cáo của HĐQT Mục cam kết tính trung thực hợp lý của thông tin được trình bày trên BCTN 2019
D.3.1 Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	100%			Điều 35 Điều lệ hoạt động và tổ chức của công ty
D.3.2 Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	100%			Trong năm 2019 Công ty không phát sinh
D.4.1 Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của công ty thực hiện?	100%			Công bố tại website: http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Công bố thông tin/Giao dịch cổ phiếu Báo cáo tình hình quản trị công ty lập 6 tháng 1 lần theo TT155 BCTN tại mục Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKTNB
D.5.1 Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?			✓	BCTN 2019: Báo cáo HĐQT
D.5.2 Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	100%			Tại TNG phí dịch vụ phi kiểm toán thấp hơn rất nhiều so với dịch vụ kiểm toán đối với cùng một Công ty Kiểm toán độc lập
D.6.1 Phương tiện truyền thông: Báo cáo quý.	100%			Công bố tại website http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông Bài phân tích của các công ty chứng khoán: FPTI, BSC, MBS,... Các bài viết về Công ty trên phương tiện truyền thông tài chính: Báo Đầu tư, Cafef, Đầu tư tài chính.
D.6.2 Phương tiện truyền thông: Trang thông tin điện tử của công ty.	100%			http://tng.vn http://tngfashion.vn
D.6.3 Phương tiện truyền thông: Đánh giá của chuyên gia phân tích.	100%			Báo cáo phân tích của các Công ty chứng khoán: FPTI, MBS, BSC,...
D.6.4 Phương tiện truyền thông: Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo.	100%			Thông cáo báo chí khi có sự kiện liên quan đến Ngành may mặc và Công ty Hợp báo công bố các sự kiện lớn
D.7.1 Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	100%			Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán được công bố tại Website điện tử của công ty chậm nhất ngày 30/03/2020, trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính. Tuân thủ theo hướng dẫn CBTT tại TT155
D.7.2 Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	100%			Báo cáo thường niên 2018 được công bố tại Website điện tử của công ty chậm nhất ngày 08/04/2019 trong vòng 97 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Tuân thủ theo hướng dẫn CBTT tại TT155
D.7.3 Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?	100%			BCTC năm 2019: Được khẳng định bởi Chủ tịch HĐQT
D.8.1 Báo cáo Tài chính (quý gần nhất).	100%			Website http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Báo cáo/Báo cáo tài chính Công bố trên Hệ thống CIMS, IDS, trang Web của HNX

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN (tiếp theo)

THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	100%		Website: tng.vn Mục Trang chủ/ Tin hoạt động sản xuất kinh doanh
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về.	100%		Website http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Báo cáo/Báo cáo thường niên
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường.	100%		Website http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Góc cổ đông/Đại hội đồng cổ đông/Tài liệu dự họp ĐHCĐ
D.8.5	Biên bản họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường.	100%		Website http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Nghị quyết/Nghị quyết ĐHCĐ
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về.	100%		Website http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Thông tin doanh nghiệp/Điều lệ công ty
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (vd: số điện thoại, fax, và email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	100%		Website http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Góc cổ đông/Ban quan hệ cổ đông
E	TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
E.1.1	Công ty có công bố quy chế quản trị công ty / điều lệ hoạt động của HĐQT?	100%		Website http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Báo cáo/Báo cáo quản trị Công ty/Quy chế quản trị Công ty
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	100%		Website http://tng.vn Mục Quan hệ cổ đông/Nghị quyết/Nghị quyết HĐQT
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	100%		Quy định tại Điều 25 và 26 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	100%		Báo cáo thường niên Mục Tầm Nhìn – Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	100%		Báo cáo thường niên mục Báo cáo Hội đồng Quản trị Báo cáo tình hình quản trị công ty được lập 6 tháng 1 lần theo quy định tại TT155
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	100%		Quy định tại Điều 25 và 26 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	100%		Công bố tại Web điện tử tng.vn theo đường link Trang chủ/ Giới thiệu/ Quy tắc ứng xử nhân viên TNG
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	100%		Công bố tại Web điện tử tng.vn theo đường link Trang chủ/ Giới thiệu/ Quy tắc ứng xử nhân viên TNG
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?		✓	Sẽ thực hiện từ năm 2019
E.2.4	Thành viên HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên HĐQT?	70%		Thành viên HĐQT độc lập: 3/9 người, chiếm 33%
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm 1 đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập? 1 nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011.	100%		Quy định tại Điều 24 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: thành viên HĐQT có nhiệm kỳ tối đa 05 năm
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	100%		Điều 10 Quy chế quản trị Công ty
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	100%		Không xảy ra tại TNG
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	70%		1/3 thành viên là thành viên HĐQT độc lập không điều hành
E.2.10	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập?	100%		Chủ tịch của Tiểu ban là thành viên HĐQT độc lập

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN (tiếp theo)

THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
E.2.11 Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?	70%			Báo cáo thường niên 2019: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT
E.2.12 Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	100%			Báo cáo thường niên 2019: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT
E.2.13 Công ty có Tiểu ban Thù lao không?	100%			Báo cáo thường niên 2019: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT
E.2.14 Tiểu ban Thù lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	70%			1/3 thành viên là thành viên HĐQT độc lập không điều hành
E.2.15 Chủ tịch của Tiểu ban Thù lao có phải là thành viên HĐQT độc lập?	100%			Chủ tịch của Tiểu ban thù lao là thành viên HĐQT độc lập
E.2.16 Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Thù lao?	70%			Báo cáo thường niên 2019: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT
E.2.17 Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thù lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thù lao có họp tối thiểu hai lần trong năm?	100%			Báo cáo thường niên 2019: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT
E.2.18 Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	100%			Báo cáo thường niên 2019: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT
E.2.19 Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	70%			Tiểu ban kiểm toán nội bộ bao gồm 2/3 thành viên không điều hành
E.2.20 Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?		✓		Sẽ thực hiện từ năm 2020.
E.2.21 Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	70%			Báo cáo thường niên 2019: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.2.22 Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	70%			TNG có 3 thành viên HĐQT độc lập trên tổng số 9 thành viên HĐQT, trong đó có 2 thành viên HĐQT độc lập có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong ngành kế toán tài chính trên 20 năm
E.2.23 Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm?	100%			Báo cáo thường niên 2019: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.2.24 Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	100%			Báo cáo thường niên 2019: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.3.1 Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	100%			HĐQT có lịch họp hàng quý cho 1 năm tới trước khi năm tài chính bắt đầu.
E.3.2 Thành viên HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	100%			Trong năm 2019 HĐQT họp 18 lần. Số liệu được thể hiện trên Báo cáo tình hình Quản trị công ty được lập 6 tháng một lần theo quy định thông tư 155.
E.3.3 Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	100%			Trong năm 2019 HĐQT họp 18 lần, 88% các thành viên HĐQT tham gia tất cả các cuộc họp. Thông tin được thể hiện trên Báo cáo tình hình Quản trị công ty được lập 6 tháng một lần theo quy định thông tư 155.
E.3.4 Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	100%			Quy định tại Điều 28.8 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
E.3.5 Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?				Sẽ thực hiện từ năm 2020.
E.3.6 Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?	100%			Quy định tại Điều 28.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: Chương trình nghị sự được cung cấp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến.

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN (tiếp theo)

THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH	
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	100%			Điều 16 Quy chế Quản trị công ty.
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	100%			Điều 32 Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty.
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới?	100%			Tiêu chí được công bố kèm theo Tài liệu dự họp gửi trực tiếp cho cổ đông, được đăng tải trên trang điện tử tng.vn theo đường dẫn Quan hệ cổ đông/ Góc cổ đông/ Đại hội đồng cổ đông/ Tài liệu dự họp ĐHCĐ năm,...
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	100%			Quy định tại Điều 24.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: Thành viên HĐQT được cổ đông và các nhóm cổ đông đề cử hoặc tự ứng cử thông qua bỏ phiếu biểu quyết.
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm 2 một lần? 2 nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011.	100%			Quy định tại Điều 24.1 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: Thành viên HĐQT có nhiệm kỳ tối đa 5 năm.
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGD?	100%			Báo cáo thường niên 2019: Báo cáo HĐQT Nghị quyết ĐHCĐ số 859/2019/NQ-ĐHCĐ 2019 Điều 2 dự kiến chi trả thù lao HĐQT năm 2019 bằng 5,5% LNST chưa phân phối.
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	100%			Báo cáo thường niên 2019 Mục Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKTNB.
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	100%			ĐHCĐ 2019 thông qua phương án chi trả thù lao cho HĐQT (Điều 1 Nghị quyết số 859/2019/NQ-ĐHCĐ ngày 21/4/2019).
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc Ban Điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deferred bonus)?		✓		BCTN 2019: Mục Báo cáo HĐQT.
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?	100%			Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Tiểu ban KTNB.
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	100%			Trưởng ban KTNB là nhân viên toàn thời gian tại Công ty.
E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	100%			Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ được Tiểu Ban KTNB thông qua.
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	100%			Báo cáo thường niên năm 2019 : Mục Quản trị rủi ro.
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	100%			Báo cáo thường niên 2019: Mục Báo cáo HĐQT.
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	100%			Báo cáo thường niên 2019 Mục Quản trị rủi ro.

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN (tiếp theo)


THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH	
E.3.2.2	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	100%			Báo cáo thường niên 2019: Mục Báo cáo của Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGD?		✓		Quy định tại Điều 24.1 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG Từ 2017- đến trước ngày 1/8/2020: Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám đốc nhưng phải được biểu quyết hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên với sự chấp thuận của cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp. Từ ngày 1/8/2020: Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?		✓		Chủ tịch HĐQT không phải là thành viên HĐQT độc lập
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của chủ tịch có được công bố công khai?	100%			Quy định tại Điều 26 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG về trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	100%			TNG đang có 3 thành viên HĐQT độc lập
E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	100%			5 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành trong đó có 3 thành viên HĐQT độc lập - 1 thành viên HĐQT độc lập có kinh nghiệm về ngành may mặc, 2 thành viên HĐQT độc lập có kinh nghiệm về luật, đầu tư và thị trường cổ phiếu
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?		✓		Hiện được trao đổi trong các cuộc họp HĐQT.
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	100%			Báo cáo thường niên, Báo cáo Quản trị công ty, hoạt động Quản trị công ty: Nhân sự và đào tạo.
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	100%			Báo cáo thường niên, Báo cáo Quản trị công ty, hoạt động Quản trị công ty: Nhân sự và đào tạo.
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	100%			Báo cáo thường niên, Báo cáo đánh giá của HĐQT đối với TGD.
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	100%			Báo cáo thường niên: Báo cáo của HĐQT.
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	100%			Báo cáo thường niên: Báo cáo của HĐQT.
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	100%			Báo cáo thường niên: Báo cáo đánh giá của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
THẺ ĐIỂM THƯỜNG					
(B)A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại đại hội cổ đông?		✓		TNG dự kiến áp dụng hình thức biểu quyết này tại ĐHĐCĐ năm 2020
(B)B.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?	100%			Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội HNX đăng tin về Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 ngày 04/03/2019 trước 48 ngày so với ngày tổ chức ĐHĐCĐ 2019 là ngày 21/04/2019.
(B)C.1.1	Công ty có thực hiện khuôn khổ báo cáo được quốc tế công nhận về phát triển bền vững (nghĩa là GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB) không?	100%			Mục Phát triển bền vững nằm trong báo cáo thường niên 2019 được xây dựng theo các tiêu chí hướng dẫn tại GRI

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN (tiếp theo)

THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
(B)D.1.1	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính?	100%	✓	Sẽ thực hiện từ Báo cáo tài chính niên độ 2020.
(B)D.1.2	Công ty có công bố chi tiết về thù lao của TGD?	100%		Báo cáo thường niên mục Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKTNB.
(B)E.1.1	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập là nữ?	100%		3 thành viên HĐQT độc lập trong đó 2 thành viên HĐQT độc lập là nam và 1 thành viên HĐQT độc lập là nữ
(B)E.1.2	Công ty có công bố chính sách và các mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được?		✓	Sẽ thực hiện trong năm 2020.
(B)E.2.1	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT độc lập?		✓	Tiểu ban nhân sự có 1 thành viên HĐQT độc lập.
(B)E.2.2	Tiểu ban Nhân sự có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của công ty?	100%		Báo cáo thường niên 2019, Báo cáo các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
(B)E.3.1	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài (như cơ sở dữ liệu thành viên HĐQT do các viện thành viên HĐQT hay hiệp hội cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng cử viên cho thành viên HĐQT?	100%		TNG thực hiện tìm kiếm nguồn thành viên HĐQT từ Viện Thành Viên Hội Đồng Quản Trị Việt Nam (VIOD), Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững VBSCSD, Hiệp hội dệt may Việt Nam.
(B)E.4.1	Công ty có số thành viên HĐQT độc lập không điều hành chiếm trên 50% số thành viên HĐQT với chủ tịch là thành viên độc lập?	70%		5/9 (56%) thành viên HĐQT là thành viên HĐQT không điều hành 3 thành viên HĐQT là thành viên độc lập.
(B)E.5.1	HĐQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm họa, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và báo cáo cho hội đồng quản trị?	100%		Báo cáo thường niên Mục Quản trị rủi ro.
(B)E.6.1	Công ty có Tiểu ban quản lý Rủi ro riêng biệt?	100%		Ban Kiểm toán nội bộ phụ trách quản trị rủi ro.
THẺ ĐIỂM PHẠT				
(P)A.1.1	Công ty không hoặc sơ suất không đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các cổ đông?	100%		TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác?	100%		TNG không xảy ra trường hợp này
(P)A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường?	100%		TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)A.3.2	Chủ tịch HĐQT, chủ tịch tiểu ban kiểm toán và tổng giám đốc/giám đốc có tham dự ĐHĐCĐ mới nhất?	100%		Biên bản họp ĐHĐCĐ ghi nhận sự tham gia đầy đủ của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc. (Biên bản số 858/TNG-ĐHĐCĐ 2019 ngày 21/4/2019).
(P)A.4.1	Thỏa thuận cổ đông?	100%		TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)A.4.2	Giới hạn biểu quyết?	100%		ĐHĐCĐ 2019: Thẻ biểu quyết của Cổ đông ghi rõ số phiếu biểu quyết của cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền), được ghi rõ trong Quy chế làm việc Đại hội kèm theo Tài liệu dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ được gửi cho cổ đông và đăng trên Web điện tử tng.vn theo đường dẫn Quan hệ cổ đông/ Góc cổ đông/ ĐHĐCĐ/ Tài liệu dự họp ĐHĐCĐ.
(P)A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	100%		TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu sở hữu chéo có tồn tại không?	100%		TNG không xảy ra trường hợp này.

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN (tiếp theo)

THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
(P)B.1.1 Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, Ban Điều hành và nhân viên công ty trong ba năm qua?	100%			Mọi giao dịch nội gián hoàn toàn bị cấm tại Công ty.
(P)B.2.1 Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu trong ba năm trước không?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)B.2.2 Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp lý trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải là công ty con?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)C.1.1 Có vi phạm luật pháp nào về các vấn đề lao động/việc làm/người tiêu dùng/phá sản/thương mại/cạnh tranh hay môi trường?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)C.2.1 Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)D.1.1 Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	100%			Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.
(P)D.1.2 Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	100%			Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.
(P)D.1.3 Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	100%			Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.
(P)D.1.4 Công ty có sửa đổi Báo cáo Tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	100%			Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.
(P)E.1.1 Có bằng chứng gì là công ty đã không tuân thủ quy tắc và quy định nào về niêm yết trong năm qua ngoài các quy định về công bố thông tin?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)E.1.2 Có trường hợp nào mà thành viên HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)E.2.1 Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hay hai nhiệm kỳ 5 năm 1 (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách? 1 Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)E.2.2 Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên HĐQT độc lập?	100%			3 thành viên HĐQT độc lập được xác định rõ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
(P)E.2.3 Công ty có bất kỳ thành viên HĐQT độc lập nào giữ vai trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 HĐQT của các công ty đại chúng?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)E.3.1 (Trong hai năm trước) Có thành viên HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)E.4.1 Chủ tịch HĐQT có phải là TGD của công ty trong 3 năm qua không?	100%			Từ 2017- đến trước ngày 1/8/2020: Chủ tịch HĐQT có thể kiêm TGD nhưng phải được biểu quyết hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên với sự chấp thuận của Cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp. Từ ngày 1/8/2020: Chủ tịch HĐQT không được kiêm TGD Công ty.
(P)E.4.2 Các thành viên độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không?	100%			Các thành viên độc lập không điều hành không được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng. Căn cứ danh sách tên trong công bố thông tin các lần phát hành Cổ phiếu lựa chọn cho người lao động trong công ty không có tên các thành viên độc lập không điều hành



NĂM 2019, TNG ĐẠT 231 TỶ LỢI NHUẬN SAU THUẾ, TĂNG KHOẢNG 28% SO VỚI NĂM 2018, VƯỢT 11% KẾ HOẠCH. TIẾP THÊM ĐÀ PHÁT TRIỂN, NĂM 2020 TNG SẼ TẬP TRUNG TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG VÀ GIẢM CHI PHÍ VỐN ĐỒNG THỜI ÁP DỤNG CÁC GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI THÚC ĐẨY NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP TRÊN MỌI PHƯƠNG DIỆN, ĐẶC BIỆT LÀ TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ XUẤT KHẨU.

”

CHƯƠNG IV BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 33

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên	
Ông Lê Quang Vinh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Hà	Thành viên	
Bà Lương Thị Thúy Hà	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2019)
Ông Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2019)
Bà Đinh Lệ Hằng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2019)
Ông Kim Hwan Kyoon	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2019)
Bà Hà Thị Tuyết	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2019)
Ông Rusdy Pranata	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2019)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thời	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lương Thị Thúy Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đoàn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- ▣ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ▣ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▣ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- ▣ Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- ▣ Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lương Thị Thúy Hà

Phó Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 3 năm 2020

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Văn Thời

Chủ tịch

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 3 năm 2020

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính của Công ty mẹ đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, được trình bày cho mục đích tham khảo và không so sánh được với số liệu năm nay.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2018-001-10031-2013-001-1

Nguyễn Tiến Quốc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3008-2019-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 23 tháng 3 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.594.121.719.742	1.374.586.811.751
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	292.672.045.402	12.701.137.291
1.	Tiền	111		172.672.045.402	12.701.137.291
2.	Các khoản tương đương tiền	112		120.000.000.000	-
II.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		364.142.583.991	478.042.278.651
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	302.824.175.457	455.673.608.806
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.473.372.031	5.888.734.884
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	6	53.845.036.503	21.625.870.932
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(5.145.935.971)
III.	Hàng tồn kho	140	7	860.401.903.483	822.431.006.423
1.	Hàng tồn kho	141		865.064.776.706	828.074.058.827
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.662.873.223)	(5.643.052.404)
IV.	Tài sản ngắn hạn khác	150		76.905.186.866	61.412.389.386
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	28.684.025.285	22.546.133.628
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		48.221.161.581	38.866.255.758
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.433.288.606.205	1.220.848.391.443
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		15.605.193.707	18.829.818.987
1.	Phải thu dài hạn khác	216	6	15.605.193.707	18.829.818.987
II.	Tài sản cố định	220		1.115.764.762.310	979.180.489.301
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.091.872.805.621	957.762.517.201
	- Nguyên giá	222		1.788.883.340.065	1.537.420.060.468
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(697.010.534.444)	(579.657.543.267)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	10	23.891.956.689	21.417.972.100
	- Nguyên giá	228		40.529.444.412	35.365.206.274
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.637.487.723)	(13.947.234.174)
III.	Bất động sản đầu tư	230	11	34.573.863.793	-
	- Nguyên giá	231		34.575.722.703	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.858.910)	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		169.197.150.221	131.895.136.874
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	169.197.150.221	131.895.136.874
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	-	-
1.	Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		98.147.636.174	90.942.946.281
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	8	98.147.636.174	90.942.946.281
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.027.410.325.947	2.595.435.203.194

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.960.689.468.846	1.801.370.803.699
I. Nợ ngắn hạn	310		1.414.614.342.278	1.372.729.685.399
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	228.968.414.715	219.466.182.042
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.541.917.761	1.975.497.747
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	22.573.780.044	16.450.848.035
4. Phải trả người lao động	314		59.043.353.646	49.937.186.172
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	34.572.497.229	25.218.209.079
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	13.820.990.085	19.393.601.950
7. Vay ngắn hạn	320	18	1.050.792.460.988	1.030.865.689.212
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.300.927.810	9.422.471.162
II. Nợ dài hạn	330		546.075.126.568	428.641.118.300
1. Vay dài hạn	338	19	381.075.126.568	228.641.118.300
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	20	165.000.000.000	200.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.066.720.857.101	794.064.399.495
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.066.720.857.101	794.064.399.495
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		652.114.760.000	493.401.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.085.695.123	30.520.475.123
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		55.419.591	55.419.591
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		107.333.985.855	56.825.661.884
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		42.001.078.262	32.988.054.755
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		230.129.918.270	180.272.988.142
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		18.806.001	12.518.001
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		230.111.112.269	180.260.470.141
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.027.410.325.947	2.595.435.203.194

[Handwritten signature]

Tạ Thị Thu Hương
Người lập biểu

[Handwritten signature]

Trần Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Lương Thị Thúy Hà
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	4.617.541.777.109	3.612.896.996.945
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	5.318.041.517	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	4.612.223.735.592	3.612.896.996.945
4. Giá vốn hàng bán	11	25	3.825.317.518.490	2.971.920.362.309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		786.906.217.102	640.976.634.636
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	21.074.741.162	27.707.563.015
7. Chi phí tài chính	22	28	136.400.434.805	136.193.181.773
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		101.227.715.040	91.500.188.015
8. Chi phí bán hàng	25	29	130.112.095.994	101.799.838.830
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	249.327.669.254	211.464.161.901
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		292.140.758.211	219.227.015.147
11. Thu nhập khác	31		3.648.015.656	580.054.552
12. Chi phí khác	32		7.180.662.833	5.500.050.380
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(3.532.647.177)	(4.919.995.828)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		288.608.111.034	214.307.019.319
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	58.496.998.765	34.046.549.178
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		230.111.112.269	180.260.470.141
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	3.717	2.733
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	3.201	2.704

[Handwritten signature]

Tạ Thị Thu Hương
Người lập biểu

[Handwritten signature]

Trần Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Lương Thị Thúy Hà
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 03-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	288.608.111.034	214.307.019.319
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	129.423.455.724	112.871.622.161
Các khoản dự phòng	03	(980.179.181)	243.318.926
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.961.046.972)	1.137.446.167
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(321.719.095)	1.993.936.854
Chi phí lãi vay	06	101.227.715.040	91.500.188.015
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	514.996.336.550	422.053.531.442
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	109.972.474.572	(58.786.469.695)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(36.990.717.879)	(211.564.155.241)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.288.651.382)	102.461.812.271
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(13.342.581.550)	(16.581.804.332)
Tiền lãi vay đã trả	14	(98.257.914.352)	(91.231.789.551)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(52.357.132.177)	(27.905.398.083)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.354.177.371)	(2.939.570.117)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	410.377.636.411	115.506.156.694
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(337.083.106.274)	(209.823.022.385)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	197.056.727	1.748.807.274
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	28.310.410
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(336.886.049.547)	(208.045.904.701)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	24.670.090.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.219.505.472.027	3.471.389.628.846
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.037.775.419.119)	(3.376.989.402.880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	206.400.142.908	94.400.225.966
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	279.891.729.772	1.860.477.959
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.701.137.291	10.283.349.259
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	79.178.339	557.310.073
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	292.672.045.402	12.701.137.291

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 448/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên) ngày 12 tháng 11 năm 1979. Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2003, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với Giấy phép kinh doanh số 1703000036 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 02 tháng 01 năm 2003. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 sửa đổi ngày 09 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty, vốn điều lệ của Công ty là 652.114.760.000 VND. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là TNG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 15.670 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 14.056).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán hàng may mặc, bao gồm:

- Sản xuất giấy nhẵn, bì nhẵn, bao bì từ giấy và bì (sản xuất bao bì giấy);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (sản xuất nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon và nguyên phụ liệu hàng may mặc);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn (in trực tiếp lên vải dệt, nhựa, bao bì carton, túi PE);
- Hoàn thiện sản phẩm dệt (in trên lụa, bao gồm in nhiệt trên trang phục);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) - Ngành chính;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Giáo dục nghề nghiệp (đào tạo nghề may công nghiệp);
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú. Chi tiết: Giặt, là công nghiệp các sản phẩm may mặc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

[Chữ ký]

Tạ Thị Thu Hương
Người lập biểu

[Chữ ký]

Trần Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Lương Thị Thúy Hà
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Quy mô của Công ty bao gồm 1 trụ sở chính và 15 chi nhánh phụ thuộc, trong đó, trụ sở chính của Công ty được đặt tại địa chỉ: Số 434/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 02 công ty con và 02 công ty liên kết. Thông tin khái quát về các công ty con và công ty liên kết của Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH TNG Fashion	Thái Nguyên	100	100	Kinh doanh thời trang
Công ty TNHH MTV TNG Eco Green	Thái Nguyên	100	100	Kinh doanh Bất động sản
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái	Thái Nguyên	49	49	Xây lắp điện
Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG	Thái Nguyên	49	49	Kinh doanh sân Golf

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty mẹ đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 do năm 2019 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu so sánh được trình bày cho mục đích tham khảo và không so sánh được với số liệu năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 9
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản khác	5 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ phù hợp với thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các phần mềm quản lý hàng tồn kho, tiền lương, điều hành sản xuất và kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần diện tích thương mại tòa nhà TNG Village tại đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí để có được quyền sử dụng đất, tài sản trên đất, lợi thế thương mại và các khoản chi phí trả trước khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản trả trước (tiếp theo)**

Chi phí trả trước để có được quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Khoản lợi thế thương mại này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm hoàn thành hợp nhất kinh doanh.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định, các chi phí quảng cáo và chi phí bảo hiểm phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trái phiếu thường

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào chi phí tài chính phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng hóa bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với các bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư, khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng thì Công ty được ghi nhận doanh thu khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng khi đáp ứng tất cả năm (5) điều kiện tương tự như trên.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kết toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.198.591.671	601.453.628
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	171.473.453.731	12.099.683.663
Tương đương tiền (ii)	120.000.000.000	-
	292.672.045.402	12.701.137.291

(i) Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bao gồm số dư tiền gửi ngân hàng dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 18.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên với lãi suất là 5,5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Desipro Pte. Ltd. (Promiles SNC)	78.881.366.939	124.414.265.176
Công ty The Children’s Place Services Company, LLC	75.688.998.218	57.227.423.199
Công ty Asmara International Limited	38.564.568.231	41.333.010.080
Công ty Canda International GmbH & Co OHG	32.784.566.107	22.621.901.274
Công ty The Haddad Apparel Group., Ltd	4.672.556.362	75.051.893.949
Các khoản phải thu khách hàng khác	72.232.119.600	135.025.115.128
	302.824.175.457	455.673.608.806

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	22.539.141.873	339.492.799
- Ứng trước tiền để bù giải phóng mặt bằng	16.816.083.422	10.000.000.000
- Phải thu cơ quan bảo hiểm (i)	5.403.502.523	5.017.522.128
- Ký cược, ký quỹ	3.620.699.730	280.000.000
- Phải thu khác	5.465.608.955	5.988.856.005
	53.845.036.503	21.625.870.932
b. Dài hạn		
- Tiền thuê đất được bù trừ	10.680.826.157	10.680.826.157
- Ký cược, ký quỹ	4.924.367.550	8.148.992.830
	15.605.193.707	18.829.818.987

(i) Phản ánh khoản Công ty ứng trước để nộp hộ cho người lao động tiền bảo hiểm xã hội người lao động phải nộp cho cơ quan bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	25.080.516.673	-	18.821.271.270	-
Nguyên liệu, vật liệu	246.815.721.827	-	259.193.190.322	-
Công cụ, dụng cụ	2.233.008.517	-	4.236.966.104	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	181.702.774.059	-	116.198.514.769	-
Thành phẩm	409.232.755.630	(4.662.873.223)	428.913.539.777	(5.643.052.404)
Hàng gửi bán	-	-	710.576.585	-
	865.064.776.706	(4.662.873.223)	828.074.058.827	(5.643.052.404)

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 0 VND (năm 2018: 243.318.926 VND).

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 980.179.181 VND (năm 2018: 0 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã dùng hàng hóa luân chuyển với giá trị tối thiểu là 390 tỷ VND để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 390 tỷ VND).

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.760.035.302	10.759.089.201
- Chi phí mua bảo hiểm tài sản	3.044.239.270	1.321.992.660
- Các khoản khác	10.879.750.713	10.465.051.767
	28.684.025.285	22.546.133.628
b. Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	35.681.422.831	36.524.716.702
- Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (i)	19.275.491.471	19.699.128.647
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	6.070.844.859	6.785.509.818
- Lợi thế thương mại	32.282.914	3.420.102.120
- Các khoản khác	37.087.594.099	24.513.488.994
	98.147.636.174	90.942.946.281

(i) Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất liên quan đến các lô đất Công ty đã được cấp quyền sử dụng đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	687.089.560.356	834.478.186.818	4.505.966.051	9.496.172.515	1.850.174.728	1.537.420.060.468
Tăng trong năm	20.452.272.586	58.918.844.103	-	-	79.973.905	79.451.090.594
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	72.479.564.299	109.054.402.214	-	-	-	181.533.966.513
Phân loại lại	432.261.668	(432.261.668)	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.072.879.468)	-	-	-	(10.072.879.468)
Tăng khác	-	551.101.958	-	-	-	551.101.958
Số dư cuối năm	780.453.658.909	992.497.393.957	4.505.966.051	9.496.172.515	1.930.148.633	1.788.883.340.065
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	174.739.834.187	395.978.149.279	3.693.303.231	4.271.488.037	974.768.533	579.657.543.267
Khấu hao trong năm	33.698.629.153	91.808.109.154	682.842.955	330.854.705	246.053.270	126.766.489.237
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.964.600.018)	-	-	-	(9.964.600.018)
Tăng khác	-	551.101.958	-	-	-	551.101.958
Số dư cuối năm	208.438.463.340	478.372.760.373	4.376.146.186	4.602.342.742	1.220.821.803	697.010.534.444
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	512.349.726.169	438.500.037.539	812.662.820	5.224.684.478	875.406.195	957.762.517.201
Tại ngày cuối năm	572.015.195.569	514.124.633.584	129.819.865	4.893.829.773	709.326.830	1.091.872.805.621

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19, Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng và vật kiến trúc để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 188.759.438.470 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 190.269.310.322 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	14.640.818.790	20.724.387.484	35.365.206.274
Tăng trong năm	2.143.431.587	3.020.806.551	5.164.238.138
Số dư cuối năm	16.784.250.377	23.745.194.035	40.529.444.412
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.247.276.901	12.699.957.273	13.947.234.174
Khấu hao trong năm	449.440.978	2.240.812.571	2.690.253.549
Số dư cuối năm	1.696.717.879	14.940.769.844	16.637.487.723
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	13.393.541.889	8.024.430.211	21.417.972.100
Tại ngày cuối năm	15.087.532.498	8.804.424.191	23.891.956.689

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 19.

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	34.575.722.703	34.575.722.703
Số dư cuối năm	34.575.722.703	34.575.722.703
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	-	-
Trích khấu hao trong năm	1.858.910	1.858.910
Số dư cuối năm	1.858.910	1.858.910
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	34.573.863.793	34.573.863.793

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Mua sắm	95.366.000	6.959.700.107
- Xây dựng cơ bản	169.101.784.221	124.935.436.767
Trong đó:		
- Nhà máy TNG Phú Lương	45.230.724.854	43.185.505.800
- Nhà phụ trợ Sông Công	32.115.670.232	384.218.554
- Dự án Phú Bình	20.141.747.060	19.817.371.129
- Nhà máy TNG Đồng Hỷ	13.771.680.057	6.529.418.491
- Dự án Đường vào tòa nhà TNG Village Minh Cầu	12.079.034.489	2.738.358.164
- Dự án TNG Village Phan Đình Phùng	12.076.370.000	-
- Dự án nhà máy TNG Vồ Nhai	11.649.530.988	779.540.528
- Nhà máy TNG Sông Công	10.352.802.180	7.925.589.148
- Dự án nhà máy Việt Thái	7.057.512.479	9.379.286.230
- Nhà máy TNG Đại Từ	1.957.648.181	350.000.000
- Trung tâm thương mại Minh Cầu	324.948.482	1.147.308.921
- Dự án Trung tâm thời trang TNG	206.625.455	206.625.455
- Đầu tư máy móc thiết bị	95.366.000	6.959.700.107
- Dự án TNG Village	-	31.670.466.163
- Khác	2.137.489.764	821.748.184
	169.197.150.221	131.895.136.874

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay của các Dự án để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Các khoản đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái	771.150.000	-	771.150.000	-
Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG (i)	-	-	-	-
	771.150.000	-	771.150.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các khoản cam kết góp vốn với các công ty liên kết với chi tiết như sau:

Tên công ty liên kết	Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ theo đăng ký kinh doanh (%)	Số vốn đã góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (VND)	Số vốn cam kết còn lại (VND)
Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG (i)	300.000.000.000	49	-	147.000.000.000

(i) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH YKK Việt Nam	21.103.503.988	21.103.503.988	27.355.908.436	27.355.908.436
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Việt Nam	9.920.657.384	9.920.657.384	3.405.458.640	3.405.458.640
Công ty Unitex International Button Accessories Co., Ltd.	8.331.740.570	8.331.740.570	8.386.704.556	8.386.704.556
Cty TNHH Sản xuất và Thương mại Trung Dũng	9.545.806.323	9.545.806.323	7.348.179.166	7.348.179.166
Các công ty khác	180.066.706.450	180.066.706.450	172.969.931.244	172.969.931.244
	228.968.414.715	228.968.414.715	219.466.182.042	219.466.182.042

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.956.549.178	58.496.998.765	52.357.132.177	21.096.415.766
Thuế thu nhập cá nhân	1.343.209.746	14.148.396.716	14.255.863.058	1.235.743.404
Các khoản phải nộp khác	151.089.111	11.947.504.994	11.856.973.231	241.620.874
	16.450.848.035	84.592.900.475	78.469.968.466	22.573.780.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền lương phép trích trước	23.478.321.233	20.443.403.057
Lãi vay dự trả	4.520.299.656	1.550.498.968
Chi phí vận chuyển	1.738.489.333	831.218.458
Các khoản trích trước khác	4.835.387.007	2.393.088.596
	34.572.497.229	25.218.209.079

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận góp vốn đầu tư Dự án TNG Village	3.169.349.789	13.655.748.111
Kinh phí công đoàn	1.735.850.668	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.915.789.628	5.737.853.839
	13.820.990.085	19.393.601.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	885.923.478.927	885.923.478.927	3.887.773.741.095	3.870.401.167.795	903.296.052.227	903.296.052.227
Nợ dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh số 19)	144.942.210.285	144.942.210.285	148.503.436.105	145.949.237.629	147.496.408.761	147.496.408.761
	1.030.865.689.212	1.030.865.689.212	4.036.277.177.200	4.016.350.405.424	1.050.792.460.988	1.050.792.460.988

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn	903.296.052.227	885.923.478.927
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	445.711.551.257	538.069.479.257
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	426.028.658.421	329.920.509.390
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	19.160.820.562	17.383.440.280
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên (iv)	12.045.971.987	-
Khoản vay ngắn hạn khác (v)	349.050.000	550.050.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh số 19)	147.496.408.761	144.942.210.285
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	70.147.692.193	87.350.712.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	27.799.272.040	21.406.266.475
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	25.012.124.528	36.185.231.810
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	24.537.320.000	-
	1.050.792.460.988	1.030.865.689.212

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 07 tháng 10 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 1.000 tỷ VND (bao gồm cả vay VND và ngoại tệ quy đổi, số dư L/C trừ phần ký quỹ, số dư bảo lãnh) với lãi suất khoản vay được xác định theo từng lần giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được cầm cố, thế chấp của Công ty, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 10 tháng 9 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 500 tỷ VND (bao gồm cả vay VND và USD). Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng VND là 7,0%/năm, USD là 4,3%/năm và được xác định theo từng lần giải ngân sau thời điểm ký hợp đồng. Khoản vay có tài sản bảo đảm bảo là máy móc thiết bị may công nghiệp và thiết bị văn phòng; các công trình trên đất của Công ty; 04 máy thu tự động; công trình và vật kiến trúc gắn liền với đất tại Khu B Khu Công nghiệp Sông Công, hàng hóa luân chuyển và quyền phải thu phát sinh từ hợp đồng kinh tế của Công ty mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tài trợ vốn.

(iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên, theo Hợp đồng ngày 09 tháng 4 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo thông báo lãi suất của bên cho vay tại từng thời điểm giải ngân. Khoản vay được đảm bảo, thế chấp bằng máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị cho nhà máy TNG Phú Bình và TNG Sông Công, và Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014 theo hợp đồng thế chấp số 210/18/HĐTC/TN ngày 18 tháng 6 năm 2018, tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2019 theo Hợp đồng thế chấp số 86/19/HĐTC/TN ngày 09 tháng 4 năm 2019 và các khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 87/19/HĐTC/TN ngày 09 tháng 4 năm 2019.

(vi) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - chi nhánh Thái Nguyên, theo Hợp đồng ngày 14 tháng 10 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND. Lãi suất cho từng khoản tín dụng được quy định cụ thể trong từng lần giải ngân.

(v) Khoản vay ngắn hạn khác từ cán bộ công nhân viên của Công ty với kỳ hạn không quá 12 tháng.

19. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	373.583.328.585	373.583.328.585	176.410.130.298	157.421.923.554	392.571.535.329	392.571.535.329
Trái phiếu thường (Chi tiết tại thuyết minh số 20)	-	-	136.000.000.000	-	136.000.000.000	136.000.000.000
	373.583.328.585	373.583.328.585	312.410.130.298	157.421.923.554	528.571.535.329	528.571.535.329
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng		144.942.210.285			147.496.408.761	
- Số phải trả sau 12 tháng		228.641.118.300			381.075.126.568	

19. VAY DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	137.997.280.123	104.980.862.635
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	111.713.965.473	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	93.487.215.280	183.853.393.859
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên (iv)	49.373.074.453	84.749.072.091
	392.571.535.329	373.583.328.585

(i) Vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015/469075/HĐTD ngày 04 tháng 12 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức tín dụng là 112,75 tỷ VND để phục vụ nhu cầu đầu tư xây dựng Trung tâm Thiết kết Thời trang TNG của Công ty. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho vay giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất hiện tại đối với khoản vay bằng VND là 11%/năm và với các khoản vay bằng USD là 6,8%/năm (lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần). Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc và tài sản hình thành từ Dự án để đảm bảo cho các khoản vay.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/469075/HĐTD ngày 03 tháng 4 năm 2017 với tổng hạn mức tín dụng là 32.681.000.000 VND, mục đích để đầu tư dự án Nhà máy sản xuất Bông của Công ty. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân khoản vay đầu tiên cho Công ty. Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi suất cho vay hiện tại đối với khoản vay bằng VND là 11,5%/năm và với các khoản vay USD là 6,8%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Bông của Công ty và tất cả các biện pháp bảo đảm được ký kết giữa Công ty với ngân hàng bao gồm hợp đồng tín dụng này.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2018/469075/HĐTD ngày 10 tháng 9 năm 2018 với tổng hạn mức tín dụng là 1.327.591 USD và 3,92 tỷ VND để thực hiện Dự án Đầu tư máy móc thiết bị 6 tháng cuối năm 2018 của Công ty. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho vay giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng là 11,5%/năm đối với khoản vay bằng VND và 7,2%/năm đối với các khoản vay bằng USD. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Đầu tư máy móc thiết bị trong 6 tháng cuối năm 2018 của Công ty.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 02/2019/46975/HĐTD ngày 10 tháng 06 năm 2019 với tổng hạn mức tín dụng là 187.667.000.000 VND để đầu tư dự án Nhà máy may TNG Đồng Hỷ. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Bên cho vay giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay hiện tại đối với khoản vay bằng VND là 11,5%/năm và với các khoản vay USD là 7,0% và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án đầu tư Nhà máy may Đồng Hỷ của Công ty.

(ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 94/19/HĐTD/TN ngày 09 tháng 4 năm 2019 với tổng hạn mức tín dụng là 130 tỷ VND, để đầu tư tài sản cố định. Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định theo từng lần giải ngân. Khoản vay được đảm bảo, thế chấp bằng máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị cho nhà máy TNG Phú Bình và TNG Sông Công, và Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014 theo hợp đồng thế chấp số 210/18/HĐTC/TN ngày 18 tháng 6 năm 2018, tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2019 theo Hợp đồng thế chấp số 86/19/HĐTC/TN ngày 09 tháng 4 năm 2019 và các khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 87/19/HĐTC/TN ngày 09 tháng 4 năm 2019.

(iii) Vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm:

- Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng còn hiệu lực với tổng hạn mức tín dụng 223 tỷ VND, dùng để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất bông cho chi nhánh Bông thuộc tổ hợp nhà máy may tại Khu B Khu công nghiệp Sông Công, đầu tư Dự án Mở rộng năng lực sản xuất của nhà máy TNG Đại Từ, và Dự án Cải tạo hệ thống thiết bị và nâng cấp đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản toàn Công ty. Lãi suất hiện tại đối với khoản vay bằng VND từ 10,5%/năm – 11,5%/năm và với các khoản vay bằng USD từ 4,5%/năm – 7,5%/năm (lãi suất thả nổi điều chỉnh 01 tháng/lần). Các khoản vay được đảm bảo bằng hệ thống dây chuyền sản xuất bông được lắp đặt tại chi nhánh Bông - Khu B Khu công nghiệp Sông Công và tài sản hình thành từ vốn vay của các Dự án.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 300065363/2017-HĐCVNT/NHCT220-TNG ngày 27 tháng 7 năm 2017 với tổng hạn mức tín dụng 33 tỷ VND để thanh toán các chi phí tài trợ cho Dự án Đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn II năm 2017. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân khoản vay đầu tiên cho Công ty. Lãi suất áp dụng hiện tại là 9,5%/năm đối với các khoản vay bằng VND và 6,5%/năm đối với các khoản vay bằng USD. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của Dự án.

(iv) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo các hợp đồng tín dụng còn hiệu lực với tổng hạn mức tín dụng 3.324.900 USD và 19.612.742.199 VND. Mục đích khoản vay để thanh toán L/C theo phương án mở L/C căn cứ vào hợp đồng nhập khẩu máy móc, thiết bị ngành may mặc và thanh toán tiền mua hàng nội địa. Lãi suất vay được áp dụng lãi suất thả nổi, ngày điều chỉnh lãi suất và kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ phương án bao gồm máy móc thiết bị ngành may mặc chi tiết theo từng hợp đồng mua sắm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	147.496.408.761	144.942.210.285
Trong năm thứ hai	81.562.921.990	117.058.559.462
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	299.512.204.578	111.582.558.838
	528.571.535.329	373.583.328.585
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	147.496.408.761	144.942.210.285
Số phải trả sau 12 tháng	381.075.126.568	228.641.118.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

20. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Trái phiếu thường

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Lãi suất %/Năm	Giá trị VND	Lãi suất %
Trái phiếu riêng lẻ	136.000.000.000	11,50	-	-
	136.000.000.000			

Theo Nghị quyết số 2181/2019/TNG-NQHĐQT ngày 03 tháng 10 năm 2019 và hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 21 tháng 10 năm 2019, Công ty phát hành 136 trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo và không kèm theo chứng quyền với mệnh giá là 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày phát hành là ngày 25 tháng 10 năm 2020, lãi suất 11,5%/năm cho toàn bộ kỳ hạn trái phiếu. Mục đích phát hành trái phiếu là để tăng quy mô vốn hoạt động và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của doanh nghiệp. Sau 12 tháng kể từ ngày phát hành, Công ty có quyền mua lại toàn bộ hoặc một phần số trái phiếu đang lưu hành.

Trái phiếu chuyển đổi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Lãi suất %/Năm	Giá trị VND	Lãi suất %
Trái phiếu chuyển đổi	165.000.000.000	4,80	200.000.000.000	4,80
	165.000.000.000		200.000.000.000	

Trái phiếu chuyển đổi được phát hành vào ngày 12 tháng 12 năm 2018 với tổng số lượng là 200 trái phiếu, mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm với lãi suất 4,8%/năm tại ngày phát hành và có điều chỉnh theo tỷ giá từng kỳ tính lãi, trả lãi 3 tháng/lần, trả gốc cuối kỳ.

Sau một năm kể từ ngày phát hành đến trước hai tháng đảo hạn, Trái chủ có quyền chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần số lượng trái phiếu đã phát hành thành Cổ phiếu của Công ty với giá chuyển đổi tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi là 13.800 VND/cổ phiếu và có thể được điều chỉnh theo cơ chế quy định trong hợp đồng. Cổ phiếu được phát hành cho việc chuyển đổi là cổ phiếu phổ thông của Công ty và sẽ được niêm yết bổ sung sau khi chuyển đổi. Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ các trái phiếu đã phát hành trước hạn và có đồng lớn nhất có quyền mua lại 10% trái phiếu theo các quy định cụ thể trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	411.172.910.000	30.575.475.123	-	55.419.591	50.955.069.016	21.486.544.468	115.021.928.873	629.267.347.071						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	180.260.470.141	180.260.470.141						
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	5.870.592.868	11.501.510.287	(28.873.613.442)	(11.501.510.287)						
Chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu	82.228.890.000	(55.000.000)	-	-	-	-	(82.228.890.000)	(55.000.000)						
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(3.906.907.430)	(3.906.907.430)						
Số dư đầu năm nay	493.401.800.000	30.520.475.123	-	55.419.591	56.825.661.884	32.988.054.755	180.272.988.142	794.064.399.495						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	230.111.112.269	230.111.112.269						
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2018 (i)	-	-	-	-	50.508.323.971	9.013.023.507	(68.534.370.985)	(9.013.023.507)						
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (i)	-	-	-	-	-	-	(8.111.721.156)	(8.111.721.156)						
Chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu (ii)	103.608.090.000	-	-	-	-	-	(103.608.090.000)	-						
Phát hành cổ phiếu ESOP năm 2018 (ii)	24.670.090.000	-	-	-	-	-	-	24.670.090.000						
Phát hành cổ phiếu chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi (iii)	30.434.780.000	4.565.220.000	-	-	-	-	-	35.000.000.000						
Số dư cuối năm nay	652.114.760.000	35.085.695.123	-	55.419.591	107.333.985.855	42.001.078.262	230.129.918.270	1.066.720.857.101						

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 859/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2019, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng bổ sung vốn lưu động, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát với số tiền lần lượt là 50.508.323.971 VND, 9.013.023.507 VND, 9.013.023.507 VND và 8.111.621.156 VND.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 859/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2019, trong năm, Công ty đã trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:2 với số lượng phát hành thêm là 10.360.809 cổ phiếu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2018 với số lượng cổ phần phát hành là 2.467.009 cổ phiếu. Ngày 04 tháng 7 năm 2019, Công ty đã thực hiện sửa đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với vốn điều lệ là 621.679.980.000 VND.
- (iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 859/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt phương án chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi phát hành theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2018 thành cổ phiếu theo yêu cầu của trái chủ. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2433/NQHĐQT-TNG ngày 30 tháng 10 năm 2019 đã thông qua việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 12 tháng 12 năm 2018 thành cổ phần phổ thông. Ngày 12 tháng 12 năm 2019, Công ty đã phát hành 3.043.478 cổ phần phổ thông mệnh giá 10.000 VND/cổ phần cho trái chủ dưới hình thức phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu với giá phát hành là 11.500 VND/cổ phần. Theo đó, tổng số trái phiếu chuyển đổi đã phát hành theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2018 còn lại là 165 trái phiếu (tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 165 tỷ VND), giảm 35 trái phiếu (tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 35 tỷ VND).

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	65.211.476	49.340.180
Cổ phiếu phổ thông	65.211.476	49.340.180
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (*)	65.211.476	49.340.180
Cổ phiếu phổ thông	65.211.476	49.340.180

(*) Gồm 4.685.272 cổ phiếu phổ thông bị hạn chế chuyển nhượng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	7.144.784	400.911

Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty The Children's Place - Disney Store	1.476.984.012	-
Công ty Gama OB	1.103.895.250	-
Công ty Steve & Berrys	653.562.659	-
Công ty Buda Bean	599.415.428	-
Tập đoàn Resources Việt Nam	593.781.199	-
Các đối tượng khác	718.297.423	-
	5.145.935.971	-

Trong năm 2019, Công ty đã tiến hành xóa nợ cho các khoản nợ khó đòi đã trích lập dự phòng 100% từ các năm trước.

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty chủ yếu thực hiện tại số 434/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm may mặc (xuất khẩu và bán nội địa). Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 25.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	2.727.514.538.176	1.906.375.098.096
Doanh thu gia công	1.688.255.787.888	1.572.316.900.873
Doanh thu bán sản phẩm thời trang	159.745.373.564	134.204.997.976
Doanh thu kinh doanh bất động sản	42.026.077.481	-
	4.617.541.777.109	3.612.896.996.945
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	5.318.041.517	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.612.223.735.592	3.612.896.996.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán	2.561.139.119.825	1.576.492.156.712
Giá vốn gia công	1.104.001.862.119	1.331.009.806.569
Giá vốn sản phẩm thời trang đã bán	118.154.213.970	64.418.399.028
Giá vốn bất động sản đã bán	42.022.322.576	-
	3.825.317.518.490	2.971.920.362.309

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.163.903.057.207	1.561.448.214.907
Chi phí nhân công	1.479.423.163.797	1.280.360.936.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	129.423.455.724	112.871.622.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.388.323.295	161.937.274.595
Chi phí khác bằng tiền	272.442.758.857	284.877.345.533
	4.250.580.758.880	3.401.495.393.915

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	517.419.195	28.310.410
Lãi chênh lệch tỷ giá	20.557.321.967	27.679.252.605
	21.074.741.162	27.707.563.015

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	101.227.715.040	91.500.188.015
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.360.047.816	44.692.993.758
Chi phí tài chính khác	20.812.671.949	-
	136.400.434.805	136.193.181.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	165.259.171.882	143.225.544.684
Chi phí nguyên liệu vật liệu	4.860.580.895	4.888.735.304
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.256.271.356	7.290.750.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.454.771.233	1.106.446.637
Chi phí khác bằng tiền	70.496.873.888	54.952.684.326
	249.327.669.254	211.464.161.901
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	19.442.079.850	15.802.299.241
Chi phí nguyên liệu vật liệu	12.570.714.711	11.922.401.023
Chi phí vận chuyển	14.953.589.741	14.731.380.421
Chi phí xuất nhập hàng	19.088.429.972	11.431.808.314
Chi phí bán hàng khác	64.057.281.720	47.911.949.831
	130.112.095.994	101.799.838.830

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	52.634.111.936	34.046.549.178
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (i)	5.862.886.829	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	58.496.998.765	34.046.549.178

(i) Trong năm, Công ty ghi nhận và kê khai bổ sung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ năm 2016 đến năm 2018 của chi nhánh TNG Đại Từ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	288.608.111.034	214.307.019.319
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	7.322.925.217	10.880.906.164
<i>Cộng:</i> Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.322.925.217	10.880.906.164
Thu nhập chịu thuế	295.931.036.251	225.187.925.483
Thuế suất	0% và 20%	0%, 15% và 20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.937.411.936	34.307.549.178
Trừ: Chi phí cho lao động nữ	(303.300.000)	(261.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	52.634.111.936	34.046.549.178

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) (ii) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	230.111.112.269	180.260.470.141
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (i)	-	(17.124.744.663)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	230.111.112.269	163.135.725.478
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	61.902.192	59.700.989
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.717	2.733

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận năm 2019 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2019, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm 2019 sẽ giảm đi tương ứng.

(ii) Số liệu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2018 được trình bày lại chủ yếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và ảnh hưởng của việc trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu thực hiện trong năm 2019, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh so với số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	180.260.470.141	-	180.260.470.141
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (i)	-	(17.124.744.663)	(17.124.744.663)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	180.260.470.141	(17.124.744.663)	163.135.725.478
Số cổ phiếu bình quân gia quyền (cổ phiếu)	49.340.180	10.360.809	59.700.989
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.653		2.733

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	230.111.112.269	163.135.725.478
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng (Trái phiếu chuyển đổi) (Cổ phiếu)	6.336.000.000	427.051.811
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	236.447.112.269	163.562.777.289
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	61.902.192	59.700.989
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng (cổ phiếu)	11.956.522	794.123
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cổ phiếu)	73.858.714	60.495.112
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.201	2.704

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	18.508.150.608	12.257.980.347
	18.508.150.608	12.257.980.347

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 31.375.248.834 VND (năm 2018 là 16.571.721.028 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tạm ứng cổ tức năm 2019

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 55/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 01 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt Phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 bằng tiền mặt với mức chi trả là 8% mệnh giá/cổ phiếu (tương ứng với 800 đồng/cổ phiếu) với ngày đăng ký chốt quyền là ngày 21 tháng 02 năm 2020 và ngày thanh toán là ngày 06 tháng 3 năm 2020.

Niêm yết bổ sung cổ phiếu từ trái phiếu chuyển đổi

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán cho đợt phát hành cổ phiếu từ trái phiếu chuyển đổi ngày 12 tháng 12 năm 2019 như trình bày ở thuyết minh số 21. Ngày 25 tháng 02 năm 2020, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cho Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu từ đợt phát hành này.

Giao dịch mua bán trái phiếu chuyển đổi

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, Ông Nguyễn Văn Thời – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty (“Bên đăng ký mua”) đã đăng ký mua lại 10 trái phiếu chuyển đổi với tổng giá trị theo mệnh giá là 10 tỷ đồng của Công ty từ Quỹ Asam Vietnam Mezzanine Focus Hedge Fund 1 - Tổ chức có liên quan tới thành viên HĐQT ông Kim Hwan Kyoon. Asam Vietnam Mezzanine Focus Hedge Fund 1 (“Bên đăng ký bán”) đã đăng ký bán 10 trái phiếu chuyển đổi tương ứng với đăng ký mua này. Các Bên đăng ký mua và Bên đăng ký bán đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục liên quan đến giao dịch chuyển nhượng trái phiếu chuyển đổi này.

Ảnh hưởng COVID-19

Do ảnh hưởng của những diễn biến dịch bệnh COVID-19, ngành nghề hoạt động của Công ty đang có các rủi ro về sự biến động thị trường dè dặt. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường bởi ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 và do đó ảnh hưởng đến Công ty là có thể có. Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang thận trọng theo dõi và đánh giá ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đối với hoạt động của Công ty trong năm 2020.

Tạ Thị Thu Hương
Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Lương Thị Thúy Hà
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

TNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

434/1 Bắc Kạn - Thành Phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

+84 2083 858 508 | info@tng.vn | www.tng.vn

